

DC870
K600S

NGUYỄN XUÂN DU

*Ký sự
một thời
cầm súng*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
1999



NGUYỄN XUÂN DU

(tự Tám Cảnh)

Sinh năm 1927

Nguyên Chủ tịch
UBND Tỉnh,
Bí thư Tỉnh uỷ
Lâm Đồng

Nguyên phái viên
Trung ương Đảng
và Chính phủ khu
vực miền Trung,
Tây Nguyên

KÝ SỰ
MỘT THỜI CẦM SÚNG

NGUYỄN XUÂN DU

*Ký sự
một thời
cầm súng*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI - 1999

Mã số $\frac{V24}{DT-98}$ 99/648^b-c

THAY LỜI TỰA

Anh Tám Cảnh (Nguyễn Xuân Du) vừa đưa cho tôi đọc tập bản thảo cuốn hồi ký của anh. Nhìn tập bản thảo hơi dày, thú thật lúc đầu tôi cũng thấy ngại ngại, chỉ định đọc lướt qua, nhưng rồi dần dần bị hút vào những trang giấy cộm cộm sức sống, sáng chói những hình ảnh cao đẹp. Có thể nói đây là một bức tranh toàn cảnh đậm nét của những năm chiến tranh vô cùng ác liệt ở miền Cực Nam Trung Bộ và vùng núi Nam Tây Nguyên. Mảng màu nổi bật lên trên bức tranh này là sự gắn bó máu thịt giữa nhân dân với Đảng. Sống trong vùng kìm kẹp của giặc, nhưng nhân dân vẫn hướng về Đảng, về Bác Hồ với niềm tin tưởng sắt đá. Trong một thời gian nào đó, ở một số nơi nào đó, bị địch khủng bố dữ dội, phong trào có tạm thời bị lắng xuống, nhưng cũng như đồng than hồng gặp trời mưa to, lửa chỉ tắt ở bên ngoài, bên trong vẫn âm ỉ cháy, có người khơi lên, thì ngọn

lửa lại bùng cháy rực rỡ. Người khơi ngọn lửa ấy là cán bộ của Đảng, của Mặt trận. Người cán bộ luôn có tấm lòng thương dân, yêu nước, không bao giờ mất niềm tin vào dân, không bao giờ rời dân. Trong những năm đêm tối, khó khăn nhất, họ vẫn luôn cùng dân, đồng cam cộng khổ, ăn đói, mặc rét để nhen lên ngọn lửa cách mạng thần kỳ bùng sáng khắp núi rừng, ruộng đồng, nương rẫy. Chỉ cần đọc mấy dòng tâm sự sau đây của người cán bộ Tám Cảnh, sau khi dịch lửa hơn 4.000 dân vào ấp tân sinh Bắc Ruộng, thì cũng thấy rõ điều ấy: “Cán bộ, đảng viên còn lại ở với dân ruột rời như tơ vò, nhớ thương đồng bào bị dịch bắt lửa vào trại tập trung, phải sống cảnh màn trời chiếu đất, ốm đau, đói khát...” và “Nhân dân ở lại bất hợp tác với giặc hiện nay là những người đã quyết tâm theo Đảng chống Pháp và vẫn một lòng chung thủy với Đảng trong 5 năm đấu tranh thi hành hiệp định Giơ - ne - vơ. Ta là người thay mặt Đảng, phải lo cho dân, nay dân lâm vào cảnh nhà tan cửa nát, tính mạng như ngàn cân treo sợi tóc, phải làm thế nào để cứu được dân thoát khỏi nanh vuốt của kẻ thù. Đã hơn 5 năm được dân đùm bọc, cứu mang, nay dịch đến bất họ đi, ta khoan tay ngồi nhìn được sao? Ở đây rừng núi hiểm trở, có địa thế thuận lợi mà lại

để địch gom hết dân vào khu tập trung thì thật là có lỗi với dân”.

Phải cứu dân, cứu đồng bào! Đó là mệnh lệnh trái tim của tất cả cán bộ, đảng viên. Và mệnh lệnh ấy không lâu sau đã được thể hiện bằng chủ trương của Tỉnh ủy: phá khu tập trung Bắc Ruộng, đưa dân về núi làm ăn. Việc phá khu tập trung của địch không khó khăn gian khổ bằng việc đưa dân về núi. Hãy nghe anh Tám Cảnh kể: “... Chúng tôi đứng giữa làn sóng người từ bỏ khu tập trung kéo về núi như biển cả, người người, lớp lớp kéo đi, bỗng bẻ nhau trào lên núi Dăng Bách, trông như con rồng lửa chạy ngược lên núi. Không ai bảo ai, họ đều đốt đuốc sáng cả một vùng trời. Họ tự động tổ chức đi từng buôn có sự sắp xếp từng gia đình, có gia đình từ 5 đến 8 con, tay bồng tay dắt, có chị dùng chiếc xà bõ bỏ luôn ba cháu vào trong, công lên núi, có xóm thay phiên nhau mang cả ông bà già đi... Trên đường về phải vượt qua trăm núi ngàn khe, dưới trời mưa tầm tã như trút nước, đường trơn như mỡ. Lại phải hai lần qua sông, nước lũ đổ về ào ào như thác, phải suốt đêm bắc cầu mà đi. Cứ như thế suốt 75 tiếng đồng hồ liên, vượt lũ trào dào, dầm mưa dãi nắng, đi trên 100 cây số đường rừng, trong khi

địch đuổi ở đằng sau". Thật chẳng khác gì cảnh Lưu Bị cho quân bảo vệ bá tánh cùng đi trong trận Dương Dương trường bản...

Trong cuốn hồi ký của mình, qua những sự việc cụ thể, anh Tám Cảnh còn cho người đọc thấy rõ chính sách đúng đắn của Đảng, của Mặt trận: đoàn kết các dân tộc, tranh thủ những người ở các tầng lớp trên, khoan dung đối với những kẻ lầm lạc, mở cho họ con đường về với cách mạng. Tất cả những cái ấy đã tạo thành sức mạnh của toàn dân để đưa cách mạng từng bước tiến lên cho đến ngày hoàn toàn thắng lợi.

Tôi nghĩ đây là một tập hồi ký hay, cần được phổ biến rộng rãi để giáo dục truyền thống cho nhân dân, nhất là cho lớp thanh niên mới lớn lên sau ngày giải phóng, để họ suy ngẫm về cách sống của mình và sống sao cho xứng đáng với cha anh, xứng đáng với đất nước đã cho họ có ngày hôm nay.

Xin cảm ơn anh Tám Cảnh.

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 1998

HỌC PHI

Giải thưởng Hồ Chí Minh

LỜI MỞ ĐẦU

Cuộc chiến đấu chống xâm lược Pháp, Mỹ của dân tộc Việt Nam ta là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp nhưng rất đổi anh hùng.

Tôi được vinh dự lớn: Sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết năm 1954, cấp trên bố trí tôi và một số đồng chí ở lại với dân, bám dân, bám đất, bám chiến trường Cực Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên, cùng các dân tộc, cùng nhân dân miền Nam đấu tranh đòi Mỹ - Diệm phải thi hành nghiêm chỉnh hiệp định Giơ-ne-vơ, hiệp thương tổng tuyển cử, hòa bình thống nhất đất nước.

Lịch sử 9 năm đấu tranh chống Pháp xâm lược và 21 năm chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đã được ghi rõ trong nhiều bộ lịch sử truyền thống của Trung ương và địa phương, đơn vị.

Tôi viết quyển sách này nhằm mục đích ghi lại về phần mình một số sự kiện của địa phương Lâm Đồng (cũ) trong phạm vi nhỏ hẹp, những việc làm cụ thể

mà tôi có tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp chứng kiến nhằm lưu lại để lực lượng cách mạng của từng địa phương đang tiếp tục sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc có những tư liệu tham khảo về những việc đã qua và có trách nhiệm trong thời gian sắp tới với truyền thống "nồng nước nhớ nguồn".

Những sự kiện được ghi lại trong quyển sách này là những tư liệu về người thật, việc thật được ghi chép, lưu giữ trong mỗi cá nhân và trong tâm khảm của một số đồng chí cùng sống, cùng chiến đấu trên địa bàn đã tham gia đóng góp.

Dù sao, vì không quen viết văn, thời gian qua đã lâu, nhiều tư liệu bị thất lạc, trí nhớ con người có hạn, tôi không làm sao nhớ hết hoặc nhớ đầy đủ nên chưa phản ánh được tuyệt đối chính xác, khúc chiết cuộc đấu tranh mà đồng bào, đồng chí đã hoạt động trong các lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận lúc bấy giờ.

Rất mong bạn đọc thông cảm và xin được bổ sung những điều còn thiếu sót. Tôi sẵn sàng tiếp nhận và chỉnh lý khi có điều kiện cho phép.

Đà Lạt, Xuân Kỷ Mão (1999)

TÁC GIẢ

PHẦN I

THỜI KỲ CHỐNG PHÁP

SƠ LƯỢC HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH

Tôi sinh trưởng trong một gia đình thợ thủ công truyền thống (thợ dệt lụa) ở nông thôn; đằng cha ba đời làm thợ dệt tơ lụa, đằng mẹ có nghề nữ công, may mặc thủ công kết hợp với buôn bán nhỏ ở nông thôn.

Về gia đình tộc họ, lúc nhỏ tôi được cha mẹ kể lại: Thời Cần Vương, ông nội là đội trưởng hoạt động trên đất Phú Lạc (An Khê), sau về trú ở đất Lương Tài. Ông nội có đến 6 người vợ. Cha tôi là con bà nội thứ 6. Cha tôi vốn xuất thân trong một gia đình nghèo, nhưng lại là con cùng cha khác mẹ, thuộc con út. Khi xây dựng gia đình, ba về ở với má tôi cũng là con gái út của bà ngoại, nên tài sản chẳng có chi, sống bằng nghề dệt tơ lụa thủ công. Địa vị xã hội của cha mẹ tôi tuy nghèo, nhưng xóm làng mến mộ, cha tôi được cử làm hương mục thuộc hàng ngũ hương. Cha tôi lại là người ở ngụ làng Hòa Quang, việc tham gia ngũ hương chỉ là có vị.

Lúc tuổi còn nhỏ, tôi theo học chữ Hán trong 4 năm. Khi mẹ đau bệnh, trong 3 năm tôi phải nuôi mẹ và các em. Mười

sáu tuổi, mẹ mất sớm, gia đình khó khăn chỉ lo cho anh thứ hai đi học, tôi phải lo việc nội trợ, không được tiếp tục đến trường nên phải tự học và học lại chương trình của anh.

Năm 1940, tôi thi đậu sơ học yếu lược trường tổng. Năm 1946 tôi được bạn thân bồi dưỡng, đăng ký thi đậu tiểu học âm khoa dưới chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa nhưng chỉ được cấp chứng chỉ, không có văn bằng.

NHỮNG NGÀY ĐẦU THAM GIA CÁCH MẠNG

Tháng 4/1945, Mặt trận Việt Minh tổ chức bí mật vận động tôi vào đội Thanh niên xung phong với danh nghĩa bên ngoài là toán trưởng thanh niên Phan Anh tổ chức trên địa bàn xã.

Khi cướp chính quyền, tôi là vận động viên phát triển đoàn Thanh niên cứu quốc và được bầu làm bí thư Thanh niên cứu quốc xã đoàn Đồng Tâm. Tôi cũng là hội viên Mặt trận Việt Minh, được bầu làm Phó chủ nhiệm Ủy ban Mặt trận Việt Minh xã Đồng Tâm và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 3 năm 1948.

Ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), theo lời kêu gọi của Tổ quốc, tôi xung phong đi tòng quân 2 lần nhưng không được trúng tuyển vì ốm yếu, không đủ tiêu chuẩn. Tôi ở lại địa phương tiếp tục công tác theo nhiệm vụ và tham gia tích cực phong trào diệt dốt với nhiệm vụ là giáo viên bình dân học vụ diệt trừ giặc dốt ở xã.

BƯỚC THỬ THÁCH Ý CHÍ QUYẾT TÂM CỦA TUỔI TRẺ

Đầu năm 1949, Khu ủy khu 5 có quyết định điều động cán bộ, đảng viên tăng cường cho vùng tạm bị chiếm phát triển phong trào du kích chiến tranh trong vùng địch hậu, chuẩn bị tạo thế và lực sẵn sàng tổng phản công, tôi là người đầu tiên trong cấp ủy xung phong nhận nhiệm vụ này thay cho đồng chí bí thư Xã ủy Phước Quang, trong hoàn cảnh vợ mới cưới hơn một năm, cha vừa mất.

Trước khi nhận công tác cụ thể, tôi được Khu ủy điều đi học Trường đào tạo cán bộ sơ cấp để tăng cường cho hướng chiến lược Tây Nguyên trong 3 tháng ở An Thường (Hoài Ân). Sau khi ra trường, tôi được phép về thăm gia đình, cả đi và về 7 ngày, theo công lệnh được đi tàu hỏa từ Bồng Sơn về Bình Định.

Có thể nói lần đi phép về thăm gia đình sau 3 tháng học tập lại là lần đầu tiên trên con đường rèn luyện thử thách quá trình công tác và chiến đấu sau này.

Con đường từ Bồng Sơn về quê Phước Quang trên 70 cây số, do tàu lửa lúc này bị bộ đội Nam Tiến trưng dụng, hẹn “đêm mai” mãi nhưng tôi chờ 3 ngày đêm vẫn không đi được, đành rủ nhau đi bộ từ Bồng Sơn về thành Bình Định.

Đây là cuộc đi bộ cấp tốc vì giấy phép chỉ còn 4 ngày nữa. Nếu lần này đi nhận công tác luôn thì chưa biết lúc nào có thể về được hoặc sau 3 năm theo tinh thần quyết định điều động. Nếu chết đi thì gia đình không rõ mình đi đâu, làm gì,

còn chưa lường sức mình có đi nổi 70 cây số không? Cuối cùng, đoàn cán bộ gần 80 anh em được về phép rủ nhau quyết định đi bộ trong đêm, bắt đầu 20 giờ ngày 18.8.1949 xuất phát. Chúng tôi đi suốt đêm, chỉ dừng lại quán bà Quế ở Phù Mỹ lúc 2 giờ sáng hôm ấy để ăn một tô bánh canh tôm, nghỉ 15 phút lại đi tiếp đến Bình Định lúc 7 giờ sáng ngày 19/8/1949. Từ thành cũ Bình Định về quê tôi 7 cây số, tôi về nhà vừa đúng 9 giờ.

Cái gì đã tạo ra sức mạnh đi bộ 12 giờ liền không nghỉ trên 70 cây số đường trường với tuổi 22 gầy ốm lúc bấy giờ?

Có phải đó là lần đầu tiên đi xa gia đình 3 tháng liền học ở trường A-ma Sao (Tây Nguyên), khi ra đi có một kỷ niệm riêng tư đối với người vợ mới cưới chưa được thông cảm và có lời dằn dò lúc tối lửa tắt đèn. Nếu lần này học xong, nhận nhiệm vụ đi luôn không về được, sự việc diễn ra không phải chỉ 3 năm như quyết định điều động mà cuộc chiến đấu kéo dài đến 26 năm như trong thực tế, thì thật sự có lỗi với gia đình, không nghĩa không tình với người vợ trẻ thơ ngây.

Tuy thời gian tổ chức khu 5 cho đi phép thăm gia đình trước khi vào vùng địch hậu trong vòng một tuần lễ là hết sức thúc bách, phương tiện giao thông đối với vùng tự do độc nhất chỉ có tàu lửa chạy đêm nhưng liên tục bị quân sự trưng dụng ở thời chiến, tôi và một số anh em ở xa đành phải đi bộ khứ hồi 140 cây số nhưng vẫn phấn đấu và phấn khởi chấp hành đúng công lệnh.

Đúng là lần đầu tiên thử thách ý chí quyết tâm và quyết

chiến, quyết thắng của người đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương lúc bấy giờ, vừa là sự rèn luyện sức chịu đựng của cá nhân, đảm bảo suốt quá trình chiến đấu và chiến thắng. Tiếp theo trong 26 năm liên tục sống trong vùng địch hậu cùng với đồng bào dân tộc Nam Tây Nguyên, Cục Nam Trung Bộ trong thời kỳ chống Pháp và 21 năm đánh Mỹ trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, tôi đã cùng tập thể tham gia xây dựng địa phương, góp phần nhỏ bé của mình cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực hiện chính sách của Đảng với nghĩa trả ơn đền đối với đồng bào, đồng chí, nhân dân các dân tộc địa phương.

TỪ NAM TRUNG BỘ ĐẾN CỤC NAM TÂY NGUYÊN

Từ vùng tự do khu 5 (Nam Trung Bộ) vào vùng tạm bị chiếm Cục Nam Tây Nguyên là đoạn đường đầy máu và nước mắt, là đoạn đường thử thách giữa cách mạng và cơ hội, giữa sống và chết, giữa 2 tuyến địch và ta... Đó là cuộc sống tương đối ấm no, tự do thoải mái với gia đình ta làm chủ ở vùng tự do khu 5, bên kia Núi Hiêm - Dốc Mỏ là vùng tạm chiếm của thực dân Pháp, đầy bom đạn, gian khổ và chết chóc với cảnh đói cơm lạt muối, cơm vắt bằng rừng, mưa tuôn thác đổ... Dù biết có hy sinh nhưng phải chấp nhận và chấp nhận vì lòng yêu nước, chí căm thù giặc cướp nước và bẻ gãy tay sai bán nước.

Chặng đường từ Phú Yên vào Khánh Hòa, qua Ninh Thuận, Bình Thuận đến Lâm Đồng (Đồng Nai Thượng và Lâm Viên) là một chặng đường dài phải phấn đấu vượt qua

gian khổ không sao ghi chép hết, may mà tôi có ghi lại mấy bài thơ trong sổ tay trên đường đi. Bài thơ *Nhớ chiều* viết ở núi Hạ Bằng (Phú Yên) chiều ngày 15/5/1950 và bài thơ *Đường lên Dốc Mỏ* viết ngày 19/5/1950 trên đường dây từ Phú Yên đi Cực Nam. Hai bài thơ này đã đăng ở báo tường cơ quan Kinh tài Lâm Đồng đóng ở Ô Rô lúc bấy giờ.

NHỚ CHIỀU

*Chiều nay cây cỏ sống sờ
Bao la núi dựng, mịt mờ hơi sương
Nhìn quanh cảnh vật bốn phương
Nhịp nhàng theo bóng tà dương khuất dần
Riêng ta, ta đứng tần ngần
Mây trôi thấp thoáng nhớ lần xa xôi
Chiều xưa đã khuất đi rồi
Chiều nay nhớ lại biết bao nỗi niềm
Thoáng nghe tiếng nhạn về đêm
Nhạn ơi! cho gửi mối tình tri âm
Ta buồn, ta đứng, ta trông
Ta buồn, ta ngắm mênh mông giữa trời
Gió về xin gửi đôi lời
Xin cho "nhà" biết rằng tôi lên đường
Tuy tôi mang nặng tình thương
Tình nhà nợ nước, đoạn trường cam go
Dặn mình, mình sẽ hiểu cho
Giang sơn phải gánh, gay go phải làm*

Đời đau khổ không cam
Dòng núi lam đang đợi
Nay ta mau bước tới
Nỗi sự nghiệp ông cha
Ngày nào hát khải hoàn ca
Là ngày toàn thắng thì ta mới về
Lại về sống với đồng quê
Là ngày sum họp trọn thể với em.

ĐƯỜNG LÊN ĐỐC MỎ

Đường lên Đốc Mỏ thật cheo leo
Hai ruột tượng gạo vai luôn đeo
Lưng công ba lô treo lủng lẳng
Năm mươi ký tròn, ngược dốc treo.

Đường lên Đốc Mỏ, núi và dèo
Ai đã đến đây chết phải trào
Hổ báo, voi gầm nghe rừng rợn
Lạnh lùng, cây mặc áo đầy meo.

Đá chồng dựng ngược ngang đầu suối
Kẻ tựa, người leo dây lủng lơ
Vượn hú, chim kêu vang đỉnh núi
Trời chiều một một, ~~phía chiều chiều~~

THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÒNG ĐỊA CHÍ

DC. 456/15

*Ai qua Dốc Mỏ xin nhả gói
Vững chân bám đất, tay niu trời
Cánh giắc ngày ngày chẳng phải chơi!
Giắc thường phục kích, hổ gấu xoi! . . .*

*

Sau khi trở lại Khu ủy khu 5 trả phép, Ban tổ chức khu 5 tổ chức đoàn chúng tôi vào Lâm Đồng gồm 19 đồng chí, Khu ủy chỉ định tôi và anh Minh phụ trách đoàn. Trước khi đoàn lên đường, đồng chí Bùi San – lúc bấy giờ là Phó bí thư Khu ủy khu 5- đến thăm và nói chuyện, động viên, dặn dò, giao nhiệm vụ.

Sau hơn 10 ngày từ Bình Định vào đến Liên Hiệp Mỹ, Hòa Thịnh (Phú Yên), chúng tôi bắt đầu leo Dốc Mỏ. Do tình hình địch phục kích đánh đường dây liên lạc liên tục, đoàn chúng tôi phải nằm ở Liên Hiệp Mỹ chờ thông đường. Gạo và lương khô đã cạn, chúng tôi đành phải rút ra Hạ Bằng nghỉ, chuẩn bị thêm lương thực, thực phẩm, thuốc men, chờ thông đường sẽ vào lại.

Lần thứ 3, đoàn hành quân đến trạm Hóc Chim, gặp đoàn anh Huỳnh Thúc Tâm, anh Man Xăng từ Lâm Đồng ra cùng ngủ một đêm tại trạm. Sau khi nghe chúng tôi báo cáo tình hình, đoàn anh Tâm đề nghị tôi sắp xếp công việc giao cho anh Minh tiếp tục đưa đoàn vào. Còn tôi được đoàn anh Tâm chọn một trong hai đồng chí tạm thời trở lại Liên khu 5 giúp đoàn anh Tâm công tác 3 tháng rồi sẽ tổ chức đoàn khác vào luôn. Thế là tôi lại trở ra, mặc dù thâm tâm tôi không muốn

nhưng phải chấp hành.

Trong thời gian ra lại Liên khu 5, đoàn đưa anh em dân tộc gửi đi học ở Gia Kông và quan hệ với các cơ quan quân khu và Khu ủy 5 xin viện trợ vật chất cho Lâm Đồng...

Sau Tết Canh Dần, tôi được quyết định cùng tổ chức vào với đoàn cán bộ trung học bình dân gồm 63 đồng chí do đồng chí Hùng làm đoàn trưởng, có cả đồng chí Chế Đăng, Hà Tấn Linh (Tám Bích)... Liên khu 5 còn giao trách nhiệm cho đoàn áp tải 100 triệu đồng tín phiếu vào cho Ban cán sự Cực Nam, ngoài 45 kg lương thực, thực phẩm và đồ dùng cá nhân đi đường. Lần này tổ chức đường dây thông suốt nên đi 20 ngày là vào đến Tân Bình (thuộc địa phận khu Lê Hồng Phong, căn cứ kháng chiến chống Pháp của tỉnh Bình Thuận) nơi mà Ban cán sự Lâm Đồng tổ chức đón chúng tôi.

Đồng chí Lê Đình Thám - cán bộ Ban tổ chức Lâm Đồng, đồng chí Trần Sửu - Phó Ban kinh tài Lâm Đồng trực tiếp đón chúng tôi, nhận hồ sơ, giao nhận tín phiếu và chúng tôi nghỉ ở đây 2 ngày. Sau đó, chúng tôi nhận được thư Ban cán sự Lâm Đồng thăm hỏi và cho chủ trương đưa đoàn chúng tôi xuống nghỉ ở Triền và đơn vị an dưỡng ở Bình Thiện trong thời gian 2 tuần lễ, nghỉ dưỡng chờ Tỉnh phân công.

Lần đầu tiên sinh hoạt trên đất khu Lê Hồng Phong, các anh lãnh đạo Lâm Đồng cử cán bộ đến phổ biến tình hình, làm quen và tìm hiểu tâm tư nguyện vọng chúng tôi.

Trong 2 tuần lễ sống ở đây, cái thử thách đầu tiên là vấn đề nước. Hàng ngày mỗi người chỉ được sử dụng 5 lít, có

ngày hết nước, xe trâu không kịp chở, chỉ được 3 lít nhưng dành 1 lít để trong 1 tuần lễ có một lần tắm. Có lúc phải rửa mặt buổi sáng bằng nước sương đọng trên cành. Việc khó khăn về nước ở rừng Lê Hồng Phong, khi học ở trường các thầy có phổ biến trên lý thuyết và nước là một trong những cái khổ của vùng tạm bị chiếm, nhưng việc thu nhận của chúng tôi còn ở cảm tính đại cương. Nay lần đầu tiên thấy trực tiếp cái khổ diễn ra đủ điều và vào thực tế không có cái khổ nào giống cái khổ nào mà mình đã học.

Nước sinh hoạt là như vậy, nhưng ở Bình Thiện còn khó hơn mười lần so với ở Ô rô, Trại Mấu, khi tôi nhận công tác kinh tài mới hiểu sâu về nước ở vùng này. Trong 15 ngày ở Bình Thiện, thức ăn (mắm cá) không thiếu, nhưng gạo thì cực kỳ khó... Lúc đầu chúng tôi mới ở vùng tự do Liên khu 5 vào, đường đi vất vả, Ban cán sự Lâm Đồng chỉ thị cho Ban tài chính quản trị cho chúng tôi chế độ mỗi người mỗi ngày 2 lon sét sữa bò gạo, có trộn mì, còn anh em tất cả các cơ quan ở đây thì ăn mì khô trộn gạo. Thực ra ăn mì là chính, gạo để có chất dẻo dán mì mà thôi (gạo một mì mười), phương thức nấu là nấu mì chín, khi ăn rải một ít cơm trộn lại.

Tuy chúng tôi được ưu tiên ăn cơm (gạo nhiều mì ít) nhưng tuổi trẻ ăn gạo một ngày 500g là còn đói. Có lúc hết gạo, phải ăn gạo ở Liên khu 5 tiếp tế vào bằng ghe bầu, giặc phát hiện đuổi theo đến gần bờ, anh em liệng gạo xuống nước để giấu tạm, sau vớt lên, phơi không khô đều, có chỗ bị quánh đóng meo vẫn phải đem nấu ăn, không sao ăn được...

Hơn nữa, lần đầu tiên sống cùng anh em cơ quan vùng địch hậu, trong lúc anh em ăn tiêu chuẩn một lon gạo 5 người, còn anh em chúng tôi ưu tiên được ăn mỗi ngày 2 lon thấy khó coi. Đoàn chúng tôi trao đổi với anh em xin chung gạo cùng cơ quan nấu ăn chung một chế độ, tuy anh em không đồng ý nhưng tập thể chúng tôi bắt phải thực hiện.

Do hoàn cảnh lương thực ở chiến khu khó khăn nên cơ quan chủ trương là thức ăn chia theo mâm, còn cơm thì chia theo tô cá nhân, mỗi người chỉ được dùng trong phạm vi tô nhôm (tô đựng mủ cao su). Khi chia như vậy tưởng là công bằng nhưng lại cũng không công bằng, bởi vì người khỏe thì ăn không đủ, kẻ yếu thì ăn không hết, có người cần ăn thêm thì không lấy đâu có thêm, còn có người bỏ gần như nguyên tô nhưng lại là của thừa phải bỏ đi. Có đồng chí trong hoàn cảnh được ăn sương đã quen, nay gặp khổ thật vất vả, có anh em ngồi vào mâm cơm lựa ăn mấy hạt cơm, ăn mấy miếng cá, đổ canh vào tô cơm để cơm rã xuống, vớt bỏ mì ra rồi ăn mấy hạt cơm và ăn hết tô canh là xong chuyện.

NHỮNG NGÀY ĐẦU NHẬN CÔNG TÁC TẠI VÙNG TẠM CHIẾM LÂM ĐỒNG

Tôi là người may mắn, chỉ sau một tuần lễ đã sớm nhận được quyết định phân công tác về Ban kinh tài hậu cần của Ban cán sự Lâm Đồng đóng ở rừng Ô rô, Trại Mấu. Nơi đây tình trạng nước sinh hoạt và thực phẩm còn khó khăn hơn ở Bình Thiện, chỉ có gạo trong tiêu chuẩn được khá hơn vì gần nông thôn Hàm Trí, Hàm Phú, với tiêu chuẩn 3 người 2 lon

gạo mỗi ngày, còn mì khô trộn không định mức. Ngoài ra, trong vùng này có một số nhân dân tổ chức mua bán, so với Bình Thiện sinh hoạt vật chất khá hơn và quan hệ nhân dân phong phú hơn, nhất là ban đêm có quán bán trong rừng, phở đông, cháo gà, ếch òn làm nem nướng, uống ba xị đế...

Do đời sống vật chất khó khăn nên chưa đầy một năm mà nhiều anh em khi đi mang theo bạc vàng, áo quần dự bị đủ sống 3 năm thì nay đã tiêu hết, chỉ còn trong người một bộ mặc và một bộ đồ lót. Còn mọi thứ có thể đổi lấy một bữa ăn trong mỗi đêm bằng một tô phở đông, một nồi cháo ếch òn. Có anh em đổi đến nỗi tắm chăn xi ta cũng đổi sạch, tối đành đắp chung, nằm lẫn trong một tấm nấp...

Tôi về công tác trong Ban kinh tài hậu cần không bao lâu lại có quyết định phân công cùng anh em cán bộ, công nhân viên đi tham gia bảo vệ mùa màng trên địa bàn xã Hàm Phú cùng cơ quan và lực lượng vũ trang huyện Di Linh phối hợp với lực lượng nhân dân huyện Hàm Thuận (tỉnh Bình Thuận). Được các anh Huyện uỷ Hàm Thuận phân công khu vực Cà Dập - Tiên Sơn, chúng tôi trực tiếp vận động thu mua lúa, cất vào kho, chuyên chở, cất giấu để đảm bảo cung cấp cho các đơn vị vũ trang, cơ quan Lâm Đồng đóng trên địa bàn Bình Thuận. Sau 3 tháng (từ 15/11/1951 đến 15/2/1952), chúng tôi đã thu mua và nhận cất giấu được 375 xe lúa, mỗi xe 1 tấn, cất vào kho có bố phòng an toàn.

Sau khi bảo vệ mùa màng thắng lợi, tôi được quyết định phân công nhiệm vụ mới là trưởng ban thanh tra phòng cung

cấp kinh tài hậu cần của Ban cán sự Lâm Đồng.

Quá trình công tác thanh tra là quá trình phát hiện ra những điều bất hợp lý. Tuy tất cả các cơ quan đơn vị hoạt động chiến đấu với danh nghĩa làm nhiệm vụ ở Lâm Đồng, nhưng thực chất nằm sâu trên đất Bình Thuận, quan hệ nhiều với dân Bình Thuận: Ban cán sự Lâm Đồng đóng ở Ô rô, Trại Mấu, Giếng Đế, Triền: Huyện uỷ Di Linh đóng ở Tiên Sơn, Hàm Phú, Hàm Trí (Bình Thuận); đội vũ trang Tây Bắc đóng ở Bá Nghe, Sông Khiên. Bắc Bình...

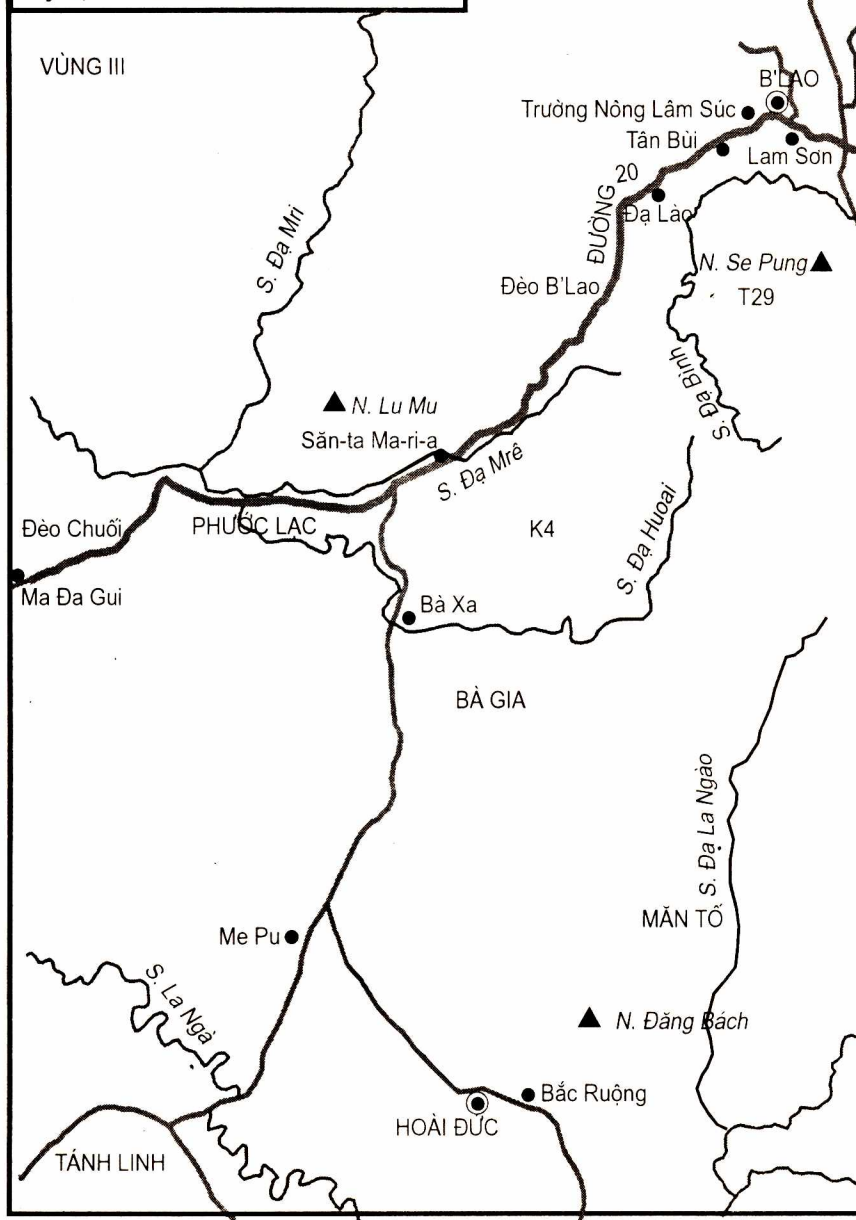
Trong quá trình làm công tác kiểm tra, Ban kinh tài và phòng cung cấp Lâm Đồng tìm hiểu thực tế các lực lượng vũ trang và đội công tác. Ban cán sự Đảng - cơ quan kháng chiến hành chính tỉnh Lâm Đồng - đều nằm trong đất Bình Thuận, dùng phương thức đi công tác chuyển, gặp dân đi làm ăn trong rẫy, trong rừng, leo lên, tuột xuống từng đợt, có lúc gặp được dân, có chuyển đi không về rồi và mỗi lần lên xuống không quá mười ngày. Khi hết gạo ăn phải về. Quy luật ấy dịch phát hiện nên khi ta lên thì địch tổ chức phục đánh ta trên đường về hết sức nguy hiểm. Công tác miền núi là nhiệm vụ quan trọng nhưng cơ sở vật chất tại chỗ không dựa được, không bám được dân ăn ở tại chỗ mà phải dựa vào đồng bằng để sống là chính. Phương thức công tác quần chúng “đứng ngoài vọt cần câu” cũng không tạo được thế bên trong mà dựa.

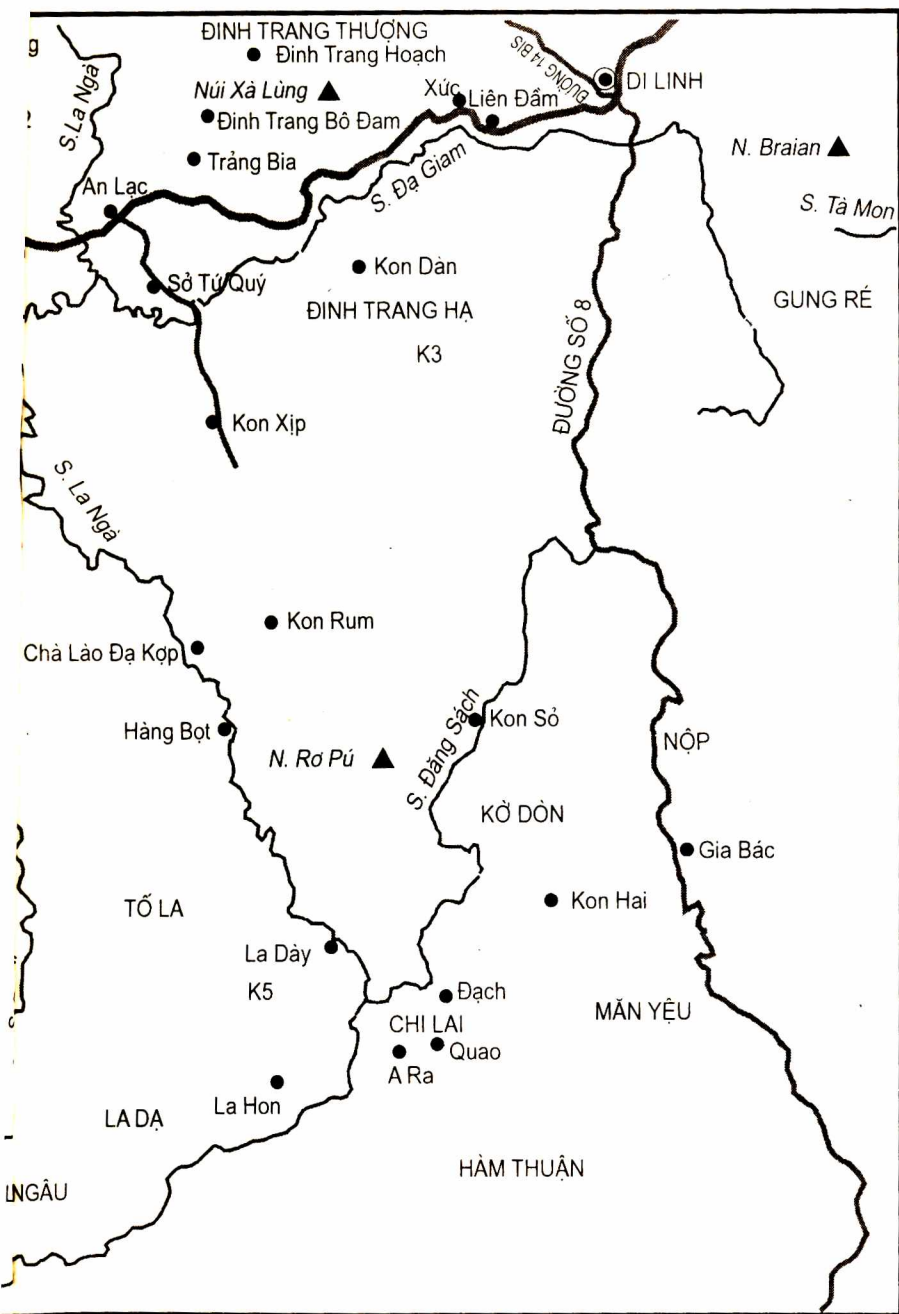
ĐỘI CÔNG TÁC CHIẾN THẮNG

Tháng 10/1952, Ban cán sự Cục Nam có quyết định điều tôi bổ sung vào Ban cán sự Huyện uỷ Di Linh, làm đội trưởng

BẢN ĐỒ PHÍA NAM ĐƯỜNG 20

Tỷ lệ: 1/300.000





đội công tác Chiến Thắng, đồng thời phụ trách xây dựng khu du kích Chi Lai - Man Yệu (trừ buôn Kon Hai) nằm ở Tiên Sơn (Hàm Phú), thay cho anh Bôn, anh Để. Lúc đó anh Lê Tấn Thắng làm Bí thư Huyện uỷ Di Linh, về sau anh Mai Huy Hoàng thay anh Lê Tấn Thắng. Lúc này Ban cán sự Cực Nam quyết định giao huyện Di Linh về cho Bình Thuận chỉ đạo và Bình Thuận có trách nhiệm đảm bảo vật chất, tạo thế để phát triển cơ sở lên Lâm Đồng gắn với địa bàn huyện Hàm Thuận.

Sau khi nhận nhiệm vụ mới, qua nghiên cứu chủ trương của Ban cán sự Cực Nam và Tỉnh uỷ Bình Thuận kết hợp với tình hình thực tế, Ban cán sự Huyện uỷ Di Linh họp giữa tháng 12/1952 có nghị quyết sắp xếp gọn bộ phận văn phòng Huyện uỷ và đội sản xuất tự túc ở Di Linh nằm tại Tiên Sơn (xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận), tăng cường cán bộ, công nhân viên xuống cho đội công tác bám cơ sở, bám quân chúng, mở phong trào sâu vào vùng địch, bám buôn, bám địa bàn tại chỗ, bỏ phương thức đứng ở đồng bằng “vọt cần câu” lên miền núi theo kiểu thăm “bẫy gà”. Đầu tháng mang vác gạo, muối, cá, mắm, leo núi, vào rẫy, đón dân ra rừng làm ăn thăm hỏi ba điều bảy chuyện, giữa tháng phải leo xuống đồng bằng, về Tiên Sơn sản xuất tự túc theo tiêu chuẩn, tối tổ chức học tập và kiểm điểm kết quả công tác và lao động trong tháng, thống nhất vạch chương trình tháng đến, xin ý kiến Thường vụ Ban cán sự huyện thông qua, chuẩn bị vật chất đầu tháng tới lại mang vác trèo lên như kiểu đèn cù... Địch

nắm quy luật, phục đánh, khó tránh tổn thất, mất mát, hy sinh.

Tổ chức thực hiện chủ trương của Ban cán sự Huyện uỷ Di Linh, đội vũ trang công tác Chiến Thắng của chúng tôi gồm 3 đồng chí tình nguyện lên bám chiến trường, bám quần chúng:

- Đồng chí Nguyễn Xuân Du, đội trưởng kiêm Bí thư chi bộ;

- Đồng chí Nguyễn Văn Nhận, đảng viên;

- Đồng chí Nguyễn Thi, đảng viên, cấp bậc B phó vũ trang.

Ba anh em chúng tôi cùng nhau hạ quyết tâm lên bám trụ dân xã Chi Lai và chỉ đạo buôn Tân Bưởi, Núi Gọ là một phần xã Man Yêu để vận động phát triển du kích chiến tranh, bám đất tại chỗ để sản xuất, xây dựng căn cứ kháng chiến chống Pháp tại lồm 7 buôn (A Ra, Sa Lôn, Quao, Đạch, Tân Bưởi, Núi Gọ...), vừa xây dựng, vừa sử dụng lực lượng cán bộ, đảng viên và du kích thôn xã cùng đội vũ trang công tác liên hệ móc nối phát triển cơ sở lên các buôn còn lại của tổng Kờ Dồn và tổng La Dạ, Ta La , hỗ trợ đội công tác Đoàn Kết dùng dân Kờ Dồn phát triển dọc phía Tây sông Đa Kơ Đinh, Bắc sông Đăng Sách. Chúng tôi hạ quyết tâm bám đất bám dân, tổ chức sản xuất tự túc trong lòng dân để triển khai nhiệm vụ chính trị đã thành công bước đầu, từ đây mà tiếp tục phát triển đến kết thúc thời kỳ chống Pháp và 21 năm chống Mỹ trên địa bàn Lâm Đồng. Chuyển tư tưởng cán bộ, đảng viên bám quần chúng, thực hiện 3 cùng, lấy dân làm gốc là bí quyết của mọi thắng lợi của các đội vũ trang công tác huyện

Di Linh mở đầu từ đây.

Hồi tưởng lại bí quyết thành công có ý nghĩa đối với đội vũ trang công tác Chiến Thắng trong việc chấp hành nghị quyết của Ban cán sự Huyện uỷ Di Linh lúc bấy giờ, từ động tác khởi động nhỏ nhất là tổ chức bám được quần chúng, quyết tâm tìm mọi cách nắm được đảng viên cơ sở cốt cán tại chỗ, dùng quần chúng tổ chức được đường dây liên lạc chỉ đạo hợp pháp từ trên núi xuống đồng bằng (cơ quan chỉ đạo của huyện lúc bấy giờ) và từ đồng bằng lên miền núi. Tổ chức tiếp tế, tiếp liệu nhu yếu phẩm cho đội công tác và hàng hóa đảm bảo mấy trăm dân căn cứ mà không cần có quan hệ hợp pháp với địch bằng tổ chức chợ “nưng” để trao đổi hàng hóa giữa người Kinh và người Thượng, giữa vùng địch và vùng ta, giữa đồng bằng và miền núi, không dùng tiền của địch là điều có tính sáng tạo của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước và tinh thần giác ngộ của dân. Dựa vào dân vùng địch hậu để mở rộng sản xuất, giải quyết cuộc sống, thể hiện quan điểm lấy dân làm gốc là quyết định mọi thắng lợi.

Qua thực hiện quan điểm dựa vào dân, tiến hành vận động giáo dục giác ngộ dân, luôn luôn chăm lo đời sống tinh thần vật chất, mở rộng mặt trận đoàn kết, tranh thủ già làng, chủ đất, thông qua già làng chủ đất mà nắm hệ thống tề, GUM (*) thành một khối thống nhất vì quyền lợi cá nhân, gia đình, địa phương, mỗi bộ tộc gắn liền với tình yêu Tổ quốc

* GUM: Địa phương quân vùng dân tộc do thực dân Pháp tổ chức.

mà cùng bị tai, che mắt địch ngay từ cơ sở, tạo cho sự thống nhất ý chí hành động, nhất hô bá ứng, nhờ đó mà thế và lực cách mạng ngày càng tăng. Nhờ vậy, trong thời gian từ tháng 6/1953 đến tháng 3/1954, đội Chiến Thắng đã phát triển cơ sở 13 buôn ở tổng Kờ Dòn, liên hệ tổ chức cơ sở 8 buôn ở tổng La Dạ, Ta La, 2 buôn Kon Rum và 12 buôn trên 36 buôn ở tổng Nộp. Đội đã tranh thủ toàn bộ chủ làng trong tất cả các buôn, thông qua già làng tranh thủ được hệ thống tổng, lý trưởng, phó lý nắm đội vũ trang của Pháp lập ra (lúc đó tổng Kờ Dòn có 27 tên GUM do K'Lis làm đội trưởng). Thông qua lực lượng này, đội nắm tình hình lực lượng phản động từ trên xuống và hàng ngũ nguy quyền báo cáo lên bọn phản động bên trên.

TẤN CÔNG ĐỒN LA DÀY

Để phối hợp với hoạt động chiến trường Điện Biên Phủ và Bắc Tây Nguyên, Ban cán sự Cục Nam và Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương mở hoạt động vũ trang lên miền núi, đồng loạt tấn công tiêu diệt quận lỵ Tánh Linh (tỉnh Bình Thuận), tiêu diệt đồn Gia Bắc (Di Linh), đồn La Dày (B'Lao) tỉnh Lâm Đồng, cùng đêm 7/4/1954, giải phóng 15.000 đồng bào dân tộc. Riêng ở La Dày, Gia Bắc trên địa bàn phía Nam quốc lộ 20 địa phận Di Linh, B'Lao đã giải phóng 10.000 người.

Đây là yếu tố tích cực tạo mọi thuận lợi cho địa bàn Nam Lâm Đồng thêm điều kiện tốt, tăng thế lực cả chính trị - kinh tế - xã hội để chuyển sang đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-

ne-vơ, chuyển đổi tượng kẻ thù từ thực dân Pháp sang xâm lược Mỹ.

Trong thời điểm tiến công tiêu diệt đại đội địch ở đồn La Dày, đội vũ trang công tác Chiến Thắng được giao nhiệm vụ: Phối hợp chặt chẽ với hoạt động vũ trang của lực lượng tập trung, đội vũ trang công tác kết hợp tấn công binh tề vận giải tán bộ máy kèm từ ấp đến xã và tổng, giải tán GUM.

*

Trong lịch sử kháng chiến chống Pháp trên chiến trường Lâm Đồng đã có ghi rõ diễn biến trên, tôi chỉ xin ghi lại những diễn biến của đội công tác Chiến Thắng làm nhiệm vụ phối hợp với đơn vị đánh đồn La Dày lúc bấy giờ.

Lực lượng bộ đội chúng tôi xuất quân từ phía Hàm Cầm, Hàm Phú, hành quân lên, đi 3 ngày đêm, xuyên qua dãy núi Hàm Cầm lên đèo Nam, đi ngược nước sông La Ngà. Đường đi hiểm trở, chúng tôi đi xuyên qua núi cao, suối sâu, rừng rậm, tránh tất cả các buôn làng để đảm bảo bí mật và an toàn tuyệt đối trước giờ nổ súng, nhất là đoạn qua cầu khỉ sang sông La Ngà ở bến Đăng Min tiếp cận đồn La Dày là nơi địch chú ý đề phòng cẩn mật. Cùng ngày ta tấn công đồn thì lực lượng bảo an đóng ở La Dày có lệnh tổ chức một B hành quân dã ngoại do tên Quản Tel chỉ huy cùng phối hợp với đội lính địa phương GUM tổng Kờ Dồn do tên K' Lis làm đội trưởng, hợp quân đêm 6/4/1954. Cả hai lực lượng cùng ngủ lại buôn Bờ Rang để sáng ngày 7/4/1954 hành quân sớm xuống

cần quét bắt dân xã Chi Lai (4 buôn căn cứ chống Pháp), lùng sục 3 ngày theo mệnh lệnh của đồn trưởng.

Đây là tình huống xảy ra ngoài phương án cơ bản mà cơ quan tham mưu tác chiến, Bộ chỉ huy hành quân và Huyện uỷ Di Linh không nắm được.

Đội Chiến Thắng khi nhận nhiệm vụ phối hợp tấn công chính trị, binh tề vận cũng không dự kiến xử lý tình huống này, chỉ đặt ra một yêu cầu tối quan trọng là làm sao không để hệ thống tề vệ GUM mang tài liệu, vũ khí chạy lên B' Lao, Di Linh để cộng tác với thực dân Pháp và tay sai chặt chẽ hơn, trở lại đàn áp dân, đánh phá vùng mới giải phóng.

Khi giao nhiệm vụ trên, Ban cán sự Huyện uỷ Di Linh có quyết định bổ sung đồng chí Hà Tấn Linh (Tám Bích) lên giúp cho đội Chiến Thắng lo việc huy động nhân dân Chi Lai, Man Yệu làm kho tàng, vận chuyển muối, gạo, đạn dược, thuốc men... từ đồng bằng lên phục vụ chiến đấu và hàng hóa giải quyết đời sống cho nhân dân vùng mới được giải phóng, đề phòng địch phản ứng, sau trận đánh sẽ bao vây phong tỏa, để đội Chiến Thắng có đủ thời gian tập trung lo đối phó mọi tình huống khi hoạt động vũ trang mở ra ở phía trước và phát triển du kích chiến tranh vùng mới giải phóng.

*

Sau khi bàn giao toàn bộ tình hình 6 buôn vùng căn cứ kháng chiến cho đồng chí Bích nắm và trao đổi kế hoạch xử lý các tình huống tốt, xấu có thể xảy ra, bốn anh em đội Chiến

Thắng (lần này có tăng thêm anh Huỳnh Lam Sơn vừa ở khu 5 về) lên đường từ buôn Đạch, cắt rừng đến rẫy Kon Ó liên lạc với lý trưởng Nê (*)

và thông qua ông Nê mời giúp ông Cần - cốt cán ở hợp pháp trong buôn Đăng Ó - ra gặp đội để bàn công việc. Chúng tôi chờ ông Cần, đến 1 giờ 30 chiều hôm ấy ông mới ra.

Mục đích mời ông Cần ra là ở lại với đội để tối cùng vào buôn gom tổng lý và tước vũ khí GUM, tập hợp dân mít tinh mừng chiến thắng và huy động dân tham gia khiêng thương, tải đạn, mang chiến lợi phẩm giúp bộ đội nếu có. Nhưng khi ông Cần ra gặp chúng tôi, sắc thái ông mất bình thường, ông chém một nhát xà gạc vào thân cây cầy (cây kơ-nia) dính luôn vào đó. Ngồi bệt xuống đất, thở phì tuôn hơi nóng trong người, ông nói ngay: “Chết, Chết ! Bọn lính đồn La Dày đi càn với lực lượng một trung đội, ở đồn xuống lúc 12 giờ, nó ăn trưa ở buôn Đăng Sol do tên Quản Tel chỉ huy. Theo kế hoạch, tên đội trưởng GUM cho biết là tối nay tập trung cả một trung đội bảo an đồn La Dày và đội lính GUM Kờ Dồn do tên K’Lis cầm đầu, phải có mặt tại buôn Bờ Rang để sáng ngày 7/4/1954 hành quân thật sớm, đến đèo Nam ăn trưa và rải quân từ đèo Nam lưng sục từ dưới lên bắt cho hết 430 dân ở vùng này đưa về tập trung tại sở Lu-xe (tức là sở Tứ Quý ở An Lạc, Lộc An hiện nay), không để dân này sống vô chính phủ được nữa. K’ Lis bảo ông Cần làm sao liên hệ báo cho

* Ông Nê là cha của Nể, Nể nay là bí thư xã Động Giang thuộc Bình Thuận.

ông Hội Nanh (tức là cha đồng chí Giang (*)).

K'Lis nhấn ông Hội Nanh cầm đầu dân trốn thật giỏi, đừng để địch lòng gập dân; nếu bị bắt, dân sẽ bị tra đánh cực khổ mà K'Lis cũng đứt đầu vì đã bao che số dân chống chính phủ. K'Lis còn dặn phải nhốt chó, gà trong hầm đá, lấp hết đường sá đi lại vào buôn làng, đừng để chúng nó phát hiện đường mòn. K'Lis nói : “Thằng Quản Tel bắt buộc chúng tôi phải lòng sục, không thể từ chối được, nếu lần này có trường hợp xấu xảy ra, xin cách mạng thông cảm là không phải đội GUM chúng tôi xấu mà vì đi lần này có 1 B bảo an đồn La Dày đi kèm, chúng tôi phải đi mà thôi”.

Báo xong tình hình trên, ông Cần giục chúng tôi phải đi về ngay chiều hôm ấy để báo tin cho dân ráo riết chuẩn bị chống càn... Tình huống xảy ra ngoài dự kiến, thật bất ngờ, khó xử và hết sức bị động mà bản thân 5 anh em trong đội chưa có kinh nghiệm đối phó về mặt vũ trang.

Tôi bình tĩnh ngồi nghe ông Cần báo cáo và vắt óc suy nghĩ phương án đối phó: Làm sao bề gây cuộc càn, vừa phối hợp trận đánh La Dày tối nay của bộ đội tập trung, đội ta phải gom giữ được hệ thống tề, giải trang đội GUM, tổ chức mít tinh quần chúng? Trước hết là làm sao trong đêm chúng tập trung ngủ buôn Bờ Rang, đến giờ La Dày nổ súng chúng ngủ

* Ông Hội Nanh vốn là lý trưởng ở vùng này. Khi Cách mạng tháng 8/1945 nổ ra, dân nổi dậy cướp chính quyền, ông hưởng ứng phong trào chống Pháp được nhân dân vùng này cử ông làm Hội trưởng Hội đoàn kết đánh Tây (nói theo tiếng dân tộc Kờ Dòn là hội “tầm lờ mar Tây”). Hội này tranh thủ được K'Lis.

mê không nghe súng nổ? Nếu để chúng biết đồn bị tấn công, chúng kéo cả bọn GUM trở về, trên đường về sẽ gom hết hệ thống tề chạy về B' Lao thì hậu quả về sau sẽ không lường, chưa nói đến việc trên đường về sẽ đụng đầu bất ngờ khi lực lượng dân công khiêng thương, tải đạn không có đề phòng, sẽ gây tổn thất nguy hiểm khó lường. Nếu để xảy ra các trường hợp trên thì sẽ hỏng lớn, mọi nhiệm vụ kế hoạch của trên giao cho đội công tác Chiến Thắng không sao tiến hành theo dự kiến được ...

Đầu óc ruột gan của người đội trưởng tầm thường như tôi thật sự rối như tơ vò, nhưng rồi tôi đã bình tĩnh vì nguyên tắc bí mật quân sự của trận đánh, chẳng dám nói thật cũng chẳng dám đưa ra bàn với nội bộ của đội và phổ biến cho ông Cần trước giờ nổ súng vì rủi ông Cần quá mừng mà làm lộ hoặc vì không tin, dao động sẽ làm hỏng việc thì nguy to.

Nước cờ trong thế “mã tốt thành điền”, người đội trưởng xử lý thế nào để đảm bảo vẹn toàn cả 3 nhiệm vụ của trên giao? Thường trong thế bí mới có ý hay, theo phương châm của Đảng, của Bác Hồ dạy “lấy dân làm gốc”, tôi nghĩ chỉ có một kế sách là phải tấn công trong điều kiện hoàn cảnh thực tế của đội. Từ đó mà 3 phương án đối phó đã đặt ra ngay trong đầu:

1. Dùng dân tổ chức phục rượu cho bọn lính ngủ tại Bờ Rang đêm nay thật say đến khuya, ngủ mê không còn nghe tiếng súng La Dày - Gia Bắc nổ, sáng đi càn với tư thế mệt mỏi, không còn hung hăng lòng sức;

2. Ta bố trí du kích cùng với đội công tác chặn đánh lúc mờ sáng khi chúng qua cầu khỉ sang sông Đăng Sách;

3. Đẩy mạnh công tác địch vận, vừa đánh vừa gọi hàng, vừa báo tin đồn La Dầy - Gia Bác thất thủ, không còn chỗ trở về được nữa; trên đường chạy về B' Lao, Di Linh, bộ đội chặn tất cả...

Thực hiện được 3 nội dung trên thì sẽ bảo vệ được dân căn cứ, báo động được lực lượng dân công và bộ đội biết có địch bên ngoài, nhiệm vụ gom tề và giải trang đội GUM sẽ thực hiện được, nhiệm vụ huy động lực lượng nhân dân tổ chức mít tinh mừng chiến thắng, huy động dân công tiếp sức với bộ đội cũng sẽ làm được.

Với suy nghĩ trên, tôi hạ quyết tâm bàn ngay với ông Cần về lại xóm Bờ Rang bàn với số cơ sở cốt cán nắm phó lý Dẫy và già làng tổ chức chiêu đãi rượu, ăn mừng lính về làng, chọn những chén rượu ngon, những cô gái đẹp phục vụ đêm chiêu đãi. Trong túi tôi còn hai trăm đồng bạc Đông Dương (đồng gánh dừa) đưa hết cho ông Cần, dặn ông vào xóm đưa cho anh Tách, anh Dẫy đi mua thêm rượu để chiêu đãi. Sau khi uống rượu cần, làm sao từ 12 giờ khuya trở đi là không có tên lính nào còn mình mẫn để trực gác nữa. Chúng tôi giao nhiệm vụ cho ông Cần chỉ lo một việc quan trọng này, còn mọi việc khác chưa phổ biến.

Ông Cần bắt tay tôi và anh em trong đội ra về, hứa với chúng tôi quyết tâm phục rượu cho bọn lính say mềm trong đêm nay, làm cho cơ thể mỗi mệt, tiêu lực để trên đường đi

cần sáng mai không còn ý chí chiến đấu.

*

Sau khi ông Cần nhận nhiệm vụ ra về, chúng tôi liền họp đội bàn kế hoạch đối phó cuộc cần để đảm bảo thực hiện kế hoạch phối hợp chiến trường của trên giao.

Đội và chi bộ là một, chúng tôi đã thống nhất hạ quyết tâm tổ chức phục kích đánh bọn địch cần sáng mai. Để đảm bảo trận đánh thật tốt, phải điều thêm một tiểu đội du kích ở căn cứ lên phối hợp với đội, tổ chức phục kích đánh địch từ buôn Bờ Rang, xuất phát qua cầu khỉ sang sông Đăng Sách (cách buôn khoảng 300 m), nổ súng bất ngờ vào đội hình ô hợp đang say mèm thì chắc sẽ bị tan rã.

Tôi vội vàng viết thư về cho anh Linh bàn việc chống cần, có kế hoạch bảo vệ dân công đang tập trung ở ngã ba A Ra - Quao, bảo vệ nhân dân chu đáo và đề nghị anh điều lên tăng cường cho đội Chiến Thắng 10 du kích bao gồm anh Lại - Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến xã Man Yệu, anh Năm - thôn trưởng buôn Tăng Bưởi, anh Bút, anh Lắc, anh Do - những tay súng khá nhất của xã. Còn về du kích xã Chi Lai, vì lo bảo vệ hướng dẫn dân công đi với lực lượng chiến đấu nên tôi không nêu tên cụ thể mà giao cho anh Linh sắp xếp thêm 5 du kích nữa, nhưng kết quả chỉ điều được 5 du kích của xã Man Yệu, còn 5 du kích xã Chi Lai không điều được vì không theo kịp trên đường hành quân của đoàn dân công.

Sau khi giao thư cho anh Nhạn cùng Mút cất rừng về căn cứ gặp anh Linh, đúng 7 giờ 30 đêm hôm ấy, tôi, anh Thi và

anh Hương cùng lần theo rẫy cũ Kon Ó xuống cầu khỉ qua sông Đăng Sách khảo sát địa hình, chuẩn bị trận địa phục kích và liên lạc với ông Cầm nắm lại tình hình bọn địch ngủ ở buôn Bờ Rang, kiểm tra việc bố trí đãi rượu của nhân dân Bờ Rang đêm ấy.

Chúng tôi khảo sát bố trí xong trận địa và nắm tình hình. Mãi đến 22 giờ 30 mới về đến nơi hẹn với anh Nhạn, gặp 5 anh em du kích từ căn cứ lên với anh Nhạn, có thư anh Linh gửi lên báo cáo tình hình và cho biết do thời gian thúc bách nên chỉ điều được 5 anh em ở Tăng Bưởi, còn số du kích xã Chi Lai bố trí bảo vệ đoàn dân công không rút kịp.

Tuy số lượng không đủ theo yêu cầu nhưng 5 tay súng gọi là thiện xạ đã có mặt. Chúng tôi liền họp anh em toàn đội Chiến Thắng và 5 du kích mới lên thông báo tình hình, phổ biến chủ trương và đưa sa bàn trận địa sơ bộ phác thảo ra trao đổi dưới ánh sáng đèn pin lơ mờ giữa mảnh rừng già bìa rẫy Đăng Ó. Chúng tôi phân tích thuận lợi khó khăn, tương quan lực lượng giữa ta và địch, so sánh sự chênh lệch ta 10 địch 40. Anh em tuy rất phấn khởi nhưng có đồng chí phân vân về số lượng. Mặt khác, về trang bị thì địch có 1 trung liên, 3 tiểu liên, 20 súng trường, còn ta chỉ có 1 tiểu liên, 7 súng trường, 6 lựu đạn... nhưng ta có ưu thế về địa hình, có điều kiện che chắn hỏa lực, đảm bảo bí mật, bất ngờ, lợi thế trong tấn công, an toàn trong phòng ngự vì có chướng ngại vật che chắn, có thuận lợi trong lúc rút lui.

Về chủ quan, tuy thế chiến đấu 1 chọi 4 nhưng ta chủ

động, địch hoàn toàn bị động, quân ta tỉnh, còn địch đang say và nếu chúng được tin đồn La Dày bị thất thủ thì sẽ hoang mang, tan rã nhanh chóng.

Qua phân tích khó khăn, thuận lợi, chúng tôi đi đến thống nhất quyết định phục kích đánh ngay khi chúng tập trung qua cầu khi là thời gian, địa điểm thuận lợi nhất, không để chúng qua khỏi cầu rồi mới đánh là bất lợi.

Tất cả dồn sức cho việc đánh càn, còn nhiệm vụ bắt giữ tề, huy động dân để mít tinh, động viên dân công vùng mới giải phóng tôi xin đảm nhiệm xử lý sau.

*

Đội giao cho anh Nhạn phụ trách chỉ huy trưởng trận đánh, anh Thi chỉ huy phó cùng đội du kích bố trí như sau:

Đồng chí Thi cùng 4 du kích ra đào công sự, bám sát bụi tre sát đầu cầu với nhiệm vụ chờ địch hành quân qua cầu, tên đi đầu qua gần hết cầu là nổ súng, tung lựu đạn diệt ngay, toàn bộ hỏa lực bắn thẳng vào giữa đội hình địch.

Vũ khí trang bị có 1 Mi, 4 súng trường và 6 quả lựu đạn, còn 2 du kích cùng anh Nhạn bố trí trên trền cao, rẫy cũ, vùng đá lồi đầu làm công sự chéch về phía Tây với 3 súng trường, nằm quan sát bọn địch bên kia cầu. Nếu chúng tổ chức cụm lại kháng cự thì nhắm bắn tỉa đồng loạt giống như trung liên uy hiếp địch, chi viện cho bộ phận bám sát đánh địch tại cầu. Phía Đông trền rẫy cũ gần tổ anh Nhạn có anh Lam Sơn và 2 du kích trang bị 1 súng trường, 1 súng lục cùng

2 ống loa (1 bằng tẽl, 1 bằng nan phát giấy), chờ súng nổ phát loa bằng tiếng dân tộc gọi hàng (bộ phận này do anh Ma Hương phụ trách).

Đúng 2 giờ 30 sáng ngày 7/4/1954, tất cả chúng tôi đưa anh em ra trận địa. Bố trí đâu đó xong, anh em trực gác triển khai đào công sự đảm bảo chiến đấu.

Sau khi bố trí xong trận địa, kiểm tra các bộ phận, chúng tôi nhắc nhở động viên anh em quyết tâm nắm chắc nhiệm vụ, bám sát địch mà đánh không để chúng sang sông.

Đúng 4 giờ sáng ngày 7/4/1954, tôi qua cầu một mình mò lên Đăng Ó, liên lạc với ông Cần, bảo ông đi cùng tôi leo dốc Đăng Ó lên buôn Tà Giang (tức là buôn chánh tổng Téo ở đó). Tôi lên đến nửa dốc thì nghe tiếng pháo đồn La Dày nổ, nhìn về phía đồn Gia Bắc thấy đám mây hồng, tôi và ông Cần ngồi giữa dốc quan sát. Sau 15 phút, không còn nghe tiếng súng, thấy đồn La Dày cũng bốc lửa, nhìn về buôn Bờ Rang vẫn yên tĩnh không thấy động tĩnh gì, lòng tôi vừa mừng vừa hồi hộp lo cho nhiệm vụ anh em sáng nay có đánh được không? Tôi vừa đi vừa phổ biến tình hình và nhiệm vụ cho ông Cần.

Đến 5 giờ sáng, hai anh em chúng tôi đến buôn Tà Giang, đến ngay nhà Tổng Téo. Trong lúc Tổng Téo đang ngủ mê, tôi kêu dậy, ông nhìn tôi và ông Cần với sắc mặt hoảng sợ. Ông báo ngay cho tôi là có địch rất đông ở La Dày xuống, tối chúng ngủ ở buôn Bờ Rang, sáng nay chúng càn xuống vùng Sa Lôn. Tổng Téo nói như ra lệnh với tôi: “Anh đi về ngay!

Nếu anh ở đây, địch cần bắt được dân của các anh và bắt được các anh thì chúng giết hết dân, tôi sẽ bị ở tù rục xương về tội bao che chứa chấp Việt Minh!”.

Tôi liền trấn tĩnh ông Téo: “Bộ đội đêm nay đánh La Dày, Gia Bác rồi, còn bọn đi cần sáng nay cũng sẽ bị đánh. Ông yên tâm! Bây giờ ông lấy hết giấy tờ và con dấu chánh tổng của Pháp giao cho ông đem nạp đây và ông chuẩn bị người sáng 7 giờ chạy khạ (*) mời các lý trưởng và phó lý tập trung đến đây, nghe cán bộ Mặt trận giải thích và nạp tất cả tài liệu, giấy tờ, danh sách nhân khẩu mỗi buôn, mỗi xã”.

Tôi vừa nói xong thì nghe súng và lựu đạn nổ ở phía cầu khỉ buôn Bờ Rang, tiếng nổ đồng loạt 3 phút dồn dã và im bật. 15 phút sau, anh Thi, anh Nhạn và anh em du kích vác một bó súng lên báo cáo kết quả trận đánh như sau:

Ta phục ngay ở đầu cầu, dựa vào bụi tre và rẫy cũ, địch không sao phát hiện được, chúng chủ quan. Đúng 5 giờ 30 phút ngày 7/4/1954, địch tổ chức hành quân, mắt nhắm mắt mở thả nhiên qua cầu. Tên đi đầu sang gần hết cầu và trên cầu còn lủng lẳng 8 tên thì anh em ta nổ súng và ném lựu đạn liên tiếp. Khi nghe tiếng kêu hàng và tin La Dày - Gia Bác bị tiêu diệt, tất cả bọn đi sau còn ở bên kia sông liền vứt súng bỏ chạy vào rừng. K’Lis chạy về buôn, tên Quản Tel mang súng lục chạy vào núi Đăng Sol, anh em truy bắt không kịp, 2 tên bị thương đầu hàng, anh Lam Sơn tập hợp giải thích chính sách. Ta thu 12 súng các loại, trong đó có 2 tiểu liên.

* Chạy khạ là cầm hiệu lệnh của tổng triệu tập dân.

Đến 12 giờ 30 cùng ngày, tên Quản Tel ra buôn Đăng Sol, nhân dân cho ăn cơm và bắt trời, thu cây súng lục và dẫn giao cho đội vũ trang công tác Chiến Thắng. Cùng chiều hôm ấy, tên K' Lis dẫn 6 tên GUM mang súng đến trình diện và giao nộp vũ khí cho đội chúng tôi. Như thế là trong vòng 12 giờ đồng hồ trong ngày, đội vũ trang công tác Chiến Thắng đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ của trên giao về cơ bản.

Đúng 13 giờ cùng ngày, tại buôn Đăng Sol, đội chúng tôi tổ chức một cuộc họp gồm đủ các thành phần, đại biểu nhân dân các buôn, có cả già làng và tổng lý, tổ chức cuộc mít tinh thông báo tình hình, thông tin chiến thắng, giải thích chính sách cách mạng đối với các tầng lớp nhân dân vùng mới giải phóng, cuối cùng động viên nhân dân tham gia dân công lên phá đồn La Dày, giúp bộ đội tải súng, tiếp tế tiếp liệu trong quá trình phát triển chiến đấu và chiến thắng. Đồng bào tới dự cuộc mít tinh đã xung phong trên 500 người tổ chức thành đội ngũ hành quân làm nhiệm vụ một cách tự giác.

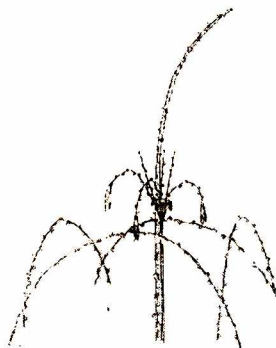
Kết thúc nhiệm vụ chống Pháp trên vùng đất Lâm Đồng (Nam Tây Nguyên) dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Cục Nam Trung Bộ qua 9 năm, tôi cho rằng chiến thắng 7/4/1954 là một dấu son của lịch sử địa phương, nó đã tạo ra thế và lực mới chuẩn bị bước sang giai đoạn đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ và 21 năm chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Cục Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, trong đó có địa bàn Lâm Đồng của chúng ta. Trận đánh 7/4/1954 có ý nghĩa là sự phối hợp chặt chẽ với chiến dịch Điện Biên Phủ,

Bắc Tây Nguyên trước khi hiệp định Giơ-ne-vơ 20/7/1954 ra đời.

Chiến thắng nói trên tuy không lớn nhưng có ý nghĩa chiến thuật trong chiến dịch đối với cả nước. Riêng trận đánh sáng 7/4/1954 tại buôn Bờ Rang (nay thuộc vùng xã Đông Giang) thể hiện tư tưởng chiến tranh nhân dân, phương thức vận dụng lấy ít đánh nhiều, dùng yếu đánh mạnh, từ bị động lúng túng chuyển thành chủ động, với tư tưởng tấn công, lấy dân làm gốc, dựa vào dân, biết cách tổ chức cho dân đánh giặc bằng mọi hình thức, dùng dân phục rượu mà dân không biết, địch không ngờ, dùng du kích đánh bảo an, GUM làm cho địch bất ngờ không kịp trở tay, đảm bảo an toàn hậu phương cho bộ đội đánh La Dày trở về. Biết vận dụng yếu tố con người kết hợp với thiên thời địa lợi, dựa vào bụi tre lớn sát đầu cầu để đánh địch ngay trên cầu, lấy dòng sông Đăng Săch là phòng tuyến, đánh vạo mờ sáng trời mù, địch khó quan sát xa và hành quân từ trong chẵn ra, bị lạnh đứt tay vào túi quần, đi không có tư thế sẵn sàng chiến đấu, nên khi bị ta nổ súng bất ngờ vút súng tháo chạy là không thể tránh được.

Về chủ quan của người chỉ đạo chỉ huy, biết vận dụng tâm lý quần chúng dân tộc mà đi sâu vào tấn công chính trị, kinh tế, địch vận, dân vận sinh động từng trường hợp, chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ vô cùng phức tạp với tinh thần trách nhiệm cao nhất, không có điều kiện trở ngại nào đặt ra trước mọi tình huống khó khăn làm lý do khách quan để không hoàn thành nhiệm vụ.

Trận đánh La Dầy - Gia Bắc đêm 7/4/1954 trên địa bàn Lâm Đồng có ý nghĩa mở đầu hoạt động vũ trang lớn có tính chất chiến dịch trên địa bàn Lâm Đồng, nhưng đồng thời cũng là trận kết thúc sau 9 năm chiến tranh chống Pháp đối với địa phương là hết sức vẻ vang, nó mở ra một vùng mới giải phóng gần 10.000 dân, tạo ra thế mới lực mới để phát triển, là chỗ dựa, là căn cứ cách mạng cho cả Lâm Đồng và Bình Thuận trong 21 năm đấu tranh chống Mỹ giành thắng lợi vẻ vang.



PHẦN II

TÌNH HÌNH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIỎ-NE-VỎ (7/1954-7/1961)

TRƯỚC VÀ SAU NGÀY KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH GIỎ-NE-VỎ

Sau khi ta đánh La Dày - Gia Bắc, giải phóng 10.000 dân các tổng: Bảo Thuận, Nộp, Kờ Dòn, Tố La, Man Tố, nối liền vùng La Dạ, La Ngâu thuộc miền Tây Bình Thuận, hình thành một vùng giải phóng rộng lớn phía Nam Tây Nguyên, Cực Nam Trung Bộ, địch ở Lâm Đồng bắt đầu phản ứng quyết liệt. Chính quyền ngụy ở Di Linh theo lệnh Pháp nắm bọn tề lưu vong ở Nộp, cho bọn tay chân về hăm dọa: Ai ở lại vùng giải phóng của Việt Minh, chúng sẽ cho quân đi càn, gặp đâu bắn đó, giết sạch, đốt sạch... Thủ đoạn trên đã gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Bọn tề tại chỗ ra lệnh, trong một đêm 25/5/1954, chúng kéo hết 36 buôn dân Nộp chạy về Di Linh, chỉ còn một số cơ sở của ta trong một số buôn dọc sông Đa Kờ Đinh (Hà Giang, Hàng Rung và Bờ Đẳng, Bờ Nôm) còn ở lại. Huyện uỷ Di Linh lúc bấy giờ phải chủ trương lập đoàn công tác vùng Nộp đảm bảo bám một số ít dân còn

lại, giáo dục, giải thích và tổ chức bám buôn ấp, bảo vệ tài sản của dân đi còn bỏ lại buôn: chum ché, đồng la, trâu bò, lúa gạo, gà heo... Đoàn công tác này phụ trách cả 36 buôn toàn dân Nộp do đồng chí Hà Tấn Linh làm đoàn trưởng, đồng chí Trần Đình Mai đoàn phó.

Sau khi phối hợp với bộ đội tác chiến đánh La Dầy - Gia Bắc, đội công tác Chiến Thắng tổ chức đánh địch ở địa bàn buôn Bờ Rang, giải trang dân vệ ở Kờ Dồn, giải phóng 16 buôn tổng Kờ Dồn. Qua một tháng xây dựng củng cố vùng giải phóng, Huyện uỷ Di Linh quyết định chuyển nhiệm vụ xây dựng cho Đảng bộ, cán bộ, đảng viên xã Chi Lai thành lập đoàn xây dựng do đồng chí Lam Sơn phụ trách, chuyển đội Chiến Thắng còn lại 3 đồng chí giao làm nhiệm vụ phát triển phía Đông vùng Nộp, dọc sông Đạ Đào sang vùng Bao Tuân hướng ra vùng La Hon, Mút Sa Ra, Tà In.

Đội lên đường đầu tháng 6/1954. Chúng tôi đã tận dụng mọi thuận lợi, phát huy khí thế chiến thắng phát triển trong thế chẻ tre, củng cố 8 buôn dọc sông Khiên Đạ Đào, đến 20/7/1954 đã đến buôn Tà In. Sau đó, chúng tôi trở về buôn Tà Lộ. Do công tác trong dân không có phương tiện thông tin nên không rõ diễn biến hội nghị Giơ-ne-vơ. Đêm 22/7/1954, đội họp kiểm điểm thời gian 1 tháng 20 ngày công tác ở vùng này, có mời đồng chí Dôm – già làng buôn Tà Lộ (buôn chúng tôi ở) – tham dự để thăm dò ý kiến, sau đó gửi đồng chí K' Bá ở lại nhờ giúp đỡ công tác phát động quần chúng, chuẩn bị xin đất sản xuất. Tôi cùng anh Thứ trở về cơ quan Huyện uỷ đóng ở rừng Kon Hai để báo cáo tình hình, xin ý kiến chỉ đạo

phương hướng xây dựng và phát triển trong tình hình mới.

*

Trưa ngày 23/7/1954, tôi và anh Thứ về đến chỗ cơ quan Huyện uỷ đóng, thấy nhà cửa, công sự còn nguyên, mấy con gà đối ăn, moi móc ổ mối, bếp núc nguội tanh. Hai anh em tôi nghi có địch tập kích, nhưng quan sát không thấy có dấu hiệu gì, tôi lơ mơ xuống suối. Đến hộp thư bí mật có dấu báo động, tôi moi hộp thư lên thì có thư anh Lê Tấn Thăng dặn chúng tôi khi về nếu sớm thì đi luôn xuống Triền gặp anh bàn công việc, nếu về chậm sau 30/7 thì cứ ở lại buôn Kon Hai dựa vào nhân dân chờ các anh cho người về liên lạc. Trong thư anh Thăng chỉ báo là hiệp định Giơ-ne-vơ đã ký kết và có lệnh ngưng bắn. Lực lượng kháng chiến ở Cực Nam Trung Bộ được tập kết 10 ngày ở Triền, sau chuyển quân xuống tàu ở phía Hàm Tân, Xuyên Mộc. Anh Thăng còn dặn nếu đi đường có trường hợp đi ngang qua vùng địch kiểm soát thì trương cờ xanh lên, đề phòng địch phản bội hiệp định, đánh ta, thủ tiêu lực lượng ta dọc đường, quần chúng không biết để bảo vệ và làm cứng lý để đấu tranh.

Tôi và anh Thứ bàn nhau, tranh thủ ngày đêm đi thẳng về Triền xem sao. Hai chúng tôi nấu cơm ăn, trên đường đi ghé vào buôn Kon Hai ở Tiên Sơn nắm tình hình và đi thẳng ra vườn xoài, ghé má Xếp gần ga Long Thạnh, thăm má và nắm tình hình. Gặp nhiều anh em cùng công tác và chiến đấu ở miền Tây Bình Thuận cũng trên đường về Triền, hai anh em chúng tôi nhập bọn cùng đi sang đường. Trên đường anh

em thông tin cho chúng tôi về nội dung hiệp định Giơ-ne-vơ có phần cụ thể hơn. Khi đến thăm má Xếp, bà cho xem lệnh ngưng bắn và bản giải thích về lệnh ngưng bắn của anh em xã cho bà, càng hiểu thêm nội dung của hiệp định có sự tập kết, phân chia 2 miền Bắc – Nam, chuyển quân, phân ranh giới tuyến...

Trên đường đi, chúng tôi thấy nhân dân tràn đầy phấn khởi, cờ xanh treo dọc đường, khẩu hiệu mừng hòa bình treo trên đường đi của căn cứ kháng chiến khu Lê Hồng Phong, lòng tôi miên man suy nghĩ. Không khí hòa bình, dân Kinh mừng rỡ, dân thượng du thì lo âu, buồn tẻ, tôi càng suy nghĩ tới lời phát biểu của đồng bào buôn Kon Hai: ngừng bắn, các anh rút đi hết, bỏ bà con tôi ai lo; lâu nay có anh em bày vẽ việc làm, nay các anh đi cả, bà con tôi nhớ lắm, thằng Tây nó đến, bà con chúng tôi nói sao, có ai để bày... Thật là tội nghiệp! Chia tay đồng bào, tất cả dân và chúng tôi đều rơi nước mắt. Bà con nhắn gửi chúng tôi: “Ai đi đâu thì đi, còn hai đứa mày trở lại cùng với đồng bào, sống chết có nhau”. Trên đường đi bộ ở miền cát trắng khu Lê (Bình Thuận) suốt đêm mỗi người mang theo một tâm trạng vui buồn khác nhau, nhưng chẳng ai nói được lòng mình.

Đúng 9 giờ sáng ngày 26/7/1954, chúng tôi mới đến được Triều, nơi tập kết đầu tiên lâm thời vùng Cực Nam Trung Bộ. Hai chúng tôi tìm gặp ngay được anh Lê Tấn Thăng, anh Lam Sơn, anh Hà Tấn Linh. Chúng tôi liền nhập đoàn Di Linh và được các anh tổ chức phổ biến toàn văn hiệp định Giơ-ne-vơ và lệnh ngưng bắn, sống với nhau được hai ngày

sôi nổi rộn rịp. Sau đó có một số đồng chí từ già lên đường chuyển vào Hàm Tân, Xuyên Mộc, chuẩn bị xuống tàu tập kết chính thức ra Bắc.

Đoàn cán bộ Di Linh còn lại tôi, anh Linh, anh Hương, anh Thứ, anh Nhật. Mấy anh em tôi còn lại không được dự mít tinh ở Triền mà được anh Tiên (tức là Tiêm) – Chánh văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận – đến gặp giải thích thêm cụ thể tinh thần hiệp định và phổ biến chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận và Ban cán sự Cực Nam sắp xếp một số đồng chí ở lại, lo thu xếp công việc tồn tại và sẽ đi chuyển cuối cùng. Anh Tiên mời 3 trong số 5 đồng chí chúng tôi đúng 2 giờ chiều ngày 28/7/1954 gặp anh Trần Lê - Khu ủy khu 5 - vào thay anh Côn - Bí thư Ban cán sự Cực Nam (sau này là Liên tỉnh 3).

Anh Lê gặp ba anh em chúng tôi, nói rõ hơn nhiệm vụ ở lại và giao cho tôi chịu trách nhiệm chung trên địa bàn Di Linh. Cũng có thể một trong ba anh em chúng tôi sẽ thay mặt chính quyền cách mạng bàn giao vùng giải phóng do ta quản, sau đó thì sống hợp pháp, địch phải đảm bảo an toàn trong hai năm để vận động đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Sau một giờ anh Lê nói chuyện với chúng tôi có phần cụ thể hơn, nhưng trong thực tế quá trình diễn ra sau này thì đây cũng mới là khái niệm đơn giản về hiệp định Giơ-ne-vơ. Cuối cùng, anh Lê đưa cho anh em trở lại chiến trường mỗi người ba trăm đồng bạc Đông Dương để tạm sống trong lúc còn chờ có chủ trương mới và tổ chức mới. Anh giao cho tôi 2 cây súng lục cất giữ, khi nào sử



Từ trái sang phải: anh Ba Nghiệp (nguyên Bí thư K67),
anh Ma Hương, tác giả.

dụng sẽ có hướng dẫn sau. Anh còn dặn về việc hình thành tổ chức mới, có liên lạc móc nối và sẽ có nghị quyết về nội dung hướng dẫn hoạt động cụ thể. Khi chia tay, anh Lê còn dặn, về địa bàn cũ chọn một số anh em cán bộ đảng viên và quần chúng thật tốt móc nối liên lạc, trừ những “cha” nào quá dao động thì phải tránh, đừng gặp làm gì, tuyệt đối không được lộ mặt công khai trong dân, lúc đầu rủ lộ với dân thì nói ta về lấy tài liệu còn lại đưa vào Hàm Tân, Xuyên Mộc đi tập kết ra Bắc. Anh Lê còn bảo chúng tôi thay tên đổi họ, đặt bí số, mật danh để liên lạc sau này. Từ đó anh em chúng tôi thay tên:

- Huỳnh Lam Sơn thay tên là Ma Hương;
- Huỳnh Văn Thứ thay tên là Huỳnh Văn Thế;
- Hà Tấn Linh thay tên là Hà Ngọc Bích;
- Nguyễn Xuân Du thay tên là Nguyễn Xuân Cảnh;

- Đồng chí Nhật thay tên là Quý (*).

*

Sau khi nhận nhiệm vụ, ba anh em chúng tôi về trao đổi với anh Thứ và anh Nhật cấp tốc sắp xếp lên đường về lại địa phương Di Linh trong đêm 28/7/1954. Chúng tôi vượt đường số 1, qua đường sắt đến vườn xoài, không ghé vào nhà má Xếp mà đi thẳng đến cây số 31 (Hàm Trí). Anh Thứ được phân công về nắm tình hình ở Nộp, kết hợp ghé thăm gia đình chị ở buôn Ha Giăng, anh Nhật rẽ xuống đường Kờ Dập – Hàm Phú bí mật liên lạc với gia đình, kết hợp nắm tình hình. Tất cả đều hẹn gặp nhau ở đầu suối Kờ Ma giáp sông Kờ Tót.

Tôi, anh Ma Hương, anh Bích về cây đa sông Kờ Tót. Anh Bích được phân công vào quán bà Tư Phùng liên lạc với chị Nà - phụ nữ Hàm Phú - hỏi xem anh Diệu (**) có đi tập kết không, lấy cơ đó mà nắm tình hình xem địch phản ứng hiệp định đối với vùng này thế nào, xem động tĩnh, khó khăn thuận lợi, kết hợp kiếm gạo muối để mang lên núi.

Anh Bích vào thăm bà Tư Phùng. Sau khi nói chuyện mua một ít gạo, cá khô, nước mắm ăn đường đi Hàm Tân, bà không bán mà cho anh Bích 15 ký gạo, 2 ký cá khô, 1 lít dầu phụng, 1 lít nước mắm. Chúng tôi san ra cho ba anh em cùng mang đi, băng rừng đến đầu suối Kờ Ma (đầu hồ sông Quao hiện nay).

* Về sau, anh Quý hy sinh.

** Anh Diệu là trung đội trưởng vũ trang huyện Anh Dũng.

Đến vòm suối Kờ Ma, chúng tôi quyết định ở lại đó đến chiều ngày 30/7 thì anh Nhật về liên lạc với gia đình, mang lên đủ thứ thức ăn. Bốn anh em chúng tôi leo lên thác Kờ Ma, tìm chỗ ở dọc suối. nơi đầu tiên chúng tôi chọn đóng quân là trên một gộp đá cheo leo để lợi dụng đường đi leo trên đá, tránh không để lại dấu vết và sau này đặt liên lạc với cơ sở cốt cán dưới thác, từ trên cao nhìn xuống dễ quan sát, gần bờ sông dễ nghi trang, ban đêm đi câu đi chài, tìm cách liên lạc với dân trong các rẫy là tiện lợi, nhân tháng 8, tháng 9 là tháng đồng bào dân tộc phải ngủ giữ rẫy.

Bước đầu chúng tôi liên lạc được một số thanh niên buôn Kon Hai gồm có các em K'Bối, K'Bội, K'Vối, sau đó liên lạc được K'Hào, K'Lắc, K'Dèm, K'Biểu, K'Che, K' Muối, tổ chức được hai nhóm liên lạc thông báo tin ông Cầu, ông Dẫy, K'Tách, chị Hát, chị N'Hui, chị K'Hé. Qua nắm bắt tình hình, chúng tôi đã tổ chức cuộc hội nghị đầu tiên phổ biến sơ bộ tinh thần hiệp định Giơ-ne-vơ và việc thi hành hiệp định cho một số cốt cán đảng viên vững vàng để thông qua số này về trao đổi hợp pháp với số còn lại trong mỗi buôn và phổ biến trao đổi với dân. Cuộc họp ấy gồm có anh Lại, anh Năm, anh Diểu, anh Nhoi, ông Cây, anh Nanh, anh Văn Giang, ông Cu, ông De, ông Càn, anh Chuối, anh Tiếu, anh Nghi, ông Chơ Rơ là số đảng viên cốt cán người dân tộc.

Sau khi quán triệt nội dung hiệp định Giơ-ne-vơ, chúng tôi bàn kế hoạch ổn định tư tưởng nhân dân, lãnh đạo, cán bộ, đảng viên của Đảng hóa thân vào quần chúng, cùng nhân dân đấu tranh bảo vệ cách mạng và đấu tranh thi hành hiệp

định Giơ-ne-vơ, thống nhất đất nước và ra lệnh tạm ngưng hoạt động tổ chức Ủy ban kháng chiến hành chính, duy trì liên lạc có mức độ đối với đoàn thể thanh niên, phụ nữ, ngưng hẳn hoạt động lực lượng du kích xã phường, chọn lọc một số du kích cũ thật gan dạ, dám làm dám chịu trách nhiệm, hình thành lực lượng mới bằng đơn tuyển để làm nhiệm vụ liên lạc thông báo tin, hình thành đường dây theo ba hệ: hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp. Đây là tiền thân của đường hành lang. Trong mỗi buôn chúng tôi giáo dục nắm lại một số thanh niên, thanh nữ, giao nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ buôn làng, bảo vệ đảng viên, cán bộ tại chỗ, thông qua từng đảng viên tổ chức và hoạt động đơn tuyển, sử dụng từng việc.

THÀNH LẬP HUYỆN ỦY DI LINH

Đường dây liên lạc đầu tiên từ chỗ ở của chúng tôi xuyên qua đèo Nam, đặt hộp thư tại buôn Nha Tron (xã Đăng Gia, huyện Tánh Linh) về Hàm Tân. Tôi không được đi dự cuộc họp của Ban cán sự Liên tỉnh 3 và Tỉnh ủy Bình Thuận vào cuối tháng 8/1954 nhưng có anh Bảy Tình đi học ở Liên khu 5 về theo đường dây liên lạc đình chiến, được Liên tỉnh 3 giữ lại tham gia cuộc họp ấy, nhận nghị quyết về truyền đạt lại và mang theo quyết định ngày 19/8/1954 thành lập Huyện ủy Di Linh đầu tiên sau khi có hiệp định Giơ-ne-vơ. Thành phần cấp ủy mới gồm:

Nguyễn Xuân Cảnh (tức là Du): Bí thư.

Nguyễn Trọng Tình (tức Bảy Tình): Phó bí thư.

Ma Hương (tức Huỳnh Lam Sơn): Ủy viên.

Hà Ngọc Bích (tức Hà Tấn Linh): Ủy viên.

Huỳnh Văn Thế (tức Huỳnh Văn Thứ): Ủy viên.

Sau khi nhận được quyết định chính thức thành lập Huyện ủy Di Linh và nghe anh Tình truyền đạt nội dung cuộc họp của Ban cán sự Liên tỉnh 3, chúng tôi căn cứ vào chức năng nhiệm vụ trên giao cho Đảng bộ Di Linh phân công trách nhiệm công tác và trách nhiệm địa phương, địa bàn như sau:

+ Bí thư phụ trách chung, lo xây dựng Đảng, tổ chức cán bộ cơ sở hợp pháp, chỉ đạo thông tin liên lạc đường dây, lo chỉ đạo công tác văn phòng.

+ Phó bí thư lo đời sống kinh tế, phụ trách tuyên huấn tư tưởng, xây dựng Hà Ró, Lu Khen, Lán Cóc.

+ Đồng chí Ma Hương phụ trách Kờ Dồn và vùng Nộp dọc sông Đăng Sách, quan hệ dân Tố La.

+ Đồng chí Bích và Thế phụ trách 30 buôn Nộp. Đồng chí Thế còn đặc trách hướng phát triển lên Tà Lọ, thay thế đồng chí Bá, sau khi ở lại, lên Di Linh bị địch bắt, không liên lạc lại được .

Đồng chí Nhật tuy không có trong Ban chấp hành Huyện ủy nhưng được tin nhiệm của tập thể giao phụ trách Chánh văn phòng Huyện ủy.

Trong cuộc họp này, căn cứ sự chỉ đạo chung của trên, chúng tôi rà soát lại nghị quyết cuộc họp cán bộ đầu tiên của Huyện đã nêu phần trên, cơ bản là phù hợp. Chúng tôi khẳng định lại và làm rõ hơn việc chuyển sự chỉ đạo lãnh đạo từ cơ sở quần chúng, tìm cách hợp pháp hóa hệ thống cán bộ tham gia kháng chiến chống Pháp có tên tuổi còn nằm lại trong dân và khẩn trương tạo ra nòng cốt mới, bám sát dân, sát với

buôn làng, tập hợp nhân dân tổ chức vận động công làm ăn, tổ chức đấu tranh dân sinh dân chủ, từng bước lồng nội dung đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng đem lại, tiến tới đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh hiệp định Giơ-ne-vơ.

Chúng tôi thảo luận kỹ chủ trương tranh thủ mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc, ra sức dùng dân nắm số tề, GUM cũ, chọn người có quan hệ tốt với dân, có cảm tình với cách mạng đưa ra bàn với dân, chuẩn bị lực lượng, nếu địch đến thì ta lãnh đạo đưa người tốt theo dự kiến ra làm đại diện. Đối với vùng Nộp, chúng tôi chủ trương an dân, kêu gọi họ trở về buôn làng cũ làm ăn, không để địch gom dân vào lập khu dân sinh kinh tế ở Di Linh.

Về chỗ ở và điều kiện phương tiện làm việc và phục vụ chỉ đạo, trong cuộc họp này chúng tôi đề ra 4 nội dung:

1. Có kế hoạch xây dựng nhiều căn cứ bí mật trên các vùng, trước mắt tìm cho được 3 địa điểm ở an toàn dọc suối Ty, suối Tà Mon, đảm bảo cơ động (đây cũng là vùng căn cứ kháng chiến chống Pháp, quần chúng đáng tin cậy, phải dựa vào dân mà bảo vệ chỗ ở).

2. Xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc, hình thành 3 hệ thống đường dây:

- Lực lượng bất hợp pháp là lực lượng công tác bất hợp pháp đảm nhiệm;

- Lực lượng bán hợp pháp do trung kiên cốt cán tổ chức quần chúng đi lại hoạt động hợp pháp nhưng mang tài liệu, thư từ hoặc truyền đạt bằng miệng đều là bất hợp pháp (đi

đường hợp pháp nhưng bỏ thư trong hộp thư không người);

- Đường dây hợp pháp bằng con người và mọi hoạt động đều hợp pháp, nhưng có nội dung chính trị mà luật pháp của địch phải thừa nhận (việc chọn người này phải thật tin cậy nhưng sống hợp pháp).

3. Xây dựng hệ thống mật danh, mật mã dùng kỹ thuật hóa học, phát hành tài liệu ta trong tài liệu địch, trong sách báo...

4. Xây dựng bản tin và phổ biến bản tin in Ronéo bằng một khuôn lùa, trực lẫn.

*

Ngày 19/5/1955, chúng tôi họp Huyện uỷ đánh giá kết quả tổ chức thực hiện chủ trương trên. Sau gần một năm, tình hình diễn biến như sau:

- Số cán bộ, đảng viên cũ thật sự nằm im, thay vào đó số anh em mới từng bước có trách nhiệm. Về tổ chức, lấy buôn làm cơ sở vận động quần chúng, mỗi buôn chúng tôi hình thành 3 loại lực lượng cơ sở gồm trung kiên cốt cán, cơ sở cách mạng, quần chúng cảm tình rộng rãi, mỗi loại tổ chức tự bắt rễ, xâu chuỗi hình thành chùm nho một cấp. Sau 9 tháng chúng tôi đã móc nối bắt rễ phát triển nhiều cảm tình Đảng trong đối tượng các loại trong 16 buôn ở Kờ Dòn và 12 buôn ở Nộp, 3 buôn thuộc xã Phan Tiến. Ngoài ra chúng tôi dùng số đảng viên cốt cán cũ, trực tiếp tranh thủ hầu hết số tổng lý, bọn GUM còn nằm lại trong buôn làng. Trong mỗi buôn có cơ sở, chúng tôi đều giao trách nhiệm tranh thủ làm binh tề

vận.

- Cơ sở thanh niên lo tổ chức tự vệ nhân dân, bảo vệ thành quả của cách mạng đem lại trong chống Pháp.

- Giao cho cơ sở nông dân và phụ nữ nông cốt tổ chức sản xuất, đoàn kết tương trợ trong buôn làng, giúp đỡ nhau khi đau ốm, đùm bọc nhau khi tối lửa tắt đèn. Thông qua tổ chức này mà cốt cán tập hợp quần chúng, vận động tham gia làm liên lạc, thông báo tình hình địch và ta, đấu tranh, giúp đỡ tiếp tế anh em trong cơ quan sống bất hợp pháp.

Sau 9 tháng thử thách, số đảng viên cũ móc nối lại còn được 15/50 đồng chí sống hợp pháp trong dân còn hoạt động tốt.

Cuộc họp này tiến hành tại ngọn suối Kờ Ma. Sau đó, chúng tôi chuyển về nhánh suối Con ngọn suối Ty. Hội nghị này đề ra nguyên tắc mỗi chỗ ở không quá 3 tháng, trong trường hợp bị lộ có người xấu biết phải dời ngay. Hội nghị cũng đề ra nội quy cơ quan là: đi không dấu, nấu không khói, nói không nghe xa, cấm hát, cấm la, tối thấp đèn không cho ánh sáng tỏa ra, cấm nuôi gà, đi đến cơ quan không dẫn theo người lạ, không đem theo chó. Chủ trương này được phổ biến miệng như nội quy cơ quan, bắt buộc mọi người đi công tác đều phải chấp hành.

TẾT GIÁP NGỌ (1955)

Năm đầu tiên Tỉnh ủy Bình Thuận và Ban cán sự Liên tỉnh 3 (tức là Ban cán sự Cực Nam cũ) ăn Tết tại núi Ba Cùm (cũng có lúc gọi là núi Kháng Hành). Anh Hai Lê bảo tôi về

cùng ăn Tết với các anh, do vậy mà cơ quan Huyện uỷ ăn Tết trước, vào ngày 28 Tết Giáp Ngọ. Sau đó tôi về ăn Tết với cơ quan anh Trần Lê theo lời mời, vừa làm trách nhiệm bảo vệ an toàn nơi ăn Tết của các anh nếu có dân đi làm ăn gấp mặt.

Tối 29 Tết (tháng thiếu), anh em cơ quan tập hợp nghe anh Trần Lê - Bí thư Ban cán sự Liên tỉnh 3 kiêm Bí thư Tỉnh uỷ Bình Thuận - nói chuyện. Chúng tôi chỉ uống nước trà chứ hàng Tết chẳng có thứ gì. Bộ phận kinh tế tài chính từ khu Lê lợi dụng đêm giao thừa mới vượt được đường số 1, qua đường sắt, từ núi Tà Dôn sang Cà Dập, chuyển hàng về núi Ba Cụt, nên hàng về muộn.

Lúc bấy giờ cả cơ quan chỉ có 1 chiếc ra-đi-ô, tôi được anh Trần Lê mời lên cùng nghe đài miền Bắc phát thanh về Tết hòa bình. Chúng tôi ngồi chờ đợi trên đỉnh đá cao núi Ba Cụt, nhìn về Phan Thiết thấy ánh điện sáng một vùng trời, thỉnh thoảng nghe súng nổ lửa thừa dọc đường 8. Hướng núi Tà Dôn đen thui thui như nấm mộ âm binh khổng lồ che trước mặt. Gần đến giao thừa mà anh em vẫn chưa thấy tăm hơi, nhưng lại nghe súng nổ râm ran, xen với tiếng súng đi đùng dọc chân núi Tà Dôn, chốc chốc chớp lên ánh sáng. Để phá tan nỗi âu lo, anh Lê hỏi tôi:

- Ông Cảnh có biết đánh cờ không?
- Biết, nhưng lâu nay không đánh.
- Tôi với ông đem cờ ra đánh, tôi sẽ chấp ông con ngựa.

Đồng chí cận vệ đưa bàn cờ ra, chơi hai ván tôi đều thua. Anh Lê lại chấp tôi cặp ngựa thì tôi đuổi lại anh luôn hai ván.

Đúng 3 giờ sáng, đoàn tải và văn phòng ở khu Lê vào báo tin anh Tự – Chánh văn phòng Ban cán sự Cục Nam cũ – khi sang đường bị phục kích có thể bị địch bắt, còn anh em vượt qua đường về được nhưng lấm be bết, mệt lả người. Vậy là cái Tết đầu tiên sau hiệp định Giơ-ne-vơ đối với Liên tỉnh 3 (sau này là khu 6) là cái Tết thử thách trong gian khổ bước đầu của thời kỳ quá độ từ chống Pháp sang chống Mỹ trên đất Lâm Đồng – Bình Thuận.

HỘI NGHỊ LIÊN TỈNH 3 NĂM 1955

Cuối quý 4 năm 1955, Liên tỉnh 3 tổ chức hội nghị tại vùng núi đèo Nam, gần buôn Nhà Tron (huyện Tánh Linh), tôi được mời tham dự. Hội nghị đi sâu đánh giá tình hình đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, kiểm điểm việc chỉ đạo chuyển phương châm phương thức hoạt động hợp pháp, lãnh đạo đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, rút kinh nghiệm việc vận dụng phương châm phương thức đấu tranh trong tình hình mới.

Hội nghị có ra nghị quyết chung nói nhiều về đồng bằng, riêng về miền núi chỉ nhấn mạnh: Đẩy mạnh xây dựng phát triển cơ sở trong đồng bào dân tộc, tận dụng mọi sơ hở của địch, ra sức giáo dục giác ngộ cơ sở quần chúng, vạch mặt Mỹ - Diệm về âm mưu tố Cộng, diệt Cộng, âm mưu phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, kéo dài việc chia cắt đất nước, không chịu hiệp thương tổng tuyển cử. Nghị quyết chỉ rõ phương hướng duy nhất là đoàn kết đấu tranh đòi thi hành hiệp định, kết với đấu tranh kinh tế đòi dân sinh dân chủ, cải thiện đời

sống nhân dân, xây dựng vững chắc cơ sở, củng cố thế và lực vùng căn cứ cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, sẵn sàng đập tan âm mưu trưng cầu dân ý, trò hề bầu cử quốc hội bù nhìn của Mỹ – Diệm...

Sau trò hề truất phế Bảo Đại, Diệm tự phong mình lên ngôi Tổng thống miền Nam ngày 26/10/1955, quyết tâm xóa bỏ hiệp định Giơ-ne-vơ, chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam. Đối với hai sự kiện trên, nhân dân các dân tộc vùng căn cứ kháng chiến chống Pháp Lâm Đồng và miền Tây các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận hoàn toàn tẩy chay, không đi bỏ phiếu.

Với trò hề trưng cầu dân ý để hợp pháp chế độc độc tài khát máu ở miền Nam Việt Nam, Diệm bỏ quan thầy Pháp, ôm chân đế quốc Mỹ. Được Mỹ bợ lên làm tổng thống bù nhìn, Diệm lợi dụng địa vị mới, tiếp tục đẩy mạnh trên toàn miền Nam chiến dịch tố Cộng, diệt Cộng, bằng nhiều thủ đoạn trắng trợn tàn bạo, bất chấp dư luận trong nước và thế giới. Các đồng chí lãnh đạo Chính phủ ta đã liên tục tố cáo âm mưu Mỹ - Diệm rắp tâm phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nêu rõ: Sức ép càng mạnh, tiếng nổ càng to... Mỹ – Diệm đã gieo gió thì phải gặp bão...

Mỹ - Diệm dựng lên cái gọi là “phong trào cách mạng quốc gia”, lập ra “đảng cần lao nhân vị”, dùng học thuyết duy linh ma quái để lừa bịp mọi người, nhưng không thuyết phục nổi nhân dân miền Nam nói chung và các dân tộc thiểu số ở Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, trong đó có

các dân tộc Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Đồng.

Mỹ - Diệm dùng thủ đoạn mua chuộc dụ dỗ, nhưng liên tiếp bị thất bại trong 2 đợt tổ Cộng diệt Cộng và bị nhân dân ta vạch mặt, nói rõ tội ác của Mỹ - Diệm trong các cuộc học tập. Không mê hoặc dụ dỗ được nhân dân, không đe dọa được cán bộ, đảng viên của ta, Mỹ - Diệm dùng chính sách khủng bố trắng trợn, đàn áp dã man nhân dân yêu nước. Chúng tự do bắn giết nhiều người kháng chiến rồi cột trong bao bố thả trôi sông và bắt đánh đập, gây thương tích, tù đầy hàng vạn người vô tội chỉ vì họ yêu nước, đứng lên đấu tranh, tay không tác sát, điển hình là các vụ: chợ Được, Hà Lam, Hội An, Tuyên Phước, Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Ngân Sơn, Chí Thạnh (Phước Yên), Kim Bôi, Quảng Ninh (Quảng Điền), Đồng Lộc, Hương Điền (Quảng Trị - Thừa Thiên), Gò Vang, Hội Khánh (Phước Mỹ, Bình Định), Hàm Thuận, Hàm Tân, Bắc Ái (Ninh Thuận, Bình Thuận).

Đối phó với thủ đoạn khủng bố tổ Cộng tàn bạo của địch nói trên, tuyệt đại đa số đảng viên, cán bộ của Đảng, được nhân dân đùm bọc cứu mang, đã cùng đồng bào đấu tranh kiên quyết với Mỹ - Diệm, giữ vững khí tiết cách mạng, khiến quân thù phải kính nể... Nhưng trong bước ngoặt lịch sử, trước thủ đoạn khủng bố tàn bạo của quân thù, trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên, không ít anh em bị kẻ thù mua chuộc, trong đó có số vì tham sống sợ chết đã can tâm đầu hàng, phản lại nhân dân, xóa bỏ công sức đóng góp của mình trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc .

Trước tình hình lúc bấy giờ, tôi có làm bài thơ *Bước nữa đi anh* với tên tác giả là TH để vừa củng cố, động viên mình mà cũng để lưu truyền cảnh tỉnh trong nội bộ. Bài thơ đã được lưu hành bằng miệng vào các trại giam của địch và loan ra đến ngục tù Côn Đảo. Khi anh Tư Bốn (Bốn Cà) ở Phan Thiết bị bắt đi đày ở Côn Đảo, có mang bài thơ về lại đất liền nhưng không rõ của ai? Trong cuộc họp mặt một số cán bộ, đảng viên ở lại sau hiệp định Giơ-ne-vơ, tại Phan Thiết, anh em đem ra đọc, tôi mới biết bài thơ của mình đã đến Côn Đảo.

Mỹ - Diệm liên tiếp mở chiến dịch tố Cộng đợt 2, đợt 3 ở đồng bằng. Trong khi đó, ở miền núi, chúng mở chiến dịch Trương Tấn Bửu lúc đầu ở vùng dân tộc Tánh Linh. Chúng đưa tên Phúc phản bội Đảng, phản bội nhân dân, làm tay sai cho Mỹ - Diệm, tố Cộng chỉ điểm, tìm diệt cán bộ kháng chiến chống Pháp hết sức thâm độc, làm ảnh hưởng không nhỏ đến nội bộ, quần chúng nhân dân địa phương.

*

Sau khi tham gia hội nghị Liên tỉnh 3 về, Huyện uỷ Di Linh tổ chức hội nghị Huyện uỷ mở rộng, phổ biến nghị quyết của trên và kiểm điểm tình hình trong huyện, bàn kế hoạch đối phó với âm mưu tố Cộng của Mỹ - Diệm đối với miền núi.

Trong hội nghị, chúng tôi bàn 3 nội dung nêu trên, tập trung kiểm điểm đánh giá địch ta, quá trình chuyển phương

châm, phương thức của huyện, từ thực tế mà bàn biện pháp xây dựng, phát triển, củng cố tổ chức lực lượng chính trị đối với đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước đẩy mạnh đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống xâm phạm quyền lợi của người dân, chống bắt thanh niên đi lính cho địch. Trong hội nghị có hai ý kiến:

- Cho tề Kờ Dồn, Nộp cùng lên trình diện với địch ở huyện Di Linh hay Nộp trình diện ở Di Linh, Kờ Dồn trình diện ở B' Lao là hành động hữu khuynh, không cần thiết.

- Cứ chuẩn bị sẵn người đại diện cho dân, khi chúng đến tiếp quản thì đấu tranh đưa ra, chứ không cho tề cũ chủ động lên trình diện.

Cùng lúc đó, một số đồng chí đưa ra ý kiến: Hai xã căn cứ Chi Lai, Man Yêu cử đại diện xuống liên lạc với tổng Nông Tang (tức Ma Lâm thuộc Phan Lý Chàm) thăm dò.

Huyện uỷ chủ trương lãnh đạo, đưa số tề cũ mà lâu nay ta đã nắm được lên Di Linh, B' Lao thăm dò tình hình, tìm cách liên lạc với Tổng Nãi, Tổng Bơ Rịu, liên kết đấu tranh chống bắt đồng bào dân tộc làm xâm phạm quyền lợi không kỳ hạn ở các cơ sở, nhất là ở sở Lu-xe (sở Tư Quý sau này) và cũng để từng bước lập thế chủ động, hợp pháp hóa đối với dân vùng căn cứ giải phóng chống Pháp.

Huyện uỷ cũng chủ trương chọn một số cán bộ cốt cán của ta được dân tín nhiệm cử lên để làm phụ phó lý (tức là phó lý phụ), mặc nhiên bắt buộc địch phải công nhận.

Chúng tôi trao đổi đến cùng và đi đến nhất trí ra nghị

quyết:

- Xã Man Yệu sáp nhập vào tổng Nộp và vùng dọc theo nước sông trực thuộc huyện Di Linh.

- Xã Chi Lai nằm trong tổng Kờ Dòn, trực thuộc B' Lao.

Trong tình hình trước mắt, kẻ địch còn nhiều sơ hở. Giữa hai vùng giáp ranh, đồng bằng và miền núi (Lâm Đồng và Bình Thuận), chúng không đủ sức quản lý kiểm soát (trên Di Linh, Lâm Đồng chồm không đến, dưới Ma Lâm, Bình Thuận phát triển lên không tới). Hơn nữa, đối với vùng Kinh ở đồng bằng, Mỹ – Diệm không ổn định nổi, nên không đủ sức tập trung đến tiếp quản kiểm soát vùng này.

Về mặt cơ bản, ta chuẩn bị nhân sự đấu tranh để khi địch lập hệ thống hành chính ta đưa ra, khi bọn Di Linh, B' Lao đến tiếp quản.

Về thủ đoạn chiến thuật, ta chủ trương lập quan hệ làng nhàng đối với địch ở Ma Lâm (Hàm Thuận, Bình Thuận) bằng cách đưa lực lượng già làng xuống Phan Lý, quan hệ tranh thủ Tổng Nông Tang để giữ thế, nếu bọn trên xuống khùng bố thì dùng già làng xin về hệ thống hành chính Phan Lý làm cơ để hòa hoãn, chờ có hiệp thương tổng tuyển cử.

Về tư tưởng trong tập thể chỉ đạo, tuy có sự suy nghĩ khác nhau, riêng tôi dự định lúc bấy giờ làm sao giữ thế làng nhàng kéo dài trong 2 năm cho đến khi có hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất để tránh việc nguy quyền Sài Gòn (Mỹ – Diệm) lập được bộ máy kèm và tổ chức lực lượng vũ trang trong vùng dân tộc, sẽ gây khó khăn lâu dài sau này.

Chủ trương này kéo dài đến cuối năm 1956 khi mùa mưa gần chấm dứt.

HỘI NGHỊ BAN CÁN SỰ LIÊN TỈNH 3 NĂM 1956

Hội nghị Ban cán sự Liên tỉnh 3 họp ở khu Lê Hồng Phong.

Lần đầu tiên trong đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, tôi đi họp Liên tỉnh. Từ miền núi xuống đồng bằng về căn cứ khu Lê, tôi đi theo đường dây bất hợp pháp do đồng chí Hội và đồng chí Thu dẫn đường, xuyên qua Ma Lâm, băng đồng Tam Giác qua chân núi Ta Dol, về Trại Mấu, Giếng Đế, đến họp tại một địa điểm mà bây giờ tôi không còn nhớ rõ. Tôi gặp anh Tám Hiền, anh Mười Râu (tức anh Hải - Bí thư khu Lê Hồng Phong). Trong cuộc họp, các anh báo cáo tình hình nhân dân đồng bằng đấu tranh đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, chống địch tố Cộng, đòi dân sinh dân chủ rất thông minh và sáng tạo cả về khẩu hiệu, tổ chức lực lượng và các hình thức đấu tranh phong phú, kiên cường rất đáng tự hào.

Dự cuộc họp có cả các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, nhưng với nguyên tắc bí mật nên tôi chẳng tò mò hỏi han, do đó có anh biết mặt nhưng không biết tên. Qua mẩu chuyện đấu tranh của người Kinh ở đồng bằng, suốt hội nghị lòng tôi luôn băn khoăn suy nghĩ: người Kinh ở đồng bằng có phong trào đấu tranh chính trị giỏi, còn người dân tộc thiểu số đấu tranh đòi thi hành hiệp định thế nào đây?

Tôi không còn nhớ kỹ nội dung nghị quyết hội nghị Liên tỉnh 3, nhưng đối với vùng dân tộc, trong nghị quyết có nhấn mạnh: Cần khẩn trương xây dựng phát triển thể và lực cách mạng trong quần chúng, sẵn sàng đội ngũ, khi cần phối hợp với phong trào đồng bằng đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống áp bức bóc lột, bất công, đòi thực hiện chính sách bình đẳng giữa các dân tộc, kiên quyết không đi làm sâu cho các đồn điền, không đi lính cho Mỹ - Diệm để bắn giết lẫn nhau, đòi mở trường dạy học trong địa phương, không chịu đưa con em đi học xa...

*

Trên đường đi họp về, gần Tết Đinh Dậu (1957), kẻ địch tung quân lùng sục, phục kích ngăn chặn việc liên lạc tiếp tế của ta. Chúng đánh phá các bàn đạp giao thông tiếp liệu, gây khó khăn trên đường hành lang từ khu Lê về Ba Cụt nên đường về luôn căng thẳng.

Chúng tôi đi ban đêm, băng đồng từ Giếng Đế đến Tiên Sơn thì vừa sáng. Cố gắng gặp nhân dân, chúng tôi bí mật vào nhà anh Minh, chị Xuyên ở Tiên Sơn (Hàm Phú) nắm tình hình, được biết anh Tại, anh Mỹ, chị Song, anh Tám Bộng vẫn còn tốt. Chúng tôi vượt nhanh cánh đồng Cà Dập đến trảng dầu Tiên Sơn vào nhà anh Tám Bộng dừng chân, bắt liên lạc với anh Mỹ (*), giao nhiệm vụ làm bàn đạp tiếp tế cho huyện.

* Anh Mỹ là cha của anh Tư Lai ở Đạ Huoai hiện nay.

Trong bữa ăn sáng, bà con nói về vụ Bách Tùng bị bắt tố Cộng, xé cờ trước nhân dân, bắt buộc nhân dân ký tên gửi Ủy hội quốc tế, nêu nguyện vọng không chịu thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, kiến nghị Ngô Đình Diệm mang quân vượt sông Bến Hải “Bắc Tiến”. Nhân dân thắc mắc về việc ta chủ trương đấu tranh chính trị nhưng kẻ địch dùng bạo lực đàn áp, cứ thế này thì không sao sống nổi trong chế độ Mỹ - Diệm chờ đến ngày tổng tuyển cử.

Với ý chí cách mạng, nhân dân vùng này vững vàng, nhưng trước sức ép của địch, bà con đã bắt đầu lo sợ. Tết năm ấy, anh em về mua hàng, bà con không dám nhận thoải mái như trước. Trong chiến dịch Trương Tấn Bửu, bọn địch lại tiếp tục đánh phá miền núi. Chúng tập trung đánh phá trọng điểm ở vùng căn cứ Đăng Gia (Tánh Linh), nhưng có ảnh hưởng không nhỏ đến các vùng căn cứ chống Pháp ở Di Linh. Nhân dân bắt đầu cảm thấy việc đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ không thể đóng khung trong 2 năm theo văn bản giữa Pháp và ta đã ký. Tuy nhiên, trong tâm tư tình cảm bà con vẫn còn nuôi hy vọng... Già đồn non lẽ, nếu nhân dân ta đứng dậy đấu tranh thì buộc chúng phải thi hành. Trong đấu tranh vũ trang có hy sinh xương máu, còn đấu tranh chính trị chắc phải chịu chém giết tù đầy, chứ không đơn giản như ta nghĩ ban đầu. Về nhiệm vụ lãnh đạo đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, đấu tranh vũ trang 9 năm giành độc lập tự chủ cho một nửa nước, nay đấu tranh chính trị giải phóng miền Nam theo hiệp định Giơ-ne-vơ chắc không phải 2 năm mà phải có thời gian nhất định. Đấu tranh chính trị cũng phải

có trận Điện Biên Phủ, nhưng trận Điện Biên Phủ về chính trị thì nào có ai biết...

Sau khi gặp một số đảng viên và nhân dân ở Hàm Phú, trên đường về núi Di Linh, tôi suy nghĩ miên man, chưa được ai giải đáp phương án có cơ sở thực tiễn. Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã viết bài thơ *Lời thề* về sau có in trong tập *Thơ Ký sự*.

Trước khi đi họp, tôi đã hẹn với anh em sẽ về liên lạc tại suối thác ông Mười - nơi anh Huê huấn luyện cán bộ cốt cán, chuẩn bị đội ngũ cán bộ hợp pháp đưa về làm nòng cốt đấu tranh của quần chúng, còn địa điểm họp để phổ biến nghị quyết của hội nghị Liên tỉnh 3 sẽ giải quyết sau.

*

Trên đường về, tôi và anh em liên lạc (đồng chí Bản và Thu) bàn nhau nên cắt thêm đường mới, tránh đường dễ địch phát hiện, phục kích, đánh bắt gây tổn thất; chịu khó cắt đi không thành đường, nhưng cũng rất nhiều đường, khi đi đường này, khi về đường khác, chịu khó, đổ mồ hôi để khỏi đổ máu, tránh bị bắt vào tù, thả sống với củ mài, vui với chiến khu, sống với ruồi vàng, hổ xám mà được tự do là hạnh phúc. Sau khi trao đổi việc mở đường mới để đi, các đồng chí liên lạc rất đồng tình, chúng tôi cắt từ trắng rừng đầu Chà Beng - Tiên Sơn xuyên qua Hàm Cần, bỏ con đường Ba Cùm, vượt núi trèo qua ngọn sông Do, băng về suối Đá Bàn, qua bầu Ông.Bà. Con đường mới dốc ơ là dốc!

Trời đông sắp mãn, mùa xuân bắt đầu, lá đầu rơi xuống phơi mình vàng trên đất xám, chồi non bám nhựa sống nở lá non xanh. Hương xuân thúc giục lòng chinh khách, mặt bám đất, đầu đội trời, lưng cõng ba lô bằng tấm bao tải bột mì có hình ảnh hai bàn tay tượng trưng “Việt - Mỹ đề huề”. “Đề huề” cái gì? 9 năm kháng chiến đánh Pháp thua rồi, nay Mỹ bám trên lưng ta vai nặng trĩu ngút ngàn và sẽ bám ta đến bao giờ? Có phải chịu 100 năm như thời thuộc Pháp không? Chân bước nặng nề trên núi mà lòng băng khuâng đổ ai biết lòng ai? Chim rừng lao xao mừng ngày xuân sắp đến. Nai, đò gặm nhấm cỏ, vầy đuôi trên trắng cỏ xanh, thỉnh thoảng ngẩng đầu nhìn trời.

Vượt khỏi đất bằng, lên ngọn sông Do, tưởng đã an toàn như chim về rừng, tung cánh tự do, nhưng lại gặp một bầy voi dữ, con nào con nấy to tướng. Ba anh em chúng tôi từ từ lê xuống dốc, vừa đi vừa theo dõi bầy voi. Đàn voi rất đẹp, nhưng lòng nơm nớp lo sợ voi phát hiện đuổi theo, vừa cảnh giác sợ có dân làm cá dưới sông Do. Cách bầy voi 100 mét rồi 50 mét, chúng tôi đến được gộp đá nhìn xuống sông Do quan sát thấy không có người làm cá. Đồng chí Thu đếm đàn voi tất cả 13 con lớn nhỏ đang vờn nhau giữa lán tranh, xung quanh là rừng le, mạy mại. Con voi đầu đàn có hai chiếc ngà kẹp hai bên cái vòi màu trắng đục từ từ đi vào rừng le, gần cụm đá chúng tôi ngồi. Đồng chí Bản ra hiệu ba anh em cùng đồng thanh hét to. Nghe tiếng thét bất ngờ của chúng tôi quá gần, con voi đầu đàn quay đầu, vừa gầm vừa chạy, cả bầy cùng chạy theo như đoàn xe tăng xé rừng bạt núi, phọt phân

tung tóe trên đường. Ba anh em chúng tôi nhân cơ hội nhanh chân băng qua lán tranh như ba mũi tên lao nhanh đến đích. Qua khỏi trảng, chúng tôi hạ ba lô ngồi lại kháo nhau: “Thì ra con voi to và cả một bầy đông nhưng cũng phải sợ ba con người nhỏ bé cõn con và khôn ngoan này!”

Khi ra đi, chúng tôi dự định đến ngọn sông Do ăn trưa, nhưng xảy ra tình huống này, chúng tôi sợ bầy voi trở lại trả thù. Hơn nữa, khi đuổi voi, anh em đã la to giữa rừng, sợ có người xấu nghe được đi tìm dấu vết, nếu dừng lại ăn trưa sẽ không đảm bảo an toàn, việc cắt đường mới là uống công. Ba anh em chúng tôi hạ quyết tâm đi luôn đến ngã ba suối Ty sẽ ăn trưa cũng chẳng muộn, tuy đói nhưng đảm bảo an toàn.

Đến suối Ty, chúng tôi dừng lại nấu nước uống, đem cơm vắt ra ăn với mấy con cá khô mang từ khu Lê về. Ăn xong, tôi còn ba điều thuốc Ruby đem ra chia mỗi người một điều, hút xong chôn tàn xuống đất. Ba anh em phân nhau ngồi ba góc xung quanh ụ mối, vừa nghỉ chân vừa cảnh giác, đề phòng địch và người lạ đi rừng gặp. Sau 5 phút, tôi nghe tiếng ngáy của đồng chí Bản thả giọng trầm bổng lên đèo, đồng chí Thu dùng bông gạo lót đầu nằm nhìn trời, xem mây trôi lơ đãng một hồi, còn tôi thì thao thức suy tính chuyện sắp đến, việc gì phải bàn khi họp cấp ủy, mặc dù 2 đêm trường từ khu Lê về bị mất ăn mất ngủ.

Hai giờ chiều ngày hôm ấy, trời bắt đầu dịu nắng, ba anh em vượt núi Tân Bưởi về suối Hang Rắn, gặp các anh Ma Hương, Thử, Bích, Nhật, Tình vừa đến trong ngày. Các anh

đang làm chỗ ở chưa xong, chúng tôi gặp nhau vui mừng khôn xiết.

Các đồng chí ở nhà nóng lòng mong tôi đi họp về để biết chủ trương mới đấu tranh đòi thi hành hiệp định. Trong vòng hai tuần lễ đi xuống khu Lê họp, các anh lo cho tôi bị rủi ro dọc đường, còn lòng tôi mãi lo cho anh em ở nhà đi cộng tác bị địch đánh phá bàn đạp, không an toàn tính mạng.

Lần đầu tiên tôi đi hội nghị từ đồng bằng về, đồng chí Bản mở ba lô ra lấy 2 kg kẹo, 2 gói trà Đỗ Hữu và 1 cây thuốc Ruby của hội nghị biếu. Tôi nhờ đồng chí Bản mang về giao cho đồng chí Nhật - Chánh văn phòng - để dành cho hội nghị. Nhưng hội nghị Huyện uỷ đâu có thêm ai nữa, tôi nói với đồng chí Nhật lấy ra 1 gói thuốc, 1 kg kẹo, nấu nước uống ăn mừng ngày gặp mặt an toàn, chuyển đi thắng lợi. Hai đồng chí bảo vệ và cận vệ của Liên tỉnh công về giúp cho anh em được 10 kg cá khô, mắm ruốc với 15 kg gạo ăn đường còn lại, cộng với mấy con chim đất, gà rừng anh em ở nhà bẫy được, chúng tôi nấu canh lá bép làm bữa tiệc tối. Câu chuyện lai rai giữa kẻ ở người đi trong thời gian 2 tuần kéo dài cho mãi đến 12 giờ đêm.

Để chuẩn bị cuộc họp Huyện uỷ lần này, chúng tôi tổ chức cho anh em dân tộc vừa làm liên lạc bảo vệ, vừa đi đánh cá. Vốn quỹ cơ quan còn 100 đồng bạc Đông Dương, chúng tôi bí mật vào trong dân mua một con lợn con và giao cho anh em thanh niên Tân Bưởi mang ra hội nghị.

HỘI NGHỊ HUYỆN ỦY DI LINH LẦN THỨ 5

Trong hai ngày đầu, hội nghị phổ biến tình hình Mỹ - Diệm vi phạm và phá hoại hiệp định, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam được sự ủng hộ của quốc tế và tình hình đấu tranh của nhân dân miền núi các tỉnh ở khu 5.

Ngày kế tiếp, hội nghị phổ biến nhiệm vụ sắp đến (cả năm 1957), tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, xây dựng phát triển củng cố lực lượng cách mạng trong nhân dân, lực lượng nòng cốt lãnh đạo nhân dân sản xuất, làm ăn, đẩy mạnh đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đề phòng khủng bố tố Cộng của địch, xây dựng chỗ dựa vững chắc trong quần chúng, phối hợp với cuộc đấu tranh ở đồng bằng, khi cần dung nạp lực lượng bất hợp pháp từ đồng bằng chạy lên miền núi là chỗ dựa, là bàn đạp an toàn của cuộc đấu tranh.

Hội nghị dành hai ngày để kiểm điểm 3 đồng chí lãnh đạo chủ chốt.

Trong cuộc họp Huyện uỷ lần này, chúng tôi bàn rất nhiều vấn đề vì nhiều người thấy địch đang ra sức phá hoại hiệp định, trong thời hạn 2 năm không có tổng tuyển cử nên bắt đầu có dao động. Cần có chuẩn bị tư tưởng cho anh em, xây dựng quyết tâm đấu tranh lâu dài, chứ không nói chủ quan như lần trước.

Lần họp này xác định cuộc đấu tranh đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ phải có đổ máu. Tuy chưa nói rõ sẽ có đấu

tranh vũ trang để chặn bàn tay sát nhân của Mỹ – Diệm, nhưng lần này đã bàn đến xây dựng phát triển lực lượng chính trị, trong đó phải có lực lượng tự vệ để bảo vệ buôn làng, chống khủng bố đàn áp của địch.

Khi bàn về nội dung và hình thức đấu tranh cụ thể đối với điều kiện là đồng bào dân tộc trong chế độ phát xít của Mỹ - Diệm, chúng tôi rất lúng túng:

- Đấu tranh như thế nào trên địa bàn Di Linh, B' Lao trong lúc ta không rõ hết âm mưu thủ đoạn cụ thể của địch ở Lâm Đồng đối với đồng bào dân tộc?

- Đấu tranh với khẩu hiệu, nội dung và hình thức nào là phù hợp để giữ nguyên tắc mà Trung ương đề ra: có lý, có lợi, có chừng mực, tránh chỗ mạnh của địch, đánh vào chỗ yếu của địch?

- Những yêu cầu bức xúc của nhân dân là gì?

Hội nghị giao cho các đồng chí Huyện uỷ viên dân tộc và các đồng chí phụ trách địa phương tiếp tục gặp trung kiên cơ sở quần chúng, đấu tranh thích hợp, giao cho Thường vụ Huyện uỷ quyết định cụ thể.

Trong hội nghị này có đồng chí cho rằng: Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn kiện pháp lý, có quốc tế đảm bảo, có tổ chức quốc tế giám sát, bám vào hiệp định mà đòi. Tôi nghĩ điều đó là hoàn toàn đúng, nhưng ở đồng bằng, người Kinh có nhiều khả năng thực hiện việc ấy, còn ở miền núi, bàn về vấn đề đấu tranh đòi thi hành hiệp định là vấn đề khó. Nếu nêu khẩu hiệu này ra, địch nói do Cộng sản bày, lấy cớ khủng bố như

chúng đã khùng bố dân Đảng Gia ở Tánh Linh (Bình Thuận). Anh Tám Triều - Thường vụ Tỉnh ủy, anh Bái - Tỉnh ủy viên Bình Thuận - đã phát động nhân dân đấu tranh quyết liệt, nhưng vẫn không làm cho kẻ thù chùn bước mà còn kích thích chúng khùng bố ta, làm bộc lộ lực lượng.

VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG ĐẤU TRANH

Sau hội nghị, tôi, anh Ma Hương và các đồng chí địa phương lên Kờ Dòn gặp cơ sở các buôn Bờ Rang, Kon Ó, Linh Giang, bí mật mời một số cốt cán và quần chúng tốt ra rừng nói chuyện về tình hình, trao đổi nhiệm vụ, bàn công việc làm ăn của nhân dân. Bà con phản ánh việc chuẩn bị phát rẫy năm ấy bị chính quyền địch hạn chế, cấm đoán, số lao động khỏe mạnh trong buôn làng bị bắt đi lính một phần, một phần phải đi làm xấu cho chủ đồn điền Lu-xe, mỗi bài chỉ (như giấy chứng minh nhân dân của ta hiện nay) phải đi làm xấu mỗi tháng 10 ngày như thời Pháp thuộc, không có thời gian phát rẫy làm nương để có ăn... Tôi giao đồng chí Thét đi công khai xác minh lại tình hình, thăm dò quần chúng, nghe ý kiến tổng lý, gợi ý tổng lý cùng với nhân dân đấu tranh. Sau một tuần lễ, Thét về phản ánh ý dân cho rằng bỏ không đi làm xấu ở nhà phát rẫy làm nương là chủ trương đúng với nguyện vọng của họ, nhưng tổng lý vẫn tiếp tục tống nạp theo sự phân bổ của quận, tổng lý không dám hậu thuẫn để nhân dân đấu tranh.

Trước tình hình trên, tôi bàn với đồng chí Ma Hương tìm cách mời Tổng Téo, lý trưởng Măng Đăng Min, lý trưởng Nê

Kon Ó với danh nghĩa rủ đi chài cá, gặp nhau ở gần sông Đăng Sách, La Ngà bàn bạc việc lãnh đạo nhân dân phát rẫy, bằng mọi cách tranh thủ Tổng Téo cùng với nhân dân đấu tranh bỏ chế độ làm xấu cho các chủ sở Pháp.

Chúng tôi chủ trương dân Kờ Dồn không đứng ra đấu tranh đơn độc và trực tiếp mà tranh thủ cả dân Kờ Ho, Mạ, Tố La, Nộp cùng đồng tâm hiệp lực tẩy chay không đi làm xấu cho các sở theo chế độ bắt buộc... Để làm được việc đó, trong lần trao đổi này, anh Ma Hương hướng dẫn ông Téo, ông Cây đi quan hệ với Năm Béo - lý trưởng Kon Rum, tranh thủ Tổng Nải, Tổng Bà Rịu. Chúng tôi phân công anh Thứ trực tiếp tranh thủ lý trưởng Măn Hà Giảng, Tổng Bèng Tà Bó đồng tình với nhân dân, cùng nhau thống nhất với dân tẩy chay không đi làm xấu cho sở, tổng lý không được bắt buộc dân đi làm xấu cho các sở trong mùa phát rẫy làm nương; nếu tỉnh huyện cho lính xuống bắt giải đi thì tổng lý đứng về nhân dân đấu tranh kiên quyết bỏ chế độ làm xấu cho các chủ đồn điền Pháp mà gần 100 năm qua đã thực hiện dưới chế độ thực dân phong kiến.

Cuộc vận động quần chúng chuẩn bị lực lượng tổ chức đấu tranh diễn ra gần 4 tháng trời bằng nhiều hình thức. Kết quả là tất cả các tổng cùng nhân dân nhất trí từ 1/5/1957 không còn ai đi làm xấu cho các đồn điền chề, cà phê ở Lâm Đồng, trước hết là nhân dân các dân tộc cả tỉnh chấm dứt đi làm xấu. Cuộc đấu tranh này bắt buộc Tỉnh trưởng ngụy quyền Lâm Đồng Huỳnh Công Tịnh phải bãi bỏ chế độ làm xấu, bỏ

nap thuế thân đối với đồng bào dân tộc trên địa bàn Lâm Đồng. Từ đây chấm dứt chế độ 100 năm nô lệ dưới thời thực dân xâm lược Pháp đặt ra. Chúng tôi cho đây là một thắng lợi to lớn, tạo lòng tin ở sức mạnh của mặt trận đoàn kết đấu tranh giành thắng lợi của các dân tộc trên mảnh đất Nam Tây Nguyên này.

Qua thắng lợi của cuộc đấu tranh chống xâu cao thuế nặng của đồng bào các dân tộc năm ấy, nhân dân vô cùng phấn khởi, nhưng một số tổng lý vừa mừng vừa lo, sợ địch trả thù. Mặt khác, trong hàng ngũ tề có một số ít tỏ thái độ không đồng tình vì dân không làm xâu, không đóng thuế thì không có cơ để phạt vạ, ăn lót, quyền hành chính trị, quyền lợi kinh tế, uy thế xã hội của tề cũng bị giảm sút rõ rệt.

Phát huy thắng lợi, Huyện uỷ chủ trương tiếp tục phát động quần chúng đoàn kết đẩy mạnh sản xuất, từng buôn làng phát triển lực lượng thanh niên bảo vệ cuộc sống và sản xuất của dân. Trong số 53 buôn ở vùng Nam Di Linh, 39 buôn có cơ sở và từng buôn có tổ đoàn kết sản xuất, trên 250 thanh niên được tập hợp hình thành lực lượng bảo vệ buôn làng.

Chúng tôi phân công nhau theo lịch, từng đồng chí trong Huyện uỷ hàng tháng xuống sát từng buôn, bí mật triệu tập cốt cán ra rừng ra rẫy, sinh hoạt chặt chẽ thông qua hình thức làm ăn, chặt mây, làm cá, đi nương... Qua đó phổ biến chủ trương đường lối của Đảng, động viên tổ chức lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, nói rõ chính sách của Đảng đối với đồng bào dân tộc.

Từ ngày đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng vượt qua và chấm dứt nạn xâu cao thuế nặng của chế độ thực dân và phong kiến hàng trăm năm, lẽ ra từ đây sức lao động được giải phóng, sức sản xuất phát triển, đời sống kinh tế - văn hóa sẽ được cải thiện từng bước, nhưng Mỹ - Diệm không để yên cho dân làm ăn. Chúng đã tìm cách khủng bố, dồn dân lập khu trù mật, khu dân sinh, ra lệnh dồn dân Nộp về Gia Bắc, dồn dân Tố La về vùng Bông Kờ Ho, dồn dân Kờ Dòn về Bờ Krôn, dồn dân La Dạ, La Ngâu, Bà Gia về Bắc Ruộng, Bắc Núi.

Để chống âm mưu trên, Huyện uỷ chúng tôi họp bàn đối phó với mọi thủ đoạn khủng bố trả thù của Mỹ - Diệm và chủ trương vận động nhân dân chống gom dân, bắt lính, chà đạp quyền dân chủ của dân.

Hội nghị chúng tôi đề ra 3 nhiệm vụ:

1. Bằng mọi cách, vận động quần chúng mở rộng mặt trận đoàn kết thôn xóm, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, đoàn kết Kinh Thượng, tranh thủ tầng lớp trung gian, cùng nhau đấu tranh chống gom dân, bắt lính, giữ đất, giữ rừng núi ông bà, đảm bảo an dân, đảm bảo sản xuất, cải thiện đời sống.

2. Đẩy mạnh sản xuất tự túc lương thực đủ ăn, phần đầu có dự trữ để đề phòng địch càn quét, gom dân, cướp phá, hoặc nếu có thiên tai mất mùa cũng không bị đói. Ngoài truyền thống làm rẫy trồng lúa, chúng tôi phát động trồng mì, lang, khoai sọ, vừa dự trữ cho mình, vừa giúp đỡ người nghèo đói trong xóm làng. Mỗi lao động phải trồng cho được 500 gốc

mì, 20m lang và 10 gốc khoai sọ, khoai mỡ trong rẫy.

3. Tổ chức giáo dục thanh niên chống gom dân bắt lính, phát động quần chúng đoàn kết đấu tranh bảo vệ thanh niên, không cho con em đi lính làm tay sai cho Mỹ, phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ buôn làng, bám đất sản xuất.

TÌNH HÌNH KHÓ KHĂN

Sau ngày 20/7/1957, địch tiếp tục khủng bố, tố Cộng khắp nơi. Ở Tánh Linh, chúng mở chiến dịch tố Cộng, đánh thẳng vào nhân dân, triệt phá nhiều buôn làng trong các căn cứ đánh Pháp, dồn dân ra tập trung ở Đồng Kho, Đồng Me ... Mỹ - Diệm trắng trợn tuyên bố không thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, không có tổng tuyển cử, chuẩn bị lấp sông Bến Hải, đánh ra miền Bắc để thống nhất đất nước.

Trước tình hình đó, trong khi nhân dân ở đồng bằng đấu tranh quyết liệt, kẻ thù khủng bố đầm máu, nhân dân các dân tộc miền núi ở phía Tây Bình Thuận, Ninh Thuận, Nam Lâm Đồng lại dao động. Tại vùng yếu, một số tề ngụy cùng một số quần chúng không tốt với cách mạng bắt đầu nổi lên chống chế nhân dân, hăm dọa cơ sở, đảng viên, cán bộ kháng chiến chống Pháp mà chúng nghi còn hoạt động. Trong vùng căn cứ kháng chiến cũ bắt đầu có người đòi chạy vào rừng sống bất hợp tác với giặc, nhất là sau vụ khủng bố buôn Nha Tron (xã Đăng Gia, Tánh Linh).

Tình hình chính trị trong nhân dân trở nên phức tạp, nhất là sau tháng 7/1957, không có hiệp thương tổng tuyển cử.

Trong nội bộ, đảng viên, cán bộ lo lắng, nhiều đảng viên cốt cán dân tộc dao động, thiếu tin tưởng kết quả của đấu tranh chính trị. Đời sống của một số cán bộ hoạt động bất hợp pháp rất khó khăn; tiền trợ cấp của trên (mỗi tháng 100 đồng Đông Dương) không còn nữa, lương thực mua từ B' Lao, Di Linh về và từ đồng bằng mang lên bị kiểm soát gắt gao, việc tiếp tế liên lạc giữa các vùng gặp khó khăn. Chúng tôi bắt đầu động viên anh em trong nội bộ ai còn tiền riêng cho mượn để ăn. Chỉ được mấy tháng, tiền riêng cũng chẳng còn. Lúc đó, tôi có chiếc đồng hồ Prantanha mua lại của anh em đi tập kết với giá 400 đồng Đông Dương, cũng phải đem bán lại cho đồng chí Chuyên - phụ trách đài của tỉnh - lấy tiền mua ngô cho anh em ăn. Đồng chí Tinh cũng bán chiếc đồng hồ Seiko cho anh Trình lấy 100 đồng để có ăn, tự lực công tác ở phía Đông vùng Hàm Trí.

Với số tiền trên, chúng tôi ăn uống tiết kiệm. Chúng tôi tự đặt ra tiêu chuẩn chế độ: trong mỗi bữa ăn, mỗi đồng chí nửa lon ngô rang giã nhỏ nấu cháo với lá bép, măng rung (*) hoặc rau tàu bay tùy thời vụ của từng tháng. Cứ thế kéo dài hết tháng này sang tháng khác, từ cuối năm 1956 đến tháng 11/1957.

Lúc này, Tỉnh ủy Bình Thuận lại bổ sung thêm đồng chí Thiệt, đồng chí Hai Trương. Nhược điểm của anh Thiệt là cận thị nặng, nhưng vì bị địch truy ở đồng bằng, Tỉnh ủy đành phải đưa lên núi công tác. Địch tổ chức tổ Cộng ở miền núi,

* Khi măng lên cao, nếu rung sẽ gãy đoạn trên cao, lấy đoạn non để nấu ăn.

ráo riết truy Cộng sản nằm vùng, truy người Kinh lên trốn ở miền Thượng. Một số không nhỏ anh em dân tộc bị dao động nặng. Một số lãnh đạo đổi vùng, trốn vào sở làm ăn, một số chạy ra ở bất hợp pháp với ta, làm cho khẩu phần cơ quan huyện tăng lên nhanh chóng. Đột xuất trong một tuần lễ có đến 8 anh em chạy ra ở với chúng tôi: Giáo, Bốn, Bét, Thét, Bội, Trỏ, Rẻo, Bơ Lít... Tình hình đời sống đã quá căng thẳng, nay anh em chạy ra đông lại càng căng thẳng tột độ.

Thường trực Huyện uỷ chúng tôi cùng nhau trao đổi: Nếu chúng ta không nhận nuôi anh em thì họ bắt buộc phải trở về, sẽ trốn vào sở nạp mạng cho Mỹ – Diệm bắt lính. Trong cảnh nước chảy đá mòn, có gì đảm bảo họ sẽ không bị địch mua chuộc khống chế, bắt làm tay sai cho Mỹ – Diệm chống lại nhân dân, phản lại cách mạng, đánh lại ta. Nếu giữ anh em ở lại với ta thì làm sao đảm bảo cho anh em sống, “ốc không mang nổi mình ốc, làm sao làm cọc cho rêu”.

Trong khi Thường trực Huyện uỷ và các đồng chí ở ăn phòng bàn bạc chưa ngã ngũ, 8 anh em rủ nhau đi đào củ chup, làm cá, hái canh lá bép, tìm bán khỉ, lại mang về thêm mấy bờ lơ gạo mẹ và 1 con dộc đực. Chiều hôm ấy, chúng tôi được ăn bữa cơm với canh cá nước sông nấu với lá bép, thịt dộc hầm với khoai mài. 16 anh em (7 Kinh, 9 dân tộc) ngồi lại ăn một bữa cơm vui vẻ như bữa tiệc mừng chiến thắng.

Ăn uống xong, chúng tôi ngồi uống nước chè tươi, hút thuốc ống và tán dóc. Anh em nói: “Nhờ có lao động tập thể, chúng ta tạo nên bữa ăn vừa ngon vừa bổ, hoài sơn hầm xương

độc còn gì bằng !”. Trong lúc ngồi trò chuyện, tôi trực tính nêu vấn đề: “Nếu anh em ta cứ ăn mãi thế này có sống để chống Mỹ được không? Chúng ta sẽ phân công nhau 8 đứa công tác, 8 đứa tổ chức sản xuất nuôi nhau trong lúc cấp trên không còn tiền phụ cấp cho chúng ta thì có tự túc để sống, chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng được không?” Anh em nhiệt liệt hưởng ứng ý kiến tôi đưa ra, nhất là anh Thiệt. Tất cả đều tán thành theo hướng ấy, chứ không nên đưa anh em trở về, hậu quả sẽ khôn lường. Thường trực Huyện uỷ thấy anh em có quyết tâm cao đã nhất trí và trở thành nghị quyết của chi bộ cơ quan văn phòng Huyện uỷ.

Ngay sau đó, chúng tôi thành lập một tổ sản xuất tự túc gồm 9 đồng chí : 8 anh em mới vào và anh Thiệt ở văn phòng làm tổ trưởng. Phương châm sản xuất tự túc của chúng tôi là : dựa vào kinh tế tự nhiên, đào khoai, làm cá, săn bắn, hái lượm cây trái, hoa lá, song mây trong rừng... vật nào không dùng được ngay thì thông qua cơ sở nhờ gửi bán dưới hình thức chợ nưng (*), lấy tiền mua gạo, muối, cá, mắm mang về núi ăn. Hồi đó, anh em cán bộ dân tộc thường theo dân chặt mây là mẩu để gửi dân mang đến chợ nưng bán, mua hàng về dùng.

Sau đó, chúng tôi dựa vào dân, vận động nhân dân những buôn đã được thanh lọc, đồng tâm nhất trí đi theo cách mạng và bảo vệ cách mạng, lấy đó làm chỗ dựa, thông qua tổ đoàn kết sản xuất, kêu gọi mỗi tổ trông giúp cho anh em cách

* Chợ nưng là nơi hẹn định kỳ dân mang hàng đến bán.

mạng từ 50 tới 100 gốc mì hoặc 200 mét lang...

Khi chúng tôi đưa chủ trương này ra bàn với trung kiên cốt cán một số buôn, không những anh em hưởng ứng nhận chỉ tiêu trồng mì, lang mà còn tổ chức làm rẫy cách mạng. Mỗi buôn nhận đầu công làm giúp cho anh em một sào lúa rẫy. Riêng ở buôn Quao, tổ sản xuất tự túc của chúng tôi cùng vào làm chung với gia đình anh Hào, anh Rốt một hec-ta, các anh nhận là rẫy của mình... Như vậy, tổ sản xuất tự túc của huyện ra đời rất đúng lúc, vừa làm nhiệm vụ sản xuất tự túc, vừa quan hệ chặt chẽ với quần chúng cách mạng, thực hiện “3 cùng” một cách triệt để và thiết thực. Tổ chức này làm được nhiều việc: sản xuất, lưu thông, tự túc tự cấp, vận động quần chúng làm ăn, nắm tình hình tin tức trong nhân dân, tập hợp qua nhiều nguồn, kiêm luôn chức năng giao thông liên lạc, mậu dịch, tiếp liệu nhu yếu phẩm, tạo tiền đề phát triển mạng lưới giao thông liên lạc, tiếp tế tiếp liệu sau này.

Từ đây, nội bộ chúng tôi xác định con đường duy nhất thoát khỏi bế tắc trong cuộc sống là phải bám chặt vào quần chúng, dựa vào nhân dân thực hiện triệt để “3 cùng”, phát huy ý chí tự lực tự cường, bám rừng núi, cùng dân sản xuất, giải quyết cuộc sống, dựa vào dân mà phát triển sự nghiệp cách mạng. Chúng tôi lãnh đạo cốt cán xóm Quao sắp xếp lại tổ chức sản xuất, chia thành 3 nhóm để chọn đất phát rẫy, đưa 8 anh em dân tộc của tổ sản xuất tự túc cho huyện vào cùng phát rẫy chung với nhóm anh Hào, chị Hát dưới hình thức làm giúp dân để kiếm cơm ăn, nhưng thực chất dân cũng biết 8 anh em dân tộc đi làm rẫy là những người cách mạng.

Lúc này chúng tôi chủ trương tập trung sức xây dựng củng cố cơ sở cơ sở cốt cán các buôn hiện có, không phát triển rộng thêm địa bàn khác. Chúng tôi đi sâu xây dựng 16 buôn tổng Kờ Dồn vững mạnh làm chỗ dựa đồng tâm nhất trí bảo vệ cách mạng trong tình huống khó khăn nhất, vì nơi đây có xã Chi Lai tuy chỉ có 6 buôn nhưng là căn cứ lõm trong 9 năm kháng chiến chống Pháp.

Sau Tết âm lịch năm 1957 (Đinh Dậu), địch đẩy mạnh tổ Cộng ở miền Tây Bình Thuận càng quyết liệt. Cơ sở phong trào ở đồng bằng giáp với Di Linh như Hàm Phú, Hàm Trí, Hàm Tiến, Hàm Cần bị Mỹ - Diệm đánh vỡ nặng, nhiều đảng viên, cán bộ cũ ở cơ sở trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp bị bắt giam, đánh đập. Trước thủ đoạn cực hình tàn bạo của địch, một số anh em bị đánh đập tra tấn chịu không nổi nên đã khuất phục đầu hàng giặc, một số chúng thả về giao nhiệm vụ, tuy không làm gì hại dân nhưng dao động cầu an nặng, một số tổ chức chạy vào chân núi sống bán hợp pháp, làm cho tình hình thêm phức tạp vô cùng.

BAN CÁN SỰ MIỀN TÂY

Cuối năm 1957, cuộc họp Tỉnh ủy Bình Thuận và Liên tỉnh 3 đề ra chủ trương: Đẩy mạnh việc xây dựng căn cứ chính trị, làm chỗ đứng lãnh đạo đấu tranh đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, đồng thời ráo riết chuẩn bị đối phó với tình huống xấu nhất, có thể phải tiến hành đấu tranh vũ trang nếu địch ngoan cố.

Cuộc họp ấy đã ra quyết định thành lập Ban cán sự miền Tây gồm:

- Anh Tám Triều: Bí thư Ban cán sự;
- Anh Giáp : Phó bí thư;
- Anh Hoàng : Bí thư Tánh Linh, Ủy viên;
- Tám Cảnh : Bí thư Di Linh, Ủy viên;
- Anh Hoa : Bí thư Phan Lý Châm, Ủy viên.

Trên đường về để nhận nhiệm vụ thì anh Giáp bị địch đánh, hy sinh. Lấy được sổ tay của anh Giáp ghi chép, chúng tiếp tục đánh phá miền núi toàn diện, ác liệt hơn. Lúc bấy giờ chỉ còn địa bàn Di Linh là tương đối yên ổn bởi vì Di Linh tuy trực thuộc Đảng bộ Bình Thuận chỉ đạo nhưng địa giới và dân tình thuộc địa phận hành chính do Lâm Đồng quản lý. Di Linh lại nằm ở một vị trí tiếp giáp 3 tỉnh: Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận và 5 huyện: Hàm Thuận, Tánh Linh, Hoài Đức (Bình Thuận), Ninh Phước (Ninh Thuận) và B' Lao (Lâm Đồng), nhờ vậy mà địch đang bận tập trung tổ Cộng vùng có phong trào chống Pháp mạnh, còn ở Di Linh vốn vùng trắng là phổ biến nên chúng thấy chưa cấp bách phải đặt ra. Hơn nữa, trước sự đe dọa của Mỹ - Diệm, giữa cái sống và cái chết, với lòng tin yêu bảo vệ dân tộc, mặt trận đoàn kết toàn dân phát triển. Tề vệ, già làng cùng nhân dân thành một khối thống nhất ý chí hành động, từ buôn đến tổng đều một lòng bảo vệ dân tộc, bảo vệ cách mạng, do vậy mà bọn tay sai của Mỹ - Diệm có mắt như mù, có tai như điếc. Trong 3 năm liền, Ban cán sự Liên tỉnh 3 và Tỉnh ủy Bình Thuận về đây tổ

chức ăn ở và ăn Tết cho nội bộ nhưng địch không phát hiện nổi. Nhờ có tổ chức sản xuất tự túc sớm nên trong lúc anh em các nơi khác sống bất hợp pháp bị thiếu đói nghiêm trọng, nhưng ở đây vụ mùa 1957 đạt 155 xà bó lúa. Các cơ sở giúp đỡ anh em gặt, tuốt lúa, làm kho cất giấu ngoài rừng, buôn nào cũng có dự trữ, nội bộ tin tưởng phấn khởi, yên tâm với chủ trương mới.

Trước tình hình địch khủng bố, tổ Cộng liên miên, kết hợp với quân nguy cần quét ở hai huyện Tánh Linh, Hoài Đức, anh Triều phải chạy sang Di Linh nhờ chúng tôi vận động nhân dân Sa Lôn, A Ra, Quao, Đạch mua giúp lương thực để tiếp tế cho văn phòng Tánh Linh, Hoài Đức. Anh Bái (tức Hoàng), anh Tích, anh Đĩnh cũng gặp khó khăn. Chúng tôi lãnh đạo anh em văn phòng xuất kho, giúp cho phía Tánh Linh, Hoài Đức 15 xá lúa và 1.000 gốc mì do anh em Sa Lôn làm rẫy mì cách mạng dành cho. Chúng tôi cũng tiếp tế cả muối ăn cho các anh vì chúng tôi dựa vào nhân dân tổ chức đi nưng đã mua dự trữ muối từ trước. Tuy chúng tôi không còn tiền phụ cấp hàng tháng nhưng còn thừa muối ăn.

Rút kinh nghiệm thủ đoạn Mỹ - Diệm tổ Cộng ở Tánh Linh, Hoài Đức, anh Tám Triều sang sống với chúng tôi, cùng đi gặp cơ sở cốt cán để phổ biến kinh nghiệm về thủ đoạn khủng bố, tổ Cộng của Mỹ - Diệm cho anh em nghe, bàn biện pháp đấu tranh bảo vệ buôn làng, nâng cao tinh thần cảnh giác với quân thù.

Tôi và anh Triều, ngày đi vào rẫy gặp cơ sở bàn bạc, tới về căng võng ngủ bên nhau, trao đổi thời cuộc và kinh nghiệm

công tác dân tộc. Chúng tôi xem anh Triều như người anh cả, tin cậy lẫn nhau, anh đi họp cấp trên về có gì vui buồn đều tâm sự chân tình. Có lần, sau vụ Võ Xuân Viên - Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận - dao động chạy ra đầu hàng giặc, anh đi họp Tỉnh ủy về gặp tôi, hai anh em cùng ngồi bên bếp lửa, theo thói quen, anh đưa tay vuốt mặt 3 lần rồi chậm rãi nói: “Anh Cảnh à! Ở đời ông bà ta thường dặn: ưu điểm chớ vội mừng, khuyết điểm đừng vội lo”.

Tôi ngồi lắng nghe nhưng chưa hiểu anh muốn nói gì, tưởng là trong thời gian anh về sống với tôi, tôi có điểm gì để anh hiểu lầm nên anh nêu như vậy. Tôi liền hỏi: “Anh mới đi họp về, có gì mới không mà anh nói nghe sao triết lý vậy?”

Anh nói: “Anh đã hay chưa? Thăng Võ Xuân Viên phản bội theo giặc rồi, tài sản của tỉnh có một ít vàng anh Sáu mới bàn giao cho nó để anh chuẩn bị đi miền Bắc, nó lấy mang đi cả, thế là khó khăn lắm đấy! Trước đây không lâu, nó phê phán tôi hết lời: nào là tư tưởng mơ hồ, thiếu ý chí tiến công trước sự khủng bố của địch, nó nói tôi dao động, còn nó tự phê ngon lắm, toàn là ưu điểm. Vì vậy mà tập thể giao thêm nhiệm vụ cho nó để anh Sáu ra Bắc nghỉ dưỡng và làm việc với Trung ương... “Dò sông dò biển dễ dò, nào ai xách thước mà đo lòng người”. Ưu điểm kiểu nó nay đã thành kẻ thù, còn khuyết điểm như tôi vẫn giữ trọn thủy chung với Đảng, với Tổ quốc, với đồng bào đồng chí, anh em. Tôi với anh sẽ còn nhiều khuyết điểm nữa, còn hoạt động cho dân cho nước là mãi mãi còn khuyết điểm, vì ta là ta, chứ ta không thể bước qua lãnh địa kẻ thù, phải không anh?”

Anh nói một mạch như trút giận. Tôi trả lời: “À, tưởng chuyện gì chứ tên Viên đào ngũ tôi đã được anh em bên văn phòng Tỉnh ủy báo và cho biết nó biết rất nhiều việc trong nội bộ và lực lượng trong căn cứ Di Linh, căn cứ khu Lê, địch sẽ sử dụng nó làm tay sai đánh phá căn cứ, chỗ dựa của ta, lấy đó mà lập công với địch. Thường vụ Tỉnh ủy và Ban cán sự Liên tỉnh 3 dặn Đảng bộ Di Linh phải sẵn sàng lãnh đạo nội bộ và nhân dân đối phó với địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ cách mạng. Các anh Thường vụ dặn phải phát huy truyền thống cách mạng của nhân dân căn cứ địa chống Pháp miền núi Lâm Đồng, cũng như Bình Thuận, tìm mọi cách đấu tranh kiên quyết với quân thù, vạch mặt tên Viên phản bội nếu chúng dám vác mặt đến tiếp tay cho giặc khủng bố nhân dân”.

Anh Triều nói: “Ban cán sự Liên tỉnh 3 và Tỉnh ủy Bình Thuận cho người lên báo tin và có ý kiến chỉ đạo cho anh như vậy là kịp thời. Anh nên họp Huyện ủy thống nhất kế hoạch đối phó. À! Anh chú ý việc các anh làm rầy rức trong dân tên Viên cũng biết đấy, rồi đây dân Quao, A Ra, Sa Lôn sẽ đổi mỗi xà bờ lúa của các anh là bao nhiêu roi vọt và máu xương của dân phải chịu chưa biết trước được. Việc ấy cần tính liệu chuẩn bị cho dân trước đi. Nếu không, khi để ra chuyện, anh cũng bị phê phán, ưu điểm đó và khuyết điểm cũng là đó, lộn xộn lắm đấy! Vấn đề vận dụng phương châm đấu tranh chính trị có bạo lực hay không có bạo lực thế nào cho đúng, tình hình này cũng phức tạp lắm, nó đánh mình nhưng mình đánh lại để tự vệ là không được, nó đánh ta bằng súng, bằng nhà tù, dân chống lại nó bằng cuộc xềng, gậy gộc,

dao búa. Đó có phải là bạo lực không? Câu hỏi trên cũng chẳng thấy ai trả lời. Nghe đâu anh Lê Duẩn có dự thảo đường lối cách mạng miền Nam để đưa ra Bộ Chính trị xem xét trình hội nghị Ban chấp hành 15 bàn. Dịch ngoan cố thể này, nhưng ta đấu tranh bằng miệng làm sao giải quyết được. Theo nguyên tắc “già đồn non lẽ”, nếu ta không chiến thắng Điện Biên Phủ, Khu 5 không đánh thắng chiến dịch Át-lăn thì làm sao buộc Pháp ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ?”

Hai anh em ngồi tâm sự trước đồng lửa giữa rừng sâu đêm, bàn những điều triết lý nhưng không có người giải đáp. Anh Triều nói: “Già đồn non lẽ”. Tôi suy nghĩ: Đồn là đồn gì? Lẽ là lẽ thế nào? Tới vua cũng chịu thua thằng khùng... Nói chung, về đạo lý ai cũng nói được, nhưng đi vào thực tế cụ thể là hết sức lúng túng như Tề thiên bị vòng kim cô niềng đầu khi Tam Tạng niệm thần chú khó mà cục cựa...

Anh Triều nói tiếp: “Căn cứ Tánh Linh là nơi có phong trào cách mạng vững vàng, quần chúng gan dạ, nhưng đã bị đánh tan trong chiến dịch Trương Tấn Bửu do tên Phúc phản bội. Còn bây giờ tên Viên đầu hàng có vị trí cao hơn, hiểu tình hình rộng hơn, chắc chắn nó còn làm tham mưu cho địch đánh ta sắp đến”.

Tôi không sợ giặc tý nào, mà đáng lo là thằng phản bội. Nó đã sang phía bên kia, sẽ cung khai cho địch tới chân tóc kẻ răng, làm cho địch tin dùng thì dân ta chết. Rồi đây địch sẽ đánh dân để lôi ta ra, chúng ta phải có biện pháp nào mà bảo vệ được nhân dân trong tình huống xấu nhất. Tôi nói:

“Trong kháng chiến địch đánh dân thì ta có vũ trang đánh lại để cứu dân, còn đấu tranh chính trị lấy thịt da mà chống với sắt thép khó thật đó anh! Ta phải lường cho hết những khả năng xấu nhất để chuẩn bị tư tưởng đối phó cao nhất vậy thôi, chứ cái thằng đã sợ khổ, sợ chết, sợ đấu tranh lâu dài, bỏ hàng ngũ đi đầu hàng giặc, thì nó cũng không dám dẫn địch lên đánh dân vùng căn cứ kháng chiến này đâu, vì nếu làm việc đó thì nó cũng chẳng sợ chết, sợ gian khổ sao anh?”

Ngon lửa bùng lên tấp vào lồng ngực nóng ran, nhưng sau lưng vẫn lạnh vì sương gió. Con nai bép, cộp gầm sao gần quá, hai anh em chúng tôi bắt đầu im lặng, từ từ hạ các gộc củi xuống vì sợ thú rừng kêu lên khi phát hiện bóng người đâu đó. Hai anh em mắc võng nằm, cảm giác lạnh càng tăng, càng không ngủ được, nằm trăn trở mãi, chúng tôi cùng ngồi dậy, hút thuốc. Tôi nói: “Lúc này có được chiếc võng 3-4 lớp hay có tấm đắp bằng len dày mới đỡ lạnh”. Anh Tám liền nảy ra sáng kiến lấy tấm ni lông nóc dài 3 mét cột túm 2 đầu làm cái bọc võng, vừa ấm dưới lưng, vừa che sương, thêm một lớp đắp. Chúng tôi thực hiện sáng kiến này ngay đêm ấy, kết quả là rất ấm. Từ đó về sau, chúng tôi may võng 2 lớp thêm tấm vải bọc dù. Kiểu võng này trở thành trang bị phổ biến của mọi người sống bất hợp pháp. Nhờ bọc ni lông, cả hai chúng tôi ngủ một giấc ngon lành đến 7 giờ sáng còn nằm im giữa khóm rừng già Sa Lôn.

Nghe tiếng công kêu tổ họ, chúng tôi giật mình thức dậy. Mặt trời đã lên cao. Hai anh em vội vã cuốn võng, nghi trang bếp lửa, lấy đá đè lên. Vừa ra khỏi rừng, trên con đường

mòn, chúng tôi gặp anh Lơ và vợ con cùng đi làm rẫy. Hai anh em chúng tôi nép vào bụi rậm quan sát xem có người lạ cùng đi không. Thấy không có ai lạ, tôi làm tín hiệu bằng nai kêu 3 tiếng liên tiếp, anh Lơ đứng lại trả lời bằng 2 tiếng theo quy ước. Chúng tôi bước ra, gặp nhau trao đổi, hỏi thăm tình hình dân trong buôn, sau đó cùng gia đình anh Lơ đi thẳng vào rẫy để vợ con anh Lơ suốt lúa. Tôi, anh Triều cùng anh Lơ dẫn nhau ra bìa rẫy ngồi phổ biến tình hình, bàn biện pháp đấu tranh. Nếu có kẻ đầu hàng phản bội, dẫn địch đến buôn làng khảo tra căn cứ, chỗ ăn ở của cách mạng thì lãnh đạo nhân dân nói là không biết, không thấy, không nghe. Chúng tôi bàn với anh Lơ phân công già làng ở cùng dân đấu tranh, còn anh em cốt cán cơ sở tạm thời lánh mặt. Trong trường hợp chúng bắt người thì vận động nhân dân tổ chức đi kiện, đấu tranh và phân công ai xuống Ma Lâm, Phan Lý, ai lên Di Linh, B' Lao. Lập luận và khẩu hiệu đấu tranh là “3 không” (người Thượng chúng tôi không biết, không làm Việt cộng và quan hệ với người Kinh), bắt dân là oan...

Rút kinh nghiệm làm công tác tư tưởng ở Sa Lôn, chúng tôi triệu tập Huyện uỷ về họp để phổ biến tình hình việc tên Viên phản bội, bàn kế hoạch đi phổ biến cho cơ sở và hướng dẫn nội dung khẩu hiệu đấu tranh. Mặc dù chúng tôi chuẩn bị sắp xếp lực lượng và lý lẽ đấu tranh rất chu đáo trên các mặt, với tư thế sẵn sàng mặt đối mặt với quân thù, nhưng tên phản bội chẳng dám vác mặt lên miền núi, nơi đồng bào dân tộc đã từng đoàn kết đứng dậy tay không chống giặc bao phen. Tên Viên chỉ quây phá ở đồng bằng và dẫn địch lên

đánh Sa Lôn Hàm Cần, còn Sa Lôn Kờ Dồn trên núi phía Di Linh chúng không dám lên.

Năm ấy, chúng tôi lãnh đạo nhân dân trồng rất nhiều mì, lang trong rẫy và ra sức mua muối dự trữ đề phòng địch bao vây kinh tế, phong tỏa việc giao lưu giữa miền núi và đồng bằng. Cũng năm ấy, lực lượng sống bất hợp pháp trên núi này cùng phát triển đông hơn nhưng đã hoàn toàn tự túc được về lương thực tại chỗ.

Năm 1958 là một năm vô cùng sôi động, Mỹ - Diệm tiếp tục tổ Cộng ráo riết, từng đợt lên cao. Trước sự khủng bố man rợ của giặc, quần chúng vô cùng lo sợ, cơ sở đồng bằng liên tiếp bị vỡ, cốt cán, cơ sở, đảng viên, bị bắt tù đầy hầu hết, có cơ sở hai ba lần lột xác trong kế hoạch đổi vùng, số đầu hàng phản bội nhiều hơn. Riêng miền núi ở Di Linh luôn luôn bị đe dọa, chúng tôi lấy kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân Tánh Linh, Hoài Đức mà xây dựng nhân dân chuẩn bị một cách toàn diện phương thức đấu tranh chống địch.

Địch đẩy mạnh tổ Cộng, xây dựng khu dinh điền Bắc Ruộng, Sùng Nhơn, Đa Cai, Võ Đắc, cho bọn tay chân lên đe dọa quần chúng ở phía B' Lao, Di Linh. Chúng tung tin rồi đây sẽ dồn dân lên ở dọc đường 20, đưa vào làm ăn trong các đồn điền trà, còn dân Nộp, Tà Lộ dồn ở dọc theo đường 8, ai ngoan cố ở lại không đi, sẽ cho quân càn quét, giết sạch, đốt sạch, không để cho Cộng sản dựa. Trước tình hình đó, nhân dân dao động mạnh, nhiều người đi tìm chúng tôi xin cho chạy hết vào rừng, bố phòng chống giặc một cách kiên quyết,

nhất là 16 buôn tổng Kờ Dòn và 3 buôn ở Nộp (Kon Hai, Tân Bưởi, Núi Gọ).

CHỐNG DỒN DÂN LẬP ÁP CHIẾN LƯỢC

Trong cuộc họp đầu năm 1959, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương lãnh đạo chống đồn dân lập ấp chiến lược (lúc này gọi là ấp tân sinh, ấp đời mới) ở miền núi là vấn đề cấp bách, chống gom dân gắn liền với chống khủng bố, tố Cộng, diệt Cộng. Phương thức đấu tranh là kêu kiện, ù lì, trì hoãn, phá hoại khi bị tập trung, kết hợp với đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống khủng bố trắng, gắn liền với việc bảo tồn, phát triển lực lượng cách mạng, chống bắt lính, bảo vệ thanh niên, bảo vệ nương rẫy, làng xóm, tộc họ. Lần này Tỉnh ủy Bình Thuận cũng giao luôn 2 khu tập trung ở chân núi (khu Lán Cóc ở xã Phan Tiến, Phan Lý và khu Cỏ Mồm ở Hàm Cần, Hàm Thuận Bình Thuận) cho Huyện ủy Di Linh phụ trách.

Anh Tư Cao và anh Khai trực tiếp phụ trách Hàm Cần. Đồng chí Trình và đồng chí Đoàn trực tiếp phụ trách Lán Cóc. Tỉnh ủy Bình Thuận cũng đã có quyết định bổ sung 5 đồng chí vào cấp ủy huyện: đồng chí Đoàn, Trình, Tư Cao, Khai và Nhật.

Cuộc họp Huyện ủy Di Linh lần này thiếu 2 đồng chí Cao và Khai vì thư triệu tập không đến kịp. Cuộc họp chúng tôi bàn sâu về nội dung và phương thức đấu tranh chống gom dân, bắt lính của địch.

Chúng tôi thống nhất nhận định: Đến nay gần 4 năm thi hành hiệp định, địch đã vi phạm trắng trợn, phá hoại hiệp

thương tổng tuyển cử; chúng hết sức ngoan cố, vi phạm dân chủ, vi phạm quyền sống của con người, tập trung dân lập ấp, khủng bố, tố Cộng tàn bạo, ta cần có trách nhiệm vạch rõ âm mưu tội ác của Mỹ - Diệm trước quần chúng, động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh chặn đứng âm mưu của kẻ thù, nhân dân tự quyết định lấy cuộc sống của mình, không ngồi chờ có hiệp thương tổng tuyển cử.

Trong cuộc họp này có đồng chí sợ nói hết sự thật, đồng bào dân tộc sẽ mất lòng tin, cơ sở cốt cán dao động, nhưng qua trao đổi chúng tôi đã thống nhất, cần phải nói thật rõ, địch đã phá hoại hiệp định, ta phải tiếp tục cuộc đấu tranh gian khổ hy sinh, có sự phối hợp chính trị ngoại giao, có sức mạnh cả hai miền Nam Bắc mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Trong cuộc họp này, tuy chưa dám nói đấu tranh vũ trang vì Đảng chưa có chủ trương, nhưng ý thức coi đó là nguyện vọng và ước mơ duy nhất.

*

Sau cuộc họp, chúng tôi toả ra đi xuống quần chúng, họp già làng, trao đổi với một số đối tượng tề nguỵ cũ, bàn với quần chúng tốt về âm mưu tội ác của Mỹ - Diệm, bàn bạc kế hoạch đấu tranh kiên quyết, không chịu để dân bị tập trung vào ấp tân sinh, ấp đời mới. Chúng tôi chủ trương tổ chức mỗi buôn làng thành 3 lực lượng:

1. Lực lượng thanh niên nam nữ khỏe mạnh, giao nhiệm vụ cho lực lượng này, khi bình thường thì cùng gia đình làm ăn, khi địch đến có tính chất kiểm tra hành chính thì cùng dân

đấu tranh bảo vệ nương rẫy. Nếu địch tổ chức càn quét có tính chất gom dân bằng quân sự thì triệt để tránh lánh vào rẫy, vào rừng. Chúng tôi gọi lực lượng này là lực lượng tự vệ, không phải là lực lượng bảo vệ nữa. Lực lượng này có trang bị dao mác, tên nỏ tẩm thuốc độc.

2. Lực lượng thứ hai đa số là già làng, lãnh đạo ông già bà lão trong mỗi buôn, thường xuyên có mặt trong buôn. Chúng tôi giáo dục lực lượng này thông qua cơ sở bàn lý lẽ đấu tranh hợp pháp với thái độ kiên quyết nhưng lời lẽ mềm dẻo, có lý có tình, vừa đấu tranh vừa thăm dò, vừa tranh thủ phân hóa địch.

3. Lực lượng chủ chốt trực tiếp làm ăn trong từng vùng rẫy để lôi lái lực lượng thanh niên và chỉ đạo lực lượng trong buôn.

Sau khi bàn bạc với cơ sở và quần chúng, có lớp già làng tham gia, đại đa số bà con tán thành chủ trương nói trên, nhưng sợ làm không được như ý mình bàn vì Mỹ - Diệm gạt mình, đêm đến nó gom bất ngờ, ai đi báo với ai được; nếu chúng đi ban đêm vào trong rẫy, trong buôn, đốt lúa, đốt buôn như ở Đăng Gia, Tánh Linh thì biết làm thế nào được? Có một số quần chúng phát biểu: “Mỹ - Diệm ác lắm rồi, đấu tranh cái miệng không thắng nó đâu, chia 3 nhóm là phân chia lực lượng, không mạnh đâu, chi bằng tất cả già trẻ trai gái bỏ hết cái buôn đi vào ở rẫy, ở rừng như thời chống Pháp, sống chết cùng nhau như buôn Kờ Dòn (xã Chi Lai) chứ người khỏe mạnh thì trốn, bắt ông bà già ở lại chịu đựng với giặc, đấu tranh với nó là không thắng đâu!”

Trước tình hình đó, chúng tôi hướng dẫn cho cơ sở lãnh đạo nhân dân thảo luận, phân tách lợi hại của việc kẻ ở trong buôn, người ở ngoài buôn và bàn biện pháp đấu tranh lúc bấy giờ. Chúng tôi cho rằng: Mỹ - Diệm quyết xoá bỏ nội dung văn bản hiệp định Giơ-ne-vơ, còn ta vẫn phải bám vào nó, lấy đó làm lợi thế để tấn công chính trị của quần chúng, đó là vũ khí, quần chúng phải cầm lấy vũ khí đó để đấu tranh bảo vệ mình. Trong lúc trên chưa cho phép đấu tranh vũ trang ở vùng căn cứ, trong lúc lực lượng chưa thật vững vàng, cơ sở chính trị còn non, kinh tế chưa có gì, vũ trang còn tay không chưa có tác sát, phong trào các địa phương xung quanh và đồng bằng bị khủng bố, tan rã, chưa hồi phục, nếu ta chủ trương đấu tranh, tất cả bất hợp tác với giặc, chạy hết vào rừng, tổ chức chống lại là tạo cơ cho địch khủng bố. Tình hình như vậy mà ta để bị khủng bố trắng trong lúc này là vô cùng bất lợi.

Cuối cùng, lý lẽ trên đã thuyết phục được quần chúng và tầng lớp trên đồng tình, với chủ trương tổ chức đấu tranh “ nửa nạc nửa mỡ”. Đồng thời, chúng tôi tung dư luận cho các nơi rằng nếu bị bắt dồn, dân sẽ đồng loạt bỏ chạy vào rừng, còn hơn là để Mỹ - Diệm gom về Tánh Linh, Hoài Đức, B’Lao.

Để chuẩn bị chống dồn dân bất ngờ của địch, quần chúng đã bắt đầu làm theo chủ trương của Huyện. 16 buôn Kờ Dòn bí mật làm kho cất lúa trong rừng, bắt đầu làm chông cung bố phòng giữ kho và bố phòng chống thú rừng phá rẫy, chống người gian đi ban đêm phá xóm. Từng buôn tổ chức thanh niên thay phiên tuần tra thường xuyên trong buôn rẫy ban

đêm. Để chủ động thông báo cho nhau giữa buôn này và buôn khác, mỗi buôn có tổ thông báo tin và tổ chức thông báo tin từ B' Lao, Di Linh xuống, từ Hoài Đức, Tánh Linh lên, hình thành lực lượng theo 4 mạng:

1. Mạng lưới thông báo tin theo đường dây của tề mà ta tranh thủ được;

2. Các tổ chức trong buôn tránh lách trong từng buôn thông báo tin cho nhau;

3. Tổ chức thông báo tin giữa các rẫy của buôn này qua buôn khác;

4. Quan hệ thông báo tin giữa người trong buôn và người ngoài rẫy, trong rừng; trên các đồi núi cao như núi Bờ Nem, Dăng Mìn, Rơ Pu, tổ chức treo bồ (*) và đốt khói để báo động hàng ngày cả toàn vùng khi có địch.

Có nơi anh em cơ sở còn tổ chức ăn thề từng buôn, quyết tâm chống đồn dân. Chống Mỹ - Diệm là chống đồn dân gắn với chống bắt lính, giữ rẫy và giữ núi rừng ông bà, lỡ gặp địch bắt ai nấy chịu, không khai báo, không dẫn địch đánh phá chỗ cất giấu tài sản, kho tàng, chỗ làm ăn của nhau. Với hình thức trên, 16 buôn Kờ Dòn tổ chức đồng nhất, còn các vùng khác không làm được. Cả Tố La, La Dạ, Nộp, Hàm Cần, Phan Tiến đã họp bàn thống nhất nhưng về không làm, nên khi địch hành quân, đồn dân bất ngờ là mất sạch, điển hình là La Dạ, Tố La, La Ngâu... Cũng trong thời gian này, tất cả dân Bờ Gia bỏ buôn chạy vào rừng sống bất hợp pháp do đồng chí

* Bồ là một cái giỏ to quét vôi trắng dùng làm tín hiệu. Khi có địch đến, nhân dân treo bồ lên tàn cây đầu núi cao để báo động cho toàn vùng.

K' Dụ cầm đầu bố phòng chống giặc, còn các xóm Tố La, La Dạ thì bị đồn đi hết, tài sản mất sạch.

Có thể nói, cuối năm 1958, đầu năm 1959, sau khi tổ chức xong hai tỉnh Bình Tuy và Tuyên Đức, Mỹ - Diệm tập trung sức xây dựng khu tập trung dân Đồng Kho, Tà Bao, ổn định dân Đăng Gia, La Ngâu. Chúng tiếp tục phát triển khu dinh điền Bắc Ruộng ở giữa Bình Tuy và Lâm Đồng. Chúng lại họp rút kinh nghiệm và thống nhất chủ trương cho dồn hết dân La Dạ, Tố La, Kờ Dòn, Măn Tố Lạch, Bà Gia đưa hết về khu Bắc Ruộng thuộc Bình Tuy, chúng ráo riết chuẩn bị triệu tập tề và già làng các địa phương nói trên về Bắc Ruộng tham quan, bàn việc chia đất, chia khu.

Lúc bấy giờ, chúng tôi lãnh đạo cơ sở không để già làng và tổng lý đi dự cuộc họp do địch triệu tập. Huyện uỷ Di Linh đã lãnh đạo một số cơ sở cốt cán tổ chức dưới hình thức họp pháp đi bưng, đi thăm bà con xây dựng quan hệ rộng rãi giữa các buôn với nội dung thăm nghèo khổ do Mỹ - Diệm gây nên trong khu đồn dân; chống tập trung dân, bảo vệ núi rừng quê hương ông bà là không thể bỏ đi tập trung sống kiếp ngựa trâu; chống bắt lính, bảo vệ thanh niên, bảo vệ rẫy, bảo vệ họ tộc giống nòi thiêng liêng. Kờ Dòn, Nộp, Tố La lên quan hệ với dân Mạ, dân Kờ Ho bàn bạc thống nhất đấu tranh chống dân dân với khẩu hiệu là: dân Lâm Đồng ở đất Lâm Đồng, không về Bình Tuy, đất rừng của ai nấy làm, rẫy ai nấy sản xuất, Mỹ - Diệm có giết chết thì chôn ở đất rừng ông bà mình... Qua đợt vận động này, nhân dân các buôn Kờ Dòn đều tìm chỗ ở thứ hai làm buôn bí mật, làm kho cất

giấu tài sản, lúa gạo, phát triển chông mìn tương đối đều.

Bà con trung kiên cơ sở bên trong có sáng kiến sử dụng một số gia đình có người thân đi lính cho địch, đặt quan hệ, giao trách nhiệm khi biết địch nói gì, làm gì đối với việc dồn dân thì tìm cách báo tin về cho gia đình, buôn làng biết, nhất là tin tức lính đi càn quét, gom dân, khủng bố, bắt người, bắt lính. Thông qua anh em dân tộc làm trong các sở, anh em đã báo về cho xóm làng biết. Nhờ vậy mà trong thời gian này địch xuống càn 3 lần nhưng chúng không bắt được người dân nào, không bắt được lính, lính đi càn thì sáng đi chiều về, không dám ở đêm ăn uống trong dân như trước và cũng không dám đi sâu vào các nương rẫy.

Kết quả thực tế là nhân dân và thanh niên vô cùng phấn khởi, tin tưởng chủ trương chống dồn dân gắn với chống bắt lính có hiệu quả, quần chúng nhân dân quen với việc làm ăn và sinh hoạt ngoài rẫy, ngoài rừng, tổng lý, già làng bớt hồi hộp lo sợ, thanh niên đi lại tuần tra canh gác chạy khạ, chiều về phân tán, kẻ ngủ trong buôn, người ngủ ngoài buôn, chông ở rẫy, vợ về buôn... đã thành thói quen.

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG

Sau chiến thắng Tua 2 năm 1954, tôi được các đồng chí cấp trên phổ biến nội dung *Cương lĩnh đường lối cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn dự thảo với bản sao chép tay. Tiếp theo, tôi được dự cuộc họp Tỉnh ủy Bình Thuận và Liên tỉnh 3 đầu năm 1960, được học tập nghị quyết 15 của Trung ương khóa II một cách chính thức, toàn diện và cụ thể

hơn. Cũng trong thời gian này, Trung ương điều thêm về huyện Di Linh một số cán bộ dân tộc địa phương như Trọng (tức Hiếu), Hoa (tức Minh), Biên và một số cán bộ người Kinh (Đồng, Giang) có trang bị vũ khí đặc biệt (súng tiểu liên giảm thanh).

Tỉnh ủy đưa hết số anh em này về căn cứ Di Linh và chính thức quyết định thành lập đội vũ trang bảo vệ căn cứ gồm có 8 người Kinh, 5 người dân tộc, do đồng chí Hội làm đội trưởng, đồng chí Bích - Phó bí thư huyện Di Linh - làm chính trị viên, đồng chí Đồng làm đội phó. Tôi được biết, trong thời gian sau đó, ở căn cứ khu Lê cũng thành lập một đội vũ trang để làm nhiệm vụ hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, trừ gian diệt ác ở đồng bằng.

Cuối năm 1959, đầu năm 1960, việc xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ trở thành chủ trương rõ nét, nhưng hoạt động là hết sức hạn chế, có sự chỉ đạo chặt chẽ của Thường vụ Tỉnh ủy. Tiếp nhận nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và nghị quyết cụ thể hóa của Tỉnh ủy Bình Thuận, lòng dạ anh em chúng tôi như mở cờ. Chúng tôi về họp Huyện ủy tháng 3/1960, ra nghị quyết chính thức về việc xây dựng căn cứ miền núi, chuẩn bị thế đấu tranh chính trị vũ trang kết hợp, đẩy mạnh bố phòng bảo vệ dân, bảo vệ nương rẫy bằng vũ khí thô sơ kết hợp với chống bắt lính, chống đồn dân... Tất cả thanh niên bảo vệ được tổ chức trong từng buôn lâu nay chuyển thành tổ chức tự vệ nhân dân làm lễ tuyên thệ từng người trước tập thể, có nơi còn tổ chức cúng ông bà, uống

rượu ăn thề theo 10 lời thề và 12 điều kỷ luật của Quân đội nhân dân.

Thời cơ thuận lợi, khí thế mới như điều được gió, trong 6 tháng (từ tháng 12/1959 đến tháng 5/1960), trên địa bàn Di Linh, chúng tôi đã phát triển 460 tự vệ trên 36 buôn, hình thành 2 trung đội tự vệ tập trung có trang bị nã, tên tẩm thuốc độc và giao nhiệm vụ mỗi tự vệ tập trung vót 500 cây chông cất giấu trong rẫy để sử dụng khi cần thiết.

Đầu năm 1960, địch đã tổ chức xây dựng cơ sở vật chất trong khu Bắc Ruộng (huyện Hoài Đức). Tháng 3 năm ấy, địch tập trung dân Man Tố, vạch kế hoạch gấp rút tập trung dân Bà Gia dồn về khu Bà Xa, dân Kờ Dòn, La Dạ, Tố La dồn về về khu Bắc Ruộng. Được tin cơ sở từ B'Laο báo về, và có tin của anh Bái ở phía Hoài Đức (Tánh Linh) báo lên đều giống nhau. Huyện uỷ Di Linh chúng tôi họp nhận định thống nhất là dân Kờ Dòn, La Dạ, Tố La trước sau cũng bị dồn đi Bắc Ruộng và đề xuất chủ trương kế hoạch chống dồn dân cụ thể báo cáo về Tỉnh uỷ xin ý kiến chỉ đạo.

Lúc bấy giờ, tập thể chúng tôi cho rằng: Dùng phương thức đấu tranh chính trị đơn thuần, gần 4 năm dân bám núi, nhưng lần này địch đã dồn xong dân Tánh Linh, Hoài Đức, Phan Lý thuộc Bình Thuận, nay thì chúng quyết tâm phối hợp với bọn địch ở Lâm Đồng dồn sức đánh vào trọng điểm vùng dân tộc phía Nam đường 20. Nhân dân vùng này lâu nay đấu tranh xin ở lại chỗ cũ nhưng chúng đã không chấp nhận, nếu để địch dùng lực lượng vũ trang lừa dân đi hết thì

khó mà đấu tranh hợp pháp đòi về lại. Mỹ - Diệm đã lột trần bộ mặt phát xít cao độ, không còn kể gì dư luận chính trị xã hội, có nơi chúng dùng đến lực lượng công an, quân đội hành quân ban đêm bao vây xóm, lính ụp vào bắt dân, trói dẫn đi, ai chạy bắn bỏ, sau đó đốt hết xóm, phá hết tài sản, heo, gà, lúa, gạo, giết sạch, phá sạch... Tình hình như vậy thì dân đấu đã được gì, không ai nói được nữa lời, chỉ có khóc mà thôi ! Nhưng mặc kệ khóc lóc, chúng có đếm xỉa gì, như lời tuyên truyền miệng trong dân:

“Mấy đời bánh đúc có xương,

Mấy đời giặc Mỹ mà thương con mình”.

Được nghị quyết Tỉnh ủy chỉ đạo, chúng tôi bàn việc ráo riết chuẩn bị cả thế và lực đấu tranh bất hợp pháp theo tinh thần tự giác của nhân dân. Đối với dân Kờ Dòn, chúng tôi chủ trương cho ở phân tán trong rẫy một cách triệt để và mỗi gia đình đều cắt hai chòi (một chòi trong rẫy, một chòi trong rừng). Chúng tôi bàn với đội tự vệ cho bố phòng cấm chông làm bẫy xung quanh rẫy và đường đi vào chòi thứ hai là nơi cất giấu tài sản trong rừng. Nếu địch cần dồn dân đi sâu lùng sục vào rừng, chúng tôi chủ trương cho tự vệ được phép bắn nã với tên tẩm thuốc độc, bắt thủ tiêu những tên thám báo đi một mình, diệt gọn được thì diệt gọn. Trong trường hợp có số nào bị dồn bất ngờ không chạy trốn được thì dọc đường trốn hoặc đến chỗ tìm cách trốn. Nếu dân bị dồn bỏ lại tài sản, thì người còn lại có trách nhiệm bảo vệ chu toàn, tạo cơ sở vật chất cho anh em khi trở về có điều kiện sống, sản xuất, xây dựng bảo vệ buôn làng.

Sau hội nghị tháng 1/1960, Huyện uỷ báo cáo xin ý kiến của Thường vụ Tỉnh uỷ nội dung nói trên, các anh Thường vụ Tỉnh uỷ đồng ý kế hoạch, chỉ thị phải ráo riết chuẩn bị thế và lực đấu tranh bất hợp pháp mỗi khi không còn khả năng đấu tranh hợp pháp; trước mắt, chưa đồng ý cho diệt bọn thám báo, không cho tự vệ bắn tên nã có tẩm thuốc độc vì ngại anh em bắn lầm dân, giết lầm người tốt.

Với sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh uỷ, chúng tôi động viên nội bộ, cơ sở cốt cán trong quần chúng chấp hành nghiêm túc, nhưng các đồng chí trong Huyện uỷ chúng tôi vẫn trao đổi và phân vân đặt nhiều câu hỏi trong đầu :

1. Nếu còn để tổng lý cùng ông bà già ở trong xóm khi địch đến hỏi dân đầu, tổng lý đấu tranh không nổi, ông bà già nói không lại, lý lẽ không trôi thì làm sao ? Chừng ấy người ta khai tuột luốt hết thì nguy hiểm.

2. Số ở ngoài xóm, ngoài rẫy bị nó lừa đi thì số còn lại trốn được liệu có yên tâm làm ăn không ? Hay vì thương cha mẹ, nhớ vợ con lại tiếp tục trốn đi đâu hàng giặc về tập trung thì ta tính sao? Trong trường hợp ấy, họ sẽ đối lập với ta, địch lợi dụng được họ sẽ gây khó khăn không sao lường hết.

3. Bọn thám báo mật vụ lòng sục mà ta không trị thì làm sao đảm bảo được tài sản tính mạng cho dân, bảo dân tản cư tránh lánh, cất giấu tài sản vào rừng?

Tuy chúng tôi chưa thông nhưng rất tích cực tổ chức học tập giải thích, giải quyết tư tưởng cho nội bộ và nhân dân

thông suốt chủ trương, còn hàng tổng lý và già làng vẫn còn nhiều vướng mắc. Do vậy chúng tôi chủ trương chọn đảng viên cốt cán ra làm phó lý phụ như anh K'Che - phó lý phụ ở buôn ARA, anh Đeo - phó lý phụ Sa Lôn, anh Tách - phó lý phụ Bờ Rang, anh Dẫy - phó lý trưởng Đảng Min, K'Măn - phó lý phụ Bờ Cao, Kon Sỏ.

Lúc bấy giờ, nhân dân nghe tin họp bàn kế hoạch chạy trốn vào rừng, cất giấu tài sản, bố phòng buôn rẫy, họ hưởng ứng bàn bạc sôi nổi, còn việc bàn bạc lý lẽ và phương pháp đấu tranh chính trị rất ít người nghe. Giữa hai phương pháp đấu tranh, họ thấy đấu tranh bất hợp pháp, chạy vào rừng chống giặc đơn giản hơn, trước mắt dễ hưởng ứng, còn đấu tranh chính trị lắng nghe họ thấy phức tạp khó khăn. Đây là sự suy tính giữa cái sống và cái chết trước kẻ thù tàn bạo, giữa trước mắt và lâu dài đối với bà con đồng bào dân tộc thật không đơn giản trong sự suy nghĩ của mỗi tầng lớp trong xã hội đồng bào Thượng.

Tôi còn nhớ, từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1960, có một số buôn đã 3 - 4 lần dọn tài sản trong buôn cất vào rừng lại lấy về, cất chòi làm nhà trong rừng lại phá đi, rồi làm lại 2-3 lần, dời địa điểm một hai chỗ... Họ thay đổi ý nghĩ hàng ngày chứ không phải hàng tháng. Một buôn có một người làm thì người khác bắt chước làm theo. Diễn biến bất thường của họ tự trung cũng là vấn đề chống Mỹ - Diệm bằng cách nào để có lợi nhất trong lúc tay không tấc sắt.

KHU TẬP TRUNG BẮC RUỘNG

Ngày 3/4/1960, gần đến thời gian sinh nhật Bác Hồ và ngày Quốc tế lao động, Mỹ - Diệm đánh một đòn phủ đầu. Từ Bắc Ruộng, 1 tiểu đoàn Cộng hòa cùng 500 quân bảo an, dân vệ bí mật hành quân đến vùng Đạ Mi. Chúng chia thành 5 cánh, mỗi cánh tổ chức phân thành nhiều mũi, mỗi mũi từ 1 đến 2 tiểu đội gồm bảo an, dân vệ. Riêng tiểu đoàn Cộng hòa chốt thành 3 cụm (mỗi cụm 1 đại đội) trên 3 điểm: xóm Chung, La Dạ và đồn La Dầy cũ, Hàng Xa, Tổ La, buôn Đăng Sol, Kờ Dồn.

5 cánh quân định hành quân như sau:

Cánh thứ nhất thọc từ Ka Ri qua Sa Lôn, lừa dân vùng căn cứ Chi Lai cũ.

Cánh thứ hai hành quân dọc theo sông, lên La Dầy đồn dân Tổ La, phát triển qua Rờ Diu Rờ Pú, chặn đường dân rút chạy về B' Lao.

Cánh thứ ba đánh thọc vào Xăn Trới lên xóm Chung, đánh bọc đồn dân Măn Tố Lạch và các buôn dân Tổ La dọc chân núi Măn Tố.

Cánh thứ tư đánh lên Tà Xăn Đạ Xị, lừa dân núi Nhùn Tố Nỏ (dân này chạy bất hợp pháp đã lâu) nhưng không bắt lại được ai.

Cánh thứ năm là lực lượng cơ động đóng ở La Dầy, cho một bộ phận sang cầu Đăng Mìn Đăng Sol.

Cuộc càn này có cả tên quận trưởng Hoài Đức cùng đi.

Địch hành quân bí mật ban đêm. Đúng 4 giờ sáng, tất cả ập vào buôn, đến buôn nào vây bắt dân cho lính dẫn đi, ai phản ứng chúng đánh đập thậm tệ. khi dân ra khỏi nhà lính nổi lửa đốt buôn.

Từ đêm 5/4 đến ngày 10/4/1960, chúng lửa 14 buôn Kờ Dòn và 35 buôn La Dạ, Tổ La. Riêng dân Kờ Dòn chạy trốn thoát được là số ở bất hợp pháp trong rừng nên còn lại được 650 người, Bà Gia còn hơn 200 người, dân La Dạ, Tổ La, Măn Tổ Lạch mỗi buôn còn lại một vài gia đình không đáng kể.

Sau khi lửa hết dân đi tập trung, chúng để lại một bộ phận vũ trang lùng sục bắt số dân còn lại, tổ chức giết sạch gia súc, đốt sạch những gì của dân còn lại, nhất là lúa gạo. Chúng cướp mang đi chum ché, mật đồng, số còn lại chúng cho lính đập nát, không còn để lại một thứ gì để khi người dân có trở về cũng không còn đường sống. Đây là âm mưu tội ác mà các dân tộc gọi là “trời không dung, đất không tha”. Trong số mấy ngàn dân bị lửa có cả một số cán bộ, đảng viên cốt cán cùng đi vì không thoát được.

Suốt 5 ngày đêm, 4.000 dân ở vùng này bị lửa đi không được chuẩn bị. Nhiều người không cơm gạo nôi niêu, đi đường nhịn đói nhưng vẫn phải đi. Có chị mới sinh con, dọc đường con chết, mẹ bị sản hậu, chẳng ai cứu chữa cũng chết luôn như K'Rai ở buôn Hàng Sa, chị K'Rí ở xóm Chung... Người nào chết, xóm làng đưa vào rừng để đó rồi đi, chứ chẳng ai chôn cất gì. Người đau đi không nổi, chúng bắt dân chặt lò ô

đạn rọ bỏ vào khiêng đi.

Có thể nói đây là một cuộc dồn dân lập ấp tàn bạo nhất có một không hai trong lịch sử đối với đồng bào các dân tộc Lâm Đồng. Không có chế độ nào tàn bạo hơn chế độ Mỹ - Diệm trong lịch sử đấu tranh của dân tộc ta ở thời kỳ này.

Hơn 4.000 dân mới dồn đến Bắc Ruộng sống trong cảnh màn trời chiếu đất, sống không ra sống, chết cũng chẳng ra chết, người không ra người, súc vật không ra súc vật. Bảy giờ sáng, địch mở cửa tập trung, bọn dân vệ từng tốp, từng tốp lửa dẫn ra cuốc đất, chiêu chẵn dân về, đóng cổng, nhốt dân trong bốn dãy hàng rào kẽm gai, chông tre vạc nhọn cắm tua tủa.

Ngược lại, trên 800 dân trốn bất hợp pháp, địch không lừa được, ở lại giữ núi rừng sống như cảnh rừng cây phờ phạc sau cơn lốc lớn, sống cuộc đời nửa tỉnh nửa mê. Cán bộ, đảng viên còn lại ở với dân ruột rồi như tơ vò, nhớ thương và thông cảm nỗi khổ của dân bị địch bắt lừa đi tập trung trong các khu ấp gọi là tân sinh (ấp chiến lược). Họ lo lắng cho số phận anh em đấu tranh bất hợp pháp còn ở lại trong núi rừng nói làm sao, ăn làm sao, ở làm sao, làm sao chống đỡ nổi tính chất phát xít của địch với luật 10/59, làm sao bảo đảm tính mạng tài sản cho nhân dân?

*

Về trách nhiệm chỉ đạo, Huyện uỷ lúc bấy giờ thật sự lúng túng như gà mắc tóc. Làm sao để nắm được tin tức sinh hoạt

của số dân bị dồn? Làm sao phục hồi tổ chức lãnh đạo, ổn định xây dựng củng cố họ, giữ vững tình làng nghĩa xóm, đoàn kết đấu tranh, tìm mọi cách phá khu tập trung trở về? Mặt khác, tính làm sao để những người còn lại yên tâm bám rẫy, bám rừng, bảo vệ được tài sản, tính mạng, cùng Đảng bằng mọi cách chấp nối liên lạc giữa người trong khu tập trung và người còn lại trong rừng núi, giữ vững sản xuất và đẩy mạnh bố phòng, bảo vệ căn cứ đến cùng? Nếu sống bất hợp tác hoàn toàn chống giặc thì có gì đảm bảo cuộc sống trong cảnh địch bao vây phong tỏa theo luật 10/59? Trong tay không tác sắt thì lấy gì để bảo vệ? Khi giặc càn quét, lấy gì ăn để chiến đấu lâu dài? Khi làm rẫy, phải chặt phát đốt dọn, lộ địa điểm, địch tập trung đánh phá, làm sao giữ nổi? Trước mắt, trong một vài năm còn muối dự trữ, còn một ít lúa trong rừng, một ít khoai trong rẫy, ăn nhín, nhịn đói, bữa có bữa không, còn chịu đựng được, nếu kéo dài thì sống và chiến đấu ra sao? Nhân dân ở lại bất hợp tác với giặc hiện nay là những người đã quyết tâm theo Đảng chống Pháp và vẫn một lòng chung thủy với Đảng trong 5 năm sau hiệp định Giơ-ne-vơ. Ta là người thay mặt Đảng, phải lo cho dân, làm tham mưu cho nhân dân đấu tranh vì quyền lợi của họ, nay lâm vào cảnh nhà tan cửa nát, tính mạng như ngàn cân treo sợi tóc, phải làm thế nào để cứu được dân thoát khỏi nanh vuốt kẻ thù?

Sau cuộc càn, Huyện uỷ Di Linh cấp tốc họp, tập trung bàn nhiều vấn đề để giải đáp các nội dung nêu trên mà thực tế cuộc sống đặt ra. Cuối cùng, chúng tôi kết luận: Sự việc

diễn ra trước mắt đang rối rắm như mớ bòng bong, không thể một lúc giải đáp được tất cả, cứ đi rồi sẽ đến, biện pháp giải quyết mọi rối ren, đưa chúng trở lại cái đơn giản nhất là trấn tĩnh cho được nội bộ, dựa vào dân để giải quyết mọi khó khăn. Trước mắt, chúng tôi quyết định phân công anh em trong cấp ủy cùng tất cả cán bộ, đảng viên xuống nằm trong quần chúng còn lại, ổn định tư tưởng, ổn định tổ chức cho họ, động viên họ bám dọn tĩa rẫy kịp thời, trong lúc địch đang dồn sức củng cố số dân mới lừa về ở khu tập trung, chưa có sức đưa tiếp quân lùng sục bắt số người còn lại....

Trong cuộc họp này, chúng tôi nhận định: Đối với dân mới bị tập trung, địch chưa dám dùng vũ lực khủng bố trắng vì nhân dân đang mang tư tưởng căm thù Mỹ - Diệm, họ còn tình cảm sâu sắc với cách mạng. Họ còn có mối quan hệ ruột thịt, yêu thương xóm làng với những người còn ở lại trên núi, nên họ chưa khai báo gì cho địch để chúng tiếp tục càn quét, bắn giết đồng bào mình. Nhận định này thực tế diễn ra là đúng. Nhờ có bình tĩnh nhận định đúng, chủ trương biện pháp thực tế, sau một tuần lễ, chúng tôi đã bám dân, củng cố, tổ chức lại đội ngũ lãnh đạo của Đảng trong quần chúng, phục hồi lực lượng canh gác, đặt lại hệ thống “bù” để báo động, báo an, đưa nhân dân ra làm rẫy. Chúng tôi còn phát động số nhân dân còn lại có trách nhiệm làm cho mình, giúp cho bà con xóm làng mình để khi bà con đấu tranh bung được về làng cũ còn có hạt giống, lương thực, tương trợ nhau gây dựng cuộc sống trở lại. Trong năm này, huyện Di Linh trồng đến 1.500 ha mì, đó là cơ sở đảm bảo khi dân phá khu tập trung

về không bị đói.

Chúng tôi phát động tiếp tục trồng mì, trồng lang, có lương thực dự trữ trong đất để dân đấu tranh thắng lợi trở về. Qua phát động, nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng, chưa đầy 45 ngày, đã tĩa gần hết số rẫy của mình và tĩa giúp cho hơn một nửa số rẫy của bà con bị dồn bỏ lại.

Sau cuộc cần gom dân, văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận chuyển lên đóng ở núi Rơ Pú, còn văn phòng Huyện ủy Di Linh chúng tôi vẫn bám trụ ở Quao, Đạch, A Ra, Sa Lôn. Ngọn núi Rơ Pú là ngọn núi thiêng liêng (tức núi B' Rang, Yàng Lú Cộp), xưa nay không có người Kinh nào đến vùng này vì người lạ mặt bất khả xâm phạm. Về mặt tâm lý, chúng tôi đưa văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận lên đóng ở núi Rơ Pú thì người lính dân tộc trong hàng ngũ địch dù biết là nơi đó có cách mạng ở đi nữa cũng không dẫn địch lên can. Sự thật về sau đúng như vậy! Huyện ủy chúng tôi triệu tập anh Cu và anh De - vừa là già làng vừa là đảng viên - xuống Quao, giao nhiệm vụ bí mật đưa văn phòng và phương tiện lên ở núi này. Đồng thời, chúng tôi giao trách nhiệm tổ chức đường dây thông báo tin tức từ huyện đến tỉnh, tổ chức tiếp tế lương thực từ trên vùng hợp pháp Đinh Trang Hạ và vùng Nộp, phía nước sông Đăk Săch đưa xuống một phần và tổ chức đường dây tiếp tế từ phía đồng bằng lên đi ngang qua Huyện ủy Di Linh. Tại đây Tỉnh ủy cùng với Huyện ủy tổ chức làm rẫy tự túc.

Một buổi chiều giữa tháng 5, trên đám rẫy mới của trạm giao liên ở Quao, chúng tôi đang tập trung lực lượng đàn ông

khỏe mạnh dọn rẫy, chuẩn bị tủa lúa, trồng mì, phụ nữ già gạo giúp cho cơ quan huyện, tỉnh. Thành lĩnh anh Hội dẫn đoàn giao liên đưa anh Sáu Tú - Quyền Bí thư tỉnh Bình Thuận (nay còn sống) - đi công tác ở miền Đông Nam Bộ về tìm chỗ ở của văn phòng Tỉnh ủy. Anh em dẫn đoàn vào gặp tôi. Tôi thấy anh Sáu Tú mang theo một cây trung liên và mấy cây súng trường Mỹ. Trong đoàn còn có đồng chí Bảy Thành - cán bộ quân sự miền Đông (*).

Đoàn các anh ngồi nghỉ khoảng hơn một giờ, hỏi thăm tình hình địch đồn dân, tôi tranh thủ báo cáo cụ thể cho anh Sáu Tú. Anh tỏ ra buồn bực, thở ra. Hình như thông cảm nỗi buồn của anh Sáu và chúng tôi, anh Bảy Thành đã báo tin sơ bộ ta đánh Tua 2 ở Tây Ninh vừa qua. Nghe tin này, chúng tôi như người đánh cờ trong cơn bí nước có thầy mách đường ra. Với giọng Nam Bộ, anh Bảy Thành nói luôn: “Bọn này rất ngoan cố, ta không đánh nó không được đâu, cứ không đánh nó thì nó được đăng chân lân đăng đầu, nó sẽ còn càn quét, tiếp tục bắt số dân còn lại và sẽ bắt đến chúng ta đó! Rừng núi thế này còn sợ cái gì mà không đánh?”

Anh Bảy Thành chỉ nói mấy câu thôi nhưng sao lời nói đó thật đúng cái bụng của chúng tôi và thật sự là tiếng nói của dân miền núi chúng tôi quá!

Câu chuyện đến đây bị cắt đứt, người nói còn muốn nói, người nghe càng thích nghe, nhưng anh Hội vào báo tin là

* Anh Bảy Thành còn có tên là Bảy Phà, sau về chiến đấu ở miền Đông đã hy sinh, chị và cháu còn sống ở Long An.

anh Tiên (Tiềm) cùng anh em văn phòng Tỉnh ủy xuống nhận gạo cho biết anh Tư Thanh - cán bộ quân sự - đi lạc từ khi địch cản ở rẫy Đăng Min nay đã tìm đường về được sau 7 ngày không cơm, không cháo, sau một tuần lễ bồi dưỡng, sức khỏe anh đã tốt rồi. Từ đó, anh Tư được tập thể tặng cho cái tên lịch sử là anh “Tư Lạc”. Anh Sáu Tú, anh Bảy Thành, anh Hội được đoàn tải gạo của văn phòng Tỉnh ủy đưa về luôn.

Câu chuyện anh Bảy Thành làm cho chúng tôi càng thêm suy nghĩ: Tại sao Mỹ - Diệm ngoan cố phá hiệp định đến cùng mà ta không phát động quần chúng đấu tranh tự vệ? Không rõ địa bàn miền Đông Nam Bộ trong điều kiện nào mà các anh trên cho phép đánh địch bằng vũ trang?

Chuyện đánh Tua 2 là tương đối lớn, nhưng kẻ địch đã không làm gì đối với anh em ta và cũng không khủng bố gì được nhân dân! Ở đây ta có địa thế thuận lợi, thế rừng núi này mà bó tay lại, để địch gom dân đi hết vào khu tập trung là có lỗi với họ. 5 năm nhờ họ đùm bọc cứu mang, nay địch đến cướp họ đi, lẽ nào ta khoanh tay ngồi nhìn! Thật sự là họ gặp nạn vì có ta, nhưng không ra tay cứu nạn, giải thoát cho họ là một sai lầm, có phải không? “Lâm nguy bất cứu là phi anh hùng!”

*

Sau mấy hôm, anh Sáu Tú kêu tôi lên Thường vụ Tỉnh ủy làm việc tại Rơ Pú, hội ý xung quanh việc làm sao liên lạc, nắm tình hình, tìm cách giải thoát, đưa dân về lại rừng núi để

có lực lượng xây dựng căn cứ cách mạng tại chỗ...

Sau cuộc hội ý này, tôi được phân công cùng 6 đồng chí gọi là “liên lạc” do anh Hội phụ trách tổ trưởng. Tất cả 6 anh em là lực lượng đặc công Bình Thuận được giữ lại làm lực lượng liên lạc sau hòa bình năm 1954. Chúng tôi cùng đi xuống gặp các đồng chí cấp ủy huyện Hoài Đức, bám khu Bắc Ruộng nắm tình hình, tìm cách liên lạc với dân, tổ chức đột nhập vào khu tập trung, khảo sát lập kế hoạch phá khu đưa dân về.

Mục đích chuyển đi thực chất là liên lạc cho được với dân mới dồn, nắm tình hình, còn đội công tác đồng chí Hội đột ấp, nắm địa hình địa thế bố phòng của địch về báo cáo. Tôi về rút anh Rốt, anh Dèm - du kích A Ra, Quao - cùng đi. Xuống đến nơi, anh em tổ anh Hội đóng riêng làm nhiệm vụ, còn tôi vào ở cùng đội công tác anh Bái (tức là Hoàng - Bí thư Hoài Đức, Tánh Linh) bám khu Bắc Ruộng, tổ chức bám rẫy, móc nối quần chúng cơ sở bên trong.

Anh Bái dựa vào một ít cơ sở La Ngâu, Mần Tố Tà Banh, tìm hiểu quần chúng cơ sở Kờ Dồn mới gom xuống. Thông qua cơ sở cũ của đội anh Bái, tôi nắm được một số tình hình, nhưng không gặp được đảng viên cơ sở của dân Kờ Dồn vì địch bao vây phong tỏa, họ không có cách nào ra. Chỉ có anh K’ Che nhờ dân Tà Banh nhắn lại là làm sao giúp họ về cho kịp mùa làm rẫy, nếu không thì sẽ chết đói.

Sau một tuần lễ, tổ công tác anh Hội nghiên cứu bên trong chưa xong, phần tôi công việc cũng chỉ đạt được chừng ấy

nhưng đã hết lương thực dự trữ mang theo, đội anh Bái gạo cũng không còn vì phải giúp thêm 6 anh em của anh Hội. Tôi trao đổi với anh Bái tiếp tục giúp Di Linh nắm tình hình dân mới dồn xuống và liên lạc với một số cốt cán đảng viên từ Kờ Dòn bị lừa nằm trong dân, trong đó có đồng chí K' Che, còn tôi phải về báo cáo sơ bộ để Thường vụ Tỉnh ủy biết cho chủ trương cụ thể.



PHẦN III

ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ – VŨ TRANG KẾT HỢP

TRẬN LA HON

Trên đường về, tôi cùng hai anh em Dèm và Rốt đến vàm suối Đạ Mi, phát hiện có dấu địch hành quân từ Bắc Ruộng lên, dấu giày đinh dẫm trên cát còn mới nguyên. Chúng tôi đoán khoảng một B đi từ ngày hôm trước.

Phát hiện dấu địch hành quân lên căn cứ, ba chúng tôi đi rất dè dặt, từng bước lần dò quan sát hết sức cẩn thận. Đi mãi đến 10 giờ trưa hôm ấy mới đến dốc La Hon (*), chúng tôi đến đầu dốc bên này quan sát đầu bên kia để xem động tĩnh và quan sát xem có địch dừng lại phục kích ở đây không? Chúng tôi thấy đầu dốc thẳng đứng, rộng hơn 300 mét. Nếu tuột xuống giữa dốc, bị địch đánh, chỉ chạy theo suối cạn xuống sông. Nếu không chạy kịp, chỉ còn nạp mạng rất nguy hiểm.

* Dốc La Hon là dốc của buôn La Hon, tổng La Dạ lúc bấy giờ.

Ba chúng tôi dừng lại, không qua ngay mà lách vào rừng. Tôi và Rốt cầm súng đứng quan sát, còn đồng chí Dèm đi vòng trong rừng qua bên kia dốc xem có địch phục kích không và gác để hai anh em chúng tôi chạy qua. Ba chúng tôi vượt qua được dốc La Hon, ngồi bên kia dốc nghỉ chân thư giãn vì đi mấy giờ liền căng thẳng. Trong khi nghỉ, tôi trở lại đứng trên dốc quan sát ngược chiều. Bỗng một ý tưởng hiện ra: tại dốc này, nếu ta có đủ lực lượng phục kích chặn đánh bọn chúng khi về thì có thể hốt gọn. Từ đó tôi gọi hai tự vệ lại cùng thảo luận và quan sát kỹ hơn. Tôi trao đổi với hai anh cách bố trí quân phục đánh bọn chúng trên đường về kết hợp với chông, cung, bắn đá là không có đường thoát. Tôi lật sổ, vẽ sơ đồ, ghi đơn sơ mấy nét rồi tiếp tục đi.

Tiếp tục theo dấu địch hành quân, thỉnh thoảng chúng tôi phát hiện có dấu địch ngồi nghỉ. Chúng tôi đếm đúng 16 chỗ ngồi, dự đoán địch đi lên căn khoảng 1 trung đội, không phải đông lắm. Từ đây tôi nảy ra ý nghĩ: Ta có đội vũ trang đơn vị 29 do đồng chí Đồng chỉ huy, đóng ở vàm suối Khỉ, A Ra, ta có đánh được không? Nay dân căn cứ sống bất hợp pháp rồi, sợ gì mà không đánh? Nếu anh em đội anh Đồng đồng ý tổ chức đánh, ta cho mang chông, cung đến bố phòng hai bên rừng rồi nằm phục chờ ở dốc La Hon, đánh bất ngờ trên đường về thì chắc thắng như trở bàn tay. Chúng tôi cũng nghĩ bọn địch lên căn cứ lần này là lòng sục sâu để bắt số dân còn lại. Nếu không may có người bị bắt, ta chặn đánh đường về ở chỗ này cũng là thời cơ giải thoát cho họ.

Tôi vừa đi vừa suy nghĩ miên man: Đánh sao để diệt gọn, không cho chúng chạy thoát là phương châm trừ gian diệt ác, hoạt động vũ trang ban đầu ở núi rừng mà nội dung nghị quyết 15 đã nêu. Nhiều đồng chí có ý kiến sau cuộc càn, anh Tư Lạc bị lọt vào đội hình đóng quân của địch, nếu ta không nổ súng đánh địch, làm sao ngăn nổi chiến thuật biệt kích đánh sâu vào căn cứ cách mạng, làm sao bảo vệ được dân? Chúng tôi cùng phán đoán thời gian địch đi và về không thể quá một tuần lễ vì đường xá xa xôi, không thể mang nổi lương thực thực phẩm ăn ở lâu được. Vì thời gian thúc bách, phải có chủ trương giải pháp ngay, nếu chờ tôi về báo cáo tình hình và xin quyết định của Thường vụ Tỉnh ủy cho đánh hay không thì không thể kịp thời cơ. Hơn nữa, tôi biết anh Sáu Tú là một người thận trọng, dè dặt, nếu xin chủ trương của anh, anh sẽ xin trên thì sẽ bó tay, để địch làm gì thì làm.

Đến khúc rẽ qua suối Khỉ, Búng Me lúc 1 giờ chiều hôm ấy, tôi vào gặp ngay đơn vị 29. Anh Đồng, anh Giang và anh em đội vũ trang 29 đang tập luyện và sản xuất ở đây. Tôi mừng quá, báo ngay tin đã phát hiện 1 trung đội biệt kích hành quân vào căn cứ và trình bày ngay địa thế dốc La Hon cách đây không xa. Tôi hỏi ngay anh em có nên đánh không? Có dám đánh không? Sau đó, tôi đưa sơ đồ vẽ ngoằn ngoèo đem ra giới thiệu cho cả 16 anh em trong đội cùng nghe. Tôi nói lại hết với anh em những ý nghĩ của tôi trên đường để cùng phán đoán và quyết định. Việc chúng tôi trao đổi lâu nhất là làm sao để diệt gọn bọn này theo phương án của trên đề ra.

Với lòng căm thù giặc, cả anh em đội 29 và anh em tự vệ có mặt đều hạ quyết tâm xin đánh. Anh em đảm bảo sẽ diệt gọn và điều thêm 10 tự vệ bán vũ trang ở căn cứ mang chông, cùng cùng anh em bố phòng chặn địch tháo chạy khi bị ta đánh.

Sau khi trao đổi thống nhất hình thành phương án, chiều hôm ấy, anh em tổ chức hành quân tiến nhập trận địa với lực lượng 10 tự vệ mang 2.000 cây chông và bàn chông cùng 8 đồng chí vũ trang, trong đó có mấy thanh niên từ vùng địch mới ra. Anh Đồng giao cho 3 anh em còn lại, ở nhà ngày ngày trinh sát, đề phòng địch lùng sục đánh úp bất dân hoặc tập kích cơ quan, đơn vị trong lúc không có đội ở nhà.

Mọi việc sắp xếp đâu đó cụ thể, sáng hôm sau, tờ mờ sáng, dưới làn sương đục, tôi và đồng chí K' Giáo (tức Kôn) cất rừng về cơ quan Thường vụ Tỉnh ủy đóng ở Rơ Pú, báo cáo tình hình của chuyến đi Hoài Đức và việc tổ chức trận đánh bọn biệt kích trên đường chúng về. Anh Bích, anh Nhật ở nhà thường trực xử lý tình hình, cho liên lạc về tỉnh gặp tôi báo cáo những diễn biến có thể xảy ra.

Chiều ngày 25/5/1960, tôi báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy toàn bộ chuyến đi nắm tình hình khu tập trung Bắc Ruộng. Sau đó, tôi trình bày chuyện trung đội biệt kích của địch lên căn vùng căn cứ và trên đường về tôi ghé vào đội vũ trang 29 bàn với anh em đối phó, cả tập thể anh em xin tập trung sức đánh nhằm bẻ gãy chiến thuật biệt kích của địch mới bảo vệ được nhân dân còn lại, anh em quyết tâm diệt gọn bọn này

theo phương châm vũ trang hỗ trợ bảo vệ căn cứ. Tôi trình bày dở dang chưa hết ý thì đồng chí Sáu Tú - Quyền Bí thư - và các anh Thường vụ Tỉnh ủy có mặt cắt đứt câu chuyện, đưa ra một số lời chất vấn hết sức gắt:

- Anh nghĩ sao mà bàn với anh em đánh?

- Anh chưa xin ý kiến tỉnh mà anh đã lệnh anh em đánh, nếu có chuyện gì xảy ra anh có chịu trách nhiệm được không?

- Anh tính tương quan địch ta như thế nào mà dám đánh?

Tôi nghĩ việc này chắc là không xong rồi, nhưng phải trình bày và phân tích cụ thể để thuyết phục. Sau khi tôi trình bày xong, anh Sáu nêu câu hỏi: “Anh em có thể thắng được nó không mà anh cho là khoảng 15-16 tên? Vũ khí chúng mang theo gồm loại gì anh có biết không?”

Tôi trả lời: “Tôi quan sát trên đường hành quân, đếm chỗ chúng ngồi nghỉ, còn không trực tiếp quan sát được nên không rõ chúng trang bị thế nào”.

Anh Sáu nói tiếp: “Anh thật đơn giản và hết sức vô nguyên tắc. Đây là thái độ tiền trạm hậu tẩu. Thôi, việc gì thì việc, Thường vụ họp bàn sẽ có ý kiến về anh sau. Tôi trực tiếp chỉ thị cho anh về ngay, ra lệnh rút anh em về và tổ chức bố phòng nguy trang chỗ ở, tổ chức thông báo tin địch cần kịp thời để dân biết tránh lánh, đồng thời giao đội vũ trang 29 theo dõi sát gót địch xem nó vào căn cứ làm gì, bây giờ nó ở đâu, làm sao giữ cho được số dân còn lại an toàn là chủ yếu, chứ không phải đánh địch đâu, anh nhé ! Khi nào địch rút về thì anh về gặp Thường vụ Tỉnh ủy bàn tiếp.

Chỉ thị của anh Sáu Tú như lời kết luận trách nhiệm chân tình thoải mái, nhưng lòng tôi còn phân vân nhiều điều. Với thái độ nghiêm chỉnh chấp hành, tôi bắt tay các anh từ già ra về một cách hối hả, đầu óc vẫn đang suy tính và đặt câu hỏi: Có giặc vào căn cứ, ta có quân, tổ chức đánh để bảo vệ dân mà không cho đánh thì làm sao bảo vệ? Giặc có quyền đánh ta, còn ta lại không có quyền đánh lại, thế là bất công thật đấy, nhưng vì mệnh lệnh của tổ chức, ta phải tuân.

Trên đường từ Rơ Pú ra dựng đường Kon Sô, Liên Buôn từ đầu dốc về Đăng Sol, tôi gặp đồng chí Thép và Bờ Lít mang thư hỏa tốc của anh Nhật - Chánh văn phòng Huyện uỷ - báo cáo tình hình. Tôi ngồi ngay giữa dốc, mở thư ra xem. Trong thư anh Nhật cho biết lúc 8 giờ sáng ngày 27/4/1960, đội anh Đồng hành quân cùng du kích đi La Hon có dặn tổ vũ trang còn lại hàng ngày thay nhau đi tuần tra theo dõi địch, có trách nhiệm thông báo tin tức cho du kích Đạch, Quao, Bờ Rang... Tổ phân công anh Tụ (*) đi tuần buổi sáng từ A Ra đến Quao. Anh phát hiện có ba tên địch đi từ buôn Bờ Rang xuống đến Quao. Hai tên bắt một con lợn của dân, dỡ nhà, đốt lửa thui lợn. Trong lúc hai tên lo làm lợn, một tên leo lên chòi cao đứng gác, quan sát bên ngoài, tư thế vô cùng sơ hở. Anh Tụ đến nơi, đứng ngoài bìu rừng theo dõi. Anh đứng cách chòi gác tên biệt kích khoảng 100 mét, nhưng nhờ rừng che nên chúng không phát hiện được. Với kỹ thuật vừa học bắn tỉa, anh dùng súng trường bắn gãy chân tên lính gác lẫn xuống chòi. Hai tên đang làm thịt con lợn dở dang phải bỏ

* Anh Tụ hiện nay là trung tá, nghỉ hưu ở Hàm Thuận.

lộn, thay nhau công tên bị thương chạy về buôn Bờ Rang.

Anh Nhật cũng phán đoán địch có thể phải rút nay mai. Thư anh viết cho tôi đồng thời báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy luôn, anh xem như một tin chiến thắng quan trọng và phấn khởi. Xem xong thư, tôi hỏi anh em liên lạc mang thư báo cáo thêm thực tế. Anh em nói: “Trên đường từ Quao lên núi Bờ Ném, leo cây quan sát buôn Bờ Rang thì địch không còn, đóng ở đó nữa”.

Trước chiến thắng, nội bộ phấn khởi nhưng người lãnh đạo lại ruột gan rối bời, vì trong khi nhận lệnh về rút quân ngay, nay chưa về kịp thì anh Tụ đã nổ súng ngay trong buôn mà cơ quan của huyện đang ở. Hậu quả sẽ ra sao sau phát súng đó? Tôi sẽ báo cáo sao với Thường vụ Tỉnh ủy nữa đây? Tôi phân vân phải quay lại đưa thư và trình bày thêm sự việc hay cứ cho liên lạc mang thư đưa cho văn phòng, còn mình cứ đi về luôn, chờ trở lại trực tiếp báo cáo thêm căng thẳng. Cuối cùng, tôi nghĩ: Không trở lại là không được, vì việc đã xảy ra rồi, tôi cần biết các anh còn chỉ đạo thêm gì nữa không?

Tôi quay trở lại gặp anh Tám Triều, đưa thư và báo cáo tình hình xảy ra. Cả văn phòng cùng nghe và tôi xin ý kiến chỉ đạo giải quyết. Các anh trả lời: “Anh chủ trương cho đánh, bây giờ anh em đánh là do sự chỉ đạo của anh. Thường vụ giao anh về giải quyết làm sao đảm bảo an toàn cho cơ quan lãnh đạo ở yên trong vùng này để chỉ đạo được phong trào chung, giữ được số dân hiện có làm được rẫy, bảo vệ được tài sản, tính mạng của dân còn lại như sáng nay anh Sáu đã chỉ

thị, chứ còn xin ý kiến gì nữa !”

Tôi thấy những lời nói gay gắt của các anh cũng vì trách nhiệm nhưng thật bí, đành xin phép các anh ra về, lòng tràn đầy lo lắng, đầu óc rối bời, chân bước nhanh nhưng như đang đi trên ngọn cây, bỏ cả ba đồng chí liên lạc phải chạy theo sau. Bốn anh em đi một mạch từ núi Bồ Rang về đến rẫy Quao. 5 giờ chiều, tôi lật sổ ngòi viết thư gửi anh Đồng cho anh em rút về theo lệnh của Thường vụ Tỉnh ủy, cứ cho anh em về rồi mọi việc sẽ giải thích sau. Không có anh Bích và anh Hương ở nhà, tôi trao đổi với anh Nhật mời các anh về để trao đổi trong Thường vụ Huyện ủy.

Ba đồng chí liên lạc đi đến ngã ba rẫy Quao lại gặp hai du kích mang thư của anh Đồng về báo cáo trận đánh ở La Hon xảy ra hồi 3 giờ chiều ngày hôm ấy. Trận đánh xảy ra rất bất ngờ. Trong lúc ta đang bố phòng chông cung chưa đến đâu, anh em gác hai đầu báo hiệu là có địch từ phía căn cứ khiêng một khiêng về hướng Bắc Ruộng. Anh em du kích rút vào rừng, tám anh em đội vũ trang 29 khăn trương bố trí trận đánh theo phương án cơ bản. Chờ địch lọt vào trận địa, anh em nổ súng khóa đầu, xung phong ngay vì rừng sát đường. Hai tên bị thương nhẹ, sáu tên hoảng hốt xin giơ tay đầu hàng, ta bắt sống, tước vũ khí, quân trang mang vào rừng. Bảy tên còn lại khiêng thương đi đằng sau không lọt vào đội hình của ta. Khi nổ súng ở phía sau, chúng tháo chạy vào rừng. Cả tên bị thương do anh Tụ bắn khi sáng cũng chạy bán sống bán chết, không khiêng vác gì nữa.

Khi biết ta đánh không gọn, còn bảy tên tháo chạy, anh em mất bình tĩnh, tập trung hết sức kéo nhau truy ngược phía sau, chỉ còn hai đồng chí gác tám tù binh chưa kịp trốn, 5 súng Thompson và 8 ba lô còn chất đống. Trong khi hai đồng chí đang loay hoay tìm dây trói, năm tên tù binh lợi dụng sơ hở tháo chạy, trong đó có tên Hồi - thượng sĩ, trưởng toán biệt kích - đã bị thương nhẹ. Thế là bảy tên phía sau không truy được mà năm tên tù binh bị bắt rồi cũng chạy mất luôn.

Kết quả trận đánh La Hon: Ta bắt sống tám tên nhưng chạy mất năm tên, còn lại ba; thu 5 súng Thompson không bắn, 8 ba lô đạn được, quân trang; bên ta vô sự.

*

Anh Đồng báo cáo là tất cả anh em đã rút lui và mang ba tên tù binh về luôn đơn vị ở Búng Me, vằm suốt Khỉ, đang giáo dục, chờ xin ý kiến xử lý. Cuối cùng, anh Đồng đề nghị giáo dục ba tên tù binh kia rồi cho thả.

Tôi xem thư xong, người toát mồ hôi, trống ngực đập liên hồi, đầu óc rối tinh: Biết tính sao đây? Anh Bích đi công tác ở Nộp chưa về. Thêm một việc nữa vô cùng phức tạp đặt ra là: Với một chiến thắng vũ trang sau 5 năm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, ta đánh địch, làm chủ chiến trường, bắt tù binh, thu vũ khí, quân trang, quân dụng, ta vô sự, đó là điều không thể kết luận là xấu. Nhưng riêng mình, trách nhiệm tình giao thực tế diễn ra là trái ngược, chắc là lỗi rất nặng, sẽ bị kiểm điểm lớn sắp đến. Rồi đây mọi việc còn xảy ra tiếp theo như

thế nào nữa? Có thể ta chủ trương sai một ly đi một dặm. Nếu diễn biến tốt thì không ai thừa nhận có công, mà xấu thì tội lỗi mình gánh trọn, việc ấy chắc chắn rồi. Nhưng sao thì sao! Mình không phải vì mình, động cơ chính là để đánh địch, bảo vệ tài sản, tính mạng cho dân mà thôi. Việc này các anh có thể kết luận mình làm sai đường lối, vô nguyên tắc, chưa xin chủ trương của Tỉnh ủy mà cho lực lượng đánh. Lực lượng ấy không phải của huyện mà là của tỉnh. Huyện chỉ là địa bàn đứng chân. Huyện ủy chỉ có trách nhiệm bàn bạc thống nhất xin ý kiến tỉnh trước khi hành động, nếu được tỉnh duyệt và quyết định mới làm. Tôi phải chịu lỗi là vô kỷ luật, làm bộc lộ lực lượng, lộ căn cứ, kích thích địch phá căn cứ ta đang còn trong trứng nước. Thế là tôi phải chịu lỗi là do nóng vội, suy tính chưa đến nơi đến chốn...

Trong thư anh Đồng, ý kiến xin thả ba tên tù binh lại là phức tạp mới đặt ra cho chỉ đạo giải quyết. Nếu thả, chúng về khai báo, dẫn địch lên đánh căn cứ, lại thêm khó khăn chưa lường hết, còn muốn giết gọn chúng để phi tang thì không đành lòng. Thư anh Đồng nêu rõ: Số này là học sinh mới ra trường, bị bắt buộc đi quân dịch, là con em nhân dân lao động, ta giết chúng làm sao được? Trong lúc đó, ta bắn bị thương tên đội trưởng ác ôn cầm đầu, nó đã chạy thoát, số bị trói chạy không được, nay không về thì địch biết ta đã giết rồi sẽ không lợi về chính trị, tâm lý, tác động đến chính sách, bất lợi lâu dài về công tác binh địch vận.

Suy đi tính lại, tôi viết thư cho đồng chí Đồng cố gắng giáo dục thuyết phục làm cho chúng thấy tội ác của Mỹ -

Diệm, hiểu chính sách của Mặt trận đối với binh lính địch, tay sai Mỹ – Diệm, chờ tôi xin ý kiến Thường vụ Tỉnh ủy sẽ giải quyết sau, nhưng làm sao đừng để chúng chạy trốn nữa, luôn luôn cảnh giác chúng phản trắc vì ta không có chỗ giam giữ và cùm xích chúng.

Tôi lập tức viết thư hỏa tốc, một lần nữa, nhận khuyết điểm với Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời báo cáo kết quả trận đánh, xin ý kiến xử lý ba tên tù binh theo đề nghị của anh Đồng. Tôi còn sợ thư trình bày không hết ý nên gửi kèm luôn báo cáo của anh Đồng - đội trưởng - là người trực tiếp chỉ huy trận đánh để Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu.

Viết thư xong, tôi cử giao liên, cấp 2 đôi pin cho anh em đi trực thầu về tỉnh trong đêm và dặn chờ thư trả lời mang về. Theo lời anh em về báo lại, anh em chờ đến 11 giờ trưa hôm sau, một đồng chí trong văn phòng ra báo cho anh em đi về nói lại với anh Tám Cảnh là Thường vụ xem thư rồi nhưng chờ xin ý kiến cấp trên sẽ trả lời sau.

Nhưng mãi đến 3 ngày sau đó, chúng tôi vẫn chưa thấy trả lời. Cả tập thể hết sức lo lắng: phần lo sau trận đánh địch sẽ tổ chức hành quân lên càn quét để trả thù; phần lo lãnh đạo di chuyển chỗ ở của dân gắn liền với việc sản xuất làm ăn; lo việc anh em canh giữ ba tên tù binh quá lâu, nếu sơ hở nó chạy trốn là nguy to...

Đồng chí Đồng cho người đến cơ quan trực để nhận chủ trương. Chờ lâu không thấy, anh Đồng nóng ruột chạy về Quao gặp tôi trình bày tường tận trận đánh. Lý do đánh không

gọn vì không nghĩ địch rút về nhanh ngoài dự kiến, ta đang chuẩn bị trận địa thì phát hiện địch, tổ chức đánh ngay nên khi bắt tù binh cũng không có một đoạn dây để trói, đành mở dây vòng ra trói. Một lý do khác là vì bị động, bọn khiêng thương đi quá chậm phía sau không lọt vào trận địa. Tình hình bị động như vậy nên không làm sao đánh diệt gọn được. Trong số tám tù binh bị bắt, ta để chạy mất năm tên. Trong bối cảnh ấy, nếu trên có kỷ luật, chúng em chịu, còn ba tù binh giữ lại đề nghị các anh cho thả, chứ không thể giết chúng, có hại cho chính sách của ta về sau, bởi vì tên nào ngoan cố thoát được thì sống, tên nào đầu hàng bị cách mạng bắt thì vĩnh viễn không về, chúng đem chuyện này ra nói cho đồng bọn sẽ khó về sau... Anh Đồng thuyết phục tôi nên thả, tôi thuyết phục anh Đồng về động viên anh em ráng giữ, chờ cấp trên trả lời, giải quyết, không nên tùy tiện...

*

Chiều ngày thứ hai, bộ phận quân báo khu 5 do anh Câu phụ trách tạm dừng chân ở gần cơ quan huyện Di Linh đóng. Đoàn có mang theo điện đài lưu động để liên lạc với liên khu và liên tỉnh. Đoàn anh vào với mục đích làm việc với tỉnh Bình Thuận, còn nội dung thế nào thì tôi không rõ. Anh Câu và anh em vào thăm Huyện uỷ, gặp tôi trao đổi tình hình địch đồn dân vừa qua. Nhân dịp này, tôi có báo luôn cho anh biết việc đánh bọn biệt kích, bắt ba tù binh đang giữ ở đơn vị và đã xin ý kiến Thường vụ Tỉnh uỷ để thả nhưng đã hai ngày rồi mà các anh chưa trả lời, nhờ anh điện giúp hỏi xin ý Thường

vụ chỉ đạo sao mà không tin lại, tôi chờ lâu quá. Anh Câu hỏi tôi ba tên tù binh người Thượng hay người Kinh, tôi trả lời là người Kinh. Anh nói: “Thôi, chờ ý kiến Thường vụ, ngày mai thế nào Thường vụ Tỉnh ủy sẽ cử người đến làm việc theo hẹn, chắc là có trả lời thôi”.

5 giờ chiều ngày thứ ba, anh Tiên - Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng Tỉnh ủy - cùng anh Thanh (tức anh Tư Lạc - cán bộ quân sự của tỉnh) được anh em liên lạc đưa xuống làm việc với anh Câu. Hai anh nghỉ ở cơ quan huyện, sáng hôm sau sẽ vào làm việc.

Tôi tranh thủ hỏi anh Tiên về việc tôi báo cáo xin thả ba tên tù binh, Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến thế nào, tôi chờ trả lời không thấy; các anh cho ý kiến ra sao, anh em sốt ruột trông đợi mãi. Anh Tiên cho biết là đã trình thư lên Thường vụ, các anh xem và nói: “Đơn giản thôi ! Làm sao giải quyết sớm để phi tang, đơn vị còn lo chuyển chỗ ăn ở, chuẩn bị sẵn sàng chống càn quét của địch”. Tối đó , anh Đồng chạy về, trực tiếp trình bày với anh Tiên và anh Thanh, đề nghị cho thả tù binh, không thể kéo dài, còn giết thì không nên như lý do anh đã trình bày trong báo cáo lần trước. Suốt đêm hôm ấy, tôi thao thức không ngủ được, chờ trời sáng để kéo nhau vào trao đổi với anh Câu xem anh có ý kiến và kinh nghiệm xử lý vấn đề này như thế nào ?

Sáng 28/5/1960, ba anh em kéo cả anh Đồng vào gặp anh Câu trao đổi trước khi làm việc với Tỉnh ủy xung quanh vấn đề xử lý ba tên tù binh. Anh Câu tán thành nên thả theo đề

ng nghị của anh Đồng, nhưng anh không có thẩm quyền. Tôi đề nghị anh có sẵn điện đài điện hỏi ý kiến Liên tỉnh 3 xem, để Liên tỉnh 3 có ý kiến lại với Tỉnh thì hay hơn. Anh Câu điện hoả tốc lên Liên tỉnh 3, đồng thời điện cho Thường vụ Tỉnh ủy có kèm theo ý kiến anh Câu. Sau khi làm việc với tỉnh hai ngày, anh Câu cũng không nhận được ý kiến chỉ đạo của Tỉnh và Liên tỉnh.

Trước khi anh Tiên về lại văn phòng Tỉnh ủy, tôi và anh Tiên lại gặp anh Câu sáng ngày 1/6/1960 bàn bạc. Cuối cùng tôi đưa ra ý kiến: Tôi đã lỡ chủ trương không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm. Do chủ trương cho đánh nên anh em đánh, lại không giết được tên địch nào mà chỉ bắt được tám tên, chạy hết năm tên còn giữ ba tên. Anh em đơn vị 29 đề nghị giáo dục rồi phóng thích. Các anh cũng thừa nhận: với tình huống này, phóng thích là phải. Tôi đã xin ý kiến của Tỉnh và Liên tỉnh nhưng không thấy có chỉ đạo, chỉ có ý kiến anh Tiên nói lại. Tình trạng này đã kéo dài 6 ngày rồi thật bất lợi ! Nhân có hai anh Tiên và Câu, tôi xin đề nghị các anh làm chứng giùm việc tôi đã xin ý kiến của trên 6 ngày rồi nhưng không nhận được trả lời nên tôi đồng ý cho đơn vị 29 tổ chức phóng thích ba tù binh, sau này Thường vụ Tỉnh ủy kiểm điểm tôi, tôi mong anh Tiên với cương vị là Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng Tỉnh ủy, cùng với tôi làm rõ vấn đề này trước Tỉnh. Tôi đề nghị anh Câu là người trực tiếp giúp tôi điện mật hỏi Liên tỉnh và Tỉnh nhưng chờ trả lời không thấy, không thể chờ được, tôi phải xử lý theo đề nghị đã gửi ngày 26/5/1960.

Căn cứ ý kiến đề xuất của tôi nói trên, anh Tiên nói: “Anh là Bí thư Huyện ủy, anh đề xuất biện pháp giải quyết nhưng Tỉnh không trả lời. Nếu anh thấy đề xuất của anh là đúng thực tế thì anh xử lý và chịu trách nhiệm, còn tôi đến đây hiểu rõ sự việc, tôi trực tiếp đồng ý cũng chịu trách nhiệm với anh trước Tỉnh ủy. Anh Câu làm chứng cho: nếu cấp trên có hỏi thì phát biểu giùm chuyện chúng tôi phóng thích ba tù binh là hợp lý, đúng chính sách của Đảng, vì lẽ phải tôi sẽ cùng anh Cảnh chịu trách nhiệm việc này”. Tuy anh Tiên không có quyền quyết định nhưng ý của anh lại là chỗ dựa vững chắc để phóng thích ba tù binh, gỡ thế bí trong việc chỉ đạo lúc bấy giờ. Tôi ngẩng đầu lên nhìn và hỏi anh Câu: “Ý anh Tiên như vậy, anh Câu thấy sao?”.

Anh Câu trả lời: “Anh Tiên nói vậy là anh cũng chịu trách nhiệm với anh trước Tỉnh ủy, còn tôi cho rằng về việc này, quyết định là của anh Cảnh phụ trách địa phương chịu trách nhiệm trước Thường vụ Tỉnh ủy. Với tinh thần dám làm dám chịu, anh chuẩn bị trình bày cụ thể để Thường vụ thông cảm”.

Tôi về cơ quan lập tức viết thư cho anh Đồng quyết định phóng thích tù binh và dặn anh Đồng là trước khi phóng thích cần dặn dò kỹ: Khi về, trốn luôn về quê làm ăn, không đi lính nữa, nếu không được, trong trường hợp bị bắt lại thì tìm cách làm tiêu cực. Trong khi hành quân cần quét, nên có tình cảm quan hệ tốt với dân, đừng làm gì có hại đến nhân dân, tìm cách thông tin cho lính trong đơn vị biết những điều cách mạng đã đối xử trong những ngày bị bắt làm tù binh, nói rõ

âm mưu tội ác của Mỹ - Diệm chia cắt lâu dài đất nước, gây cảnh nồi da nấu thịt, huynh đệ tương tàn, đường lối đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ của ta cho quân lính nguy biết.

Tôi dặn anh Đồng tổ chức phóng thích hình thức đơn giản, nhưng trong thực tế, khi đơn vị tổ chức phóng thích, anh Đồng còn sáng tác, bắt chúng tuyên thệ trước ảnh Bác Hồ và trước quốc kỳ (cờ đỏ sao vàng), tổ chức bữa cơm thân mật, tặng khăn tay kỷ niệm.

Sau khi thả ba tên tù binh về trong vùng địch, tình hình diễn biến tốt. Trong hàng ngũ địch ở Bắc Ruộng có dư luận xôn xao là lực lượng cách mạng tốt lắm, những người lính bị bắt mới đây được thả về nói với nhau nhiều chuyện tốt chứ không phải như “quốc gia” tuyên truyền. Từ khi ta đánh La Hon, bọn lính ở Bắc Ruộng cũng không hành quân lên cản cứ nữa. Nhờ tình hình phát triển thuận lợi nên Thường vụ Tỉnh ủy lần lần cũng lơ đi việc kiểm điểm đúng sai việc làm của Huyện ủy Di Linh vừa qua mà cụ thể là Bí thư Huyện ủy.

Tôi được biết, trong cuộc họp cán bộ quân sự đầu tiên của Liên tỉnh 3, đồng chí Huyệt – phụ trách quân sự Liên tỉnh 3 - có kết luận: Trận đánh bọn biệt kích ở La Hon đã góp phần chặn đứng chiến thuật biệt kích thám báo lòng sục cản cứ của địch. Tôi cho đây là giải đáp việc làm đúng sai lúc bấy giờ, tuy việc này chưa được kiểm điểm làm rõ và vấn đề rất căng lúc đầu.

GIẢI PHÓNG KHU TẬP TRUNG BẮC RUỘNG

Những ngày cuối mùa hạ năm 1960, đã 8 giờ sáng nhưng ngọn núi Rơ Pú (Brang Tô) sương mù còn dày đặc. Tôi cùng anh Ma Hương ngược dốc leo núi tìm về gặp Tỉnh ủy tham gia họp bàn biện pháp phá khu Bắc Ruộng, đưa dân về núi rừng làm ăn như nội dung thư triệu tập của Thường vụ Tỉnh ủy.

Chiều ngày 9/7/1960, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận tổ chức họp mở rộng. Về thành phần, ngoài Thường vụ Tỉnh ủy, còn có anh Tiên - Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng Tỉnh ủy, cán bộ quân sự gồm có anh Sáu Nam, anh Bảy Thành (Thành Phà), anh Tư Lạc, anh Hội, cán bộ chính trị phong trào có tôi, anh Ma Hương, anh Bái, anh Từ, anh Nga.



Từ trái sang phải: anh Tư Lạc, tác giả, anh Sáu Tú, anh Sáu Nam (Hoài Chương), anh Ba Thành (nguyên Bí thư tỉnh Bình Tuy)

Hội nghị nghe anh Hội (tức Nguyễn Phúc Anh) trình bày tình hình kết quả công tác điều tra nghiên cứu chi khu Hoài Đức và khu tập trung Bắc Ruộng, trình bày sơ đồ bố trí quân tập kích giải phóng khu tập trung đưa dân về núi. Sau đó anh Bảy Thành, anh Tư Lạc, anh Sáu Nam góp ý phân tích bổ sung. Các anh cho rằng địa bàn rộng và phức tạp, nhưng thế phòng thủ của địch bị chia cắt nhiều khu, không cơ động liên hoàn. Chi khu quân sự có một đại đội bảo an trong thế bị cô lập nhiều mặt vì dựa vào con suối chảy quanh, nước chảy ồn ào, các bụi rậm rạp thuận lợi cho việc đột nhập của ta, nhất là mùa mưa, địch chủ quan sơ hở khó phát hiện. Bên trong công sự dã chiến có 3 lô cốt nhưng không kiên cố, xa cách khu tập trung dân. Tuy chi khu gắn liền với khu tập trung nhưng bị nhiều dây rào ngăn cách trong từng khu dân cư. Chúng bố trí khu dân Kờ Dòn, Tố La, La Dạ mới lừa về xa chi khu. Nếu ta không có sức đánh chi khu thì dùng lực lượng khống chế cô lập nó để đột nhập vào khu ấp, làm chủ từng mảng, vũ trang tuyên truyền vận động phá khu, có thể rút một số quần chúng mạnh khỏe cùng cán bộ, đảng viên cốt cán về với ta. Trong khu tập trung dân, trong số dân dồn về trước chúng đã tổ chức “Thanh niên chiến đấu” khá đông (720 tên). Nhưng phần đông bị bắt ép, không có tinh thần chiến đấu. Nội qui, mệnh lệnh, trực ban, trực chiến không chấp hành nghiêm. Mồi mìn thay canh, còi báo động liên tục, nhưng còi hú mặt còi, lính mang súng vào dân uống rượu say xỉn hàng đêm không ít. Tiếp cận tiến nhập rất thuận lợi vì địa hình phức tạp, với kỹ thuật đánh đặc công lọt vào trong có rất nhiều sơ hở. Cuối cùng, các anh quân sự kết luận và đề

ng nghị Thường vụ Tỉnh ủy thông qua phương án là tập kích vũ trang, diệt gọn, làm chủ chi khu huyện lỵ Hoài Đức bằng chiến thuật đặc công và tổ chức lực lượng vũ trang, dùng du kích, đội công tác kết hợp đột áp vũ trang tuyên truyền phá khu Bắc Ruộng, đưa 4.000 dân về núi kịp mùa sản xuất.

Thường vụ Tỉnh ủy và cán bộ dự hội nghị đều tán thành ý kiến trên. Song cũng có một vài ý kiến nêu ra để xem xét tính toán kỹ hơn làm cơ sở để Thường vụ hạ quyết tâm chắc hơn. Có đồng chí cho rằng nên nghiên cứu đáng giá kỹ về mặt tương quan, sợ ta không đủ lực, vừa đánh làm chủ chi khu, vừa vũ trang tuyên truyền làm chủ khu ấp, tổ chức vận động đưa dân về là không đơn giản, liệu có làm nổi không? Nếu làm nổi thì có giữ được không? Nếu ta tính không kỹ, làm nửa vời, dờ dơi, dờ chuột, “cá trê cũng tiếc, cá diếc cũng muốn”, ham bắt cá cả hai tay rồi ra tay nào cũng không có gì hết, địch phản ứng, ta tổn thất và quần chúng gặp khó khăn thêm. Hay là nên bàn và thông qua phương án tổ chức đột áp, vũ trang tuyên truyền, phá khu tập trung, đưa dân về núi là chủ yếu, còn đánh địch ở chi khu là dùng phương thức phục kích ngoài chi khu, chờ địch kéo ra phản ứng, ta đánh quân ngoài công sự, ngoài cứ điểm có tốt hơn không? Tuy ý kiến này có hai cán bộ phát biểu nhưng cũng có tính thuyết phục nên Thường vụ nêu lên, trao đổi cân nhắc cẩn thận.

Việc đưa dân về núi cũng có những ý kiến khác nhau :

- Ta vào vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân tại chỗ phá ấp, đốt khu, ra lệnh dân bỏ khu về núi.

- Sức ta có hạn nên khi vũ trang tuyên truyền chỉ hô hào phá khu về núi nói chung, tập trung trọng điểm vận động về núi là dân Kờ Dồn vì họ đã có chuẩn bị đấu tranh bất hợp pháp, giấu lúa, buôn nào cũng có chỗ ở bí mật trong rừng và họ còn được một nửa dân còn lại không bị lừa.

Cũng có ý kiến :

- Họ về bằng con đường hợp pháp là tốt nhất, nhưng đối với địch là không được, lúc này chúng đã dùng “quốc hội” bù nhìn thông qua luật 10/59, dùng máy chém lê đi khắp nơi, ai dám qua khỏi lưỡi dao của chúng.

- Về việc sống bất hợp pháp, ta giải quyết đời sống sản xuất, ăn ở, học hành, đau bệnh cho mấy ngàn dân phải tính như thế nào? Vấn đề còn phải bàn kỹ trước khi quyết định.

- Lòng dân là quyết định nhưng làm sao mà biết hết lòng dân? Có người, ta muốn họ bỏ khu về nhưng họ quyết không về; có người ta muốn họ ở lại đấu tranh hợp pháp về sau thì họ kiên quyết về, làm sao ta lường hết.

Có đồng chí cho là các anh tham mưu cho Thường vụ Tỉnh ủy nên tính toán kỹ, đừng chủ quan, lỡ lâm trận chung nhau mà chịu, đừng cho tại anh, tại ả vì hiện tình lực lượng bất hợp pháp cơm không đủ ăn, thiếu muối, thiếu vải vóc, thuốc men không có, ta không lo nổi cho ta thì có cách gì nuôi nổi 3.000 – 4.000 dân khi họ về cùng ta sống bất hợp pháp, tôi nghĩ chưa ra, còn các anh nghĩ sao trình bày chưa sáng...

Những ý kiến khác nhau được Thường vụ thảo luận, tranh luận sau gần một ngày hết sức căng. Ngay trong lãnh đạo, có

hai đồng chí Thường vụ vẫn có hai ý kiến chưa thống nhất nhau ở hình thức và mức độ: thống nhất là phải đánh mới giải phóng được dân, nhưng đánh thế nào mới phù hợp với tương quan địch ta hiện tại, đảm bảo chắc thắng; thống nhất việc đưa dân về núi nhưng đưa kiểu nào, đưa bao nhiêu, đưa dân nào là chủ yếu?

Một số ý kiến cuối cùng cũng là ý kiến tập trung nhất của hội nghị là: Thường vụ chỉ đạo chủ trương lớn và chung nhất, còn việc cụ thể giao tổ chức chỉ đạo và chỉ huy tại chỗ bàn phương án cụ thể; Thường vụ xem xét thông qua, khi đi vào thực tế tùy cơ ứng biến.

Căn cứ tuyệt đại đa số đóng góp, Thường vụ Tỉnh ủy kết luận:

1. Mục tiêu yêu cầu là phải đánh, đánh để đưa dân về xây dựng căn cứ địa cách mạng, phát triển lực lượng, đảm bảo thế đứng cho Tỉnh; còn đánh thế nào thì giao cho các đồng chí quân sự bàn kỹ, báo cáo, Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp thông qua quyết định cụ thể.

2. Đây là trận đánh đầu tiên theo tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương đối với Tỉnh, nên cần chú ý: đánh phải chắc thắng, phải diệt gọn, phải làm chủ trận địa; vận động đưa dân Kờ Dòn về được trọn vẹn, còn dân Tố La, La Dạ, La Ngâu thì chủ yếu đưa số cốt cán và một số thanh niên về trước làm chỗ dựa cho nhân dân đấu tranh hợp pháp, số còn lại lần lượt về sau.

Vận dụng hình thức đấu tranh và phương thức tác chiến thì tùy cơ ứng biến, nhưng khẩu hiệu nêu lên là: tổ chức đột áp, vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân phá ấp, đưa dân về núi. Lực lượng được sử dụng là đơn vị 29 chủ công, đội công tác Bắc Ruộng, lực lượng thanh niên tự vệ của huyện Di Linh và Hoài Đức tham gia 100% thống nhất dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự mặt trận và Ban chỉ huy trận đánh.

Yêu cầu về quân sự là bảo đảm tuyệt đối an toàn, bí mật bất ngờ diệt địch, làm chủ, cùng cán bộ chính trị vận động dân cùng với lực lượng phá khu ấp về núi theo mục tiêu trọng tâm đã định.

Yêu cầu về chính trị là làm sao đưa hết 900 dân Kờ Dòn bị dòn về là chủ yếu, còn dân Tố La, La Dạ vận động số nông cốt khỏe mạnh về trước, chứ không nên về hết sẽ gặp khó khăn.

Yêu cầu về kinh tế là vận động dân cố gắng mang về lúa giống, ngô giống, con giống, gạo ăn đi đường và dụng cụ sản xuất, đó là những thứ đặc biệt ưu tiên số 1.

Thường vụ Tỉnh ủy giao cho huyện Di Linh huy động từ 100 đến 200 tự vệ và thanh niên trong số dân Kờ Dòn còn lại trong căn cứ đi dân công phối hợp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đột áp, vũ trang tuyên truyền, giúp dân trên đường về.

Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tổ chức Đảng ủy và Ban chỉ huy mặt trận gồm:

- Đồng chí Tám Triều - Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy;

- Anh Sáu Nam (Hoài Chương), anh Bái, anh Bảy Thành, anh Tư Lạc, anh Hội và tôi là ủy viên Đảng ủy được phân công như sau:

- + Anh Triều, anh Sáu Nam phụ trách chính trị;
- + Anh Bảy Thành, anh Tư Lạc, anh Hội phụ trách quân sự, trong đó anh Hội phụ trách chỉ huy trưởng trận nội;
- + Anh Bái và tôi phụ trách dân vận hậu cần, tổ chức đưa dân về, bố trí sắp xếp ăn ở, chỉ huy dân công phục vụ trận đánh.

Trong tác phẩm *Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng 31/7/1960* do tỉnh Bình Thuận xuất bản đã tường thuật cụ thể trận đánh, sau đây tôi xin ghi rõ diễn biến việc đưa 4.000 dân và những phản ứng của địch sau trận đánh, làm rõ thêm một số việc xử lý cụ thể một số tình huống xảy ra ngoài phương án tác chiến cơ bản.

Trong cuộc họp đầu tiên của Đảng ủy mặt trận và Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng dân khu tập trung Bắc Ruộng (Hoài Đức), các anh phân công tôi lo toàn bộ công tác hậu cần chiến đấu, chỉ huy dân công, tổ chức vận động lãnh đạo nhân dân trên đường về quê cũ, trọng tâm là 900 dân Kờ Dồn, phụ trách dân vận hậu cần vận chuyển, cất giấu chiến lợi phẩm, kho tàng... Anh Bái tập trung lo cho dân Hoài Đức.

Sau khi nhận trách nhiệm cụ thể, tôi về báo cáo lại với Thường vụ Huyện ủy. Các anh Bích, Hương, Thứ được phân công lo chỉ đạo phía sau, tôi tập trung làm nhiệm vụ phía trước, phục vụ chiến đấu, đưa dân về.

Huyện Di Linh huy động được trên 100 dân công, trong đó có cả cán bộ dân vận và lực lượng tự vệ. Tất cả các anh em trong tổ sản xuất của Huyện đều xung phong đi dân công. Chúng tôi phân công cho trên 30 anh em làm nhiệm vụ chuẩn bị cầu đường, kho tàng, cất giấu lương thực, thực phẩm, chiến lợi phẩm giao cho các đồng chí ở nhà điều hành. 77 anh em khác khỏe mạnh, đã trải qua thử thách trong công tác và chiến đấu, được bổ sung đi kèm với bộ đội, mang vác lương thực, thực phẩm, súng đạn trên đường tiếp cận chiến đấu và được tổ chức thành đội hình chiến đấu, hình thành các mũi, các tổ đội được giao nhiệm vụ cụ thể.

Đêm 27/7/1960, lực lượng dân công cùng bộ đội đơn vị 29 tổ chức làm lễ xuất phát từ rẫy Quao. Lực lượng ít nhưng khí thế oai phong theo sự phân công trong hành quân.

Lực lượng đi đầu gồm 16 đồng chí vũ trang của đơn vị 29, tiếp đó là Bộ chỉ huy Đảng ủy mặt trận, tiếp theo là 31 tự vệ, dân công thuộc đơn vị tác chiến tuyến trước sử dụng. Còn lại 46 dân công đi sau lo công tác hậu cần, trong đó có 16 nữ. Đoàn người hành quân 2 ngày đêm, trèo đèo, lội suối, băng rừng, dầm mưa, vất vả.

15 giờ chiều ngày 31/7/1960 (tức mừng 7 tháng 6 năm Canh Tý), lực lượng tổ chức làm lễ xuất quân trên ngọn núi Đăng Băch dưới trời mưa như trút nước. Anh em cán bộ, chiến sĩ đội mưa, lắng nghe từng lời đồng chí chính trị viên mặt trận đọc thư động viên của Thường vụ Tỉnh ủy và giao nhiệm vụ chiến đấu. Sau đó đồng chí chỉ huy trưởng ra mệnh lệnh

hành quân và dẫn dò cán bộ, chiến sĩ. Đồng chí chỉ huy trận nội thay mặt cán bộ chiến sĩ đọc lời hứa quyết tâm.

Đến 17 giờ tối hôm ấy, lực lượng xuất quân tiến nhập trận địa. Khi ra đi, trời bắt đầu tạnh, xuống khỏi núi Đăng Bách đúng 19 giờ 30 tối, lại gặp cơn mưa tầm tã. Đường trơn như mỡ, trời tối như mực, không sao thấy đường đi, anh em nắm lưng nhau biến thành đoàn tàu nối đuôi nhau lê từng bước, nhưng thỉnh thoảng cũng bị đứt liên lạc do phía trước dò đường tìm hướng, phía sau dừng lại ngồi nghỉ lâu, có người quá mệt ngồi ngủ gật không ai biết nên bị đứt đoạn trong cảnh giữa rừng, người giống như cây, cây giống như người. Khắc phục khó khăn trong lúc hành quân đêm tối, chúng tôi có sáng kiến là bắt đom đóm bỏ vào lọ pê-ni-xi-lin treo sau lưng để người sau nhìn ánh sáng đom đóm người trước mà bước theo. Người nào không có đom đóm, không có lọ mang theo thì hốt một nắm lá cây mục trong rừng có chất lân tinh phát sáng cột vào sau bông thay thế cho ánh sáng của đom đóm. Sáng kiến này trở thành mệnh lệnh, mọi người răm rắp chấp hành. Mấy phút sau, đoàn người hành quân đều mang ánh sáng trong người như mỗi toa đoàn tàu có đèn chiếu hậu, kẻ địch không tài nào phát hiện được.

Đúng 21 giờ đêm 30/7/1960, đoàn quân mới ra khỏi rừng đến suối Đạ Soi. Khi chuẩn bị trận địa, anh em lội sang suối, nước chỉ dưới đầu gối, nhưng giờ này do mưa suốt đêm, nước đổ xuống ào ào, dâng lên đến ngực. Một số anh em sức yếu; không mang vác qua được, đành phải dùng anh em có chiều

cao đứng trụ hai bên bờ suối làm điểm tựa anh em sang. Rất may bề ngang suối ngắn, suối cách chi khu khoảng 300 mét, mọi việc rồi đâu cũng vào đó.

Đúng 23 giờ 30 phút, phát lệnh mở cửa, quân ta dồn dập tấn công. Sau 10 phút, tiếng súng im bật, chỉ còn tiểu liên nổ thưa thớt. Địch bắn trả vài loạt súng các-bin vu vơ rồi im mất. Liên lạc báo ta đã diệt gọn và làm chủ chi khu, các bộ phận đột áp cũng đã vào được. Bọn thanh niên chiến đấu hoảng hốt bỏ chạy, ta chiếm trụ sở thanh niên chiến đấu và ban điều hành khu Bắc Ruộng như trở bàn tay. Theo đường mòn, chúng tôi dẫn đội quân chính trị cùng dân công dùng xà gạc phá rào triển khai chiếm ấp, có bộ phận sau 30 phút đã hợp được dân từng khu vực mít tinh. Lực lượng thanh niên chiến đấu lần lượt vác súng ra nạp, có người đã kéo cán bộ ta ra chỉ bắt tên K'Tài - đồn trưởng chi khu - về ngủ ở nhà. Khi bị ta đánh bất ngờ, nó dẫn vợ công con, lặn súng lục, lựu đạn trong lưng đi dự mít tinh với đồng bào. Nếu không có dân phát hiện thì làm sao ta bắt được nó và nó sẽ theo dõi mít tinh nắm tình hình, đánh ta bất ngờ gây tổn thất nữa là khác.

Khi làm chủ chi khu, bộ đội đốt đồn sáng rực một góc trời. Sau đó, dân cũng tự mình mang tài sản đi theo bộ đội và tự tay họ đốt nhà mình và đốt khu tập trung.

Hai giờ sáng ngày 31/8/1960, Bộ chỉ huy ra lệnh bằng loa giải thích chính sách của Mặt trận đối với sĩ quan, binh lính nguy, kêu gọi hãy cùng với nhân dân đấu tranh, xóa bỏ âm mưu dồn dân lập ấp của địch, để nhân dân được tự do làm ăn,

Không được bắt trâu, bắt lính làm khổ nhân dân. Bộ chỉ huy cũng kêu gọi nhân dân ai muốn về núi thì theo bộ đội cùng về, ai ở lại thì đoàn kết với nhau đấu tranh chống địch khủng bố.

Chúng tôi đã bố trí cơ sở cốt cán đưa dân Kờ Dòn về. Chúng tôi tưởng dân Tố La, La Dạ, La Ngâu, Măn Tố sẽ ở lại vì họ bị lừa hết, không còn ai trốn được ở lại, xóm làng bị địch đốt sạch, phá sạch, nếu về lại không sao sống được. Nhưng khi nghe tin phát ra thì toàn khu trên 4.000 dân đều mang gùi, bông con, dất chó, gà, lợn liên lạc nhau xin về. Tất cả thanh niên, nông dân khỏe mạnh đều đến chỉ huy sở xin lãnh súng đạn mang theo. Anh em cán bộ, bộ đội bám giải thích không nên về tất cả, nhưng vẫn không sao ngăn cản được. Chúng tôi đứng giữa làn sóng người từ bỏ khu tập trung kéo về núi như biển cả, người người, lớp lớp kéo đi, cứ thi nhau bông bế nhau trèo lên núi Đăng Bách, trông như con rồng lửa chạy ngược lên núi. Không ai bảo ai, họ đều đốt đuốc sáng cả một vùng trời. Họ tự động tổ chức đi từng buôn, có sự sắp xếp từng gia đình, có gia đình từ 5 đến 8 con, tay bông tay dất, có chị dùng chiếc xà bớ bỏ luôn ba cháu vào trong, công lên núi, có xóm thay phiên nhau mang cả ông bà già đi. Về ăn uống, mỗi gia đình mang theo một ít gạo, khoai, muối ăn đường. Một số buôn và một số gia đình có tính toán, dồn hết sức mang cả heo gà đến đầu núi Đăng Bách, rẽ vào rừng làm chỗ tạm cất giấu lương thực, cất người ở lại giữ, chờ đoàn người khỏe mạnh ba ngày về đến núi rồi sẽ trở lại rước sau. Đoàn

người tự phát, hỗn loạn, nhưng lại có tổ chức, có trật tự kỷ cương nghiêm túc rầm rập trên đường về núi.

Sau 3 giờ liền, người cuối cùng ra khỏi khu đồn dân Bắc Ruộng đúng 5 giờ 15 phút sáng. Đến 7 giờ sáng ngày 31/7/1960, tất cả nhân dân về hết trong núi rừng Đạ Soi, Đăng Bách, kẻ địch không tài nào ngờ được.

Tôi là người được Đảng ủy mặt trận giao trực tiếp lo khâu đưa dân về, lòng tràn đầy phấn khởi nhưng cũng vô cùng lo lắng. Trên đường về, phải vượt qua trăm núi ngàn khe, trên vai mang vác nặng, nhưng lương thực, thực phẩm, dụng cụ nấu ăn kẻ có người không, làm sao giải quyết được cuộc sống trong ba ngày hành quân dưới trời mưa tầm tã như trút nước?

Tâm sự với một số bà con, tôi hỏi họ: “ Bà con về đông quá nhưng không mang được gạo muối, lấy gì mà sống? Đồ dùng cá nhân, gia đình nhiều người bỏ lại không mang theo, về lấy chi mà dùng? Không còn lúa ngô giống, lấy chi mà tủa để có ăn?”

Nhiều ông già bà cả đều trả lời: “Chúng tôi sống cần rất ít, có cái nỏ đánh lửa và lưỡi xà gạc còn trong tay thì có tất cả, miễn là sống trong rừng núi của ông bà, độc lập, tự do thì không lo đói rách, nếu phải đói chết nằm trên đá mà chết, chứ không chết dưới nước ngập thuộc đất của người khác. Về cuộc sống, mỗi nhà có được cái nồi nấu cơm, còn nấu canh thì dùng ống lồ ô nấu ăn cũng ngon chết bỏ! Ông bà chúng tôi từ xưa dùng cái bầu khô đựng nước, đâu có cái thùng. Sống

quanh năm cá dưới nước, thịt trên rừng, cây măng le, cọng rau rịa, củ chụp, bột xà bu là nuôi sống mình rồi... Cảm ơn Cụ Hồ, cảm ơn cách mạng, cảm ơn bộ đội đã đánh chết Mỹ - Diệm, giúp chúng tôi được tự do về núi rừng, chứ ở khu tập trung như cái chuồng bò làm sao sống được! Nhân dân mới bị tập trung ở khu Bắc Ruộng chưa đầy 4 tháng mà đã bị chết sốt rét hàng trăm người, ngày nào cũng có 3-5 người chết bỏ xác dưới đó, chứ đâu được khiêng về chôn ở núi rừng quê hương mình. Anh chưa ở khu tập trung như bà con chúng tôi, sống cái nổi gì, nó phát cho mỗi ngày mỗi người 2 lon gạo, 1 con cá khô, rau không có, sáng 8 giờ mở cổng đánh keng đi làm, chiều 4 giờ phải về, nếu ai còn ở lại tranh thủ kiếm rau, con cua, con ốc ở ngoài đồng, lính bắt được bắn bỏ. Chúng tôi chẳng khác gì con thú đâu. Bây giờ nó dụ dỗ, nó cho ăn, ngày mai nó bắt lính, nó bắn giết, ăn thịt chúng tôi lúc nào không biết đâu!”.

Trước tình hình như vậy, chủ trương vận động một số người ở lại trong khu là hết sức khó, tôi tranh thủ tìm đồng chí Bí thư Đảng ủy và chỉ huy cuộc hành quân trao đổi. Tập thể Đảng ủy đều thấy khó dùng mệnh lệnh ngăn cản, phân chia kẻ ở người đi là mất lòng dân, thôi đành chịu vậy! Chúng tôi động viên lực lượng khỏe mạnh cùng dân đi sát giúp đỡ người già yếu, trẻ em, trên đường dừng để xảy ra chết chóc. Rủi ro có giặc đuổi theo, bộ đội đánh cản đường, còn bộ phận hậu cần, dân công và thanh niên dìu dắt dân tránh lánh vào rừng, tìm hướng cắt rừng đưa dân về đến nơi đến chốn.

9 giờ 30 ngày 31/7/1960, chúng tôi trèo lên cây cao nhất, trên đỉnh núi Đăng Bách nhìn cả vùng đồng bằng Bắc Ruộng, quan sát đoàn người dẫn nhau đi từ khu tập trung leo lên núi. Lúc đó chúng tôi không nhìn thấy người cuối cùng và nghe trong chi khu Hoài Đức có tiếng súng nổ ầm ì ùng.

Sau khi kiểm tra trận địa bị thất thủ đêm qua, địch dè dặt cắt một đại đội lần dò từng bước theo dấu của đoàn người khổng lồ hành quân, tạo thành con đường lầy lội như dòng suối. Bọn địch không rõ quân ta là bao nhiêu mà dám làm những việc không thể hình dung nổi, qua 6 năm dưới chế độ Mỹ - ngụy chưa từng thấy hiện tượng này.

Sau này anh em nắm lại địch tình được biết lý do địch phản ứng chậm vì ta tập kích bất ngờ, mưa to gió lớn giữa đồng không mông quạnh, địch không kịp liên lạc với những lực lượng xung quanh. Lực lượng địch đóng ở Tánh Linh - Võ Đắc đến sáng 31/7/1960 tung thám báo nắm tình hình về báo cáo kỹ rồi mới dám phối hợp hành quân. Trong lúc hành quân, địch còn đề phòng ta lớt quân bí mật đánh viện, do đó mãi đến 9 giờ 30 sáng 31/7/1960 chúng mới đến được trung tâm Bắc Ruộng và sau đó chúng phát triển lần theo dấu vết hành quân của ta. Đến 12 giờ trưa hôm đó, 2 đại đội địch đến chân núi Đăng Bách, vừa đi vừa nổ súng nên chúng tôi phát hiện được từng bước tiến quân của chúng, có kế hoạch chặn địch từng bước.

Về phía ta, lực lượng bảo vệ nhân dân cùng đi với đoàn hành quân đề phòng địch theo kịp đoàn dân binh trên đường

về. Đảng ủy mặt trận chúng tôi hội ý giao cho 6 đồng chí trong đơn vị 29 và 25 anh em thanh niên tự vệ trang bị vũ khí lấy từ chiến lợi phẩm biên chế thành một trung đội mạnh tổ chức căn hậu.

Đúng 12 giờ trưa, địch bắn một loạt cối vào rừng và tổ chức tiến lên núi Tà Banh đuổi theo đoàn quân dân trên đường rút lui. Chúng lần dò theo đường mòn đến trận địa bố trí căn hậu, anh em chủ động nổ súng, địch tháo chạy ngược lại ra trắng tranh, dùng cối bắn vào trận địa ta và đào công sự nằm lại ở đó kêu phi cơ chi viện để tiếp tục tiến quân. Trong lúc lực lượng ta đánh địch, nổ súng phía sau, đoàn dân công chúng tôi đã động viên nhân dân hành quân thần tốc, không ăn trưa dọc đường, định qua khỏi sông Đạ La Ngào mới đóng quân, bố trí quân bảo vệ để dân công và nhân dân ăn cơm. Nhưng mãi đến 14 giờ chiều, vừa đến sông Đạ La Ngào, một trận mưa to bất ngờ xảy ra, nước trên nguồn đổ xuống, tất cả 3 cây cầu mà dân công bắc qua sông để cho dân sang sông bị nước cuốn trôi. Bộ đội và một số dân mang nhẹ đi nhanh, đi trước vượt được sông, còn 2/3 đoàn người già yếu đi chậm, mang vác nặng còn lại phía sau bị cầu trôi kẹt lại, dồn ở bờ sông, không sao qua được.

Tôi và anh Bảy Thành là người đi trong dân sau cùng, chạy lên bờ sông nhìn nước tuôn thấy mà chóng mặt, không tài nào lội được, đành ra lệnh phân tán đội hình dọc theo bờ sông, tổ chức từng cụm bố trí tự vệ tại chỗ nấu cơm ăn, đồng thời phân công 15 thanh niên khỏe mạnh dùng rìu, xà gạc đi

ngược xuôi, tìm cây cao lớn chặt hạ ngã để làm cầu qua sông. Trời càng về chiều, mưa càng lớn, nước xuôi đổ dồn về Đạ La Ngào càng về đêm càng to. Anh em thanh niên chặt hạ hàng chục cây, nhưng cây nào cây nấy đổ xuống đều bị nước cuốn trôi đi luôn, không sao tạo được một cây cầu.

Mãi đến 3 giờ sáng ngày 1/8/1960, cơn mưa dịu lại, nước đổ yếu dần, không cuốn nổi cây thứ sáu. Nhưng cây chỉ nằm sãi 3/4 chiều ngang sông, đoàn người vẫn không qua được. Chúng tôi dùng một mũi tên cột thứ, lấy ná bắn sang sông, ra hiệu cho dân và bộ đội đang ở bên kia sông phối hợp chặt lồ ô dài cột thành bó, nối tiếp 1/4 chiều ngang sông phía bên kia. Chúng tôi dùng mây làm dây kéo ngang sang sông song song với cầu, vừa để chuyển dân qua, vừa dùng ni lông gói hành lý chuyển qua cùng với người. Cuối cùng, kế hoạch phối hợp lực lượng bên này và bên kia sông đã thành công.

Đến 6 giờ 30 sáng ngày 2/8/1960, toàn bộ 4.000 dân cùng bộ đội qua được hết bên kia sông. Khi người cuối cùng của bộ phận cản hậu qua sông, chúng tôi ra lệnh cho thuốc nổ (bộc phá) đánh tan cây cầu, giao nhiệm vụ cho sông nước Đạ La Ngào phụ trách cản hậu, chúng tôi ung dung tiếp tục hướng dẫn 4.000 dân hành quân về núi.

Địch phản ứng đuổi theo chúng tôi, trên đường rừng bị đánh 3 lần, mỗi lần bị đánh thì mỗi lần dừng lại củng cố đội hình, đội ngũ, động viên tiếp tục đuổi theo. Mỗi lần bị ta đánh, địch nằm lại kêu trực thăng chi viện, nhưng bị trả lời là trời mưa như trút nước, sương mù dày đặc, trực thăng hay phi

cơ không thể hoạt động được. Qua hệ thống đài PRC25 vừa lấy của địch, chúng tôi nghe nó nói trời hại nó! Quân dân ta tuy hành quân khổ thật nhưng ta nói là trời ủng hộ ta. Tôi nghĩ tuy không có ông trời nhưng hiện tượng đêm 30 ngày 31/7/1960 xem như có ông trời.

Đoàn người chúng tôi vừa hành quân qua hết sông chừng 45 phút thì địch cũng đuổi đến bờ sông, nhưng không có cầu, không tài nào qua nổi, chúng đành triển khai đội hình dàn hàng ngang dọc theo sông, bắn âm ỉ vào rừng cây không người rồi lui về Bắc Ruộng.

Dân và quân chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Sáng ngày 2/8/1960, trời hết mưa, mặt trời chiếu trong rừng cây, ánh sáng chen qua kẽ lá như đôi mắt chào mừng đoàn quân thắng trận trở về. Nỗi lo địch đuổi sau lưng xem như đã chiến thắng, trước mắt còn phải tổ chức 900 dân Kờ Dòn vượt sông La Ngà.

Trên 4.000 dân vượt được nước lũ qua được sông Đạ La Ngà, mọi người đều thở phào nhẹ nhõm, nhân dân vui sướng như cọp về rừng cũ, đã về đến đây rồi, đổ ai đuổi bắt được họ!

Dân La Ngâu, La Dạ, Tố La, Kờ Dòn cũng đi một hướng, cùng đường về nhưng nhiều đoạn rẽ khác nhau. Đến đây từ từ từng buôn tự rẽ, chỉ còn lại 900 dân về Kờ Dòn và đoàn dân công cùng Bộ chỉ huy mặt trận, đơn vị 29 tiếp tục hành quân về Kờ Dòn (*).

* Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận lúc đó đóng ở Rờ Pú, Bô Cao, đơn vị 29 đóng ở A Ra.

Một điều vô cùng cảm động không sao quên được là dân từng buồn đến khúc rẽ tự động tập hợp lại, đứng chờ cán bộ, bộ đội, xin chia tay vì đơn vị chiến đấu và Đảng ủy mặt trận là lực lượng đi sau cùng. Từng người chen nhau lên bắt tay chúng tôi, họ đều nói cảm ơn bộ đội, cảm ơn cán bộ và hứa hẹn về đến nơi sẽ lo tự túc giải quyết cuộc sống, sản xuất và xây dựng xóm làng, chúc bộ đội và cán bộ sức khỏe.

Trước khi hành quân chiến đấu, chúng tôi có hợp đồng với đồng chí Bích chuẩn bị làm cầu dây qua sông La Ngà ở đoạn bến Ka Ri Sa Lôn và dặn anh em tổ chức đón chúng tôi, nhưng anh đón trễ nên bộ phận liên lạc dẫn đường cứ đi thẳng lên đến trên vàm suối Khỉ ở A Ra, nơi đơn vị 29 thường qua lại dòng La Ngà và cũng là điểm hẹn thứ hai anh em dừng chân tìm bắt liên lạc với số anh em ở nhà để phối hợp làm cầu.

Hơn 15 giờ chiều hôm ấy, chờ mãi nhưng vẫn không thấy, chúng tôi ra lệnh cho nhân dân tổ chức nấu ăn tối, còn dân công và thanh niên mang vác vũ khí, quân trang, chiến lợi phẩm, từng tiểu đội đem cất giấu vào rừng sâu để phòng địch từ Bắc Ruộng lên theo đường mòn sông La Ngà tập kích bất ngờ, đồng thời kết hợp bứt mây, chặt le làm cầu qua sông. Tất cả chấp hành mệnh lệnh chúng tôi loàn đi: phụ nữ tổ chức nấu ăn, đàn ông đi giấu đồ đạc nặng đưa hết vào rừng và khai thác nguyên liệu mang ra làm cầu. Sau 2 giờ, mây tre lồ ô mang từ rừng ra chất cao như núi. Mọi việc xong cả, chỉ còn một việc là làm sao đưa đường dây mây cái sang sông khoảng

400 thước trong cơn nước lũ chưa vơi và cũng chưa liên lạc được phía bên kia sông để phối hợp hỗ trợ. Thật là một bài toán nan giải!

Chúng tôi lập tức hội ý với bộ phận lãnh đạo tập hợp hết những anh em giỏi bơi lội thường xuyên lội sang sông La Ngà, họp lại để bàn cụ thể biện pháp đưa dây sang sông. Chúng tôi tập hợp lại được 16 người vừa giỏi bơi lội, vừa mạnh khỏe họp bàn kế hoạch nối sợi dây mây đầu tiên kéo trước sang bên kia sông, dùng sợi mây nhỏ kéo sợi mây lớn chuyển dần sang đến sợi mây chủ để hình thành chiếc cầu treo.

Kế hoạch thì rất hay nhưng ai là người kéo sợi dây mây đầu tiên sang sông lướt ngang dòng nước chảy xiết rộng 400m đến bờ bên kia? Hàng chục người bơi đem theo dây mây chỉ kéo được 200m rồi bị sa giữa dòng sông chảy, không qua nổi. Duy nhất có anh Nộp Đăng Min 2 lần lội qua nhưng chỉ kéo được sợi dây mây sang 2/3 sông rồi phải buông dây ra để lội vào bờ.

Cuối cùng, chúng tôi phải dùng đến 200m dây cước từ dây dù rút ruột nối lại, quấn vào ống làm róc rách để kéo sang sông trước. Sau đó, chúng tôi nối dây mây nhỏ với dây mây lớn, tiếp đến nối sợi dây mây cái (3 sợi mây lớn) kéo sang sông. Lần này hoàn toàn thành công vì kéo sợi cước và chỉ dù rút ruột dây võng ra, nối lại, ngâm miệng bơi sang như kéo dây cước câu cá rất nhẹ nhàng.

Anh Nộp kéo dây gần đến bờ thì bị kiệt sức, gần buông dây, may nhờ có anh em bộ phận anh Bích từ Sa Lôn lên kịp thời qua tiếp sức kéo vào. Nếu không có sự tiếp sức đó, cũng chẳng dễ dàng chút nào.

10 giờ tối đêm hôm ấy, chúng tôi kéo được sợi dây mây giăng ngang sang sông. Anh em lập tức dùng sợi dây cái làm điểm tựa kéo luôn 6 sợi sang sông cùng một lúc, 5 sợi căng vòng làm cầu treo (1 sợi chủ, 4 sợi bìa) còn 2 sợi căng qua nước. Chúng tôi huy động lực lượng biết bơi gói súng đạn, chiến lợi phẩm vào bọc ni lông bơi theo dây đưa sang sông. Chúng tôi động viên cả hai bên thi nhau khẩn cấp làm cho hai đầu cầu giáp nhau để đưa dân sang sông, huy động người biết bơi tựa vào dây mây căng dưới nước cho một số người qua sông trước. Ban chỉ huy chúng tôi cho hai tổ cảnh giới từ xa để phát hiện máy bay hoạt động ban đêm, báo động đề phòng ánh lửa ban đêm. Chúng tôi sử dụng toàn bộ pin và đèn chiến lợi phẩm thu được vào việc làm cầu và đưa chiến lợi phẩm sang sông ngay trong đêm.

Trên 1.000 người hoạt động như trong một công trường thủ công, già trẻ trai gái mỗi người mỗi việc: kẻ chẻ mây, người chọn cây le chặt móc, chị gói hàng, bó súng, người vác xuống bến nước cho thợ bơi kéo sang sông, kẻ đưa nguyên liệu ra đầu cầu cho thợ làm cầu móc cột, hình thành cái vòng treo giữa trời nước mênh mông, chờ đón rước dân lên đường về rừng cũ.

Sau 4 giờ đồng hồ liên không nghỉ, tất cả quân dân ta đã

làm xong cây cầu dây sang sông La Ngà dài gần 400m, đu đưa cách mặt nước 5 mét. Không có cái vui nào hơn, không có cái sung sướng nào bằng, sau 10 giờ liền ban đêm đã làm xong cây cầu, chuyển 1.000 dân từ bờ vực thẳm sang bờ tự do như anh Chuối ở Sa Lôn hồi đó đã nói.

Bắc cầu xong, dân rầm rập đi qua cầu. Những cầu ưu tiên cho dân sang trước, bộ đội tập trung chuyển nốt 13 cây trung liên và một số quân trang bằng cách lội bơi theo sợi dây.

Bỗng nhiên giữa sông có tiếng la to: “Cứu tôi với! Cứu tôi với!” Giữa đêm tối, chúng tôi chẳng rõ tiếng của ai. Chiếc đèn bấc của đồng chí Giang buồn Đăng Min rơi xuống giữa sông thấy có người bị chết đuối đang lặn hụp giữa đường dây mây trên sông nước cùng với một bọc ni lông nổi lênh bênh. Anh De (Rơ Diêu) lập tức nhảy bổ xuống cứu. Thì ra là đồng chí Tư Thước - đại đội phó! Anh bơi yếu nhưng thấy anh em bám dây mây sang nhẹ nhàng nên anh đi theo. Không ngờ, sang giữa sông, nước chảy mạnh, anh sợ sợi dây mây tuột khỏi tay nên cố bám sợi dây, đè mạnh xuống nước. Sợi dây càng chìm sâu hơn, anh mất bình tĩnh bị uống nước. May mà sợi dây buộc bông nước tuôn quần vào dây mây, anh còn bám được sợi mây. Anh De đã ra cứu được kịp thời, anh khỏi chết. Sau trận này, anh Tư Thước được anh em đặt tên là “anh Tư chết hụt” hay là “anh Tư Thọt”.

Như vậy, suốt 75 tiếng đồng hồ liền, sau một đêm chiến đấu, 4.000 dân từ khu tập trung Bắc Ruộng đã về đến căn cứ

phía Nam đường 20. Đây là một trận tập kích mở đầu cho cuộc chiến đấu lâu dài gian khổ của quân và dân Cục Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Trong hơn 70 giờ liền, dầm mưa dãi gió, vượt lũ tràn đèo, đi trên 100 cây số đường rừng, làm được 6 cây cầu dài 500 mét bắc qua sông Đa La Ngà và sông La Ngà, anh em bộ đội chúng tôi quên ăn quên ngủ, cùng nhân dân hoàn thành nhiệm vụ. Thực tế đó thể hiện ý chí “ Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “ Vì nhân dân quên mình, vì nhân dân hi sinh” đã chiến thắng tất cả.

Đúng 6 giờ 30 sáng ngày 3/8/1960, trên 1.000 quân dân đưa tất cả chiến lợi phẩm qua khỏi sông La Ngà, gần 150 súng và mấy tấn đạn dược, quân trang, quân dụng, cất giấu tận rừng sâu núi cao. Đây là cơ sở vật chất ban đầu đảm bảo phát triển lực lượng vũ trang và quá trình 15 năm chiến đấu và chiến thắng chống Mỹ trên địa bàn Bình Thuận - Lâm Đồng.

Khi dân đã qua khỏi sông, chúng tôi chủ trương tháo 3 đoạn cầu để đề phòng địch có theo cũng không tài nào qua được. Nếu chúng tổ chức làm lại cầu thì ta bố trí đánh du kích, chúng không thể nào làm nổi. Sự thật địch đã nhiều lần hành quân lên đến La Dạ rồi quay về, không sao sang sông La Ngà lòng vực đánh dân Kờ Dồn được, trừ trận càn 1967 - 1968 chúng đổ quân bằng trực thăng vận.

Sau khi giải quyết cất giấu chiến lợi phẩm vào kho tàng xong, chúng tôi họp phân công cán bộ xuống sát từng buôn động viên nhân dân ổn định việc ăn ở, bám rẫy sản xuất,

chăm bón cây trồng, trồng thêm lang mì trong buôn rẫy cũ, đề phòng địch càn phá, nếu mất lúa thì còn lang mì ăn để sống, bám đất sản xuất và chiến đấu chống Mỹ đến cùng.

Sau khi chúng tôi đưa được số dân bị dồn về lại núi rừng, vợ gặp lại chồng, anh gặp lại em, mẹ cha bạn hữu đoàn tụ, xóm làng yên vui, người dân vui sướng hả hê, nhưng về lãnh đạo, cán bộ, đảng viên chúng tôi lo lắng làm thế nào để bảo vệ dân, bảo vệ cuộc sống và sản xuất cho mấy ngàn dân trong huyện phục vụ cuộc chiến đấu lâu dài.

HỘI NGHỊ HUYỆN ỦY DI LINH (16 - 20/8/1960)

Ngày 16-20/8/1960, Huyện uỷ họp bàn 2 nội dung chính theo sự chỉ đạo của Tỉnh:

1. Kiểm điểm việc huy động dân phục vụ chiến đấu giải phóng khu tập trung Bắc Ruộng, việc lãnh đạo đưa dân về theo chủ trương của Đảng uỷ, những diễn biến tốt xấu, rút kinh nghiệm về sự phối hợp giữa chính trị và vũ trang trong chiến đấu, quá trình phối hợp quân dân phá khu tập trung của Mỹ - Diệm.

2. Tình hình diễn biến trong nhân dân và kết quả giải quyết đời sống sản xuất, ăn ở, bố phòng trước mắt; lập kế hoạch phát triển kinh tế, chính trị, vũ trang của huyện nhằm củng cố, xây dựng từng bước trở thành căn cứ chính trị vũ trang có cơ sở kinh tế vững chắc, làm chỗ dựa cho cách mạng lâu dài.

Lần này Tỉnh uỷ cử anh Tiên - Chánh văn phòng - về huyện dự hội nghị với chúng tôi.

Trong hội nghị chúng tôi thống nhất đánh giá trận tập kích vũ trang đánh chi khu Bắc Ruộng, phá khu tập trung đưa 4.000 dân về núi, tạo cơ sở vật chất ban đầu xây dựng căn cứ tại chỗ, phát triển du kích chiến tranh chống Mỹ - Diệm là một thắng lợi to lớn toàn diện. Nguyên nhân thắng lợi là lòng dân, Đảng bộ tỉnh Bình Thuận có chủ trương kịp thời và phù hợp với tâm tư và nguyện vọng của nhân dân, đoàn kết được các tầng lớp nhân dân Kinh Thượng lương giáo đồng tình; tranh thủ được thời cơ, phá ngay kế hoạch của địch mới dồn dân về, không kịp củng cố, giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ đối với địch, tranh thủ thời cơ ngay khi bắt đầu tiếp thu dự thảo nghị quyết 15 của Đảng, trong lúc có khí thế mới và lực lượng mới chi viện từ miền Bắc vào, từ R ra, lại được thử nghiệm của trận đánh La Hòn và thả ba tên tù binh về trước đó đã có ảnh hưởng tác động tích cực trong hàng ngũ địch có lợi cho trận tập kích đêm 30/7/1960.

Về phần thiếu sót, hội nghị Huyện uỷ chúng tôi tự nhận là không dự kiến hết những trở ngại bất trắc trên đường hành quân lúc trời mưa, đi đêm trong rừng sâu, phương tiện vượt sông suối khi bị nước lũ, càng không lường hết việc dân tự động nổi dậy phá khu tập trung, tất cả đều chạy về núi, làm chần động cả kế hoạch chiến lược tập trung dân, lập khu trù mật của Mỹ - Diệm, làm cho địch bị động lúng túng đối phó, còn ta thì gặp muôn vàn khó khăn trong thắng lợi, nhất là cán bộ tổ chức điều hành lực lượng bám dân, xây dựng căn cứ, sắp xếp ăn ở, sản xuất khi nhân dân về, nên đã có một số gia đình dân La Dạ phải trở lại khu tập trung.

Trong hội nghị này, chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng: phá khu đưa dân về núi thì khó nhưng việc khó hơn là lãnh đạo nhân dân về rừng, ổn định việc ăn ở, sản xuất, phát triển thế trận du kích chiến tranh, phòng chống địch, bảo vệ dân. Dù ta có lực lượng vũ trang bao nhiêu cũng không tài nào giữ được dân nếu dân không có lực lượng tự giữ mình. Khó khăn nhất trong lúc này là nghị quyết 15 còn nằm trong dự thảo, chưa được Ban chấp hành Trung ương thông qua. Hội nghị vẫn bế tắc khi bàn đến vấn đề Mỹ - Diệm đang dùng chiến tranh một phía, dân chưa được quyền vũ trang tự vệ thì lấy gì đảm bảo tính mạng, tài sản, hoa màu cho họ?

Điều khổ tâm hơn cả mà hội nghị chúng tôi phải bàn nhiều là làm sao giải quyết 2.400 dân La Dạ, Tố La khi phá khu về, trong tay không có một hạt giống, lúa trong kho bị giặc đốt sạch, mì trong rẫy bị lợn rừng phá hết. Họ sang xin dân Kờ Dòn (Bưng) lúa giống, nhưng cái ăn thì thật khó. Nếu 2.400 dân không quan hệ được ở đâu khác, chỉ độc nhất dựa vào dân Kờ Dòn, thì dân Kờ Dòn không sao giúp đỡ nổi.

Theo phản ánh của anh Trổ và anh Ma Hương, dân La Dạ, Tố La đang bị đói nặng, có gia đình không còn gì để ăn, có một số bà con đi xin được lúa giống mang về, con đói phải đem một ít gạo nấu cháo cho con, có người phải đem cát sạn trộn vào lúa giống để nói với con là lúa không ăn được đừng đòi, nhằm giữ cho được giống để tủa rẫy.

Nạn đói đe dọa đi liền với nạn dịch bệnh phát triển, phổ biến là hai bệnh sốt rét và kiết lị xuất hiện trong nhân dân,

buôn nào cũng có. Thật là nan giải, nhất là trong mùa mưa dầm, dân trốn vào rừng sâu, núi cao, âm u, ẩm thấp, ông già, bà cả, trẻ con không đủ áo mặc. Chưa đầy một tháng mà anh em vào trong buôn thấy không khí nặng nề, nhìn nhân dân người không ra người mà ma không phải ma, thật là một cảnh đau lòng!

Trước thực tế tình hình trên, chúng tôi báo cáo phản ánh về Tỉnh ủy, anh Tiên trực tiếp nghe anh em báo cáo. Nếu chờ Tỉnh ủy cho chủ trương thì chậm mất, hội nghị chúng tôi tập trung bàn biện pháp cứu đói, giúp cho dân Tố La, La Dạ vượt qua cơn nguy biến. Tỉnh ủy chưa giao cho Di Linh chỉ đạo vùng này mà còn trực thuộc huyện Hoài Đức, anh Bái - Bí thư - đã phân công anh Tích và anh Nam phụ trách vùng này, nhưng các anh ấy lo bám củng cố số dân ở phía Bà Gia, La Ngâu, Xăn Trới, còn nhân dân ở đây tự phát chạy về ngoài chủ trương nên họ hoàn toàn tự lo. Hình như các anh ở Hoài Đức chưa nắm được điều kiện và bối cảnh cuộc sống của dân nên chưa thấy anh em cán bộ đến giúp đỡ họ, tất cả dân đều dồn qua huyện Di Linh xin cứu tế.

Nhân dân đói, lực lượng tự vệ cũng đói. Hàng ngày họ vừa vào rừng đào khoai để ăn, vừa bám rẫy sản xuất, không còn thời gian để tuần tra canh gác, trinh sát thông báo tin để bảo vệ nhân dân.

Trước tình thế cấp bách, chúng tôi không thể làm ngơ trong hoàn cảnh bi đát của dân. Với tinh thần đó, hội nghị chúng tôi chủ trương: Trong rẫy tự túc của chúng tôi còn 10.000 gốc

mì, chúng tôi quyết định xuất giúp cho dân Tố La 3.000 gốc, dân La Dạ 3.000 gốc, dành phần tại rẫy cho 3 buôn (A Ra, Quao, Sa Lôn), nếu dân 2 tổng bên ấy sang, dẫn họ đến đào mang về ăn. Trong kho lúa tự túc lúc ấy còn được 70 xà bớ (gùi), chúng tôi xuất cho dân La Dạ và Tố La được 35 xà bớ để làm lúa giống, tranh thủ tủa cho kịp mùa, giao cho tổ đoàn kết sản xuất đứng ra nhận đem về phân phối và chịu trách nhiệm, mùa thu hoạch trả lại. Với tinh thần “một miếng khi đói bằng một gói khi no”, ngoài quan hệ “tình làng nghĩa xóm”, dân với dân giúp đỡ nhau, đối với dân Kờ Dồn, Nộp, có người còn cho nhau mượn mặt đồng, ché xưa để đi lên vùng đồng bào Kờ Ho, bưng lúa gạo mang về ăn, mặc dù người cho mượn cũng biết rằng người mượn vĩnh viễn không bao giờ có của trả lại.

Hội nghị lần này cũng đề ra chủ trương phát huy thắng lợi chiến thắng Bắc Ruộng, dùng cán bộ dân tộc, cơ sở quần chúng Kờ Dồn, Tố La mở một đợt đi bưng lên Kờ Ho, Mạ, Nộp, than nghèo kể khổ, nói lại cảnh sống ở khu tập trung Bắc Ruộng, nay về núi bị giặc càn quét, đốt phá, tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm, kêu gọi đoàn kết đấu tranh giúp đỡ lẫn nhau. Hội nghị phân công anh Hương, anh Trổ quan hệ lãnh đạo dân Tố La, anh Chuối, anh Tiên quan hệ giúp đỡ dân La Dạ theo chủ trương trên nhằm một bước giải quyết cứu nguy cho dân, mở rộng quan hệ chính trị giữa dân với dân.

Sau cuộc họp này, anh Tiên về báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy. Thường vụ cử đồng chí Hữu - y sĩ cơ quan Tỉnh ủy - mang toàn bộ thuốc men dành chăm sóc sức khỏe cho nội bộ, đưa

hết xuống cùng huyện kết hợp với anh em dân vận xuống từng thôn xóm, kiểm tra sức khỏe, cấp thuốc cho từng người, tuyên truyền vận động dọn vệ sinh sạch sẽ thôn xóm, uống chín, ăn sạch, chống bệnh tật trong mùa mưa, tổ chức tổ vệ sinh bảo vệ sức khỏe trong buôn, phát thuốc dự phòng sốt rét, kiết lị, cảm cúm lấy từ chiến lợi phẩm ở Bắc Ruộng. Cuộc vận động bảo vệ sức khỏe cho dân gắn liền với phát triển sản xuất.

Ngày 2/9/1960, chúng tôi họp từng buôn mít tinh kỷ niệm 15 năm ngày Quốc khánh 2/9 - ngày khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mừng thắng lợi đã ổn định việc ăn ở, sản xuất của 4.000 dân phá khu Bắc Ruộng trở về, động viên nhân dân tin tưởng, phấn khởi, chuyển qua thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh theo tinh thần có nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II.

CHỐNG CÀN QUÉT Ở RẦY KON SỎ

Kon Sỏ là một trong 16 buôn của tổng Kờ Dồn, nằm giáp ranh với tổng Châu Trương (nay thuộc xã Sơn Điền). Hồi đó dân Kon Sỏ có khoảng 250 người. Nhân dân ở đây đoàn kết thống nhất một lòng theo Đảng chống Mỹ - Diệm. Tất cả các gia đình đều tập hợp tổ chức vân đổi công, thanh niên trai tráng trong làng đều vào đội tự vệ. Chủ trương chuẩn bị cất giấu tài sản, lập căn cứ bí mật, sẵn sàng chống đồn dân được đồng bào hưởng ứng triệt để. Nhờ đó mà trong cuộc càn của địch lừa dân về Bắc Ruộng đầu tháng 4 năm 1960, dân Kon Sỏ tránh lánh được, không bị lừa. Với trách nhiệm trước Đảng,

chi bộ đã lãnh đạo, động viên nhân dân ra sức làm rẫy để có lương thực dư giúp cho dân bị lừa ở Bắc Ruộng khi phá khu tập trung trở về. Riêng ở Kon Sô, năm ấy, dân làm tới 50 mẫu rẫy, chiếm 1/4 rẫy của toàn vùng Kờ Dồn. Họ tranh thủ tủa lúa sớm hết sức tốt, cuối tháng 10, lúa con và lúa ruộng bắt đầu chín, lúa mẹ đã trổ, chúng tôi xem như vừa lúa mới để giúp cho toàn vùng.

Địch ở Di Linh theo dõi nắm được tình hình và bí mật cho thám báo từ Nộp sang khảo sát vùng rẫy Kon Sô, chủ trương cho hành quân xuống phá. Việc phá rẫy Kon Sô nằm trong kế hoạch chung của 3 tỉnh Bình Thuận - Bình Tuy - Lâm Đồng sau thất bại của việc tập trung dân ở Bắc Ruộng (Hoài Đức), Bà Xa, Phước Lạc (B' Lao), Di Linh. Chúng chủ trương dùng mệnh lệnh hành chánh kết hợp với quân sự triệt để bao vây, phong tỏa, cắt đứt quan hệ giao dịch đối với dân vùng này; mặt khác, bằng mọi cách phá hoại việc sản xuất bên trong, mà phá đau nhất, phá không còn đường sống là phá khi hoa màu sắp được thu hoạch, thì nhân dân không còn đường sống, phải bỏ rừng về qui thuận chúng. Đó là kế sách thâm độc nhất của Mỹ - ngụy lúc bấy giờ.

Ngày 5/11/1960, bắt đầu mùa nắng, địch ở Lâm Đồng phối hợp với địch ở Bình Tuy tổ chức càn quét vào vùng căn cứ với 4 cánh quân.

Hai cánh quân Bình Tuy thọc từ Bắc Ruộng lên: Một cánh vượt đèo Me Pu lên Bà Xa lùng bắt dân Bờ Gia. Cánh này đến nằm lì trong khu tập trung Bà Xa 3 ngày, lấy cố ăn

hết lương thực, thực phẩm rồi về. Cánh thứ hai đi theo đường Tà Mỹ lên La Dạ, đến nằm ở xóm Chung (buôn cũ) rồi cũng rút lui, chẳng bắt được người dân nào và cũng không dám đi ra rẫy.

Hai cánh quân ở Lâm Đồng hành quân như sau:

Một cánh gồm 1C bảo an, 1B thám báo xuất phát từ B' Lao xuống và đi theo đường La Dày. Chúng đến bờ sông La Ngà ở đoạn thác Hàng Bọt, Chà Lào, bị tuyến bố phòng chông cung dày đặc của dân làm bị thương 2 tên lính, lấy cớ rút về trong ngày.

Một cánh khác với lực lượng 2 đại đội bảo an và huy động gần 200 dân Kờ Ho và Nộp từ Di Linh hành quân theo đường 8 rẽ vào Kon Sỏ. Bộ chỉ huy hành quân đóng trên đồi cao trắng Ka Liên, tổ chức từng trung đội kèm dân bị bắt đi theo, hàng ngày chúng xuống chốt từng miếng rẫy, thấy đám lúa nào chín thì cho dân suốt mang đi, lúa nào còn xanh dùng sào quật gãy đổ để dân không có gì mà thu hoạch. Thật là độc ác!

Việc đưa dân Kờ Ho, dân Nộp xuống suốt lúa dân Kờ Dồn làm tăng sự hiểu lầm và thúc đẩy sự chia rẽ giữa các dân tộc thời Pháp để lại từ lâu chưa hàn gắn được. Đội vũ trang đơn vị 29 được điều về để bảo vệ cơ quan Tỉnh ủy đóng ở núi Bờ Rang, buôn Rơ Pú, cách rẫy Kon Sỏ và lực lượng địch càn quét phá lúa không xa. Từ lúc địch ở Di Linh xuống càn, anh em du kích và lực lượng đơn vị 29 được lệnh bám sát theo dõi diễn biến và tổ chức phát triển bố phòng, gài cung bẫy các đường từ căn cứ bí mật của dân ở ra rẫy, nguy trang các đường

mòn vào cơ quan căn cứ, đề phòng địch phát triển từ rẫy vào rừng. Anh em lập đài quan sát trên cây cao để quan sát toàn bộ trận địa, hàng ngày theo dõi nắm chắc mọi hành tung của địch. Chúng tôi cho viết tay hàng ngàn truyền đơn bằng 2 thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Kờ Ho), chờ chiều tối, địch cụm lại, du kích đem rải khắp trên đường rẫy và ruộng để ngày sau lính đến lượm xem truyền đơn binh vận.

Hoạt động tích cực nói trên đã có tác dụng hạn chế địch phát triển lòng vực sâu vào rừng, nhưng chúng vẫn tập trung tích cực phá lúa trên nương rẫy.

Để bảo đảm an toàn cho cơ quan Tỉnh ủy và trực tiếp chỉ đạo chống càn, tôi và anh Ma Hương về cơ quan Tỉnh ủy trực tiếp nhận chủ trương chỉ đạo chống càn, vừa đảm bảo có bất trắc xảy ra thì hướng dẫn cơ quan di chuyển, bảo vệ an toàn cho sự chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Suốt 5 ngày liền, địch cướp phá hơn 1/3 diện tích lúa rẫy và gặt phá hết lúa ruộng. Anh em 29 ngày nào cũng cho liên lạc mang thư về báo cáo tình hình, đề nghị xin cho đánh du kích (bắn tỉa). Tôi trực tiếp mang thư, báo cáo và xin Thường trực Tỉnh ủy chấp thuận đề nghị của anh em, nhưng Thường trực vẫn cứ do dự. Các anh Thường trực đặt câu hỏi: Đã nên đánh chưa? Nếu nó chưa phát hiện lực lượng vũ trang và cơ quan đóng ở vùng này thì có nên đánh không?

Đến ngày thứ 3 thì được các anh đồng ý cho phép du kích dùng tên ná có tẩm thuốc độc bắn một số tên đi gần bìa rừng. Trong trường hợp chúng phát triển vào rừng, đi về hướng cơ

quan, không kịp báo tin về thì được nổ súng đánh, vừa để báo động luôn... Như vậy là cho phép đánh địch nhưng giới hạn và bị động. Chúng tôi nhận nhiệm vụ ra truyền đạt nghiêm túc nhưng trong lòng mãi phân vân: Nói vậy nhưng không phải vậy, cho anh em đánh có điều kiện, nhưng chừng nào địch đi vào điều kiện đặt ra đó để ta đánh?

Tôi, anh Bảy Thành, anh Sáu Nam, anh Tư Lạc ngồi uống trà nhăm nháp mỗi người một ly rượu đế với con cá nục khô, nóng tai kháo nhau tự đặt ra câu hỏi mà không có đối tượng trả lời: Mình đã mang quân từ đây xuống đánh chi khu Bắc Ruộng đưa dân về, nay địch dẫn xác đến bên nhà, phá tài sản của dân, trong lúc ta có lính, có súng mà ngồi uống rượu chịu sao được? Sau này nói làm sao với dân? Anh Bảy Thành thọc tôi một câu: “Địch phá lúa của dân thì dân đánh, ông Cảnh chịu trách nhiệm, còn mình chờ nó vào đây mới nổ súng đánh, có lệnh hay không lệnh cũng phải đánh. Ông nắm trong tay mấy ngàn dân, mấy trăm tự vệ có võ trang mà không đánh được thằng giặc này thì quá hèn!” Tôi biết anh Thành chọc tức mình, nhưng ráng ghìm lời nuốt giận, nói vui: “Thôi đi mấy ngài! Mình đang bị án treo, vừa ra lệnh đánh bọn biệt kích La Hon, Thường vụ chưa xử, nay mà làm càn nữa thì tội sẽ gia tăng lên án tử hình, mình đâu dám. Xấu láu như Tề Thiên mà còn phải sợ câu thần chú của Tam Tạng, huống chi mình cốt xương mình thịt, đâu dám chịu đòn nhiều lần, các ông Sa Tăng, Bát Giới ngồi nghe Tam Tạng tụng kinh đâu có lời nào khuyên can thầy khi Tề Thiên mắc nạn.”

Nói xong, tôi, anh Ma Hương cùng Bờ Lít ra buôn nắm tình hình. Dân Kon Sô vây quanh thắc mắc: Tại sao không đánh để bảo vệ rẫy? Các anh có súng không bắn, biểu đồng bào bắn ná? Nó bắn súng, mình bắn ná làm sao được? Để nó phá hết lúa rẫy lấy chi mà ăn? Nó phá lúa, không đánh, nó sẽ lùng vào rừng, kiếm chỗ ở của dân, bắt dân tra khảo, dân có người sợ chết sẽ dẫn đường chỉ đúng cơ quan đơn vị thì chừng ấy mới đánh hay sao?

Tôi và anh Ma Hương cố gắng giải thích. Anh Hương nói với họ là nó phá một ít để chọc tức mình bộc lộ lực lượng, nó xin quân đông hơn đi càn thì sẽ khó hơn. Dân nói: “ Không phải nó phá một ít vì ông chưa xem cụ thể. Ba ông cùng đi với chúng tôi lên chòi cảnh giới để xem nó phá mới biết cụ thể về báo cáo với trên giúp chúng tôi đánh nó.”

Ông già Chơ Rơ và 3 du kích dẫn chúng tôi đi ra đồi cao Kon Sô, leo lên vọng gác của du kích, nhìn toàn bộ vùng rẫy giống như sau một trận gió lốc quật lúa ngã toàn vùng. Đứng xa cả lính cả dân công bị bắt ép mỗi tên cầm một cây sào dài thì nhau quật lúa như người điên múa võ giữa trời. Chúng quật hết đám rẫy này đến đám rẫy khác khiến mỗi người chúng tôi động đến tim gan nhức nhối. Họ hỏi chúng tôi : “Nó phá đến vậy, các anh chịu đánh chưa? Để đập phá hết lúa, chúng tôi sẽ kéo vào cùng ăn ở với các anh luôn chứ còn **cách gì** để chúng tôi sống nữa đâu! Cơ quan sống làm sao, **chúng** tôi sống làm vậy!”

Đúng 8 giờ sáng ngày thứ 5 của cuộc càn, đồng chí Chơ Rơ - Bí thư chi bộ Kon Sô, vừa là già làng - dẫn 6 tự vệ và 2 phụ nữ đi thẳng vào cơ quan Tỉnh ủy xin gặp lãnh đạo chất vấn việc giặc phá lúa 4 ngày rồi sao không cho bộ đội đánh để bảo vệ rẫy giúp dân.

Anh Tám Triều - Thường vụ Tỉnh ủy - ra tiếp dân, giải thích, khuyên họ về để lãnh đạo bàn một chút rồi sẽ ra buôn họp dân phổ biến. Nhưng anh em, đồng chí, đồng bào vẫn không chịu về vì về sẽ không trả lời được với dân, chờ lãnh đạo cùng đi để ra gặp dân, nói trực tiếp với dân.

Sau đó, Thường trực Tỉnh ủy mời chúng tôi họp bàn đến 2 giờ liền để thống nhất chủ trương trả lời với dân là cho đánh không?

Trong thành phần cuộc họp hồi đó, ngoài 2 đồng chí Thường trực Tỉnh ủy và văn phòng còn có tôi và anh Hương. Cán bộ quân sự tham mưu cho Thường vụ Tỉnh ủy có mặt các đồng chí Bảy Thành, Sáu Nam, Tư Lạc. Anh em đều nhất trí đề nghị Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương đánh mới bảo vệ được rẫy của Kon Sô. Lực lượng tham mưu đều báo cáo thông suốt mọi câu hỏi do Thường vụ Tỉnh ủy đặt ra. Chỉ còn tồn một ý: Nói địch đi từng đám rẫy phá lúa của dân có thật không? Bằng chứng thế nào? Đã có đồng chí nào trực tiếp thấy nó không hay chỉ nghe nhân dân phản ánh, anh em về báo cáo lại?

Tôi và anh Hương báo cáo rõ trước Thường vụ Tỉnh ủy chuyển đi thực tế chiều hôm trước, xin chịu trách nhiệm trước

Thường vụ Tỉnh ủy và xin cam đoan: Nếu Thường vụ Tỉnh ủy cho nổ súng đánh, khi địch rút rồi, kiểm tra lại mà thấy địch không phá lúa, tôi phản ánh sai sự thật, nhân danh là Bí thư Đảng bộ huyện Di Linh xin tự mình chém đầu chịu tội trước Đảng, trước nhân dân. Cuối cùng, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định cho đánh và giao cho các anh quân sự nghiên cứu sử dụng lực lượng và phương thức tác chiến sao cho có lợi nhất, đạt hiệu quả chiến đấu cao, bảo tồn lực lượng tối đa.

Sau khi nhận nhiệm vụ, các anh quân sự cùng tôi trao đổi cách đánh kết hợp hoạt động vũ trang với binh vận. Trong khi cho lực lượng 29 tiếp cận ra rẫy, chuẩn bị nổ súng đánh địch, đồng thời phát loa kêu gọi sĩ quan, binh lính địch dừng phá lúa của dân, ai không nghe dừng trách sự trừng phạt của dân, đơn vị vũ trang đã từng chiến thắng Bắc Ruộng không tha các người đâu! Lực lượng đơn vị tổ chức 9 đồng chí tranh thủ mọi sơ hở và chủ quan của địch.

Đúng 3 giờ chiều hôm ấy, anh em tiếp cận sát địch trên 50 mét giữa rẫy Kon Sỏ, đứng dậy đồng loạt nổ súng đánh trúng vào đội hình địch đang tập trung phá lúa của ông Đeo- cha vợ anh Ma Hương. Ta nổ súng bất ngờ, địch tháo chạy. Anh em rượt theo từ trên đồi đánh xuống. Tổ đại liên phối hợp bắn chi viện, chia cắt đội hình địch, khống chế địch từ đồi bên trái và quét thẳng vào đội hình chúng đang chạy. Bọn địch bị tập kích bất ngờ tháo chạy xuống dốc. Xác chết của địch lăn gục kênh từ trên cao xuống sông Đăng Sách nằm ngổn ngang. Bọn bị thương trượt xuôi xuống dốc tạo thành hàng như đường

vòi dầy xéo trong rẫy.

Đến 16 giờ 30, ta làm chủ trận địa, thu 8 súng, trong đó có 3 tiểu liên, địch chết và bị thương trên 20 tên, ta hy sinh 2 đồng chí cán bộ trung đội.

Địch bị đánh bất ngờ giữa ban ngày, hoảng hốt tập trung tất cả, đùm túm khiêng vác tử thi và thương binh rút ngay chiều và tối hôm ấy, bỏ lại số lúa đã thu trong ngày và phần lớn lương thực, thực phẩm phục vụ cuộc cần. Từ đó cho đến năm 1965, địch không dám hành quân cần quét vùng Kờ Dòn, dân sống tự do ngoài vùng kiểm soát của Mỹ - ngụy.

ĐỘI HOÀNH SƠN RA ĐỜI

Sau trận chống cần ở rẫy Kon Sỏ, Tỉnh ủy Bình Thuận triệu tập họp Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng, có đồng chí Lê Tự Nhiên thay mặt cấp trên về dự và tham gia đánh giá tình hình và kết quả trận đánh Bắc Ruộng. Cán bộ lãnh đạo địa phương được mời dự họp với tâm trạng tuy liên tiếp giành được những chiến thắng rất quan trọng nhưng lại cứ sợ cấp trên phê phán.

Trong cuộc họp, ngoài báo cáo đánh giá tổng quát các mặt hoạt động chính trị, vũ trang trong tỉnh, đặc biệt là đánh giá toàn diện về trận đánh Bắc Ruộng ngày 31/7/1960, đồng chí Lê Tự Nhiên cho rằng trận đánh Bắc Ruộng là một chiến công xuất sắc nhất trên địa bàn Liên tỉnh 3; trận đánh bọn biệt kích ở La Hòn chặn đứng được chiến thuật biệt kích địch tự do hành quân đánh phá căn cứ, chúng không dám hoành hành lũng sâu vào vùng căn cứ cách mạng trong Liên tỉnh; cuộc chống cần ở Kon Sỏ là một thắng lợi cả về chính

trị, quân sự, binh vận, kinh tế đối với tỉnh, những chiến thắng nói trên đã cho phép mở ra một thời kỳ mới cả về mặt phối hợp chiến lược toàn miền và có thực tế để vận dụng chiến thuật trong việc tổ chức đấu tranh chính trị, vũ trang trong tỉnh, góp một số bài học cho liên tỉnh, liên khu.

Anh Lê Tự Nhiên phân tích tình hình với nhiều ý sâu sắc, nhưng tôi nhớ không hết. Thay mặt Liên tỉnh, anh đề xuất để Tỉnh ủy nghiên cứu mấy vấn đề:

1. Tranh thủ thuận lợi, ra sức phát huy thắng lợi, ra sức tấn công địch, phát triển mở rộng cơ sở vào vùng bị địch kiểm soát (tấn công phía trước, củng cố phía sau), vận động nhân dân trong vùng địch ủng hộ giúp đỡ vùng ta, đảm bảo vật chất phục vụ phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, đẩy mạnh phong trào quần chúng vận động binh lính địch, giảm nhẹ tính chất phản động ác ôn trong lực lượng nguy quân, nguy quyền.

2. Về tổ chức, cần khẩn trương tổ chức ngay một đội vũ trang tuyên truyền mạnh phát triển lên phía Bắc đường 20, có nhiệm vụ nối hành lang Liên tỉnh 4 từ Quảng Đức xuống, chuẩn bị thành lập tỉnh Lâm Đồng, sẵn sàng tiếp thu và xây dựng phát triển hành lang chiến lược Bắc Nam, Đông Tây trên địa bàn Nam Tây Nguyên và Cực Nam Trung Bộ xuyên qua Lâm Đồng.

Với chủ trương trên, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận thành lập 3 đội vũ trang công tác xoi mở đường lên phía Bắc Lâm Đồng gồm:

1. Đội Hoàn Sơn đứng từ Kờ Dồn - Kon Rum mở lên hướng Di Linh, có nhiệm vụ phát triển nối với đội vũ trang Quảng Đức gần hành lang thống nhất Bắc Nam.

2. Đội vũ trang công tác Nam Sơn đứng ở Tố La phát triển lên B' Lao do anh Nam làm đội trưởng. Sau 3 tháng, đội này không phát triển được, Tỉnh ủy rút về, giao địa bàn này cho đội Hoàn Sơn phụ trách luôn.

3. Đội vũ trang công tác Tây Sơn, do Huyện ủy Hoài Đức chỉ đạo và anh Trần Tích làm đội trưởng, đứng ở địa bàn Bờ Gia, có nhiệm vụ phát triển lên hướng Đạ Gùi, Đồng Nai, giáp với lực lượng của R phát triển ra.

Tôi xin bàn sâu về đội Hoàn Sơn:

Đội vũ trang Hoàn sơn, tách từ Huyện ủy Di Linh để làm nhiệm vụ phát triển lên địa bàn Lâm Đồng, đích thực là một đơn vị trực thuộc tỉnh Bình Thuận lập ra, đảm nhận trách nhiệm đã nói phần trên. Đội hoạt động độc lập, không trực thuộc Huyện ủy Di Linh, trước mắt tạm thời trực thuộc sự chỉ đạo của tỉnh Bình Thuận vì tôi là Tỉnh ủy viên Bình Thuận, Bí thư Huyện ủy Di Linh, được phân công làm đội trưởng kiêm bí thư chi bộ của đội. Nhiệm vụ xây dựng huyện Di Linh được giao cho đồng chí Bích phụ trách bí thư thay tôi và tạm thời chưa điều động đồng chí nào trong toàn bộ máy cán bộ của huyện. Tôi chỉ rút bổ sung cho đội 3 đồng chí:

1. Anh K' Rố, dân Kờ Dồn, bắt vợ ở Tố La, cán bộ thôn, là dân nghèo, thường xuyên làm thuê cho đồn điền của Pháp

nên quen biết đường đi nước bước dọc đường 20, giúp đội hoàn thành nhiệm vụ.

2. Anh K'Tiến, dân Kon Rum, là thành viên tự vệ buôn, có tác phong lạnh lẽ, làm bảo vệ.

3. Anh K'Reỏ, người Kon Rum, cơ sở buôn, là người giỏi cắt đường rừng nhất trong đồng bào dân tộc trong vùng.

Ông già làng tên là ông Ba Xà Lùng, người Kờ Ho làng Kon Tẻ, bắt vợ ở Kon Rum, không nằm trong biên chế thường xuyên của đội, chỉ sử dụng đi công tác chuyển. Sở dĩ chúng tôi sử dụng ông Ba Xà Lùng vì ông có nhiều con cháu ở vùng đồng bào Kờ Ho. Ông là lính khố xanh của Pháp về hưu lâu, lúc bấy giờ có người cháu kêu ông là cậu ruột đang làm tổng đoàn dân vệ huyện Di Linh. Ý đồ sử dụng ông Ba là để tạo mối quan hệ ban đầu, thông qua con cháu của ông để nắm tình hình. Các anh tổ chức hỏi tôi đặt bí danh cho đội, tôi xin đặt tên là đội Hoành Sơn(*).

Cuối tháng 11 năm 1960, Tỉnh ủy có bổ sung thêm đồng chí Lê Hữu Tư (thường gọi là anh Tám) làm đội phó, phụ trách quân sự.

Tôi nhận nhiệm vụ, các anh tổ chức ăn cơm chia tay dặn dò, anh Lê Tự Nhiên cũng đến dự. Anh em hỏi tôi có ý kiến gì không? Không thể dối lòng mình, tôi trả lời: “ Đảng viên, cán bộ của Đảng, Đảng bộ quyết định làm việc gì thì làm việc đó, làm được hay không còn nhờ tập thể giúp đỡ, làm Bí

* Trong hồi ký, một số đồng chí cũng gọi đơn vị mình là đơn vị Hoành Sơn, tôi không rõ đội bạn đặt khi nào?

thư Huyện uỷ nhờ vào tập thể của huyện; làm đội trưởng công tác dựa vào 3,4 anh em trong đội, chỉ lo một điều là nhiệm vụ của đội Tỉnh uỷ giao nặng nề nhưng trong đội chỉ có một mình tôi là Kinh và 2 đảng viên dự bị là người dân tộc, sức lãnh đạo bị hạn chế, trong lúc tiến lên vùng trắng đồng bào dân tộc lâu nay do người Pháp đầu độc hàng trăm năm. Chúng tôi lo lắng nhưng các anh yên tâm. Tôi tròn 10 năm sống và công tác trong vùng đồng bào dân tộc, thực tế đã qua giúp tôi có thể hoàn thành được công việc các anh giao.”

Cuộc họp xong, tôi từ giả trở về huyện họp Huyện uỷ bàn giao công việc cho anh Tám Bích, chia tay anh em ra đi, lòng thanh thản tự hào rằng: Mình đi làm nhiệm vụ mới nặng nề của tổ chức giao từ hai bàn tay trắng, không quan, không dân, không gạo, không tiền, đi xây dựng cơ nghiệp mới, để lại sự nghiệp cũ cho anh em, chẳng có gì hơn là để lại lòng tin của dân đối với Đảng bộ Di Linh chúng tôi.

Chia tay anh em khăn gói lên đường, bốn anh em chúng tôi họp tại Rơ Diêu, họp đội công bố quyết định và họp chi bộ động viên nhau. Sau đó, anh Rẻo đi họp pháp lên Kon Rum nhỏ, mời ông Ba Xà Lùng đến họp, bàn bạc công tác. Năm anh em hạ quyết tâm trong tháng 11,12 bằng mọi cách phát triển cho được 24 buôn xã Đinh Trang Hạ, 8 buôn xã Tân Lú (phía Nam đường 20), một phần xã Liên Đàm, Gung Ré để đầu năm 1961 mở đường phát triển sang Bắc đường 20, thọc lên Kin Đạ, liên lạc đường dây Bắc Nam từ Quảng Đức xuống. Tuy có năm anh em thôi nhưng chúng tôi trao đổi hết sức kỹ, nhắc nhau bằng lời dặn của người xưa “mạnh dùng sức, yếu

dùng chước”. Chúng tôi bàn về chước, chước gì? Anh em trao đổi hiến kế.

Ông Ba Xà Lùng đưa ra một ý hay: Muốn phát triển nhanh, làm sao gặp những người có uy tín với dân, có uy thế với tổng lý, dân vệ cùng cộng tác với mình, số này chịu nghe mình thì họ bảo vệ mình đi đâu cũng được, gặp dân nào họ cũng không dám về báo cáo với địch.

Nghe nói, tôi cho là có lý, nhưng cái khó ở vùng trắng là làm sao biết được ai là người có uy tín với dân, có uy thế với tổng lý, ai là người chịu trách nhiệm môi giới để gặp họ và biết họ tốt xấu thế nào mà dám gặp họ? Ý kiến nêu trên tôi đặt ra cho cả năm anh em cùng bàn và chúng tôi còn nêu nội dung yêu cầu vận động cách mạng ở vùng này chủ đề là gì để trao đổi?

Tiếp tục tham gia công tác với chúng tôi, ông Ba Xà Lùng nói: “Công tác trong vùng đông bào dân tộc của chúng tôi, ông nên chú ý các bà. Quyền là các bà. Đản ông, nếu vợ chết đi, về nhà mình chỉ có cây xà gạc thôi, còn tài sản, chum ché, mặt đồng, khăn ùi là của nhà vợ. Người mẹ có quyền quyết định trong gia đình, cổ vấn trong gia tộc thì có ông cậu. Cậu có quyền về chính trị đối với gia tộc, quyết định phân chia rừng núi, là người tham mưu, tham gia. Do vậy mà có thời dân Nộp có bà Lat Nao Xẻ, dân Kờ Ho có bà Cọ ở Đồng Đồ vận động dân Kờ Ho nổi lên chống Pháp. Bây giờ ở đây có bà Phan. Bà ấy cũng ghê lắm, bà nói chuyện như các anh nói vậy. Bọn tổng lý vùng này không cãi lại được bà ấy đâu. Làm

sao gặp được bả, tranh thủ bả chịu theo mình thì dân vùng này sẽ theo hết với mình. Còn đàn ông thì co thằng K' Xíu, nó kêu tôi bằng cậu, ở buôn Bờ Lạch Kon Tẻ. Nếu gặp được nó, thông qua nó, nắm hết tổng đoàn dân vệ dọc đường 8 thì mình làm công tác yên tâm.”

Cả ba anh em dân tộc trong đội nghe ông Ba nói bằng tiếng dân tộc, đều gật gù tán thành. Tôi tiếp thu được ý ông Ba Xà Lùng và nhận thái độ đồng tình của anh em trong đội. Tôi nêu tiếp: Ý ông Ba giới thiệu hai người tốt là được rồi, nhưng bây giờ ta làm sao gặp được và khi gặp sẽ nói với họ những gì? Chứ rủ đi làm cách mạng với mình sao được?

Ông già nói tiếp: “Gặp hai người này thì dễ, còn gặp nói chuyện gì thì ông tính, cái tốt là hai người này đều giỏi tiếng Kinh”. Ông hiền kể luôn: “Hiện nay vợ chồng bà Phan (chồng là ông K'Tỏ) làm ruộng ở La On, tối thường ngủ lại trong chòi để giữ thú rừng ban đêm ra phá, ta hành quân lên đóng ở rừng Rơ Po nắm tình hình. Nếu vợ chồng bà Phan có ngủ lại, tối ta gặp trong chòi ruộng là tốt nhất. Còn gặp K' Xíu thì để tôi đi về buôn bằng con đường hợp pháp, gặp nó, thăm dò, tranh thủ, thông cảm với cháu tôi trước rồi sẽ bàn kế hoạch gặp anh Cảnh sau mới được”.

Như vậy, việc xác định đối tượng lớp trên, già làng, trí thức trong dân tộc cần phải vận động và cách tiếp cận để gặp là có thể đưa vào kế hoạch, còn nội dung mục tiêu cần vận động trong mỗi đối tượng khác nhau chúng tôi bàn tiếp. Trong đội thống nhất với nhau là trước hết phải làm cho nhân dân

hiểu hết âm mưu thủ đoạn cướp nước và bẻ lái tay sai bán nước của Mỹ - Diệm, kêu gọi tinh thần đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc cùng nhau đấu tranh chống xâm lược Mỹ và tay sai bán nước, động viên tinh thần yêu nước, thương dân, đứng lên làm cách mạng bảo vệ dân tộc, bảo vệ xóm làng, bám đất bám rừng làm ăn, chống bắt lính đánh thuê cho Mỹ - Diệm đã chống lại nguyện vọng độc lập, thống nhất Tổ quốc mình.

Anh em cũng nhất trí giáo dục tình thương yêu các dân tộc thiểu số cùng cảnh ngộ đang chịu đau khổ vì chính sách cưỡng bức, dồn dân, tập trung, kềm kẹp của địch, nay mất hết cửa nhà, đói khổ, không có cơm ăn, áo mặc như dân Kờ Dòn, Tố La, Mãn Tố, Bà Gia, La Dạ, La Ngâu v.v...; nêu cao tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: “ Nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng”, “ Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết”. Động viên tinh thần nhân ái “ Lá lành đùm lá rách”, góp nhau kẻ ít người nhiều giúp đỡ bằng hành động cụ thể đồng bào Tố La, La Dạ lúa giống, muối ăn, áo mặc, dụng cụ sản xuất.

Toàn đội thống nhất nội dung yêu cầu mục tiêu vận động nói trên đối với vùng trắng, chuẩn bị có cuộc tập huấn cho tất cả cốt cán các buôn vùng mới giải phóng ngày 30/7/1960 từ khu tập trung Bắc Ruộng mới trở về, từ đó mà có sự phân công từng buôn ở vùng căn cứ giải phóng lên vận động các buôn vùng còn tạm chiếm, giúp đỡ lẫn nhau xóa mọi định kiến chia rẽ giữa các dân tộc mà thực dân Pháp để lại giữa

dân Kờ Ho, Kờ Dòn, Nộp, Tố La, Bà Gia v.v...

Sau cuộc họp, ông Ba Xà Lùng về Kon Rum, bốn anh em chúng tôi còn lại cắt rừng đi tìm chỗ ở, làm kho cất giấu tài liệu, sạch vở để chuẩn bị đi công tác theo lịch trong tháng.

Qua một đợt công tác, bốn anh em quần nhau với địch để vận động quần chúng từ buôn Bơ Krôn lên Kon Chạ, Chà Lào đến Kon Ká, Kon Xíp... và về đến buôn Rơ Po tròn 10 ngày

Chúng tôi đi đến đâu cũng nhận thấy bà con nhân dân vùng này tiếp thu cách mạng rất nhanh, ảnh hưởng trận đánh chi khu Bắc Ruộng rất lớn. Họ cho rằng: Pháp cai trị ta gần 100 năm nay đành chịu thua Việt Minh, Pháp phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ rút về nước, Mỹ - Diệm làm sao thắng nổi Việt Minh được. Mấy năm trước, Pháp đến khuyến dụ, nói khi nào trời sập thì Pháp mới thua Việt Minh, nay trời chưa sập mà Pháp phải thua rồi! Pháp thua rút đi, Mỹ lại đến đã bị đánh, Bắc Ruộng không giữ nổi mà nói giữ miền Nam, đánh miền Bắc làm sao nổi!

Trong quá trình đàm đạo với dân, nhiều ông già đề xuất nên gặp Tổng Nãi để dạy nó, rồi nó nói chuyện lại với lý trưởng và phó lý biết cách mạng, bọn nó phải cùng một bụng với dân, đừng theo Mỹ - Diệm làm khổ dân, trước đây họ theo Pháp, nay Pháp thua về nước có đem họ theo đâu; Mỹ - Diệm đến, họ lại theo Mỹ làm hại dân và rồi Mỹ sẽ thua, Mỹ cũng bỏ họ đấy!

Không phải như những ngày nghe lời Tây tìm bắt Việt Minh đổi muối, khi dân đã nhận ra lẽ phải, lời nói của dân sao mà mộc mạc, chân thành, thật cảm động! Đội có chương trình tìm gặp chị Phan trước, thông qua chị Phan làm môi giới lời kéo Tổng Nải và Tổng Bờ Riệu.

Sau chuyến công tác, chúng tôi về đóng ở rừng Rơ Po dùng anh K' Béo lên quan hệ với chị Phan, thăm dò xem tối vợ chồng có ở lại chòi giữ lúa không và trong vùng ruộng rẫy có mấy chủ ở lại đêm để tìm cách bố trí đến gặp.

Đúng 20 giờ đêm 5/12/1960, bốn anh em trong đội do em Trỏ - thanh niên buôn Rơ Po - dẫn đường đến vùng ruộng La Đon. Trinh sát kiểm tra tất cả các chòi thấy không có người ở lại, riêng chòi chị Phan có đốt lửa trên chòi, năm anh em tiếp cận đến chân chòi, ngồi lắng nghe động tĩnh, thấy vợ chồng chị Phan đang ăn cơm tối. Hai ông bà vừa ăn vừa trao đổi bằng tiếng Kơ Ho việc Ngô Đình Diệm tàn ác, làm khổ dân Nộp, Kơ Dồn, Tố La bị đói lên Kơ Ho xin lúa giống, họ đến các buôn nhưng chưa thấy đến chỗ mình, nếu họ đến cũng phải giúp họ tội nghiệp. Nói xong, ông K' Tỏ - chồng chị Phan - mở cửa chòi ra kéo dây giạt bô cạp đuổi thú rừng nhưng không phát hiện thấy chúng tôi. Sau đó, ông bước vào trong chòi, tôi ra hiệu anh Rẻo lên tiếng tăng hắng hỏi bằng tiếng dân tộc: “ Có ai ở trên chòi không?”

Anh Rỏ, anh Rẻo và tôi trèo lên chòi, còn Tiến và Trỏ đứng dưới chòi cảnh giới, đề phòng địch đi kiểm tra chòi rẫy ban đêm. Anh em chúng tôi vào chòi, vợ chồng chị Phan ngỡ

ngác. Chị Phan hỏi các anh là ai và có vẻ mất bình tĩnh.

Trước thái độ niềm nở ôn tồn của chúng tôi, đặc biệt là anh Rổ và anh Rể dùng tình cảm và bằng tiếng nói dân tộc trấn an ngay, hai vợ chồng yên tâm đón tiếp chúng tôi. Chị nói ngay : “ Các anh đi chắc chưa ăn cơm tối, tôi làm cơm dân tộc Kờ Ho mời anh em ăn để làm quen trong đêm nay trên đồng ruộng này.”

Anh em từ chối và đi ngay vào câu chuyện thăm hỏi sức khỏe, khai thác tình hình đời sống sản xuất của dân, của gia đình làng xóm. Ông K`Tổ ngồi nghe, một mình chị Phan giải đáp tất cả những điều chúng tôi muốn biết một cách rành rẽ, thoải mái, đúng như ông Ba Xà Lùng đã giới thiệu tính thông minh, lưu loát của chị.

Tôi hỏi chị : “ Thú rừng phá lúa nhiều, nhưng tại sao mọi người không ở lại giữ, chỉ có gia đình chị ở lại, Mỹ - Diệm có biết không? Nó có cho phép không mà chị dám ở? Có trường hợp nào lính đi tuần ban đêm ở vùng này không?”

Chị nói : “ Mỹ - Diệm không cho ở đêm nên dân họ sợ, không dám ở. Ruộng rẫy họ ở xa, thú rừng cũng ít phá, còn ruộng tôi ở sát bìa rừng, không giữ một đêm là hết ngay, còn đâu mà ăn nên tôi phải ở lại giữ rẫy, chứ nó đâu có cho. Thằng chồng con Bướm là con rể tôi trong ban đại diện xã Đình Trang Hạ. Khi nào có lính đi vào ruộng, nó báo là có vợ chồng tôi giữ rẫy trong này được xã cho phép, mọi việc phải qua đại diện xã”. Như vậy, tôi lại biết thêm chị Phan có cậu rể có chân trong ban đại diện xã. Tôi hỏi chị làm sao gặp thăm hết cả gia đình hoặc gặp vợ

chồng Bướm cũng được. Vợ chồng chị hứa sẽ giáo dục nó trước rồi sẽ đưa ra gặp sau.

Qua câu chuyện tâm tình quanh bếp lửa trên chòi cao giữa ruộng rẫy mênh mông, chúng tôi nói cho anh chị nghe về âm mưu thủ đoạn thâm độc dồn dân bắt lính, phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ của Mỹ - Diệm làm cho dân nghèo khổ, dân tộc ngu dốt, 95% dân không biết chữ để dễ lừa phỉnh mua chuộc, dụ dỗ làm tay sai cho Mỹ, làm bia đỡ đạn, gây cảnh nồi da nấu thịt, chia rẽ Nam Bắc, gây chiến tranh anh em chém giết lẫn nhau. Phải chỉ khi Pháp chịu thua rút về nước, đất nước hai miền thống nhất, không còn chiến tranh thì đâu có cảnh con xa cha, vợ mất chồng, ông bà già mất con, làng xóm không còn trai tráng trong gia đình, ông bà già phải tự làm lụng nuôi thân, chẳng biết lúc nào có thái bình an lạc.

Tôi nói đến đó, vợ chồng chị Phan bật lên khóc và nói :
“Trước đây tôi có nghe Cụ Hồ thương dân lắm, nhưng rồi mãi trông để xem người của Cụ Hồ là ai mà chưa gặp. Dân Kờ Ho có người trung thành ở với Tây bắt dân làm xâu nộp thuế, đã chịu khổ nhục lâu rồi, nay thì ở với Mỹ - Diệm lại khổ hơn Tây, không được tự do làm ăn trong rừng núi của mình. Tôi biết dân Kờ Dòn, dân Tố La, Măn Tố, Bà Gia bị Mỹ - Diệm dồn ở khu tập trung Bắc Ruộng, tài sản, buôn làng, nương rẫy bị đốt phá không còn gì hết. Nay nhờ cách mạng, bộ đội Cụ Hồ về đánh Bắc Ruộng, dân chạy về núi rừng của mình, nhưng đâu còn cái gì mà sống, đang chịu đói khổ, bệnh hoạn, chết chóc, tôi thương nó lắm, thương dân tộc tôi lắm, nhưng đâu biết làm sao! Ông trời ơi! Ông bà ơi! Sao

dân tộc này khổ quá vậy! Nay các anh em lần đầu tiên đến gặp vợ chồng tôi, nói rõ âm mưu Pháp Mỹ cho tôi nghe. Pháp - Bảo Đại trước đây, cũng như Mỹ - Diệm ngày nay xuyên tạc sự thật, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa Kinh và Thượng, làm cho đồng bào mình hiểu lầm nhau. Nay thì anh em đến, đã nói rõ hết mọi việc, vợ chồng tôi biết tấm lòng của Cụ Hồ rồi, nhưng biết rồi thì làm sao đây?”

Chúng tôi tiếp tục trao đổi cụ thể với vợ chồng chị một số việc. Tôi đề nghị chị bàn với dân phải có người giữ ruộng, không nên để địch làm khó dễ mà để voi, nai, lợn rừng ban đêm ra phá ruộng, chịu cảnh có làm mà chẳng có ăn. Mỹ - Diệm biết được có ra lệnh cấm thì bà con tổ chức lại làm đơn lên huyện đấu tranh. Mỹ - Diệm có thể khủng bố đánh đập từng người, chứ không thể bắn giết tù, giam nhân dân cả buôn, cả xã được đâu. Bác Hồ dặn ta: Để chống giặc thắng lợi là phải đoàn kết đấu tranh, đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết. Từ xưa ông cha ta cũng có câu “Thà chết đứng chứ không chịu sống quỳ”. Muốn đoàn kết được nhân dân, phải có người giáo dục xóm làng, động viên dân làng đoàn kết, thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau làm ăn, đoàn kết trong buôn, đoàn kết buôn khác, đoàn kết, thương yêu, đấu tranh bảo vệ cuộc sống cả dân tộc, đoàn kết dân nghèo, tranh thủ lớp già làng, tranh thủ ban đại diện xã hiện nay và tranh thủ đoàn kết tổng lý, GUM của thời Pháp cai trị còn lại, cùng nhau đoàn kết lại đấu tranh bảo vệ dân tộc, bảo vệ xóm làng, làm cho mọi người dân trong buôn làng cùng một lòng một dạ, con cháu làm theo lời ông bà, cha mẹ, không bị kẻ xấu lừa phỉnh, người

với người sống vui vẻ, không ai ghen ghét, ganh tị nhau, không để cho tề vệ (đại diện xã) ức hiếp làm điều ác với dân làng, không để xóm làng có người thù ghét Việt Minh. Cộng sản là Việt Minh, Việt Minh là việc của mình. Những người theo Cụ Hồ làm cách mạng như anh em chúng tôi không có mục đích nào khác là đi nói cho dân biết để dân không lầm mưu của Mỹ - Diệm, chỉ vẽ cho dân đấu tranh khi bị Mỹ - Diệm hà hiếp, động viên nhân dân đoàn kết đấu tranh, đừng để giặc Mỹ dùng dân mình đánh lại dân mình, tiến tới thực hiện cho được hiệp định Giơ-ne-vơ, tổng tuyển cử thống nhất Bắc Nam. Đó là đường lối của Cụ Hồ, của Việt Minh, của anh em chúng tôi.

Vợ chồng chị ngồi nghe những điều chúng tôi trao đổi với thái độ nghiêm túc và phấn khởi tiếp thu. Khi chúng tôi dứt lời, chị Phan phát biểu : “Những điều các anh em nói, ông nhà tôi và tôi nghe rất phải, làm được thôi vì dân Kờ Ho bây giờ lần lần con mắt đã sáng, cái tai đã nghe được cách mạng và Cụ Hồ rồi! Họ muốn theo lắm nhưng không ai đứng ra tổ chức để họ theo. Bữa trước thằng K’Béo ở buôn Rơ Po có lên nói với tôi về cách mạng.”

Chị nhìn ông K’Tỏ, mỉm cười và hỏi đùa : “Các anh bảo tôi làm cách mạng, giáo dục dân trong buôn, trong xã, ông có ủng hộ tôi và cùng làm với tôi không?” Ông K’Tỏ trả lời: “Bà làm, tôi ủng hộ và sẽ một bụng một dạ với bà, tôi sẽ giữ trong bụng, không cho người xấu biết, lo làm tốt cái rẫy, cái ruộng để có gạo nuôi con, nuôi bà và bí mật giúp anh em ta làm cách mạng như các anh nói đó, có phải không?”

Say sưa câu chuyện, tôi xem đồng hồ. Đã 2 giờ sáng! Anh Rổ, anh Rể ngồi ngáp dài, ông K'Tô bước ra giặt dây bồ cạp đuổi nai, heo. Ba anh em chúng tôi xuống chòi. Nhìn bầu trời u ám, chúng tôi hội ý với nhau: Bây giờ khuya quá rồi, chúng ta từ già đi ra rừng để ông bà nghỉ.

Vợ chồng chị Phan đang đứng trên cầu thang nghe chúng tôi trao đổi, chị lên tiếng nói : “Các anh em ở đây chơi với anh chị một đêm, sáng sớm sẽ đi, bây giờ sương xuống lạnh lắm, em nào buồn ngủ thì ngủ một chút, em nào không ngủ thì uống rượu với vợ chồng chị cho vui, mấy khi gặp làm quen được với người của Bác Hồ.”

Chị nói chưa dứt lời thì ông đã mang ché rượu mở nắp để giữa chòi và đã sẵn sàng mấy bầu nước đổ vào. Ông xóc cần, bà ném thử và kêu cả Trỏ vá Tiến lên đủ năm anh em cùng chị uống tới sáng. Chị vừa uống rượu vừa làm cơm sáng, đồ cho năm anh em chúng tôi hai bờ lơ cơm và một bờ lơ gạo. Chị đưa cho anh Rổ, anh Rể và nói đây là kỷ niệm lòng anh chị gặp gỡ anh em ban đầu. Chị còn dặn anh em dân tộc phải bảo vệ tốt anh Cảnh vì người Kinh có một mình ảnh trong đội, còn nó mới còn mình!

Thật là một đêm công tác không bao giờ quên!

Khi năm anh em chia tay anh chị ra về, chị còn hứa với chúng tôi sẽ tìm cách nói chuyện với Tổng Nãi, tổng Bờ Riệu, giáo dục con rể - chồng con Bướm - rồi sẽ đưa ra rừng gặp chúng tôi giáo dục và giao nhiệm vụ, cùng dân đấu tranh không theo Mỹ-Diệm làm hại cách mạng.

Sau năm ngày, chị đã đưa các đối tượng nói trên gặp chúng tôi. Tranh thủ thuận lợi suốt một tuần lễ, cả đêm và ngày, chúng tôi gặp nhân dân 18 buôn xã Đinh Trang Hạ và 8 làng xã Đăng Lú dọc sông Đạ Giam, Đạ Nga phía Nam đường 20. Tất cả tổng lý và GUM cũ tìm gặp chúng tôi, xin lỗi những việc làm không tốt với dân thời thuộc Pháp, xin cách mạng tha thứ.

Qua đợt công tác suốt hai tuần lễ, ngoài những việc làm trên, đã có thêm 3 thanh niên ở Rơ Po, Kon Xip xin thoát ly đi công tác với đội, 11 thanh niên ở Hàng Bọt xin cùng đội Hoành Sơn lên công tác ở vùng Đăng Lú, Đinh Trang Hạ. Số anh em này sau trở thành cán bộ nòng cốt công tác và chiến đấu, thành lãnh đạo địa phương. Đó là 6 anh em Độc, Lập, Hòa, Bình, Thống, Nhất bổ sung cho Ban kinh tế tiếp liệu Bình Thuận trực thuộc bộ phận anh Hiếu (có lúc gọi là anh Hân). 6 anh em này đã hy sinh anh dũng trong quá trình công tác và chiến đấu trên chiến trường Bình Thuận - Lâm Đồng. Các đồng chí Bông, Biệu, Biểu, Quyết.. trở thành cán bộ, hiện nay còn ở Sơn Điền.

ĐÁNH TOÁN CÔNG AN MẬT VỤ TẠI KHU TẬP TRUNG CHÀ LÃO ĐẠ KỢP

Hoạt động trong 3 tuần lễ, chúng tôi trở về đóng quân giữa cánh rừng Kon Rum, Hàng Bọt để nghỉ ngơi và kiểm điểm công tác cuối năm, rút kinh nghiệm và tổ chức học tập tinh thần nghị quyết 15 cho số cán bộ thôn và cơ sở ở các buôn Kon Rum, Hàng Bọt, Rơ Pú, Rơ Diêu, Đăng Minh lúc

bấy giờ Huyện uỷ Di Linh giao cho đội vũ trang tuyên truyền
Hoành Sơn làm chỗ dựa.

Khi về đến Rơ Pú, tôi nhận được quyết định của Thường
vụ Tỉnh uỷ bổ sung anh Tám – cán bộ quân sự - làm đội phó
của đội Hoành Sơn. Trong hơn hai tuần lễ chờ đợi đội công
tác về, anh làm quen với dân Kon Rum, nắm và huấn luyện
quân sự cho số thanh niên Hàng Bọt. Tuy anh em trong đội
và cả tôi mới gặp anh lần đầu từ đồng bằng lên, nhưng qua
thư của Tỉnh uỷ giới thiệu và quyết định bổ sung phụ trách
quân sự, chuyên trách quân báo, đối với đội thật vô cùng quý
giá! Chúng tôi coi anh Tám như anh em. Hai chúng tôi trao
đổi tình hình, phân công anh tiếp tục huấn luyện du kích Kon
Rum, Hàng Bọt, tổ chức lực lượng trinh sát lên vùng Kờ Ho,
tổ chức thanh niên du kích đi hợp pháp lên đường 20, đi Di
Linh, B' Lao nắm tình hình và chuẩn bị cho chuyến công tác
đến, phát triển qua phía Bắc đường 20, thực hiện kế hoạch
nối đường hành lang từ Trung ương vào và hình thành đường
dây Nam Bắc thuộc mảng Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây
Nguyên, còn tôi tổ chức học tập cho đội và cán bộ cơ sở trong
phạm vi khu vực Huyện uỷ giao cho đội chịu trách nhiệm.

Anh Tám tuy thoát ly từ vùng Kinh ở đồng bằng lên, sống
hợp pháp, mới lên vùng núi nhưng với tác phong cán bộ bộ
đội Cụ Hồ, anh thâm nhập vào quần chúng dân tộc hết sức
tốt, miệng nói tay làm, sống “3 cùng” với dân. Anh em thanh
niên mến mộ, mới mười mấy ngày thôi mà anh đã nắm và sử
dụng trên 30 thanh niên Hàng Bọt, Kon Rum làm được nhiều
việc đáng mừng.

Tôi vừa chuẩn bị kết thúc lớp học cho anh em đội công tác và 15 cán bộ, đảng viên cơ sở các buôn mang cơm gạo lên ăn học 3 ngày, bàn kế hoạch bố phòng, bảo vệ nương rẫy thì 10 giờ ngày 30/12/1960, tôi nhận thư anh Tám do thanh niên Hàng Bọt mang về báo cáo tình hình có toán công an mật vụ vũ trang gồm 5 tên do K'Mó cầm đầu từ Di Linh xuống ấp Chà Lào Đa Kọp. Ở đây chúng đang tra khảo dân Chà Lào về việc dân Kờ Dòn, Tố La lên quan hệ mua lúa giống mấy tháng trước. Chúng tra khảo dân hỏi người nào đã vận động tiếp tế cho dân Kon Rum, Hàng Bọt? Chúng đi với hình thức ngụy trang, mỗi tên mang gùi và một cây súng lục bỏ trong gùi, tối ngủ nhà dân, không canh gác. Chúng định bắt dân Chà Lào đưa đi Kon Rum, Hàng Bọt.

Dân Chà Lào lo sợ, thanh niên Chà Lào đề nghị rủ thanh niên Hàng Bọt phục rượu cho 5 tên này say mềm rồi vào bắt giết nó, không để nó phá hết xóm làng. Trong thư, anh Tám đề nghị đội cho thực hiện chủ trương đánh bắt bọn này để trừ hậu họa sau chuyến đi của toán tên K'Mó. Anh đề nghị luôn phương án cho đánh vào 7 giờ tối là giờ nó sơ hở, súng còn để trong gùi, dân đãi cơm, uống rượu tập trung giữa nhà sàn. Ta dùng 12 thanh niên cộng với 3 anh em của đội Hoành Sơn chia 3 mũi vào ém 3 cửa, xung phong vào bắt sống bọn này để khai thác âm mưu địch rồi xử lý sau. Về trang bị của ta, đội có 1 tiểu liên, 1 súng trường, còn 12 thanh niên mỗi anh em chắt một đoạn côn ngắn dắt sau lưng và một đoạn dây để trói....

Tôi nghiên cứu phương án anh Tám trình bày trong thư, thấy cũng có lý. Nếu không đánh bắt nó thì nó tiếp tục phá bòn đập của đội để phát triển sang hướng Bắc theo mệnh lệnh của trên và nó sẽ còn phá cả dân căn cứ mới, phá khu dân về làm ăn không yên thì khó khăn lâu dài. Đây chỉ là nội dung thư viết, còn cụ thể thì phải gặp anh Tám trình bày rõ ràng mới quyết định được. Tôi viết thư cho anh Tám đề nghị tiếp tục cho du kích Hàng Bọt lên Chà Lào nắm tình hình thật cụ thể và ảnh về trực tiếp trao đổi kỹ mới dám quyết định. Tôi giao thư cho du kích mang về cho anh Tám, còn tôi tiếp tục tổ chức lớp học cho anh em.

Đúng 3 giờ chiều ngày 30/12/1960, anh Tám dẫn 8 thanh niên Hàng Bọt chạy về chỗ lớp học chúng tôi đang dặn dò công việc để kết thúc lớp học cho anh em ra về. Anh Tám trao đổi với tôi : “Toán tên K’ Mố hết sức chủ quan. Trưa nay, bọn nó đi ra sông ném lựu đạn mang về buôn ăn nhậu, đồng bào Chà Lào đang đãi rượu giữa nhà sàn trước buôn. Bây giờ anh đồng ý làm công tác tổ chức tại đây, 4 giờ chiều hành quân tiếp cận, đến 7 giờ tối ập vào bắt sống bọn nó. Tôi đã để 4 thanh niên Hàng Bọt ở bám trên đó, còn 8 anh em đi theo tôi tổ chức thành 3 mũi. Anh phụ trách một mũi với 3 thanh niên. Anh có cây súng lục Bê-răn-tít chặn cửa trước, còn anh Rẻo và 3 thanh niên phụ trách chặn cửa phía Bắc. Tôi có cây súng xếp bá cùng 2 thanh niên nhảy thốc vào cửa phía Nam của nhà sàn, phía mà bọn nó để 5 cái gùi. Đứa nào kháng cự bên trong thì tôi xử lý, còn thằng nào nhảy ra ngoài các anh chặn bắt trói lại. Sau đó sẽ lục soát, thu vũ khí, tài liệu, tất cả

đều có trong cái gửi chứ trong người nó không có cái gì, đừng sợ! Anh đồng ý quyết là tôi đi ngay mới kịp!”

Tiếp thu ý kiến anh Tám trình bày, tôi mời mấy anh em trong đội họp nghe anh Tám phổ biến, sau đó họp chi bộ hạ quyết tâm theo sự phân công đảng viên. Nói chung, trong hai cuộc họp hơn một tiếng đồng hồ, tất cả 6 anh em trong đội và 8 thanh niên tham gia trận tập kích đều phấn khởi, tin tưởng với quyết tâm cao. Cuộc họp chi bộ với 4 đồng chí có tính chất hội ý, xác định trách nhiệm lãnh đạo gương mẫu trong chiến đấu trước quần chúng.

Chúng tôi bắt đầu hành quân vào lúc 4 giờ 30 chiều ngày 30/12/1960. Anh Tám nắm tổ du kích Hàng Bọt đi trước theo đường mòn. Với khí thế hăng hái, anh em đi hết sức nhanh. Chưa đầy một giờ đã đến mảng rừng đầu buôn, anh em ra hiệu tất cả rẽ vào rừng, bám theo bìa rừng tiếp cận sát buôn.

Đúng 6 giờ 30 chiều hôm đó, chúng tôi dừng lại để đợi giờ đột kích theo kế hoạch. Không may, có ông già trong buôn đi thẳng ra bìa rừng, con chó đi theo phát hiện chúng tôi sủa vang, tiếp đó 2 - 3 con trong buôn chạy ra cùng sủa, như vậy không làm sao giữ được bí mật đến tối mới vào. Anh Tám phía đằng trước ra hiệu xung phong thẳng vào buôn một cách bất ngờ như mũi tên. 11 anh em tôi, theo sự phân công của mỗi mũi, chạy thẳng vào nhà bọn chúng đang tập trung uống rượu. Tổ tôi đứng chặn cửa trước ở hướng Đông, tổ anh Rẻo chặn cửa hông phía Bắc. Bọn chúng trong nhà bất ngờ theo dân chạy ra. Chúng tôi tóm gọn 4 tên, anh em thanh niên đè nhau bắt trời.

Tôi sang kiểm tra tổ anh Rẻo cũng đã làm xong. Kiểm tra lại thấy thiếu tên K'Mó, nhưng trong nhà không còn ai, tôi vào nhà kiểm tra thì trong nhà tối om. Tôi rọi đèn pin thấy 5 chiếc gùi để ngay hàng. Tôi kêu anh Rẻo và thanh niên vào nhà mang ra. Chẳng thấy anh Tám đâu cả, tôi bước sang ngang phòng bên hông, rọi qua chiếc đèn pin thấy anh Tám nằm sấp, ôm cây súng Mi xếp bá. Tôi kêu khẽ: "Anh Tám !" Anh không trả lời. Tôi ôm anh, lật ngửa, sờ tìm anh. Tim anh không còn đập nữa! Tôi kêu anh Rẻo và 4 thanh niên vào đưa anh ra. Tôi dặn anh Rẻo và anh em thanh niên bí mật đưa xác anh ra khỏi buôn và mang luôn 5 chiếc gùi theo, đi về hướng giữa đường về Hàng Bọt, Kón Rum tổ chức mai táng cho anh Tám sâu trong rừng, xong rồi trở lại đón tôi. 4 thanh niên và anh Rẻo dẫn 4 tên công an đã bắt được trói chặt đem xuống bãi đá sông La Ngà khai thác kỹ, giáo dục rồi xử lý sau.

Một mình tôi ở lại trong buôn họp dân để giáo dục và thuyết phục họ ở lại trong buôn đấu tranh: Nếu địch đến, cứ đổ cho Việt Minh phía Kờ Dồn lên đông, họ ập vào đánh toán ông K'Mó bắt ngờ, dân hoàn toàn không biết trước.

Cuộc họp kéo dài từ 22 giờ ngày 30 đến 9 giờ sáng ngày 31/12/1960 để bàn giải pháp đấu tranh nhưng vẫn không ngã ngũ. Tất cả tề vệ già làng đều thống nhất đòi bỏ buôn theo tôi vào rừng ở, còn ở đây thịt xương chịu đựng không nổi với súng đạn Mỹ - Diệm, nhất là thằng K'Mó đã chạy thoát được, sẽ dẫn lính trở lại giết hết dân này, vào rừng ở với các anh tuy đói khổ nhưng còn sống, chứ ở đấu tranh với Mỹ - Diệm sẽ

chết hết! Một số dân bí mật gặp tôi đề nghị: “ Các ông đem 4 tên bị bắt xuống sông La Ngà, thủ tiêu luôn, đừng thả nó về, sẽ chết chúng tôi!”

Bàn mãi nhưng không ngã ngũ, tôi đưa ra ý kiến: Bà con giải tán, nghỉ nấu cơm ăn, mời già làng cùng tổng lý ở lại tiếp tục trao đổi với lãnh đạo, sẽ có ý kiến với dân sau. Lúc ấy, anh Rẻo và thanh niên Hàng Bọt mai táng anh Tám xong trở lại đội. Tôi phân công anh em lên phía Bờ Rôn gác xem có địch xuống thì hỏa tốc chạy về báo tin, đề phòng địch phản ứng sớm.

Tôi tiếp tục bàn với già làng lập kế hoạch cho trưởng ấp lên Di Linh báo cáo cho quận trưởng biết việc đã xảy ra khi đêm, nhưng Việt cộng đông, vây xóm, không đi báo được, đến giờ mới đi báo. Mặt khác cử già làng lên xã Đăng Lú thuộc B’Lao báo cáo như nội dung đã báo ở Di Linh.

Chúng tôi cũng bàn với già làng cho cởi trói, thả 4 tên bị bắt mà chúng tôi còn cột trói trong rừng. Khi chúng tôi đi rồi, tôi cho phép dân ra đó mở trói thả chúng và giáo dục: “ Việt Minh nói với dân làng là các ông trói để các ông chết đói trong rừng, cho cạp ăn, không cho về làm tay sai cho Mỹ hại dân. Dân chúng tôi nghe vậy đi tìm thả các ông. Dù sao, người dân tộc phải cứu người dân tộc, các ông về trên quận, trên tỉnh báo lại cho các ông trên biết, người đánh các ông là Việt Minh, chứ không phải là dân làng Chà Lào chúng tôi đâu! Việt Minh đánh Bắc Ruộng còn được, ăn thua gì cái buôn Chà Lào với 5 tên công an, làm sao chống nổi?”

Ý kiến trên được đặt ra, các ông già nghe ra trong bụng như mở cờ. Ông K'Điếp vỗ tay và giơ tay xin phát biểu: “ Ý ông Cảnh nói phải lắm! Tôi xung phong đi lên trên quận báo cho, còn các ông già đi lên xã. 2-3 giờ chiều bà con ra mở trời cho bọn thằng Rẻo, Riệu, Ghéo thả nó về nói với các ông quận chứng tỏ dân mình không theo Cộng sản. Như vậy là được, nghe lời ông Cảnh đi! Việc chạy vào rừng là đơn giản bây giờ, nhưng lâu dài đời sống giải quyết sao? Ông Cảnh nói vậy là đúng lắm, già làng mình lãnh đạo nhân dân làm theo đi!”

Đến 12 giờ trưa 31/12/1960, công việc đã xong, cả xóm ra tiễn, bắt tay chúng tôi vui vẻ ra về.

Trên đường về từ khu Chà Lào Đa Kợp, tôi ghé thăm viếng mộ anh Tám. Điều bất hạnh mang đến cho anh Tám sao đột ngột quá! Anh đến với chúng tôi chưa đầy một tháng mà đã hy sinh rồi! Tôi chưa kịp tìm hiểu thân thế, sự nghiệp anh như thế nào? Nay anh tạm gửi nắm xương trên mảnh đất này, xong chiến tranh sẽ tính. Mong anh ủng hộ cho dân Chà Lào tai qua nạn khỏi, giúp đỡ tôi nhiều thuận lợi, hoàn thành nhiệm vụ của trên giao. Hai chúng ta nay chỉ còn một là điều hết sức không may và rất khó, tôi chẳng biết tính sao?

Về đến nơi, tôi vội vàng viết thư báo cáo trận đánh và chuyển hết chiến lợi phẩm về giao cho Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó có 4 súng ngắn Bê-răn-tít. Sau đó Thường vụ Tỉnh ủy gửi thư lên chia buồn và thông cảm với đội, nhưng cũng gián tiếp khiển trách cá nhân tôi bằng một câu nhận xét thứ ba mà tôi không bao giờ quên: “ Thường vụ Tỉnh ủy vô cùng

thương tiếc trường hợp hy sinh của đồng chí Tám! Bao năm tham gia chiến đấu trong nhiều trận đánh ác liệt, 3 lần bị thương nhưng không chết, về đây lại chết trong vũng trâu nằm!”

Tôi đọc thư của Thường vụ Tỉnh ủy, lòng miên man buồn tủi vô ngần, không phải vì mình mà thương cho anh Tám bị hy sinh. Tôi nghĩ: Tôi có khuyết điểm với anh Tám vì tôi là người quyết định việc đề xuất phương án đánh của anh, không lường hết các tình huống có thể xảy ra. Xem lại thư, tôi nhận thấy vì thương yêu nên một đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy nói vậy thôi, chứ không phải thay mặt tập thể mà phát biểu về tổ chức.

Sau trận đánh ấy, tên K'Mó và đồng bọn không còn dám hung hăng xuống dân hiếp đáp, không còn dám đi sâu xuống vùng ven. Mấy người dân Chà Lào bị bắt ở tù vì tình nghi có quan hệ với dân Kon Rum, Hàng Bọt nên mới xảy ra trận tập kích nói trên, nhưng không có bằng chứng cụ thể, địch buộc phải trả tự do và nhân dân vẫn tốt với cách mạng. Trong 15 năm, nhân dân tiếp tục tham gia đóng góp cho cách mạng đến ngày giải phóng B' Lao (28/3/1975).

NỐI ĐƯỜNG HÀNH LANG BẮC - NAM

Anh Tám được Tỉnh ủy bổ nhiệm mới lên đã hy sinh rồi, chỉ còn lại một mình tôi là người Kinh và 3 đồng chí dân tộc cộng với một số anh em thanh niên vừa thoát ly theo đội. Anh em hăng hái thật nhưng nông nổi, nói gì làm nấy như Thiên Lô. Khi tình hình thuận lợi thì chủ quan, hiên ngang, bất

chấp, lúc khó khăn thì rút cổ, co đầu. Nếu dẫn anh em theo, đi công tác thì nhiều người quá, biên chế nặng nề, dễ bị địch phát hiện, gây tổn thất, nếu để lại hậu cứ thì không ai quản lý. Bí lối, tôi viết thư gửi anh Bích xin đồng chí Thuận là cán bộ dân tộc, sau hiệp định Giơ-ne-vơ, bắt vợ về rồi sống với vợ ở buôn Kon Ó, rút lên bổ sung cho đội, cùng Rẻo với tôi phát triển lên phía Bắc đường 20. Tôi giao anh Rỏ liên hệ xây dựng vùng Đình Trang Hạ, Đăng Lú và ở lại hậu cứ nắm số thanh niên vừa phát động quần chúng, đẩy mạnh bố phòng và sản xuất cho dân căn cứ làm bàn đạp của đội. Tôi, anh Thuận, anh Rẻo tổ chức phát triển qua phía Bắc đường 20.

Lần này, chúng tôi mời ông Ba Xà Lùng cùng đi với đội, dựa vào ông mà quan hệ nắm buôn Bờ Lạch, Kon Tẻ, tạo chỗ đứng ở núi Xà Lùng làm bàn đạp mở hành lang lên phía Bắc, nối liên lạc với liên tỉnh 4 từ Quảng Đức (Nam Đắc Lắc) phát triển xuống. Theo lệnh của khu 5 và liên tỉnh 4, bằng mọi cách trong quý I/1961 phải nối cho được đường dây này. Địa điểm liên lạc ở giữa Hàng No, Kin Đạ hoặc rẫy Gung Răng Gia.

Ngày 4/2/1961, đội chúng tôi họp ở rừng buôn Kon Rum nhỏ, có cả ông Ba Xà Lùng tham dự. Chúng tôi bàn và phân công anh Rỏ ở lại xây dựng bàn đạp phía Nam, tôi, anh Thuận, anh Rẻo, ông Ba Xà Lùng bắt đầu hành quân xuyên qua rừng Kon Xip sang Rơ Po, qua ruộng La On, băng thẳng qua buôn Kon Dân. Đến rẫy cũ buôn Jơ Rah 4 giờ sáng, không thể cắt rừng qua đường 20 kịp, chúng tôi đành đi vào bìa rừng ngủ và quan sát hướng cắt rừng, chuẩn bị chờ tối ngày 5/2/1961, chúng

tôi sẽ tìm cách băng qua đường 20 leo lên núi Xà Lùng ở, rồi sẽ tính sau.

Sáng ngày 5/2, ngồi đầu rẫy cũ Bờ Rụi, tôi quan sát bằng ống nhòm thấy các sở Cách Xăn Đơ, Thanh Được, lính đi tuần trên đường từ bót 12 đến bót 16, cứ 2 giờ có một tốp. Ông Ba ngồi bên cạnh tôi nói: “Tối nay, làm sao cắt qua chân bót 12 đến buôn Kơ Mế, tuột xuống bên kia là ruộng Kon Tẻ, trèo lên là đến núi Xà Lùng. Ta ở đó, nếu bị lộ, đường đi có dấu, dù 10 trung đoàn địch theo đến vây Xà Lùng cũng không bắt được chúng ta đâu, ông đừng lo! Ở đó có đói thì đào củ mài ăn với canh lá bếp hàng năm cũng được, chẳng sợ ai. Từ đó đi đến xóm K`Xíu của cháu tôi khoảng 4 giờ đồng hồ liền là đến rẫy của nó, có rượu uống liền, ông yên tâm. Tôi đã thăm dò K`Xíu, nó biết cách mạng rồi, không sao cả!”

Chúng tôi băng rừng, tìm khe suối kiếm nước nấu cơm, ăn luôn trưa, nấu cơm vắt luôn mỗi người hai vắt ăn chiều và sáng, đề phòng trục trặc dọc đường, không có chỗ dừng nấu cơm. Ăn cơm xong, chúng tôi rút vào rừng sâu. Tôi gác cho anh em ngủ một giấc vì cả đêm rồi không ai ngủ được.

Đến 5 giờ chiều, tôi đánh thức anh em dậy ăn uống để tiếp tục cuộc hành trình. Bốn anh em cắt từ đồi cao Rơ Bụi, xỏ dốt theo đường mòn đầy lùm bụi, dây kim cang đan như lưới thép gai. Đến 23 giờ đêm 6/2/1961, chúng tôi tìm bến cạn lội qua sông Đạ Giăm. Gần sở Hiệp Thụ có bến nước nhưng nước cũng sâu, chúng tôi cởi hết đồ bọc vào ni lông,

cột chặt, bơi qua sông và lần dò đến chân đồi đồn 12 lúc 3 giờ sáng. Sợ không kịp qua đường 20 thì trời sáng, nguy hiểm, tôi ra hiệu cho anh Rẻo nhắm ngọn đèn sở Hiệp Thụ, cất thẳng lên đồi giáp đường, băng qua đường sang bên kia sẽ định hướng lại. Người không quen rừng mà cất ban đêm như chui vào mây, chẳng biết đâu là đâu!

Đến 4 giờ sáng mới đến được đường 20, chúng tôi cất đường xuống vùng ruộng Jơ Rah Nua, rồi giao cho ông Ba dẫn đường về núi Xà Lùng. Ông Ba đi bắt vợ xa địa phương lâu ngày, khi về thăm quê thì đi theo đường 20, nào biết gì núi rừng ruộng rẫy, đường sá của dân làm ăn, nên ông dẫn lẫn quẩn trong mấy hóc ruộng để tìm đường lên rẫy Bờ Lạch, Kon Tẻ. Mãi đến 5 giờ sáng, ông vẫn kiếm không ra đường. Nếu 6 giờ sáng mà còn lẫn quẩn tìm đường thì dân đi làm gặp ta hoặc địch phát hiện dấu ta đi qua trong đêm rượt theo ta, rất nguy hiểm! Chúng tôi quyết định không tìm đường mòn nữa mà cất thẳng lên núi Xà Lùng nghỉ, rồi sẽ tìm hướng cất về rẫy buôn Kon Tẻ sau.

Anh Rẻo dẫn đầu cất đường, sau 30 phút là đến bìa rừng. Chúng tôi dừng nghỉ một lát, người thấm mệt, trời lạnh nhưng người nóng hừng hực. Khi trời sáng, tôi nhìn lại thấy tôi và anh em mặt mũi bê bết máu vì gai cào, vắt leo lên cắn từ đầu đến chân. Ông Ba bị một con vắt lá đeo cắn mà không hay. Khi ông ngồi xuống, nó lặn ra to bằng đầu ngón tay, máu chảy lai láng không làm sao cầm được! Cả ba anh em không chỗ nào là không có máu chảy. Máu thấm vào áo quần, chúng tôi dùng biện pháp duy nhất lúc bấy giờ là thuốc lá thấm với

nước muối để cầm máu.

Sau một giờ nghỉ ngơi và rửa ráy trong một suối con ở bìa rừng, chúng tôi ăn xối vắt cơm nguội mang theo rồi tiếp tục leo núi xuyên về hướng Đông ngọn núi Xà Lùng tìm chỗ ở. May thay, đi hơn một giờ đồng hồ nữa thì gặp ngọn suối nằm về hướng Đông Nam Xà Lùng, cách rẫy Bờ Lạch Kon Tẻ non 2 cây số, có nhiều gộp đá chông chênh giữa rừng già, có thể trú ẩn tốt. Đến đây ông Ba xác định từ đây đến rẫy và vào buôn của ông không còn xa nữa. Ông đề nghị hạ trại nghỉ và nấu cơm nóng ăn. Ăn xong, chúng tôi giấu gùi và súng. Tôi mang theo một cây súng lục, mỗi người mang theo một cây xà gạc để phát rừng lần dò ra rẫy.

Đến 3 giờ chiều ngày hôm ấy, ông Ba mới cải trang ra rẫy, còn ba anh em đứng ở bìa rừng theo dõi. Đến 5 giờ chiều, ông trở lại báo tin là ông đã bắt liên lạc được với bà con trong xóm. Ông đề nghị để ông theo người làm rẫy về bắt liên lạc được với cháu ông là K'Xíu - tổng đoàn dân vệ Di Linh. Nếu thăm dò được thì dẫn nó ra gặp đội theo kế hoạch đã bàn trước đây, còn chưa được thì ngày mai ông sẽ ra báo lại. Ý ông như thế cũng hay nhưng tôi hơi lo nếu cháu ông không tốt sẽ bẻ chuyện. Thời gian không còn để trao đổi nữa, tôi đồng ý cho ông về buôn theo người đi làm rẫy chiều về để địch không để ý. Cảnh giác mọi diễn biến xấu có thể xảy ra, anh em chúng tôi dời ngay chỗ ở trong đêm đó, tuy dời không xa nhưng nguy trang tất cả dấu vết. Sau khi nấu cơm tối, chúng tôi nấu thêm cơm vắt để sáng mai không nấu cơm.

Một đêm dài mỗi một, anh em móc ni lông treo vòng là ngủ, quên cả trời trăng. Nhưng tôi vẫn nằm trần trọc suy nghĩ miên man, không sao chớp mắt, cứ nghĩ cách đối phó. Nếu có trường hợp xấu xảy ra thì ta xử lý thế nào để về lại Nam đường? Nếu về lại Nam đường thì lúc nào có thể thực hiện được chủ trương phát triển lên Kin Đạ liên lạc với liên tỉnh theo mệnh lệnh của trên? Lẩn quẩn chừng ấy chuyện mà cả đêm không giải đáp nổi.

6 giờ sáng ngày 8/2 năm ấy, tôi đánh thức anh em dậy ăn sơ vắt cơm, ngồi chờ ông Ba ra. Đến 11 giờ trưa, vẫn không thấy tăm hơi gì, ruột gan rối lên, tôi bàn với anh Rẻo ở nhà tìm chỗ kín đáo nấu cơm, còn tôi với đồng chí Thuận ra bám rẫy xem tình hình thế nào. Hai anh em chúng tôi ra bìa rẫy, chọn chỗ cao quan sát được ngay trên đường đi từ rẫy vào xóm, thả ống nhòm xem thấy người đi làm ăn bình thường, không có lính đi theo, dân dọn rẫy cũ đông vui không thấy gì khác thường, nhưng vì sợ lộ nên chúng tôi không dám ra mặt trong rẫy để hỏi thăm. Chúng tôi ngồi nom theo đường từ buôn ra, chẳng thấy bóng dáng ông Ba ra.

Mãi đến 3 giờ 30, chúng tôi về ăn cơm và cùng nhau bàn tính giải quyết hiện tượng lạ này. Anh Thuận và anh Rẻo đưa ra ý kiến: coi chừng ống về buôn lâu ngày, con cháu mừng cậu cho cậu uống rượu quá say và đi đường mấy ngày mệt mỗi ngủ quên, không còn nghĩ ngợi đến anh em mình ngoài này, hoặc gia đình có người lạ chưa dám nói gì với bà con nên không ra đúng hẹn. Anh em đề xuất: mình ăn cơm, nghỉ một chút, rồi ra tiếp tục bám rẫy, đến tối dân đi làm về, mình

cải trang đi theo sau, tối đột nhập vào buôn xem sao? Cuối cùng, chúng tôi quyết định làm theo phương án ấy, không còn cách nào hết.

Ba anh em chúng tôi mang súng đạn, nài nịt đảng hoàng, cùng ra bám rầy theo dõi dân. Đến 5 giờ 30 chiều, họ mới lần lượt từ rầy về. Biết được đường dân về buôn, đến 7 giờ tối, chúng tôi mới vào rầy, đi vòng qua các chòi mới đến được đường mòn vào xóm. Ba anh em đi hết sức thừa. Đồng chí Thuận đi trước, đến sát bìa xóm, anh quan sát xong rồi quay lại gặp tôi và anh Rẻo trao đổi tình hình trong xóm thấy không có lính tráng gì, chỉ có nhân dân về, đàn bà nấu cơm, đàn ông đốt lửa ngồi giữa sân sưởi ấm, họ chưa ăn cơm tối.

Ba anh em chúng tôi ẩn vào vườn chuối, từng bước tiếp cận đột nhập thẳng trong buôn để theo dõi nghe ngóng sinh hoạt của nhân dân. Anh Thuận đến góc nhà dài, bà con đang tập hợp uống rượu, nghe có tiếng ông Ba nói chuyện. Anh Thuận trở ra báo với tôi biết là ông Ba đang uống rượu, nhà rất đông người, không làm sao bắt liên lạc với ông. Tôi bàn với anh Rẻo cùng với anh Thuận vào bám theo dõi. Ông uống rượu cần trước sau gì cũng phải ra ngoài. Khi ông đi ra ngoài, anh em theo ông giả người trong buôn cùng đi theo để liên lạc một cách tự nhiên giữa đêm khuya, không ai chú ý. Tôi đưa cây súng lục cho anh Thuận, anh Rẻo mang cây súng trường, còn tôi giữ cây Mi xếp bá ngồi ngoài.

Đến 1 giờ sáng ngày 9/2, anh Thuận và anh Rẻo ngồi rình ở bụi chuối sau nhà. Mọi người trong nhà uống rượu say lã

lượt ra về, còn lại mấy người tiếp tục uống. Sau đó, ông Ba đi ra ngoài, không phải đi về ngủ nhưng ra bụi chuối. Nhận đúng dáng điệu ông Ba, anh Thuận nhanh chóng đứng dậy đi quạt sau lưng và nói bằng tiếng Thượng: “Sao uống khuya quá vậy ông Ba?” Ông Ba nhận ra ngay là anh Thuận. Ông trao đổi trong bóng tối: “Tôi đã nói chuyện với K’Xíu rồi! Ngày mai, nó sẽ ra gặp anh Cảnh nói chuyện. Vì quá lâu ngày mới về quê, bà con bắt uống hết nhà này đến nhà khác, nên không ra được, anh về báo cáo với anh Cảnh biết tình hình tốt lắm, không có trở ngại gì hết!” Ông Ba còn mời anh Thuận vào uống rượu, ngủ lại với ông rồi sáng mai ra luôn, nhưng anh Thuận từ chối vì có anh em đợi. Ông Ba còn dẫn anh Thuận đi chỉ nhà ông ở và số bà con của ông để anh Thuận biết, sau này cần đột nhập vào liên lạc.

Đến 3 giờ sáng, ba anh em chúng tôi rời buôn ra về lại chỗ ở cũ. 6 giờ 30 chúng tôi mới về đến nhà, hì hục nấu cơm ăn. Thuận và Rẻo ngủ, tôi trực đầu rẫy đón ông Ba theo hẹn.

10 giờ sáng ngày 9/2, ông Ba mang một cái gùi từ buôn ra một mình. Ông gặp tôi xin lỗi: “Vì bà con lâu ngày gặp mặt, họ quăn quít ăn nhậu, không làm sao ra được, phải bỏ anh em ngoài rừng một mình là khuyết điểm, nhưng anh em thông cảm cho”. Ông Ba nói: “K’Xíu hẹn với tôi 2 giờ chiều nay sẽ ra gặp anh em, nó gởi trước cho anh, giao tôi mang ra một bờ lơ gạo mẹ, một ký cá khô, một chai xì dầu và 3 lít rượu gốc để anh em công tác và uống cho vui vì nó sợ khi đi ra mang đồ này, có người gặp họ sẽ nghi”.

Trên đường về chỗ ở, tôi và ông Ba trò chuyện với nhau rất chân tình. Trong 2 ngày 3 đêm ở trong xóm, ông đã làm những việc gì, ông đều kể tôi nghe. Điều thú vị là bà con buôn làng đã đãi ông tất cả 13 ché rượu và 18 con gà cúng Giàng, khẩn cho ông được bình yên. Mỗi đêm uống hết 6 ché rượu, vui vẻ lắm! Tôi nói chơi với ông Ba: “Người ta đãi rượu thế, hèn chi ông quên bạn mình. Người Kinh tôi có câu: “Vai mang bầu rượu chiếc nem, mắng vui quên hết lời em dặn dò.” Ông cười hì hì và nói: “Tôi có khuyết điểm, nhưng những việc anh bàn tôi làm được hết cả, ngoài thằng K’Xú còn giáo dục luôn thằng K’Tiếu. Hai đứa nó nói với tôi là lâu nay muốn tìm gặp anh em cách mạng để thông cảm với cách mạng là ông Diệm bắt làm việc, chứ mình không muốn làm, và không làm cũng không được, nếu làm lại không gặp được anh em cách mạng, sợ anh em hiểu lầm giết mình thì oan. Tôi nói với nó tôi đảm bảo đưa nó đi gặp các anh, tôi chịu cột mạng cho nó. Nó mừng lắm! Chiều nay, gặp nó, anh giao nhiệm vụ cho nó giúp mình đi giáo dục dân xã Đinh Túc, Đăng Gia, Đinh Trang Thượng, mình đỡ tốn công, mình cột mạng cho nó thì nó phải cột mạng cho mình...”

An cơm trưa xong, chúng tôi lại dời chỗ ở để đảm bảo an toàn, đề phòng bất trắc. Tôi và anh Rẻo ở lại, dọn chỗ ngồi nói chuyện, phân công ông Ba và anh Thuận ra bìa rẫy đón K’Xú...

Đúng 14 giờ 30, anh em đưa K’Xú đến đúng chỗ hẹn. K’Xú mang theo một cái gùi đến nơi, tay bắt mắt mừng. Tuy

mới gặp lần đầu nhưng anh là người tỏ ra quen biết từ lâu.

K'Xúu ngồi xuống, vừa lấy đồ trong túi ra vừa nói: "Tôi nghe cách mạng đánh Bắc Ruộng, chống càn đánh bọn bảo an ở Kon Sô, đánh bắt bọn công an vũ trang thẳng K'Mó, tôi đều biết cả, tôi mong muốn được gặp các anh, nhưng đi xuống chỗ cậu, tôi sợ địch nó nghi. Hôm nay các anh đã lên đến đây cho tôi được gặp là mừng lắm như gặp được ông bà sống lại. Má tôi không có gì, gửi anh em 4 bờ lơ cơm, vợ tôi gửi các anh 2 ký cá khô. Thằng K'Tiểu chưa ra được, gửi tôi mang ra cho các anh 2 gói thuốc Ruby và 2 lít rượu trắng để làm tin. Còn tôi đem một chai rượu Whisky uống chơi với anh em lần đầu. Cậu tôi có dặn, ra gặp anh em đừng mang gì hết, nhưng anh thông cảm tục lệ dân tộc, khi mới quen phải có cái gì mới vui. Nếu không có quân Mỹ - Diệm thì mời các anh vào buôn. Cả nhà tôi và buôn làng uống rượu mừng các anh, còn tôi và K'Tiểu cùng các anh uống rượu cúng Giàng kết nghĩa ăn thề mới phải. Nhưng việc ấy chưa làm được, tôi đại diện ra rừng núi Xà Lùng này gặp anh và các anh, có cậu tôi làm chứng, tôi làm tổng đoàn dân vệ nhưng sẽ không làm điều gì hại đến dân, hại đến cách mạng. Trước hết, anh và anh em uống với tôi một chai rượu".

Vì không có ly nên chúng tôi lấy bát ăn cơm ra uống rượu, K'Xúu mở chai Whisky ra lấy 5 bát ăn cơm ra phân đều. Ông Ba "hỏi Giàng" rồi mời nhau cạn chén. Tôi đồng ý cùng uống rượu, xin Giàng Xà Lùng làm chứng việc Kinh Thượng đoàn kết chống Mỹ. Tôi đề nghị: "Mỗi người ném một chút để làm

phép, rồi nói chuyện trước, xong sẽ uống sau”. K’Xúu đồng ý.

Câu chuyện cởi mở bắt đầu. Trước hết, tôi hỏi K’Xúu về tình hình tổ chức của địch, lực lượng vũ trang, các cứ điểm ở Di Linh và tổ chức dân vệ do anh phụ trách từ Di Linh xuống đến các buôn ấp. Anh kê khai cụ thể từng buôn ấp, người nào xấu tốt anh cũng cho biết để chú ý. Về tổ chức ở Di Linh, anh không nắm được bao nhiêu. K’Tiểu ngày nào cũng mang thư từ cơ quan này đến cơ quan khác, nó thuộc như lòng bàn tay. Anh K’Xúu hứa sẽ về nói với K’Tiểu chuẩn bị ra gặp các anh, báo cáo kỹ hơn.

Ba anh em ngồi nói chuyện say mê, quên xem giờ giấc. Anh Rể gác bên ngoài vào báo là đã đến 17 giờ, làm sao kết thúc để đưa anh về. Vừa lúc ấy, anh Thuận nấu ăn xong, đem 5 bờ lơ cơm ra dọn cùng mời anh K’Xúu ăn.

Vừa ăn vừa bàn chuyện tiếp, chúng tôi trao đổi với K’Xúu về việc đi về các buôn thuộc xã Đinh Túc và Đinh Trang Thượng. Tôi hỏi thăm dò: “Lúc này trời nắng, cắt rừng đi có dễ không?” Anh K’Xúu nói: “Nếu cắt rừng đi để gặp hết dân các buôn xã Đinh Túc và Đinh Trang Thượng thì mất một năm chưa chắc đã đi hết mà còn nguy hiểm. Các anh đồng ý để tôi dẫn các anh đi công khai, nhưng đi ban đêm. Tôi đi trước, các anh đi sau. Đến xóm, tôi ngồi ngoài gác, các anh vào nói chuyện xong rồi đi. Như vậy, chừng 2-3 đêm có thể đi hết 2 xã. Khi về, các anh có thể về theo đường rẫy hay đi công khai trong đêm tùy các anh. Chỉ khó là dân xã Đinh Túc

chưa biết cách mạng chứ dân xã Đình Trang Thượng đã biết vì có anh em từ Quảng Đức, Đắc Lắc xuống nói chuyện rồi. Các anh yên trí, tôi sẽ dẫn đi. Nếu để các anh chết thì cậu tôi cũng chết, mà tôi cũng chết, làm sao không tính? Tôi đi với các anh, bên ngoài ai biết thì tôi nói tôi đi kiểm tra dân vệ, không sao đâu!”

Vừa ăn cơm vừa uống hết mỗi người một tô rượu, chúng tôi vừa trao đổi, vừa giao nhiệm vụ cho K'Xíu. Cuối cùng, tôi nhận lời đặt kế hoạch, chiều ngày 9/2, ảnh sẽ ra chỗ hẹn đưa chúng tôi đi thăm các buôn xã Đình Túc.

Mãi đến 6 giờ 30 tối ngày 8/2, chúng tôi đưa K'Xíu về tận buôn và giao ông Ba và Thuận ngủ luôn với K'Xíu trong đêm để khai thác, thăm dò diễn biến tư tưởng của K'Xíu sau khi gặp anh em về.

Đêm ấy, ông Ba và anh Thuận ngủ lại trong buôn, bà con đem rượu ra chiêu đãi. Thuận tranh thủ tập hợp gần hết dân trong buôn, tổ chức nói chuyện với dân về âm mưu Mỹ - Diệm gạt Pháp, gạt Bảo Đại, xâm chiếm Việt Nam, phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ. Anh động viên nhân dân đoàn kết đấu tranh đòi thi hành hiệp định. Ông Ba nhắc nhở xóm làng giữ bí mật, không để địch biết có Việt cộng đến trong buôn, nếu nó biết, nó sợ là nguy hiểm.

Đúng hẹn, chiều ngày 9/2, đội chúng tôi ra đón ở ngã ba Đình Trang Bô Đàm. Đến 14 giờ 30, chúng tôi gặp anh K'Xíu và hai thanh niên dân vệ buôn Kon Tẻ Bờ Lạch cùng đi xe đạp. Anh em gặp chúng tôi bàn kế hoạch để lại một thanh

niên cùng đi sau với đội. Ông Ba lấy chiếc xe của anh thanh niên dân vệ cùng đi trước với anh K'Xíu. Chúng tôi hẹn nhau nếu đến buôn nào có tình hình bất trắc xảy ra thì cho một anh đạp xe chạy ngược lại đón để đội dừng lại, không vào buôn.

Bàn xong đầu đó, anh em đi trước bằng xe đạp, còn bốn anh em tôi đi sau cùng, cải trang mang gùi giấu cây súng Mi xếp bá vào gùi, cất cây súng trường vào hang đá. Tôi giấu cây súng lục vào lưng quần, công khai đi thẳng vào buôn Đình Trang Bô Đam gặp dân thăm hỏi, nói chuyện với danh nghĩa là anh em cán bộ Mặt trận Việt Minh theo lệnh Cụ Hồ Chí Minh từ Kờ Dồn, Tố La lên thăm đồng bào Kờ Ho, kêu gọi đoàn kết một lòng thống nhất chống Mỹ - Diệm, chống bắt lính đồn quân, chống chủ trương đồn dân vệ lên bảo an. Dân vệ lúc này chưa có vũ trang, tôi dặn nhân dân giữ bí mật, xóm nào biết xóm ấy, không nói xóm khác hay là có anh em cách mạng đến họp dân. Tại mỗi buôn, chúng tôi nói chuyện với già làng 30 phút rồi đi buôn khác. Như vậy, chúng tôi đi từ Đình Trang Bô Đam đến Trảng Bia, lên Đình Trang Hoạch, Đạt Lê, Hàng Ngòn, Bờ Kẻ Xe Bưng, Bờ Kẻ Đạch.

5 giờ sáng ngày 10/2, chúng tôi vào rừng Trang Bô Đam nghỉ. Anh K'Xíu về buôn Kon Tẻ ngay sáng hôm ấy. Anh K'Xíu còn hẹn chúng tôi, chiều ngày 10/2, sẽ dẫn K'Tiểu đến thăm để các anh giáo dục, giao nhiệm vụ cho nó. Anh chỉ luôn đám rầy của K'Pèng - đại diện xã Đình Trang Hạ - để chúng tôi biết, tìm cách gặp, tranh thủ giáo dục.

Sáng ngày 10/2, chúng tôi vào rẫy buôn Đình Trang Bô

Đam, gặp nhân dân làm ăn trong rẫy, gặp cả gia đình K'Pèng. Chúng tôi tranh thủ gia đình và nhờ gia đình chuyển thư cho K'Pèng.

Đúng 3 giờ chiều, K' Xíu dẫn K'Tiểu ra gặp đúng hẹn. Chúng tôi giao anh K'Tiểu thử thách ban đầu là giúp chúng tôi lấy cho được sơ đồ tổ chức hành chính Di Linh và kế hoạch phòng thủ ở đó. Nếu không lấy được bản gốc thì hai anh em giúp vẽ cho thật chi tiết để đội Hoàn Sơn có thể tiếp cận, đột nhập giáo dục dân, tránh đụng đầu cơ quan và cứ điểm của địch ban đêm. Hai anh em K'Xíu và K'Tiểu cùng nhận lời và hứa hết tháng 3 sẽ hoàn thành, vẽ đến đâu gửi dân ra đến đó, thông qua cậu Ba về buôn lấy dân về cho anh.

Hai anh em K'Xíu và K'Tiểu đã cố gắng làm tốt nhiệm vụ ban đầu đội giao cho. Sau một tháng, bản sơ đồ nội thị Di Linh đã được ráp lại bằng đường nét bút chì. Tuy đơn sơ nhưng chính nhờ những mảnh bản đồ này mà bộ phận đồng chí Hội phụ trách đội đặc công từ Bình Thuận lên chuẩn bị chiến trường ở Di Linh, đánh vào đêm 15/5/1961, giành thắng lợi. Lần đầu tiên sau hiệp định Giơ-ne-vơ, lực lượng vũ trang ta tập kích một quận lỵ (*).

Sau trận đánh Di Linh 15/5/1961, đội Hoàn Sơn phái hai đồng chí Thuận và Rẻo đi hợp pháp từ Kon Tẻ, Bờ Lạch lên các buôn xã Đinh Túc, phóng theo đường 14 Bis (bây giờ là quốc lộ 28) lên thẳng xã Đinh Trang Thượng, tìm đến rẫy

* Trước đây Di Linh là tỉnh lỵ Đồng Nai Thượng trên đất Nam Tây Nguyên.

Gung Răng Gia móc nối, đặt hộp thư liên lạc đầu tiên với đội anh Ma Thọ, Ma Đen từ Quảng Đức xuống và sau đó có quyết định thông 2 mảng Nam - Bắc đường 20, hình thành Ban cán sự Lâm Đồng.

Chuyến đi mở đường trong gian khổ này là một thắng lợi toàn diện, tạo tiền đề cho những thắng lợi kế tiếp, một mốc son trong lịch sử tỉnh nhà. Tôi không bao giờ quên công lao của những anh em đã góp sức cho thắng lợi ấy.

TẬP KÍCH DI LINH ĐÊM 14 RẠNG NGÀY 15/5/1961

Theo chủ trương của Ban cán sự Liên tỉnh 3 lúc bấy giờ, Ban quân sự Liên tỉnh quyết định tỉnh Bình Thuận sử dụng lực lượng vũ trang hiện có đẩy mạnh hoạt động vũ trang lên Lâm Đồng, phối hợp chiến trường với Tuyên Đức, lực lượng Liên tỉnh đánh vào quận lỵ Dran, lực lượng Bình Thuận tập kích vào Di Linh nơi địch còn nhiều sơ hở. Quyết tâm của ta là giành thắng lợi có ý nghĩa chào mừng đường lối cách mạng miền Nam và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đồng thời biểu thị quân dân Cực Nam Trung Bộ lập thành tích chào mừng 71 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tỉnh uỷ Bình Thuận chỉ thị cho đội vũ trang tuyên truyền Hoàn Sơn có trách nhiệm cùng cộng tác phục vụ cho đội đặc công 531 do đồng chí Hội phụ trách, khẩn trương chuẩn bị chiến trường lập phương án chiến đấu tập kích quận lỵ Di Linh.

Chấp hành chủ trương trên, thực tế lúc bấy giờ ở Di Linh chưa có cơ sở cách mạng, trừ một số cơ sở người dân tộc mới phát triển cuối quý II năm 1961, như phần trước đã trình bày. Nhưng may thay, số mới như K'Xiu lại là tổng đoàn dân vệ Di Linh, K'Tiểu là nhân viên bưu điện. Lần đầu gặp cơ sở trên, tôi giao ngay nhiệm vụ sưu tầm một số tư liệu và cung cấp sơ đồ hành chính và các đơn vị đóng quân, cách bố phòng, quy luật tuần tra canh gác của địch...

Sau 2 tháng, anh em đã cung cấp tương đối cơ bản những vấn đề mà đội đặt ra, đối với đội là hết sức quý báu. Nhờ đó mà khi đội đặc công anh Hội đến điều nghiên thì trong tay anh Hội được cung cấp tình hình rất kịp thời, chỉ đi vào chuẩn bị trong một tuần trăng đã kết luận lên phương án điều quân hoạt động được ngay. Trận tập kích chi khu quận lỵ Di Linh vào đêm 14 rạng ngày 15/5/1961 có yêu cầu là:

Về chính trị và quân sự: Đánh đau, đánh bất ngờ, gây thiệt hại nặng lực lượng vũ trang chi khu Di Linh, gây thói động mạnh về tâm lý, làm hoang mang dao động trong hàng ngũ địch, bắt buộc địch co cụm, phòng thủ thị trấn, tạo sơ hở ở nông thôn, kích động nông dân nổi dậy phá ấp, phá kềm, giành quyền làm chủ, phát triển cơ sở, mở phong trào hình thành lực lượng chính trị vũ trang trong quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị vũ trang, lập thế phát triển 2 chân 3 mũi trên cả 3 vùng chiến thuật trong tỉnh.

Về kinh tế: Quyết tâm làm chủ khu vực bệnh viện để huy động cho được dụng cụ y tế và thuốc men nhằm giải quyết

cho nhân dân vùng căn cứ và phục vụ chiến đấu, chiến thương, đảm bảo chiến trường trong lúc trên chi viện chưa kịp.

Trận chiến đấu này đội Hoàn Sơn phối hợp 5 đồng chí:

- Hai đồng chí tham gia chặn viện ở đồi Nguyễn Ngọc cách Di Linh 1 cây số.

- Ba đồng chí phối thuộc một mũi đơn vị chủ công 531 (đơn vị đặc công Bình Thuận) vào chiếm khu bệnh viện, vận động thực hiện yêu cầu thứ 2.

Trong lúc tiếp cận, chuẩn bị, nằm chờ trên đồi tranh Nguyễn Ngọc trước giờ tập kích vào Di Linh, tôi đã cảm xúc viết bài thơ

TRƯỚC GIỜ RA TRẬN

*Đêm nay giữa đồi tranh gió lộng
Súng bên mình, ngồi ngắm ánh trăng lao
Kìa sao Bắc Đẩu
Đỏ ối Thần Nông
Trông dải Ngân Hà mây chao lãng vãng
Ta nằm chờ trăng lặn công đồn. . .*

*Diệt đồn hồi tội quân cướp nước
Lũ tay sai tiếp bước giặc xâm lăng
Giây phút nữa thôi
Đồn giặc sẽ san bằng
Trút tức nhục, kết tội đồ bán nước*

Dám tay sai lũ lượt xin hàng
Giờ phút đợi chờ
Mong đợi bóng trăng tan
Tìm hồi hộp lẫn đầu ta rong trăn
Bốn biển là nhà
Bạn chiến đấu tình thân
Ta ra đi vì nước vì dân
Ra đi dưới bóng cờ hồng
Đi giữa mùa thu tháng Tám
Gác bút lên đường cùng đánh giặc với cha ông.

Nước đã mất rồi!
Nhà đâu còn nữa!
Tổ quốc bị xâm lăng
Quá tim hồng máu ứa
Tạm gác tình riêng
Quyết cứu lấy non sông
Đêm nay thao thức giữa cánh đồng
Lòng suy nghĩ mênh mông không bờ bến
Thương mẹ già, nghĩ em thơ còn nhỏ dại
Nhớ bạn trăm năm bị dày ai phương xa
Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ nhà
Cảm thương ai đó vì ta đợi chờ.

Đêm nay tuyết lạnh sương mờ
Kiểm tra nòng súng trước giờ xuất quân

Giờ 9 không còn xa nữa !
 Dù phải hy sinh giữa vòng bình minh.
 Chỉ trượng phu sự mộng đẹp ngay mai
 Cuộc sống ngắn ngủi chép dài
 Làm linh Cự Hồ
 Đòi vai nặng gánh
 Nợ nước thù nhà
 Quả tim nóng râm ran
 Bình tĩnh bắn đúng quân thù
 Diệt hết lũ sói lang
 Dậy mà đi. . .
 Đi hồi bạn vàng
 Đi ước khi thể hiện ngang và anh dũng
 Gởi lại bạn mấy vần thơ còn lúng cụng
 Và giờ đây tôi ước súng công đồn.

*

Diễn biến và kết quả trận tập kích vào Di Linh như sau:

Đúng 1 giờ 45 phút sáng ngày 15/5/1961, đơn vị 531 cùng 2B đơn vị 529 đánh vào chi khu Di Linh. 1B của đơn vị 529 bố trí trên đồi trà Nguyễn Ngọc đánh quân tiếp viện từ B' Lao xuống nếu có.

Mũi tập kích bắt tiên tiêu và chi khu cảnh sát dứt điểm, làm chủ được trận địa, nhưng mũi đánh vào trung tâm chi khu không dứt điểm, bị địch án ngữ đầu cầu, dùng đại liên từ chuồng cu bắn ngăn chặn quân ta không tiến vào được, đến 4 giờ sáng đành rút ra. Riêng mũi vào bệnh viện có tò tới

cùng đi đã chiếm và làm chủ suốt từ 2 giờ 30 phút đến 5 giờ sáng và cũng là mũi rút ra sau cùng của trận đánh.

Khi chúng tôi vào bệnh viện, lúc đầu bệnh nhân, y bác sĩ, cứu thương, hộ lý nhốn nháo sợ sệt, nhưng sau mười phút chúng tôi nhân danh chiến sĩ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, giải thích chính sách Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và bộ đội giải phóng chỉ vào đánh bọn tay sai Mỹ - Diệm - mà thôi, không đánh anh em bệnh viện, tất cả đều yên tâm. Tập hợp công nhân viên chức tại bệnh viện lại, chúng tôi phân công đi nói chuyện với bệnh nhân theo từng nhóm. Tôi cùng anh Hân trong bộ phận kinh tài hậu cần họp anh em y bác sĩ, giải thích và trao bản tuyên bố của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Chúng tôi kêu gọi họ đồng ý cho ta trưng dụng hết tất cả thuốc men và dụng cụ y tế của bệnh viện để phục vụ chiến đấu và công tác của cách mạng. Nghe nói ta trưng dụng hết, họ đề nghị để họ chạy khỏi bệnh viện xong thì ta có lấy gì thì lấy, nếu họ còn mà lấy thì sợ bị bắt bỏ tù vì tội tư thông với Việt cộng.

Chúng tôi nghĩ nếu không có y bác sĩ và bệnh nhân ở lại đây thì địch bắn pháo cối vào, lại khó khăn, do vậy mà ra lệnh bắt buộc ai ở đâu thì ở đấy, bác sĩ bệnh viện trưởng dẫn đi lấy thuốc men, dụng cụ, chúng tôi làm giấy tờ biên nhận theo lệnh trưng dụng có in sẵn để làm bằng, sau khi chúng tôi rút lui, có cơ sở đấu tranh với địch. Thế là họ đồng ý, chúng tôi chia nhau từng tốp dẫn bộ đội vào kho giao dụng cụ, thuốc men.

Trong 2 giờ đồng hồ liên, chúng tôi làm chủ bệnh viện, thu tất cả 12 mạng thuốc chiến thương và một bộ dụng cụ phẫu thuật của bệnh viện mới đưa từ Sài Gòn lên và nhiều bộ tiểu phẫu.

Thế là trận đánh vào Di Linh tuy không dứt điểm, ta hy sinh 3 đồng chí (có 1 đồng chí không lấy được xác), nhưng mũi vào bệnh viện đạt yêu cầu để ra cả về chính trị, quân sự, kinh tế. Nhờ trưng dụng được một số dụng cụ phẫu thuật và thuốc men ở bệnh viện Di Linh mà giảm bớt khó khăn trong chiến đấu, đảm bảo một phần giải quyết chiến thương, giúp cho chiến sĩ yên tâm làm nhiệm vụ được giao. Bộ phẫu thuật lấy ở bệnh viện Di Linh là dụng cụ phẫu thuật đầu tiên của lực lượng vũ trang trên chiến trường Cực Nam Trung Bộ sau 6 năm có hiệp định Giơ-ne-vơ và sau 2 năm có hoạt động vũ trang ở vùng này.

Hồi đó, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận đánh giá trận tập kích Di Linh đã giành được thắng lợi to lớn, có tiếng vang về chính trị, giải quyết một phần về kinh tế, lấy được dụng cụ, thuốc men phục vụ nhiệm vụ tiếp tục chiến đấu, nhưng về quân sự, không dứt điểm làm chủ được chi khu, bỏ tại trận địa 1 cán bộ trung đội từ A mới về là một thiếu sót về chính sách.

SAU TRẬN TẬP KÍCH DI LINH

Hai ngày sau trận đánh Di Linh thì Tỉnh điều 2 đơn vị 531 và 529 về hoạt động ở đồng bằng Bình Thuận. Địch ở Lâm Đồng bắt đầu phản kích, tập trung lực lượng công an bắt dân tra tấn, đánh đập quần chúng bên trong, đưa lực lượng bảo

an, dân vệ hành quân cần quét bên ngoài, phong toả mọi hoạt động làm ăn của quần chúng, nhất là quần chúng dân tộc. Chúng kiểm soát gắt gao gạo muối, cấm dự trữ muối gạo trong các sở, bắt buộc chủ sở chịu trách nhiệm cấp phát phần ăn hàng ngày có sổ sách, hàng tuần chúng đến kiểm tra. Ban đêm mọi xe cộ trên đường 20 không được lưu hành. Chúng ra lệnh cho bọn dân vệ từ 6 giờ tối đến 6 giờ sáng, giới nghiêm trong các ấp, cấm đông bào không ai được ngủ trong rẫy. Trên một số đường ngang từ rẫy vào buôn, chúng cho dân vệ gài lựu đạn nổ ngay. Tại các đầu mỗi ngang qua Bắc Nam đường 20 chúng cũng cho gài lựu đạn.

Sau trận tập kích Di Linh, tình hình trở nên căng thẳng. Đội Hoành Sơn vừa phải lo chỉ đạo đối phó với địch, trấn an cơ sở và quần chúng, lãnh đạo đấu tranh chống khủng bố của địch, vừa tìm cách đột nhập vào hệ thống đồn điền, động viên tiếp tế lương thực, thực phẩm cung ứng cho cơ quan. Tỉnh ủy Bình Thuận chuyển lên đóng ở rừng Rơ Diu, núi Rơ Pú để chỉ đạo lực lượng hoạt động đánh Di Linh, vừa tránh đòn của địch tập trung cần quét vùng giáp ranh giữa miền núi và đồng bằng, vừa động viên củng cố nội bộ tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển lên phía Bắc. Thiết lập cho được đường hành lang chiến lược nối liền Liên tỉnh 4 từ Quảng Đức sang là nhiệm vụ trọng tâm của đội Hoành Sơn.

Lúc bấy giờ, đội chúng tôi có 6 đồng chí. Để phục vụ nhiệm vụ trước mắt, chúng tôi phải phân thành 2 bộ phận:

1. Tôi cùng đồng chí Rỏ và Rỏ có nhiệm vụ bám các buôn

Đình Trang Hạ, Tân Lú ở phía Nam đường 20 (nay là vùng Đình Trang Hòa, Hòa Nam, Hòa Trung, Hòa Ninh, Lộc An), xây dựng củng cố phong trào ở vùng này, kết hợp, phối hợp với lực lượng kinh tài hậu cần Bình Thuận do anh Hân và 6 đồng chí dân tộc trong nhóm thanh niên Hàng Bọt chạy thoát ly theo đội chúng tôi sau trận đánh bọn công an vũ trang ở buôn Chà Lào Đa Kợp. Chúng tôi bổ sung anh em sang đơn vị anh Hân làm nhiệm vụ tiếp tế, tiếp liệu cho tỉnh. 6 anh em ấy lấy tên là Hòa, Bình, Độc, Lập, Thống, Nhất đều đã hy sinh và cả anh Hân cũng không còn.

Qua sự kết hợp này mà bộ phận đội Hoành Sơn đã tổ chức đột nhập vào sở Tứ Quý, Huỳnh Hoa, Bu-bê, Lê Minh Sanh... tuyên truyền, giáo dục, nắm công nhân làm sức ép, tranh thủ chủ sở tiếp tế lương thực, thực phẩm cho cách mạng và vận động ủng hộ giải phóng quân, lãnh đạo các chủ đồn điền cùng công nhân đấu tranh quyết liệt chống bao vây, phong tỏa kinh tế của địch đối với các sở.

2. Bộ phận đồng chí Thuận, đồng chí Rẻo, đồng chí Tiến triệt để trang bị đúng là người dân tộc, đi công khai từ phía Nam lên phía Bắc đóng giả người đi mua trâu qua xã Đình Túc, theo đường 14 Bis lên xã Đình Trang Thượng đến Kin Đa, Gung Răng Gia bắt liên lạc với đội công tác anh Thọ, anh Ma Đen từ Quảng Đức qua.

Ngày 25/5/1961, tổ 3 anh em do anh Thuận hướng dẫn tìm được đến vùng rẫy buôn Gung Răng Gia, liên hệ với nhân dân, gặp được đầu mối hộp thư của anh Ma Đen giao lại

cho cơ sở. Trong thư anh Ma Đen có hẹn ngày tháng chuyển tới các anh sẽ trở lại. Anh Thuận viết thư bố trí lại ngày và địa điểm gặp kỳ sau, xong các anh trở về báo lại với đội.

Trên đường từ Kin Đa (rẫy Gung Răng Gia), anh em đi theo đường hợp pháp nhưng lại đi đêm. Đi ngang qua 3 trụ sở làm việc của 3 xã Đinh Trang Thượng, Đinh Túc, Đăng Gia, anh em đều ghé vào nắm tình hình. Thấy không có lực lượng bảo vệ, canh gác gì cả, anh em nẩy ra sáng kiến là dùng dao găm cạy cửa, thu tài liệu và chất củi đốt. Sau đó, anh em đóng cửa để nhìn từ xa không thấy khi lửa chưa cháy lớn. Như vậy, trong một đêm, trên đường về phía Nam, anh em đã đốt trụ sở 3 xã nói trên.

Đốt 3 trụ sở xã, thiệt hại vật chất không lớn nhưng về chính trị đã gây cho địch hoang mang, dao động. Sau trận đánh Di Linh, địch tập trung giới nghiêm trong thị trấn, gài mìn, cấm đi lại ban đêm, nhưng địch không biết lực lượng nào lại tiến hành đột nhập đốt đồng loạt cả 3 trụ sở của đại diện xã là điều xưa nay không bao giờ có trên vùng Lâm Đồng này. Trong khi đó, tình báo của địch cho là lực lượng của ta đã rút về Bình Thuận hết rồi!

Qua vụ này, lực lượng địch đang đưa quân đi càn Đinh Trang Hạ, Đăng Lú ở phía Nam nay lại chuyển sang càn 3 xã phía Bắc đường 20, nhờ đó đã tạo được sơ hở phía Nam. Đội chúng tôi tranh thủ hoạt động tiếp xúc quần chúng, tuyên truyền giáo dục phát triển vào các đồn điền trên đường 20, vận động công nhân Kinh Thượng làm trong các sở đưa yêu

sách bắt buộc chủ mặc nhiên để công nhân được tiếp xúc với Mặt trận, không được báo cho địch, không được gây khó khăn khi công nhân làm ăn, đòi chủ sở phải quan hệ với cách mạng và đóng góp cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ, phải đóng thuế cả hai bên, đảm bảo dân yên ổn làm ăn. Trước mắt, đòi chủ sở phải đóng nghĩa vụ cho cách mạng, cho Mặt trận. Đồng thời, chúng tôi làm thí nghiệm trong một số sở: Tứ Quý, Ngô Văn, Lê Văn Phước, Mạc-phên, Công-gô, Huỳnh Hoa, Thanh Được với mức thỏa thuận mỗi ha cây công nghiệp mỗi tháng đóng nghĩa vụ cho cách mạng 50 đồng.

Lúc đầu, đội vũ trang đột nhập vào ban đêm, thu trực tiếp chủ sở với tính chất kêu gọi mức đóng góp nghĩa vụ. Nhưng về tâm lý, ta vào trực tiếp với chủ sở, họ sợ liên lụy, địch theo dõi khủng bố, nên tối họ không ở sở mà về B' Lao, Di Linh ngủ, uỷ quyền cho công nhân, cai ký tiếp xúc với ta. Ta thông qua số này, nắm chủ sở, vận động đóng góp nghĩa vụ và làm nhiệm vụ nắm tình hình địch, báo cáo lại với ta, ủng hộ tài chính, tiếp tế, tiếp liệu cho ta.

Bằng phương thức này, sau 3 tháng quý I năm 1961, đạt kết quả tốt, nhưng trong thực tế nảy sinh mâu thuẫn: Sở nào ta đến thì chủ sở phải nạp đảm phụ kháng chiến, còn nơi ta không đến thì khỏi đóng. Địch lấy đó biểu dương các chủ sở ta chưa đến được, cho là nơi đó an ninh, được thưởng, còn các sở trên đường 20 chúng cho là mất an ninh, chúng ra lệnh cho chủ sở, cai ký, công nhân ban ngày ra làm ăn, ban đêm về B' Lao, Di Linh ngủ, trừ các nhà máy do chế biến phải làm

đêm. Công nhân đồn điền không ai được ngủ lại ban đêm, các nhà máy có sản xuất đêm phải báo cáo để chúng đưa lính đến gác. Chúng giao cho trung đội dân vệ bảo vệ trụ sở An Lạc có trách nhiệm gác nhà máy trà Lê Văn Phước khi nhà máy có sản xuất ban đêm và bắt buộc Lê Văn Phước bỏ tiền ra nuôi trung đội dân vệ này.

Đầu tháng 8/1961, Trung ương bổ sung cho Bình Thuận một số cán bộ quân sự tập kết từ miền Bắc về. Các anh Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung cho đội Hoàn Sơn 3 đồng chí: Lương, Lý, Nghiêm và 5 thanh niên ở đồng bằng Bình Thuận thoát ly tham gia lực lượng vũ trang, trong đó có Tại, Phước, Minh, Thanh, Tâm. Chúng tôi chuẩn bị thành lập huyện đội K3 (huyện Di Linh) và đội vũ trang Hoàn Sơn hình thành một B địa phương quân, tiền thân lực lượng K3, làm nhiệm vụ phát triển cơ sở, mở phong trào cả địa bàn Di Linh và thị xã B' Lao. Đây là thuận lợi mới nhưng địch đang ráo riết đối phó các hoạt động của ta: tổ chức kiểm soát chặt chẽ bên trong, cần quét phong tỏa bên ngoài.

Trước âm mưu và hoạt động của địch nói trên, nhờ có lực lượng mới bổ sung, chúng tôi chủ trương mở một đợt hoạt động xâm nhập thẳng vào sát thị xã, thị trấn, đột thẳng vào các trung tâm địch tập trung công nhân lao động các sở về ngủ ban đêm, làm cho địch không còn chỗ nào an toàn.

Trước hết, chúng tôi đưa anh Nghiêm, anh Lương cùng đi hợp pháp với công nhân vào B' Lao nắm tình hình hoạt động bố phòng của địch ở vùng Phệc-mơ (Bi-sơ-nê) và vùng Lam

Sơn, sở Lê Minh Sanh (nhà máy trà 19/5 hiện nay), Tân Lạc thông qua cơ sở anh em công nhân gốc Nam Bộ bị địch truy, chạy lên làm trà ở vùng này, trong đó có anh chị em đã làm cơ sở tự vệ ở Nam Bộ như: Tân ở Huỳnh Hoa, Ái và Phi ở Lê Minh Sanh, anh Điệp ở Lam Sơn... Anh chị em này cung cấp tình hình, dẫn đường chỉ lối, nhờ đó mà đội vũ trang Hoàn Sơn sau khi được tăng cường tổ chức được 3 mũi (mỗi mũi 2 tổ gồm 6 đồng chí).

Đêm 18/7/1961, cùng một lúc, chúng tôi đột nhập vào 2 điểm sát nách thị xã B' Lao tại địa điểm tập trung công nhân về ngủ, nơi mà chúng cho là an toàn. Mũi do đồng chí Nghiêm và Lương phụ trách đột nhập vào Trung tâm nông lâm thực nghiệm và nhà máy trà Lê Minh Sanh. Mũi do đồng chí Lý và tôi phụ trách đột nhập vào sở Bu-bê và xã Tân Lạc. Tất cả 3 mũi đột nhập đều an toàn, chúng tôi tập hợp tất cả công nhân viên chức của sở, vũ trang tuyên truyền, vạch âm mưu tội ác của Mỹ - Diệm, kêu gọi đoàn kết đấu tranh, đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, giải thích đường lối chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và trao lời kêu gọi của Mặt trận nhân ngày 20/7 - ngày kỷ niệm hiệp định được ký kết. Sau đó, chúng tôi tổ chức làm việc riêng với một số chủ đồn điền, nhà máy, cả chủ Việt Nam, Hoa kiều và Pháp, thông qua họ nhờ chuyển thư của Mặt trận cho tất cả các chủ đồn điền, nhà máy trong tỉnh, kêu gọi đoàn kết và tham gia đóng góp nhân tài vật lực cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam Việt Nam, thống nhất đất nước.

Lực lượng chúng tôi tuy hai mũi hoạt động độc lập nhưng đã bàn bạc thống nhất nội dung, thông qua phương án hết sức cụ thể, có phương án linh hoạt xử lý trong mọi tình huống nên anh em tổ chức thực hiện tốt trên mỗi địa bàn, mãi đến 3 giờ sáng chúng tôi mới rút ra ngoài. Trước khi rút, anh em còn bố trí một số cơ sở và quần chúng công nhân cảm tình, dặn dò họ sáng sớm lên quận và tỉnh báo cáo đêm qua có Việt cộng đã vào sở, vào xã nói chuyện, mang lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và cả truyền đơn lên giao cho tỉnh trưởng, quận trưởng, xã trưởng một cách công khai, nhân đó mà tuyên truyền rộng rãi cho mọi người, cả binh lính ngụy, cùng biết đường lối chính sách của Mặt trận và bộ đội giải phóng.

Trước tình hình trên, đại tá tỉnh trưởng lúc bấy giờ là Huỳnh Công Tịnh tổ chức cuộc họp để trấn an, nhưng cuộc họp ấy lại truyền bá tin tức hoạt động của ta đêm 18/7 càng lan rộng ra, nội bộ bàn tán tin tức cụ thể hơn, làm cho địch càng dao động, quân chúng lao động có khí thế, không còn sợ sệt trong lúc gặp ta như trước.

Sau khi các chủ sở nhận được thư và lời kêu gọi của Mặt trận, họ đã tìm cách gặp ta để xin chỉ tiêu đóng góp như các sở khác, đề nghị cách mạng đừng vào sở, nhà máy nhiều lần, ngại địch làm khó, không làm ăn được và rủi ra hai bên nổ súng trong sở, chết công nhân và thiệt hại cho cách mạng. Nhờ vậy, bắt đầu từ năm 1962 trở đi, tất cả các sở và nhà máy chế biến trà Lâm Đồng đều đăng ký nộp nghĩa vụ nuôi quân

đánh Mỹ nghiêm chỉnh, thông qua cai ký trong sở làm đầu mối quan hệ giữa chủ và công nhân, giữa chủ và cách mạng. Cai ký là người đại diện cho chủ cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Lê Minh Sanh - Chủ tịch Hiệp hội trà Cao nguyên Trung Phần - chạy về Sài Gòn ở, tuy có đóng góp nhưng lầy lẹ, thiếu nhiệt tình.

Qua đợt hoạt động kỷ niệm 20/7/1961, chúng tôi tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm, đánh giá địch ta, đánh giá lực lượng công nhân và quần chúng cách mạng. Chúng tôi thống nhất cho rằng: Địch rất đông nhưng có rất nhiều nhược điểm, sơ hở. Ta tuy ít nhưng có ý chí chiến đấu cao, được sự giúp đỡ của cơ sở quần chúng, nên đã giành được thắng lợi to lớn, toàn diện, vượt mức yêu cầu đề ra trong đêm mở màn.

Để phát huy thắng lợi, đội chúng tôi thống nhất tiếp tục mở đợt hoạt động trong thời gian một tháng nhằm lập thành tích chào mừng Cách mạng tháng Tám. Chúng tôi chia thành 3 đội, mỗi đội 8 đồng chí, ghép bộ phận kinh tế của anh Hân gồm 9 đồng chí thành một lực lượng chung, phân công trên 3 khu vực tổ chức bám dân, đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, phát triển cơ sở. Trên toàn tuyến đường 20 từ cây số 5 Tây Di Linh đến đèo B' Lao dài trên 50 cây số, chúng tôi phân làm 3 đoạn giao cho 3 đội, mỗi đội phụ trách một địa bàn làm nhiệm vụ cả chính trị, phát triển cơ sở, xây dựng liên lạc, tiếp tế, tiếp liệu và có kế hoạch đánh địch nếu có điều kiện. Cụ thể như sau:

1. Địa bàn từ cây số 17 (sở Mạc-phen) xuống đến thị trấn Di Linh do bộ phận đồng chí Lương và Lý phụ trách, đứng chân ở khóm rừng giữa Kon Dịp và La On.

2. Địa bàn từ Lam Sơn lên Tân Bùi, Đạ Lào, giáp đèo B' Lao (sau này gọi là H30) do bộ phận đồng chí Nghiêm phụ trách, đứng chân ở vùng Se Pung Đạ Mrê (sau này gọi là suối Rắn Hổ).

3. Địa bàn An Lạc - Tứ Quý - Trảng Bĩa - Tân Lạc (từ cây số 16 đến dốc Lê Minh Sanh) do tôi phụ trách, vẫn đứng chân giữa vùng Bờ Kờ Ron Kon Chạ. Bộ phận này có trách nhiệm chỉ đạo chung nên có bố trí một tổ liên lạc gồm 3 đồng chí, vừa liên lạc chỉ đạo bộ phận Tây Di Linh và Tây B' Lao, vừa chịu trách nhiệm tiếp tục nối đường dây Nam và Bắc của hành lang chiến lược ...

Lúc này chuẩn bị thành lập tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh uỷ Bình Thuận cử đồng chí Hiền và Do bổ sung cho đội Hoành Sơn để có bộ khung hình thành các huyện sau này. Chúng tôi bố trí anh Hiền lên bổ sung cho bộ phận anh Lý, anh Lương. Anh Do tạm thời nằm lại bộ phận chúng tôi để đi lên nối liên lạc hành lang chiến lược từ Quảng Đức xuống theo hộp thư đã hẹn ngày 10/8/1961, liên lạc trực tiếp tại rẫy Gung Răng Gia. Tôi phải ở lại chỉ đạo toàn bộ đợt hoạt động này.

Qua gần một tháng hoạt động, 3 bộ phận nói trên mở ra một tình thế mới, lực lượng cách mạng phát triển nhanh chóng, địch bắt đầu hoang mang, dao động, co lại.

Ta đã dùng cơ sở nội tuyến, kết hợp với lực lượng đội công tác bên ngoài vào, đánh chiếm và giải trang trung đội dân vệ An Lạc (nay là Lộc An), thu được 11 súng trường Laben. Số anh em trong trung đội dân vệ An Lạc chạy ra thoát ly tham gia cách mạng, trong đó có anh Mâu (tức Tân) là cơ sở đã hướng dẫn cho đội tổ chức đánh trung đội này lúc chúng sơ hở.

Sau một tháng hoạt động, 3 bộ phận nói trên đã trở thành 2 đơn vị:

- Bộ phận Tây Di Linh có quyết định thành lập Huyện ủy K3.

- Bộ phận Tây B' Lao, khi thành lập B7 ngày 31/8/1961, được bổ sung thêm bộ phận vũ trang B7, trong đó có đội đặc công do đồng chí Phượng phụ trách, đồng chí Hưng bổ sung sang và có quyết định thành lập T29. Khu vực Tây đèo B' Lao đến Ma Đa Gui thành lập đội công tác K4 (nay là huyện Đa Huoai).

- Bộ phận của tôi sau này trở thành tổ chức phân ban cán sự phía Nam của tỉnh Lâm Đồng, lấy phiên hiệu là T14, do Tỉnh ủy Lâm Đồng quyết định ngày 1/4/1962. Thực chất lúc bấy giờ tôi là Tỉnh ủy viên tỉnh Bình Thuận, thay mặt Tỉnh ủy Bình Thuận phụ trách đội công tác Hoành Sơn, lên hợp nhất thành lập tỉnh Lâm Đồng vào ngày 31/8/1961, lấy phiên hiệu là B7, do đồng chí Thọ làm Bí thư, tôi và anh Ma Nhao (Ba Đạo) là Tỉnh ủy viên như trong lịch sử 21 năm đánh Mỹ trên đất Lâm Đồng đã ghi.

THÀNH LẬP B7

Cuộc họp thành lập B7 do đồng chí Bùi Sang thay mặt Khu uỷ khu 5 và Trung ương Cục phổ biến quyết định. Địa điểm cuộc họp đầu tiên này để thống nhất tổ chức Lâm Đồng nằm ở rừng đầu nguồn sông La Ngà, giáp suối Xê Xang (*).

Việc tổ chức hình thành Ban chỉ đạo Lâm Đồng lần thứ nhất giữa 2 mảng (đội anh Thọ từ Quảng Đức sang và đội Hoành Sơn từ Bình Thuận lên) thành lập Ban cán sự B7 ngày 31/8/1961 diễn biến như sau:

Sau khi anh Thuận và anh Rẻo liên lạc được đồng chí Ma Đen, cuối tháng 7 năm 1961, theo chuyến liên lạc, tôi cử đồng chí Hà Huy Do lên làm việc với anh Ma Thọ (tức Trần Quang Sang) để bàn kế hoạch gặp nhau, trao đổi tình hình và thống nhất hoạt động giữa 2 bộ phận Nam và Bắc đường 20, hình thành đường dây liên lạc chỉ đạo theo chủ trương của Trung ương và Khu uỷ 5.

Sau đợt hoạt động kỷ niệm Cách mạng tháng Tám, ngày 24/8/1961, tôi từ đội Hoành Sơn cùng một tổ liên lạc băng qua đường 20, lên gặp anh em liên lạc từ cơ quan anh Thọ đóng. Địa điểm hẹn gặp tại rừng Bơ Kẽ Sê Bưng. Anh em đưa chúng tôi đi về ngọn sông La Ngà. Anh em đóng quân cách buôn Xê Xang không xa. Trong cuộc họp bàn giữa đoàn anh Thọ, từ ngày 29 đến hết ngày 30/8/1961 chủ yếu là trao

* Sau này tổ chức thành xã 4 thuộc K2 (Lộc Lâm hiện nay, xã đầu tiên của tỉnh Lâm Đồng được Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Mỹ).

đối tình hình địch ta và phong trào quần chúng, nhiệm vụ công tác tổ chức của mỗi bên để chuẩn bị báo cáo trước hội nghị chính thức với cấp trên.

Sáng ngày 31/8/1961, đồng chí Bùi Sang, thay mặt Trung ương Cục và Khu uỷ khu 5 phổ biến quyết định thành lập B7 và nhiệm vụ thống nhất các đội công tác trên địa bàn Lâm Đồng, hình thành một Đảng bộ để lãnh đạo phong trào quần chúng đấu tranh chống Mỹ - Diệm, xây dựng bảo vệ hành lang, tổ chức mạng giao lưu thông tin trên chiến trường Nam Tây Nguyên. Trừ C200 chưa thống nhất trong đợt này, chỉ thống nhất 2 bộ phận giữa đoàn Quảng Đức sang và Bình Thuận lên.

Ban cán sự B7 bước đầu gồm 3 đồng chí:

1. Đồng chí Trần Quang Sang (Ba Thọ): Bí thư Ban cán sự.
2. Đồng chí Nguyễn Xuân Cảnh (Tám Cảnh, tức Nguyễn Xuân Du): Uỷ viên.
3. Đồng chí Ma Nhao (tức Lê Đạo): Uỷ viên.

Trong cuộc họp đã thống nhất một số nhiệm vụ trước mắt, chuẩn bị báo cáo tình hình mọi mặt nhằm thống nhất giữa B7 và C200 để chính thức thành lập Tỉnh uỷ Lâm Đồng vào đầu năm 1962.

Các anh phân công tôi tạm thời về báo cáo với Tỉnh uỷ Bình Thuận, xin một số cán bộ để hình thành Huyện uỷ Di Linh (K3) và hình thành huyện Đạ Huoai (K4), xin Bình Thuận

bổ sung cho một số lực lượng và vũ khí, quân trang trong lúc tỉnh Lâm Đồng mới thành lập gặp khó khăn. Đồng thời Ban cán sự B7 bổ sung đồng chí Lê Tấn Hưng và 7 đồng chí đặc công từ miền Bắc về do đồng chí Đoàn Chiêm Phụng phụ trách. Cuộc họp này cũng chính thức quyết định thành lập đội vũ trang đặc biệt thị xã B' Lao lấy tên là T29 (ngày 2 tháng 9), đồng chí Hưng giữ chức Quyền bí thư T29. Ban cán sự B7 giao tôi phụ trách tạm thời 3 địa bàn phía Nam đường 20 gồm K3, K4, T29. Tôi trực tiếp nắm đội vũ trang đặc biệt, chỉ đạo địa bàn thị xã, trong lúc hệ thống chỉ đạo của tỉnh chưa hình thành, đường hành lang Nam Bắc đường 20 chưa thông suốt.

Họp xong, chúng tôi về lại phía Nam đường 20. Trong lần trở về, ngoài tôi, anh Thuận, anh Rẻo, anh Chiến trong tổ liên lạc dẫn đường, có thêm đồng chí Hưng và đội vũ trang đặc biệt T29 với 7 đồng chí. Đồng chí Nhơn - cán bộ phụ trách đặc công của B7 - cùng đi, như vậy trên đường về có 14 đồng chí.

Chúng tôi cắt rừng từ suối Xê Xang, từ ngọn La Ngà về đến xóm cũ Bơ Kê Sê Bưng là 4 giờ chiều, nghỉ nấu cơm chiều. Ăn xong vừa chập choạng tối, chúng tôi băng qua rẫy Bơ Kê về *Đình Trang Hoạch*, qua rẫy *Đình Trang Bô Đam*, theo đường dân ấp 16 đi làm rẫy phía Bắc đường 20.

Đến 9 giờ đêm, đoàn chúng tôi đến chân đồi phía Đông sở Đại Tá cách đường 20 là 200 m, dựng toán địch đi tuần tra từ ấp 16 qua sở Đại Tá. Vừa giáp đường rẫy *Đình Trang Bô*

Đam, địch đụng toán liên lạc đi đầu của đoàn chúng tôi gồm đồng chí Chiến đi trước, tôi và đồng chí Sĩ đi sau, sau đó là đồng chí Thuận và Đồng chí Rẻo đi cuối. Bất ngờ phát hiện chúng tôi địch hoảng hốt chạy ngược lên đồi, bắn một loạt súng vu vơ rồi chạy mất. Còn chúng tôi chạy xả xuống khe rẫy cũ rừng lau để nấp.

Sau 15 phút không thấy động tĩnh, tôi nắm được đồng chí Chiến và Sĩ, còn Rẻo và Thuận đã chạy ngược lại theo đường, cùng đoàn mò về rẫy Đình Trang Bô Đam. Ba anh em chúng tôi lặn lội tìm mãi và ngồi đón trên đường rẫy. Đến 1 giờ sáng, vẫn không thấy người nào vãng lai, chúng tôi trao đổi: Nếu ta có trở lại cũng chẳng biết đâu mà tìm, đoàn đi lạc đã có đồng chí Thuận và đồng chí Rẻo thông thạo đường sá ở vùng này có khả năng dẫn đoàn cất tránh đâu đó, rồi tìm chỗ qua đường. Nếu đêm nay ba chúng tôi không qua được đường 20 thì sáng mai sẽ gặp nguy hiểm.

Tôi quyết định tìm hướng cắt qua đường 20 về phía Nam đón các ảnh theo uy ước tình huống bị lạc thì tiện hơn. Chúng tôi rút kinh nghiệm, không đi theo đường mòn của dân đi làm rẫy nữa, cắt thẳng qua đoạn cách ấp 16 là 800 m về phía Di Linh, bật xuống phía Nam gặp buôn Bờ Rụi Kơ Mé. Theo đường dân đi, chúng tôi đi thẳng vào buôn đúng 3 giờ sáng, quan sát thấy dân đã dậy nấu cơm và chuẩn bị đi làm rẫy, chúng tôi cất tránh ngoài buôn, tìm bến qua sông Đạ Giam. Mùa mưa tháng 8 năm ấy, nước sông lên to, ba anh em chúng tôi dùng ni lông gói hành lý cột chặt, ôm lội qua. Đến giữa

sông, Chiến và Sĩ bơi được vào bờ, còn tôi bị nước cuốn trôi, cứ giữa sông ôm lấy bọc ni lông, để nó trôi gần 1 cây số. Rất may, đến khúc sông cong, nước đưa tôi vào bờ, tôi bám được bụi le mò lên được, hú vía “nước chưa ăn”! Lên được trên bờ thì nước đã thấm, gió Tây buổi sáng tuôn vào người lạnh như cắt thịt.

Tôi cắt rừng non đi ngược lại bến Đạ Giăm tìm lại anh em. Mờ sáng hôm ấy, chúng tôi gặp nhau, anh em ôm chầm lấy người tôi, mừng như gặp người chết đi, sống lại. Trong một đêm gặp luôn hai tai nạn, nhưng chúng tôi đều tai qua, nạn khỏi. Đến đây xem như an toàn, còn một nỗi lo cho anh em đi sau tuy có hai đồng chí Rẻo và Thuận liên lạc dẫn đường, nhưng làm sao biết được các anh có bám được anh em cắt đường khác đưa các anh qua đường không? Nếu còn ở lại Bắc đường thì ở đâu và tổ chức đi thế nào? Chẳng lẽ chừng ấy người khi gặp trở ngại nhỏ lại trở về cơ quan hay sao?

Ba anh em qua một đêm thức trắng, vật lộn với rừng non rầy cù, với sông nước cuốn trôi, rất vất vả nhưng bàn với nhau tiếp tục đi lên dốc Bờ Rụi, leo núi Lăn Cô, nằm đó đón anh em. May ra anh em cắt qua tìm mình trên đường này thì tốt biết bao!

Chờ mãi đến 2 giờ chiều hôm ấy, khi không thấy tăm hơi gì cả, ba anh em giấu bông, cải trang xuống ruộng Bờ Rụi Kơ Mé gặp dân nắm tình hình, xem có tin tức gì khi đêm ở đồn 16 không? Được tin dân cho biết là bình thường, ba chúng tôi quyết định tổ chức về cơ quan để báo tin có việc xảy ra

không lảnh trên đường đi và có kế hoạch đề phòng trường hợp xấu mà ta không lường hết. Vừa về đến đội, tôi bàn ngay anh em ra bám sở Tứ Quý nắm tình hình, xem có tin tức gì về số anh em qua đoạn đường gần đồn 16 khi đêm, địch có phát hiện không?

Anh em vừa ra đến sở Tứ Quý gặp công nhân thì Thuận và Rẻo dẫn đoàn qua đường thành công, băng về Tứ Quý đúng 8 giờ đêm sau đó. Anh em cùng đội tổ chức gặp công nhân, bà con nấu cơm cho ăn và cho gạo mang về đội. Các anh em về đội lại gặp may, công nhân ủng hộ cả trà và kẹo. Chúng tôi đem ra uống, ngồi tán dóc: Đường hành lang hai miền Nam, Bắc gặp nhau trên đất Lâm Đồng, còn hai đội công tác nối hai miền Nam - Bắc (Lâm Đồng) đường 20 nay đã nối lại là điều lành. Lần đầu tiên đoàn qua phía Nam, đụng địch chia cắt đoàn ra làm hai nhưng vẫn an toàn là nhờ có đồng chí Thuận và đồng chí Rẻo là người địa phương, là chỗ dựa vững vàng, anh em rất có trách nhiệm nên mới đảm bảo giành thắng lợi an toàn trong điều kiện khó khăn nhất. Nay Thuận đã mất rồi nhưng tinh thần trách nhiệm của hai đồng chí Thuận và Rẻo chúng tôi không bao giờ quên.

CHUYẾN ĐI HỌP TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG ĐẦU TIÊN TẠI CĂN CỨ C200

Do đường giao thông từ phía Nam có rất nhiều trở ngại nên tôi nhận trễ thư triệu tập về căn cứ C200, họp Tỉnh uỷ. Theo giấy triệu tập, đúng ngày 30/1/1962 tôi phải có mặt tại Bù Khiêu để họp Tỉnh uỷ lần thứ nhất, thống nhất giữa 2 đơn

vị B7 và C200, ra mắt cấp uỷ mới, trong đó có tôi. Thư triệu tập ký ngày 21 nhưng mãi đến ngày 28 /1/1962 tôi mới nhận được vì tôi cùng đội công tác T29 đi bám địa bàn. Sau 5 ngày mới nhận được thư nên khi nhận thư thì còn trọn 2 ngày nữa là phải có mặt tại địa điểm triệu tập. Đi theo đường hành lang thì phải mất 7 ngày. Khi nhận thư xong, tôi ngồi suy nghĩ:

1. Cứ đi bình thường theo chuyển liên lạc và nhận nghị quyết sau, chứ ta có mấy bay đầu mà đi cho kịp.

2. Nếu đi thì làm sao đi theo con đường hợp pháp, cắt ngang qua các điểm B' Lao, về Bờ Lát, Hăng Ca, Bơ Xa Lu Xuyên, đi trực tiếp theo bản đồ, tuy có trễ nhưng trễ cũng ít thôi.

Phía Nam chịu trách nhiệm đến 3 đơn vị trên 3 địa phương mà cuộc họp lần đầu bị vắng mặt, tôi không yên tâm. Sau khi suy nghĩ, tôi mời đồng chí Hưng, đồng chí Nhơn, đồng chí Phụng trao đổi chớp nhoáng. Cuối cùng, chúng tôi quyết định đi ngay trong đêm nay, vượt qua thị xã B' Lao mới kịp.

Căn cứ bản đồ của các đồng chí đặc công mang theo để chuẩn bị chiến trường thì đường gần nhất là đi thẳng qua trường Nông Lâm Súc theo suối qua Kon Hin Đa, gặp đường Bơ Xu Băng Ly, về Bờ Lát, đi thẳng vào Hăng Ca, lên Bi Đăng, đi Bơ Xa Lu Xuyên, gặp trạm đồng chí Thắng (*).

* Thắng răng vàng, chồng cô Vân, nay là đại tá, sau khi chiến đấu ở chiến trường Cam-pu-chia về, nay về hưu ở Củ Chi

Trạm giao liên trực tiếp đưa về cơ quan, như vậy thì đi 3 ngày là đến. Chúng tôi bàn nhau và quyết định cất đi theo hướng ấy.

3 giờ chiều hôm đó, chúng tôi phân công cho anh Hưng, anh Nghiêm tiếp tục hoạt động theo chương trình và chuẩn bị tập trung ăn Tết ở ngọn suối Tà Ngào. Tôi viết thư giao anh Bảy Tích ở K4 chuẩn bị chỗ ở, dùng du kích Bờ Gia và đội công tác của anh đi bắn thịt. Anh Hưng, anh Hiền, anh Lý, anh Nghiêm lo vật chất (gạo, nếp, bánh, mứt, rượu) cho nội bộ tươm tất, có ý nghĩa mừng tỉnh mới thành lập và thống nhất 3 bộ phận công tác trên địa bàn Lâm Đồng.

Tôi bàn với đồng chí Phương - tổ trưởng tổ đặc công T29 - cùng đi, cất thêm 2 đồng chí Bốn và Ngọc cùng đi với tôi, 4 anh em còn lại giao Sĩ trực tiếp phụ trách, chịu sự chỉ đạo của đồng chí Nhơn tiếp tục chuẩn bị chiến trường.

Bốn anh em chúng tôi lò mò từ 5 giờ chiều xuyên qua đồi chè, cà phê sở Sô-ven. Đến 7 giờ 45 phút, chúng tôi mới băng qua đường, mò xuống suối Tân Hà, qua suối Băng Ly. Quần mải vùng ruộng Bơ Xu Băng Ly nhưng không tìm ra đường mòn, lúc đó đã đến 5 giờ sáng ngày 29/1/1962, sương mù dày đặc. Chúng tôi quyết định ngồi nghỉ chờ trời sáng, xác định lại hướng đi, chứ không khéo đi lạc vào Kon Hin Đa Nghệt thì nguy hiểm vì không có rừng để ẩn náu.

Trời sáng dần, thì ra con đường mòn từ Bơ Xu Băng Ly vào thẳng Hăng Ca cách nơi chúng tôi ngồi nghỉ không đầy 100m. Chúng tôi thay bộ đồ mới, bỏ đồ cũ và súng lục vào

gùi, vai vác xà gạc, ung dung đi trên đường như đồng bào đi làm rẫy buổi sáng giữa buôn này với buôn khác. Tuy suốt đêm mò mẫm băng qua ngoại vi thị xã B' Lao, vô cùng căng thẳng, mỗi mệt, nhưng khi tìm ra đường mòn đi hợp pháp giữa ban ngày, chúng tôi giống như người được giải phóng, chân đi không bết gót, chẳng mấy chốc qua rừng Bờ Lá, leo dốc Hăng Ca đúng 10 giờ trưa ngày 29 tháng 1 năm 1962.

Lòng lâng lâng mừng thầm, tưởng là mọi trở ngại đã vượt qua, nhưng không ngờ đến đầu dốc Hăng Ca, chúng tôi lại thấy dân chặt cây rập đường bố phòng, chông cung dày đặc, anh em tránh chông đi lướt qua. Đi khoảng 100 mét thì đồng chí Bồn đi đầu sợ ý bị chông lá đâm xuyên qua bắp thịt chân trái, máu me lai láng, chúng tôi tập trung băng bó và điều chỉnh đi đằng sau. Đồng chí Ngọc vượt lên, đi trước được một đoạn thì bất ngờ đụng phải dây gài bắn cung thọc thẳng trước mặt. Ngọc ngã người xuống, may mà tên không kịp xuyên qua người, thật hú vía! Ngọc đứng dậy run cầm cập, mặt tái mét không còn chút máu. Ngọc báo cáo với tôi và đồng chí Phượng không dám đi trước nữa. Thế là bí, chỉ còn tôi và anh Phượng, nhưng về tâm lý, anh Phượng cũng hơi sợ. Anh nói: “Thà mò vào đồn ban đêm dễ hơn là đi giữa bãi chông cung bố phòng của đồng bào dân tộc trong rừng giữa ban ngày”. Tâm lý anh Phượng đã nói rõ như vậy, nếu để đi trước sẽ mất bình tĩnh, quan sát không kỹ, xử lý thiếu chu đáo, để ảnh bị thương nữa, thật là khó xử.

Tôi ra lệnh dừng lại nghỉ ăn trưa, trao đổi với anh em cách đi và thuyết phục anh em để tôi đi trước vì tôi có cây xà

gạc bén, cán dài, tôi sẽ quan sát, gạt lá chông trước, bước sau, phát hiện dây gài bắn cung, xem kỹ, phá sập trước lúc đi qua. Anh em đồng ý để tôi đi trước trong đoạn đường dân bố phòng. Chúng tôi mò mẫm lần từng bước hơn một giờ đồng hồ rất an toàn. Gần đến đoạn cuối cùng của con đường bố phòng, sinh ra chủ quan, xem như đã qua khúc nguy nan nhất, thì bất ngờ tôi vừa bước tới, vướng phải dây chông treo bằng sợi cước. Linh tính như báo trước, tôi giật mình, cúi đầu, nghiêng mình né về phía trước, bàn chông rớt thẳng từ phía trên xuống, đá nà thẳng vào chiếc gùi tôi mang trên lưng. Nhờ chiếc gùi mà 2 mũi chông chỉ ghim qua lớp quần áo, không qua được lớp gùi sau cùng nên chưa đụng người. Lại hú vía, tai qua nạn khỏi!

Lúc này cũng vừa hết đoạn đường bố phòng của dân, đứng 2 giờ chiều, chúng tôi dừng nghỉ một chút thì gặp ba anh em thanh niên ở buôn Hăng Ca đi tuần tra. Thấy chúng tôi, anh em chạy tránh vào rừng. Chúng tôi biết đó là đồng bào nên đã liên lạc được với anh em, kêu ra và trình bày để anh em thông cảm. Vết thương ê ẩm, đồng chí Bồn đi rất chậm. Tôi nhờ ba anh thanh niên chặt cây lấy vông ra khiêng giúp để đi cho nhanh về buôn.

Bốn anh em chúng tôi về buôn, gặp ngay anh K'Giây là già làng và đã được anh em B7 giao trách nhiệm làm trưởng buôn cho cách mạng. Anh nói thông thạo tiếng Kinh, gặp chúng tôi tay bắt mặt mừng. Anh nói bà con nấu nước lá, rửa vết thương cho anh Bồn và làm cơm cho chúng tôi ăn. Sau đó, anh cho ba thanh niên đưa chúng tôi đi lên trạm liên lạc

Bơ Xa Lu Xuyên. Chúng tôi gửi anh Bốn ở lại và để thuốc men, băng bông gửi cho dân Hăng Ca, dặn dò chu đáo.

Đến 3 giờ chiều, chúng tôi mang hết hành lý, đi thẳng đến buôn Bi Đăng vừa tối. Từ Bi Đăng đến Bơ Xa Lu Xuyên cũng bằng chừng ấy đường, chúng tôi phải làm đuốc đi đêm. Đúng 12 giờ đêm ngày 31/1/1962 chúng tôi đến trạm đồng chí Thắng ở Bơ Xa Lu Xuyên. Anh em ở trạm ngủ cả nhưng đồng chí Thắng còn ngồi trực. Tôi vào tự xưng tên: “Tôi là Tám Cảnh ở Nam đường 20 sang, về C200 họp theo thư triệu tập, địa điểm đầu mới là đến trạm đồng chí để được đồng chí đưa chúng tôi về địa điểm họp. Chúng tôi đi đường tự lực đặc biệt nên không mang theo thư triệu tập”.

Chúng tôi chưa lần nào gặp đồng chí Thắng, nhưng đồng chí đối xử với chúng tôi như anh cả và như người nhà. Anh huy động toàn bộ anh em trong trạm dậy nấu cơm cho sáu anh em cùng ăn. Theo chương trình, mờ sáng anh sẽ đưa ba anh em chúng tôi về thẳng đến C200 để kịp họp, còn ba anh thanh niên nghỉ lại trạm rồi về lại Hăng Ca. Tôi viết thư và gửi anh em mang về cho Bốn một ít gạo và cá khô, thuốc trụ sinh mà Thắng đưa cho chúng tôi để Bốn chữa vết thương và nằm chờ chúng tôi về.

Thắng đưa tôi đến cơ quan C200 trong ngày ấy và bàn giao lại cho Tỉnh uỷ Lâm Đồng.

Đầu tiên, tôi gặp anh Chín Cán, anh Tư Nguyên, anh Năm Dũng, anh Hai Hồng Sơn đang chuẩn bị cuộc họp Tỉnh uỷ. Tuy tôi cùng các anh trong công tác chưa hề biết mặt nhau,

nhưng khi đã gặp nhau thật là đồng chí. Trưa hôm ấy, các anh lãnh đạo tỉnh mới cùng 3 anh em chúng tôi ăn bữa cơm trưa thật ngon lành có cá kho tộ, cá nướng đậm nước mắm, cá chiên giòn, cá nấu canh lẩu. Các anh đãi chúng tôi mỗi người mấy ly rượu đế. Các anh vừa ăn cơm vừa bàn công việc chuẩn bị sáng ngày 1/2/1962 họp Tỉnh uỷ, công bố quyết định chính thức thống nhất giữa 2 đơn vị B7 và C200 thành Tỉnh uỷ Lâm Đồng trực thuộc R theo chủ trương của Trung ương và Trung ương Cục. Các anh phân công chúng tôi chuẩn bị 3 giờ chiều hôm đó báo cáo tình hình của 3 đơn vị phía Nam cho Thường vụ Tỉnh uỷ nghe để bổ sung vào báo cáo tình hình trước Tỉnh uỷ mới.

TRÊN ĐƯỜNG VỀ

Trong thời gian 2 ngày tôi họp Tỉnh uỷ, đồng chí Phượng và Ngọc chuẩn bị lương thực và lương khô để đi về theo đường hành lang rất dài ngày. Anh em bàn với nhau chuyển trở về sẽ ăn Tết trên đường hành lang, chứ không làm sao về kịp phía Nam ăn Tết với anh em đúng hẹn. Anh em cho rằng chuyển đi vừa rồi phiêu lưu nguy hiểm, đây thách thức ý chí quyết tâm và quyết thắng. Nếu khi trở về, lại dám cắt qua thị xã như vừa rồi thì quá mạo hiểm!

Cuộc họp rút gọn được hơn 1 ngày, trưa ngày 2/2/1962, tôi nhận sự phân công của Tỉnh uỷ tổ chức đoàn về phía Nam. Cuộc họp này quyết định: Trong lúc chưa phát triển tổ chức chỉ đạo thông suốt giữa Nam và Bắc đường 20, nên tạm thời thành lập phân ban Tỉnh uỷ đóng ở phía Nam gọi tắt là T14,

phụ trách luôn K3, K4 và T29. Thay mặt tỉnh, T14 liên hệ chặt chẽ với Tỉnh uỷ Bình Thuận, nhận sự chỉ viện của các ảnh trên địa bàn phía Nam theo sự phân công của Trung ương Cục và khu 5.

Trong phân ban Tỉnh uỷ, tôi là Bí thư T14, anh Bảy Kính - Uỷ viên lo công tác Đảng, anh Bảy Thành - Uỷ viên lo công tác tham mưu quân sự, anh Tích - Bí thư K4, anh Do - Bí thư K3, còn T29 chờ xin cán bộ Bình Thuận bổ sung lên, tạm thời anh Hưng chịu trách nhiệm chung. Về lực lượng vũ trang, tôi chờ đồng chí Đường và Huỳnh đi nhận tân binh từ Bình Thuận lên theo đường dây, khi về dọc đường gặp anh em quay lại bổ sung luôn cho T14. Anh Năm Dũng viết lệnh và thư cho anh Huỳnh và anh Đường, giao tôi mang theo, dọc đường gặp anh em thì bảo quay lại. Anh Tư Nguyên viết thư cho anh Sĩ, anh Nết giao tôi gạo muối để ăn đi đường, khỏi mang từ tỉnh xa, đường vất vả.

Như vậy, chuyến trở về Nam đường 20 có thêm anh Ba Thành, 2 liên lạc dẫn đường và 2 cận vệ bảo vệ. Chúng tôi về đến Hăng Ca lúc 10 giờ đêm 2/2 và nghỉ ở đó. Lúc này, vết thương đồng chí Bốn vẫn chưa lành, chúng tôi đành gửi anh lại cho buôn Hăng Ca, để lại thuốc men, lương thực cho anh Bốn chờ lành vết thương sẽ theo đường liên lạc về đơn vị T29 sau.

Sáng ngày 3/2/1962, đúng vào ngày 29 Tết Nhâm Dần, chúng tôi nhờ thanh niên tự vệ buôn Hăng Ca cắt rừng tránh đoạn đường bố phòng, đi đường bí mật của dân. Đường đi

gian khổ, lội suối, treo đèn, nhưng tuyệt đối an toàn. Mãi đến 11 giờ, chúng tôi mới đến hộp thư bí mật của đội công tác do đồng chí Sĩ và Nết phụ trách (đội công tác Tân Rai - Minh Ròng). Anh em liên lạc dẫn đến chỗ hẹn thì chúng tôi thấy có dấu nghi trang bếp núc rất kỹ và không có ai đón. Anh em vào chỗ hộp thư dự bị moi lên thấy có thư anh Sĩ để lại hẹn đến 3 giờ chiều mới về. Nếu ở chờ thì mất đi một ngày, nếu đi thì trong lưng không có gạo, nhưng chẳng biết tình hình định ra sao mà đi.

Chúng tôi nằm lại nghỉ, mang cơm vắt ra ăn. Anh Ba Thành phá lên cười và hỏi: “Tính sao đây anh Tám Cảnh? Ngày mốt là ngày mừng một Tết rồi mà ta còn nằm đây thì chừng nào đến chỗ anh để ăn Tết với anh em. Nếu chờ anh Sĩ về cấp gạo thì lúc nào, có chắc về không? Từ chỗ này về đến chỗ anh còn mấy ngày nữa? Bữa anh qua chỉ đi có một đêm, một ngày là đến buôn Hăng Ca, tại sao ta lại không đi đường ấy mà phải đi theo đường hành lang làm gì cho xa?”.

Trong bữa ăn, anh Thành đặt liền mấy câu hỏi mà chính bụng tôi cũng đã có suy nghĩ nhưng chưa dám nói ra. Do vậy, tôi nói với anh Phụng đem tám bản đồ có con đường chúng tôi đi qua đêm 29/1 để anh Ba Thành tham khảo và tôi trình bày luôn: “Nếu ta về lại theo đường ấy thì đi trạch xuống đoạn giữa Tân Hà, Tân Bùi, chứ không cắt sát trường Nông Lâm Súc như trước, khi qua khỏi đường 20 sang phía Nam là đất của anh em chúng tôi, tha hồ mà làm ăn. Nếu ta đi thẳng không ghé vào đâu thì chiều tối mai sẽ đến nơi tập trung ăn

Tết đúng hẹn, còn theo đường hành lang thì phải quần lên xuống cửa Hương Lâm, đến sở Rô-sen, xuống Đình Trang Hoạch, băng qua An Lạc, về Tứ Quý, đến núi Se Pung, xuống trảng Tà Ngào, đến rừng núi Nhum, phải đến mừng 4 Tết mới đến, nếu không trở ngại”.

Anh Phượng đứng nghe tôi trình bày, liền phát biểu: “Bữa mình đi qua lộ theo dòng suối sát trường Nông Lâm Súc, đi giữa lưng 2 dãy nhà dân, thế nào cũng có người thấy, họ sẽ đi báo cho địch và chúng sẽ tổ chức phục kích đoạn từ Tân Hà đến Tân Bùi, nay ta về mà lại đi đường này là không còn yếu tố bất ngờ nữa, sẽ không an toàn. Các anh em là cán bộ lãnh đạo quan trọng của tỉnh, tôi khuyên không nên phiêu lưu một lần nữa”. “Dục tốc, bất đạt”, thà đi theo đường dây liên lạc tuy chậm mà chắc”. Anh Ba Thành nói: “Anh Tám Cảnh đi qua được để kịp họp, nay về lại có thêm tôi và hai liên lạc nữa, không dám đi thì không có lý”. Tôi can anh Ba Thành: “Đồng chí Phượng nói vậy, cần nghiên cứu thêm, nếu có đi thì đi dưới hướng Tân Bùi qua khoảng Đạ Lào có thể còn có sơ hở, nhưng phải chờ đội đồng chí Sĩ về xem thế nào rồi sẽ quyết định”.

Chúng tôi đang trao đổi qua lại thì anh em cảnh giới bên ngoài vào báo tin là có đoàn cán bộ và chiến sĩ gồm 46 anh em đi theo đường dây từ Bình Thuận lên, do anh Đường, anh Huỳnh chỉ huy, vừa đến nghỉ ăn trưa bên ngoài, các ảnh xin gặp. Anh Đường, anh Huỳnh đi nhận và dẫn tân binh từ Bình Thuận chi viện lên Lâm Đồng theo kế hoạch. Gặp các ảnh,

tôi trao thư và quyết định của anh Năm Dũng, bàn kế hoạch cho anh em cùng chúng tôi quay lại về phía Nam đường 20. Hai anh nhận quyết định rất phấn khởi vì về phía Nam đường 20 là gần địa phương Bình Thuận, quê hương thân yêu, nhưng nghe chuyện phải quay trở lại trên một đoạn đường dài “vòng quanh thế giới”, trên lưng lương thực không còn, biết giải quyết cách nào, lại là một nỗi lo.

Tôi bàn với hai đồng chí cho anh em dừng nghỉ trưa, làm công tác tư tưởng cho anh em quay lại, chờ anh Sĩ về bàn, xin thêm được lương thực là tổ chức đi ngay nếu được.

Đúng 12 giờ trưa hôm ấy, đội công tác anh Sĩ và anh Nết về, chúng tôi nắm tình hình địch trong vùng này thấy không có gì quan trọng, địch tập trung lo ăn Tết và sau Tết sẽ càn quét phía Nam, còn phía Bắc chúng chưa nói gì.

Khi tôi đưa thư anh Tư Nguyên ra cho đội, xin cung cấp lương thực và xin thêm cho 46 anh em mỗi người 5 kg gạo và một ít thực phẩm ăn trên đường quay trở lại, thì không đủ gạo nên chỉ cấp mỗi người được 2 lít thôi. Thế là không còn cách nào khác, chỉ còn cách cắt đường đi tắt để trong vòng 2 ngày về tới phía Nam kiếm gạo ăn, thực hiện hợp đồng với các anh ở nhà là về núi Nhum ăn Tết với nhau. Như vậy, lúc này việc phải cắt đường đi tắt là số đông, cả 46 anh em lực lượng thanh niên do anh Đường, anh Huỳnh điều khiển và đội anh Sĩ cũng thống nhất trao đổi hướng đi tắt, nhưng nên tổ chức sắp xếp đội hình hành quân chiến đấu thế nào để khi có đụng địch, ta tác chiến được dễ qua đường.

Nhận thấy đa số bàn bạc có lý, đồng chí Phương thấy an tâm, không bàn ra nữa và tham gia vào việc tổ chức sắp xếp đội hình, và đề nghị tổ chức biên chế chuẩn bị hành quân khẩn trương. Tôi đề nghị mời đội đồng chí Sĩ cùng đi sang phía Nam ăn Tết với chúng tôi, nhưng vì lỡ hẹn công tác trong 3 ngày Tết âm lịch nên anh em phải phân công anh Nết, anh Do ở lại điều khiển. Anh Sĩ nhận cùng đi với chúng tôi, khi qua đường làm nhiệm vụ dẫn đường ở mảng Bắc, khi về nối đường hành lang Nam - Bắc đường 20 trên đoạn này. Nhờ chuyến đi này mà sau này mở đường hành lang Nam - Bắc đường 20 qua dưới Đạ Lầu, đoạn chuồng bò phía trên Hầm Đá, sở cà phê Tổng Nốt, qua lò than, về Bờ Lá, Bờ Đờ hết sức gần.

Chúng tôi thống nhất đoàn có 55 đồng chí cán bộ, chiến sĩ tổ chức thành 3 trung đội. Mỗi trung đội 15 đồng chí, chia thành 2 tiểu đội. Mỗi tiểu đội có 1 liên lạc nằm trong đội hình. Anh Huỳnh nắm một trung đội, anh Phương, anh Đường mỗi người một trung đội, anh Phương nắm đội trinh sát và liên lạc. Anh Bảy Thành chỉ huy trưởng, anh Đường chỉ huy phó, anh Sĩ trợ lý chỉ huy nắm tổ trinh sát liên lạc, tôi chính trị viên. Sắp xếp tổ chức xong, chúng tôi đem bản đồ ra, định hướng hành quân, lập sa bàn, tất cả đều thống nhất.

Nết và Sĩ mới đi công tác Minh Rồng về có một ít bánh kẹo và mấy chai rượu của công nhân gửi tặng quà Tết cho anh em, đem ra toàn đội liên hoan Tết gọi là chia tay với chúng tôi và chúc đoàn hành quân toàn thắng.

Đúng 4 giờ 40 phút ngày hôm ấy, chúng tôi bắt đầu hành quân từ trảng cỏ buôn Bờ Đơ cũ, đi thẳng ra buôn Bờ Xu Bãng Ly qua mạn rẫy cũ, tránh ấp và trụ sở xã Đăng Lú về phía Tây. Mãi đến 8 giờ tối ngày 3 tháng 2, đoàn trở lại gặp đường lớn từ Đăng Lú ra Tân Hà (tức Lộc Tân ngày nay). Đoàn quân chúng tôi đi hiên ngang giữa 2 dãy nhà dân khu di cư miền Bắc Mỹ - Diệm mới đưa vào năm 1954, vừa đi vừa quan sát dân tình, nhà nhà đang gói bánh chưng, làm gà lợn ăn tất niên. Hơi rượu bốc lên nồng nặc (hình như họ đang chưng cất rượu đế) rộn rịp không khí Tết. Thấy chúng tôi đi qua, họ nhìn thản nhiên, chẳng có thái độ gì sợ sệt. Đi vào giữa 2 hàng nhà càng đông, đèn toả ra ngoài đường càng sáng, bước đi của anh giải phóng quân (bộ đội Cụ Hồ) càng nhanh, nổi niêu, súng đạn mang trên lưng va vào nhau lổn cổn. Dọc đường chó cứ sủa, trẻ em, người già trong làng nhìn theo đoàn quân hơi ngỡ ngàng là lạ, họ tưởng lính quốc gia hành quân cần quét về ăn Tết. Có cụ nhìn tôi vui vẻ mỉm cười.

Như vậy là chúng tôi đi hợp pháp trong nhân dân không đây 45 phút. Đoàn chúng tôi đi ra đến đường nhựa (đường 20). Vì anh em không biết hướng cất ngang nên số anh em đi trước cứ theo đường đi thẳng lên hướng B' Lao giữa đèn điện sáng như ban ngày. Tôi đi sau phát hiện đã đến giữa ấp Tân Bùi, liền bảo anh Bảy Thành ra lệnh mật, truyền đảng trước tìm đường rẽ xuống phía Nam, nhưng anh em không tìm được mối đường rẽ, đã dẫn đoàn đi thẳng vào ấp chiến

lược Tân Bùi Nam. Số dân vệ Tân Bùi hoảng loạn, chạy ra ngoài cửa sau, bắn mấy loạt súng chỉ thiên rồi chạy trốn. Tôi đi sau, nghe súng nổ, lấy đèn pin rọi lên tấm bảng thấy đề “Trụ sở xã Châu Lạc”. Tôi biết là anh em đã dẫn đi lạc vào trụ sở xã, xung quanh bố phòng hàng rào rất chắc. Tôi ra lệnh quay lại, lấy đuôi làm đầu, ra đường đi xuống, tìm đường rẽ về phía Nam, thế là dụng đường dân đi làm cát dưới sông Đa Bình. Nhờ tháng này nước sông khô, tôi trao đổi với anh Bảy Thành chỉ huy anh em lội qua bên kia sông tìm chỗ nghỉ, sáng sẽ đi.

Tôi lấy một tiểu đội ở lại cùng với anh Sĩ, anh Phượng vào dân, nhân dịp năm mới, chúc Tết họ và tán phát một số thư của Mặt trận chúc Tết Nhân Dân cho vùng đồng bào Công giáo di cư. Chúng tôi đi thẳng vào một nhà dân có 6-7 người đang ngồi trò chuyện. Chúng tôi vào, họ chẳng biết là ai, cũng vồn vã tiếp chuyện.

Tôi thăm hỏi và thông tin cho dân rõ: Anh em chúng tôi là cán bộ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhân dịp xuân đến, về thăm nhân dân vui Tết, Mặt trận có gửi thư chúc đồng bào năm mới ăn Tết vui vẻ, an khang thịnh vượng. Chúng tôi chấp hành nghiêm túc lệnh ngừng bắn trong 3 ngày để dân vui Tết. Chúng tôi trao cho mỗi người một bức thư của Mặt trận.

Trong số người nói chuyện có một ông già đứng dậy đáp lời cảm ơn Mặt trận và chào mừng anh em chúng tôi, hứa vận động đồng bào Công giáo làm theo lời dạy của Mặt trận,

cầu chúc sớm có hoà bình, độc lập, thống nhất. Anh em chúng tôi nghe rất vui sướng. Trong lời nói của cụ già, lòng cụ thể nào chưa rõ nhưng lời nói nghe hiền lành, chân thật không ngờ. Lâu nay ta có định kiến với đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, nhất là dân Bùi Chu - Phát Diệm, có thể là trùng kế quân thù chia rẽ quan hệ Bắc Nam (*).

Tôi niềm nở hỏi cụ về tuổi tác và cụ có làm gì trong họ đạo. Cụ trả lời tuổi mẹ sinh cụ năm 1917, cụ được xứ đạo giao làm trùm của họ đạo. Cụ nói tiếp: “Từ ngày di cư vào, năm 1954, lần này là lần đầu tiên được gặp các anh em cách mạng. Trước đây thường nghe chính quyền người ta nói các ông Việt cộng ghê gớm lắm! Xin lỗi, người đạo chúng tôi nói là “quỷ dữ”, lần này được gặp các ông lại cũng là người tử tế, chúng tôi thông cảm và giải tỏa bớt những hiểu lầm trước đây”.

Sau một giờ trò chuyện, người ta kéo thêm đến gần vài chục người với thái độ tìm hiểu. Không được kéo dài, đồng chí Phụng ra hiệu từ giả. Tôi thay mặt anh em trong đoàn gửi lời qua bà con cô bác có mặt, thăm và chúc Tết các linh mục, thăm đồng bào. Để tránh sự theo dõi của những người không tốt, chúng tôi phải nghỉ binh, đi ngược lên đường 20, sau mới cắt giữa đám trà Tân Bùi, quần xuống bến sông, qua sông, gặp anh em đang dọn chỗ ngủ ở lán tranh B' Lao Sê Rê, giữa trảng bằng mênh mông không cây cối. Trời dày đặc sương

* Đây là sự suy diễn của tôi.

mù, gió heo may lạnh buốt, chúng tôi nằm ôm nhau nhưng không làm sao ngủ được.

Đến 4 giờ sáng, anh em quá mệt, lịm đi lúc nào cũng không hay biết. Mãi đến 7 giờ sáng, nắng dọi sương tan, tôi giật mình thức dậy, gọi anh em ngụy trang chỗ ngủ, dừng để địch phát hiện số lượng hành quân của ta và tiếp tục lên đường theo hướng lòng chảo B' Lao Sê Rê về trăng Tà Ngào, đến suối con núi Nhum, nơi tập trung ăn Tết theo hẹn.

Mới nhìn lòng lườn Tà Ngào như bằng phẳng dễ đi, nhìn núi Tà Ích, trăng Tà Ngào tưởng gần kề trước mặt, nhưng chúng tôi băng theo đường mòn của dân đến 10 giờ mà chưa được nửa đường. Sáng chưa ăn gì, anh em đói, đến suối Sê Rê dừng nấu cơm ăn sáng và trưa.

Chúng tôi phân công một số đồng chí nấu cơm, một số anh em đi tát bắt cá cạ, câu lươn trên các vũng trâu nằm về tổ chức một bữa ăn ngon, vui như Tết.

Anh Sĩ móc trong ba lô ra mấy gói thuốc Ruby cho mỗi anh em một điếu gọi là mừng thắng lợi trong cuộc hành quân khi đêm, mừng kết thúc thắng lợi năm Tân Sửu. Anh Ba Thành nói đồng chí liên lạc lấy ra chai Anis anh Năm Dũng cho, đem ra chia cho 5 người uống một chén sau khi ăn để khỏi say lại tiếp tục hành quân. Anh Đường nâng chén chúc mừng các thủ lĩnh đã chiến thắng khi đêm, đưa chúng tôi đi thẳng vào đồn địch, đánh một trận bất ngờ vào ấp chiến lược, địch tháo chạy, ta làm chủ, bọn địch ở B' Lao không dám nghinh chiến, bọn dân vệ chạy hoảng loạn. Anh Ba Thành phá lên

cười: “Ai ngờ anh Tám Cảnh cán bộ chính trị mà cũng dám chơi nước cờ táo bạo, bất ngờ, thọc tốt chiếu tướng hết cục cửa. Bay đâu, còn rượu cho thêm tao một chén nữa, đái ông thủ trưởng này mới được!”

Ăn uống xong, được động viên vui vẻ phấn chấn, chúng tôi tiếp tục hành quân theo đội hình. Tổ trình sát đi đầu được giao cho đồng chí Phụng và Sĩ đi xa xa đội hình, xem có con thịt nào ra trắng ăn cỏ, bắn một con đem về ăn Tết, nhưng không được bắn trâu của đồng bào. Anh em vừa đi vừa định hướng, vừa phát đường.

Mãi đến 3 giờ chiều, lọt ra trắng cỏ mà trước đây dân có làm ruộng sát chân đồi Tà Ngào, tổ trình sát phát hiện một bầy hươu sao và 2 con nai đang đi uống nước, ăn cỏ buổi chiều. Anh em nhắm bắn một con nai nhưng lại trúng con hươu xấu số, nó trúng đạn chết lăn quay. Đằng trước báo tin là bắn trúng con hươu, xin chỉ huy dừng lại xử lý. Anh em được tin là bắn được thịt rừng, đều hoan hô anh Sĩ và anh Đường bắn giỏi, có thịt ăn Tết rồi. Khi kiểm tra lại thì cả bầy hươu và 2 con nai đứng một vùng, mà chỉ có một viên đạn bắn trúng một con, như vậy là đạn của ai bắn trúng? Đạn của anh Sĩ hay đạn của anh Trần Đường, làm sao mà phân biệt vì 2 đồng chí đều bắn súng AK. Trong lúc anh em đang kháo nhau, anh Ba Thành phá lên cười và nói: “Ông nào bắn trúng, ông ấy phải mang đi, không ông nào mang thì anh em xẻ làm 3, giao cho 3 trung đội mang đi, và đó là do 3 trung đội bắn chứ không phải của ông Sĩ hay ông Đường đâu, phải không anh Tám Cảnh?” Tôi nói: “Anh Ba Thành nói chí phải, 3

trung đội ra xử 3 khúc, lấy dây mây cột lại, chặt cây thay phiên khiêng đi, làm nhanh chứ không thì tối mất". Anh Đường vác súng về gặp anh Ba Thành, đứng nghiêm nói: "Báo cáo thủ trưởng, tối nay có đồ nhậu rồi, con hươu có bào thai, sẽ có cháo bồi dưỡng, thức sáng đêm đón giao thừa, nghe Bác Hồ chúc Tết".

Đúng 4 giờ chiều ngày 4/2/1962 (tức 30 Tết Nhâm Dần), đoàn lên đến trảng Tà Ngào ngồi chờ anh em đón theo hợp đồng trước khi đi họp, nhưng chờ mãi đến 5 giờ tối mới có đồng chí Đón ở đội anh Bảy Tích lên. Anh Đón cho biết: anh em các nơi về đủ, chờ thủ trưởng về, nhưng không rõ thủ trưởng có về kịp không, do đường bố phòng, đồng bào cấm chông từ dốc trở xuống, phải đi dò nhỏ chông nên đi lâu, bây giờ gần tối rồi phải đi nhanh, chứ tối không thấy chông để tránh là nguy hiểm.

Đoàn tiếp tục hành quân xuống gần hết dốc (Dốc Tà Ngào cao và dài gần 1 cây số). Anh Đón, bị trượt dốc ngã vào bãi chông, chông thọc vào bắp đùi, y tá rút chông ra, băng lại, công đồng chí đi hết dốc, xuống suối nghỉ, chặt cây làm cang, mãi đến 7 giờ tối hôm ấy mới đến nơi tập trung.

TẾT NHÂM DẦN (1962)

Đêm giao thừa năm 1962, chúng tôi ăn một cái Tết trong rừng lớn nhất, nghiêm trang nhất, đông đảo nhất, vui vẻ nhất sau 9 năm ở lại miền Nam đấu tranh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, dưới chế độ Mỹ - Diệm.

Địa điểm chúng tôi tổ chức ăn Tết là ngọn Tà Ngào, dưới chân núi Nhum, cách thị xã B' Lao theo đường chim bay không đầy 15 cây số. Một cuộc gặp mặt gồm 4 đơn vị công tác mới thành lập sau khi Tỉnh uỷ Lâm Đồng hình thành, bao gồm Huyện uỷ K3 (Di Linh), Huyện uỷ K4 (Đạ Huoai), đơn vị vũ trang công tác T29 (B' Lao), cùng 50 anh em tân binh từ Bình Thuận lên chuẩn bị hình thành C3/T14. Lại có thêm 200 đồng bào cơ sở các buôn ở Bà Gia, Tổ La, Man Tổ cùng chúng tôi ăn Tết. Mỗi buôn mang đến một ché rượu, một con gà trống, một bờ lơ gạo mẹ, một ống lồ ô nếp đen nấu thay bánh tét. Các đơn vị mang quà của công nhân và chủ sở gửi tặng đủ loại, trong đó có quà của Ma-di, Mạc-ten, Sô-ven, Bu-bê, Rô-sen, Mạc-phen... Kẹo bánh, mứt đủ loại, Việt Nam, Tây, Tàu đều có cả.

Đây là ngày Tết thay cho ngày hội mừng 9 năm chiến đấu anh dũng vẻ vang của những anh em ở lại miền Nam và mừng anh em cán bộ tập kết mới về, anh em thanh niên trong lòng địch mới ra và nhân dân căn cứ cách mạng cùng ăn Tết lần đầu tiên vui vẻ. Sống dưới bom đạn và luật 10/59, máy chém lê đi khắp nơi, nhưng lực lượng cách mạng miền Nam vẫn tiếp tục phát triển và trưởng thành, trong đó có lực lượng ở Lâm Đồng. Anh em về tập hợp sống và ăn Tết, có đồng bào căn cứ, có thư nhân dân vùng địch tạm kiểm soát gửi vào chúc Tết động viên chúng tôi, thật là tình nghĩa đậm ấm, một ngày xuân thiêng liêng trong đời chưa hề có.

Anh em chúng tôi về tuy muộn, nhưng nhờ nhân dân và số anh em về trước chuẩn bị đầu đó chỗ ăn nghỉ và giúp đỡ anh

em về sau làm chỗ ở, làm thịt con hươu mới đưa về, cùng 2 con lợn, gà vịt treo lủng lẳng giữa mảnh rừng thiêng liêng. Dưới chân đồi là dòng suối nước chảy trong veo, trên bờ suối bày biện cỗ bàn la liệt.

Theo chương trình anh Bảy Tích đã vạch sẵn, đúng 10 giờ đêm, chúng tôi mời tất cả anh em quân dân Đảng họp mặt, nghe thông báo tin tức. Tôi thông báo tình hình chung chuyển đi họp Tỉnh uỷ và phổ biến nghị quyết mới của Tỉnh uỷ, đọc thư chúc Tết của Mặt trận, Tỉnh uỷ gửi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào.

Tranh thủ thời gian chưa đón giao thừa, chúng tôi thông báo một số hoạt động đấu tranh chính trị, vũ trang, binh vận cho anh em nghe như trận đánh Tua 2, trận đánh Bắc Ruộng, chống càn Kon Sô, trận đánh Di Linh, chuyện đấu tranh chống đồn dân phía Bắc đường 20 và nâng đồng bào dân tộc Nam Bắc Tây Nguyên.

Nhiều anh em vui vẻ thổ lộ tâm tình. Chính anh Hiền - Phó bí thư Di Linh - là người rất ít nói và lâu nay anh cũng rất ít cười, anh em cho con người anh Hiền là rất hiền, nhưng hôm nay anh cũng bật lên tiếng cười và phát biểu: “Đêm nay tôi rất mừng, trong đời theo Đảng làm cách mạng gần 19 năm, không lần nào phấn khởi, vui mừng bằng lần này. Nhân dịp vui mừng chuẩn bị sang năm mới, các anh lãnh đạo cho phép tôi nâng cốc chúc mừng anh em năm mới đều sức khỏe, đấu tranh và xây dựng với nhiều thắng lợi mới. Tôi nghĩ ta có truyền thống lịch sử 9 năm làm một Điện Biên, nay đấu tranh

đòi Mỹ - Diệm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ cũng bước vào năm thứ 9 rồi, tin rằng nhân dân miền Nam ta sẽ có một Điện Biên Phủ nữa”. Tất cả anh em đều vỗ tay hát bài Điện Biên hưởng ứng lời phát biểu của anh Hiền.

Dứt bài hát, anh Ba Thành đứng dậy nói to: “Anh Hiền nói đúng lắm! Năm mới đến, tôi là người mới về và là người cán bộ quân đội, không nói gì dông dài, xin nâng cốc chúc anh em, năm 1962, Đảng bộ ta đoàn kết một lòng, quân dân một ý chí, quyết chiến, quyết thắng, ai đồng tình với tôi xin tất cả cạn chén”.

Anh Bảy Tích cũng phá lên cười và nói với giọng khàn khàn của đất Bình Sơn (Quảng Ngãi): “Anh Thành nói đúng, tôi tuyệt đối tin tưởng năm 1962 này sẽ có thắng lợi lớn, đến năm 1963 sẽ có thay đổi tương quan thật sự. Mấy năm trước, năm nào ta ăn Tết cũng chỉ có 10 -15 anh em. Năm nay ăn Tết với mấy trăm đồng chí, đồng bào. Tôi không quá âm lịch hay mê tín đâu, nhưng xét quá trình lịch sử có tính chất truyền thống thì cách mạng Việt Nam có tiền lệ cứ 10 -15 năm có một chu kỳ, mà chu kỳ lịch sử thường diễn ra là con số 9. Con số 9 xuất hiện là có bước nhảy vọt. 1936 Mặt trận bình dân ra đời, 1945 Cách mạng tháng Tám thành công, đến năm 1954 ký hiệp Giơ-ne-vơ, Tết này là năm 1962, tiền lệ cho năm 1963. Có Điện Biên mới có hiệp định Giơ-ne-vơ. Anh Hiền nói có lý lắm đấy, nhưng để có Điện Biên thì mỗi chúng ta phải thi nhau vận động giác ngộ, tổ chức quần chúng lại thành một lực lượng chính trị, vũ trang hùng hậu, cùng cả nước đứng lên mới thành Điện Biên, chứ đâu đơn giản, nói

không mà có đâu!”

Đến đây, giờ điểm giao thừa đã đến, anh em ngồi nghiêm trang đón tiếng pháo giao thừa nổ dồn dã. Tiếng pháo vừa dứt, lời Bác Hồ đọc thư chúc Tết đầy cảm xúc, mọi người nghe thấm tận đáy lòng như lời non nước truyền đi.

Sau lễ đón giao thừa, chúng tôi thông qua chương trình công tác đầu năm. Sáng ngày mùng 1 Tết (tức ngày 5/2/1962), anh em tiếp tục chơi Tết, còn anh em lãnh đạo chủ chốt chúng tôi họp bàn kế hoạch công tác sau Tết và bàn triển khai kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết Tỉnh uỷ năm 1962, thông qua anh em để báo cáo kịp chuyển liên lạc tới gửi Thường vụ Tỉnh uỷ. Cuộc họp này chúng tôi thống nhất kế hoạch, triển khai cơ quan chỉ đạo của 2 huyện và thị xã đóng ở phía Nam và xác định căn cứ đóng quân. Cơ quan T14 dời về đóng ở rừng giữa buôn Tà Ích, Tà Trao, đảm bảo an toàn, tạo chỗ dựa gần dân, sản xuất tự túc để đơn vị công tác phía trước có nơi về nghỉ và xây bệnh xá ở đây, giải quyết kịp thời cho thương bệnh binh, cán bộ, chiến sĩ chiến đấu công tác về điều trị, nghỉ dưỡng, nếu chuyển về tỉnh cách trở khó khăn. Trong phân ban Tỉnh uỷ, ngoài tôi còn có anh Bảy Thành, anh Bảy Kính. Lần này Bình Thuận có chi viện thêm anh Tám Kiên (tên thường gọi lúc bấy giờ là Tám Rụng), anh Tám Bích và tiếp tục bổ sung một số cán bộ, trong đó có đồng chí Mạnh, Minh Lý, Long... tăng cường cho T14. Tỉnh uỷ cũng có quyết định thành lập C bộ binh lấy phiên hiệu là C3, B trình sát đặc công. Ngoài đội vũ trang T29, anh em nói trên sau Tết mới về.

Sau Tết, chúng tôi phân công mỗi người một việc: một bộ phận phát động quần chúng xây căn cứ, đẩy mạnh bố phòng, phát triển sản xuất, xây dựng tổ chức và huấn luyện dân quân du kích do đồng chí Tám Kiên, Bảy Kính, Bảy Huỳnh chịu trách nhiệm.

Một bộ phận chỉ đạo phía trước tiếp tục xây dựng củng cố cơ sở, chỉ đạo đấu tranh chính trị, binh vận, phát động tổ chức quần chúng ở vùng tạm bị địch kiểm soát do Tám Cảnh, Bảy Tích, Ba Hưng, Tư Do, Tám Bích chỉ đạo.

Một bộ phận chỉ đạo chuẩn bị chiến trường, xây dựng phương án chiến đấu do anh Bảy Thành, anh Long, anh Đường, Minh Lý phụ trách.

TRẬN ĐÁNH TẠI CUA CHỮ C TRÊN ĐÈO B'LAO

Cuối tháng 2 năm 1962, đơn vị C1 của Tỉnh tổ chức đánh trận giao thông dưới chân đèo B'Laio, đoạn cầu Đa Mê - Săn-ta Ma-ri-a. Do địch đi không đúng theo dự kiến, ta diệt không gọn, nhưng trận đánh đã làm cho địch dao động, thay đổi quy luật hành quân trên đường 20, không còn sơ hở đi nghênh ngang như trước.

Hàng ngày hành quân mở đường trên đèo, địch dùng xe bọc thép đi trước và 2 xe bộ binh đi sau, rải quân chốt chặn các vị trí hiểm yếu mới thông xe đi qua. Nắm được quy luật hành quân ấy, bộ phận chuẩn bị chiến trường lập phương án đánh địch đoạn cua chữ C từ B'Laio xuống.

Thông qua đài quan sát của ta hàng ngày từ 5/3 đến 10/3,

chúng tôi được biết ngày bình thường không có xe quân sự đi trên đường đèo thì việc hành quân của địch mở đường không có xe bọc thép đi kèm, chỉ có 2 xe GMC chở trung đội bảo an chốt đường bảo vệ lưu thông trên đường, chiều rút về. Chúng tôi quyết định dùng C3 phục kích diệt gọn 2 xe địch mở đường tại cua chữ C từ B' Lao xuống vào buổi sáng ngày 13/3/1962, nhưng phải đề phòng có xe bọc thép đi kèm, phải có biện pháp xử lý bằng chai xăng đốt và bộc phá dồn vào ống tre, thuốc nổ bánh, cột lại làm thủ pháo, tra kíp nổ vào để áp sát thùng xe, đánh phá huỷ xe bọc thép.

Trận đánh diễn ra lúc 8 giờ 15 phút sáng ngày 13/3/1962, ta bất ngờ nổ súng diệt gọn 2 xe GMC chở một trung đội lính bảo an từ B' Lao xuống chốt đường, phá huỷ 2 xe, diệt 2 tên, số còn lại tháo chạy. Ta thu được 18 súng, trong đó có 1 trung liên, 3 tiểu liên. Bên ta vô sự. Để tránh sự phản ứng phi pháo của địch, chúng tôi ra lệnh nhanh chóng thu dọn chiến trường, rút lui lên đồi trụ điện cao thế, nằm ở đó xem pháo 105 ly của địch từ B' Lao kéo xuống để tại Cầu Trắng bắn thẳng xuống đèo hàng trăm quả. Chưa yên tâm, chúng còn kêu 3 máy bay phản lực F105 quần bắn thả bom suốt 45 phút trên đoạn đầu đèo để cho quân đi lấy xác và giải tỏa giao thông.

Trận đánh tuy nhỏ nhưng rất đau, buộc địch phải dùng đến phi pháo phản ứng quyết liệt để giải tỏa giao thông. Qua trận đánh này bộc lộ điểm yếu của địch trên chiến trường Lâm Đồng và chỗ mạnh của ta ở trên chiến trường rừng núi lúc bấy giờ.

Trong lúc trụ gần trụ điện cao thế, ta lại phát hiện địch bố phòng trụ điện. Anh em lần mò lấy được 2 quả mìn M16 và 4 mìn Ríp gài trong trụ điện. Về sau, lực lượng T14 lấy hàng ngàn quả mìn để đánh địch và bố phòng căn cứ. Trong chiến công gỡ mìn trụ điện cao thế, chẳng may đồng chí Chiến - công binh, người gỡ mìn nhiều nhất - đã đạp phải mìn Ríp, bị mất một chân (*).

Trận đánh giao thông của lực lượng vũ trang T14 Lâm Đồng đầu tiên đã giành thắng lợi hoàn toàn, tạo cho nội bộ phấn khởi, tin tưởng, làm cho kẻ địch hoang mang, dao động. Trong trận đánh này, anh em cán bộ quân sự phát hiện chỗ yếu của địch là giao thông, chỗ mạnh của ta là rừng núi. Với lợi thế đó, ta hoàn toàn có khả năng lấy ít đánh nhiều, dùng yếu thắng mạnh không phải là ảo tưởng.

VƯỢT ĐƯỜNG 20

Sau trận đánh nói trên, tôi cùng một đồng chí liên lạc, từ trụ điện cao thế đi thẳng đường lò than lên trảng Bờ Đơ, gặp đồng chí Sĩ trao đổi tình hình và đi theo đường đồng chí Sĩ về thẳng Thường vụ Tỉnh uỷ để trực tiếp báo cáo tình hình và xin phương tiện liên lạc chỉ đạo từ phía Nam về tỉnh, xin cán bộ thành lập bệnh xá phía Nam. Tất cả đề nghị của ban cán sự T14 được Thường vụ Tỉnh uỷ chấp nhận. Trước mắt, anh Chín Cán - Bí thư Tỉnh uỷ lúc bấy giờ - quyết định đưa ngay bộ máy vô tuyến điện 15W sang cho T14 để Thường vụ Tỉnh

* Hiện nay anh Chiến đã về hưu, ở Củ Chi.

ủy chỉ đạo các đơn vị phía Nam đường 20. Cùng đi với đài có bộ phận cơ yếu do đồng chí Long làm đài trưởng, đồng chí Phục cơ yếu cùng đi. Thường vụ đồng ý để anh Chín Cán cùng đi công tác sang phía Nam đường 20 khảo sát tình hình, chuẩn bị nội dung họp Tỉnh ủy giữa năm.

Tôi thống nhất với anh Chín, tuy thành phần của đoàn đi có đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và có mang theo điện đài, nhưng tổ chức đoàn đi phải hết sức bí mật và gọn nhẹ, chỉ dùng một tổ vũ trang mang theo điện đài trên vai vừa làm nhiệm vụ bảo vệ và chiến đấu luôn. Đồng chí Long đài trưởng, Phục cơ yếu, đồng chí Cột là cần vụ bảo vệ anh Chín Cán, tôi và một liên lạc, tất cả 6 anh em.

Chúng tôi bắt đầu hành quân từ rừng Bù Khiêu, dự định ra trắng Bờ Đor, ghé vào đội vũ trang công tác Tân Rai - Minh Rồng, nhờ anh Sĩ đưa đoàn qua đường 20, ngã lỏ than qua chuồng bò rồi trở lại, chúng tôi sẽ tự đi. Nhưng việc xảy ra không như dự kiến vì chúng tôi đi đột xuất, không đúng chuyển liên lạc, anh Sĩ không đón, lục hộp thư thấy anh Nết viết mấy chữ "Anh em đi bám dân một tuần mới về" nhưng không đề ngày giờ viết thư, nên không biết làm sao mà chờ. Tôi và anh Chín trao đổi nêu 3 phương án xử lý:

1. Tiếp tục ở lại chờ anh Sĩ và Nết về, nhờ đội các đồng chí bảo vệ đưa đoàn qua đường 20 như phương án cơ bản đã đề ra ban đầu.

2. Đoàn ta về lại cơ quan Tỉnh ủy nghỉ chờ tuần sau mới trở lại theo chuyển liên lạc, viết thư báo cho Sĩ biết chuẩn bị

người đưa ta qua đường.

3. Ta cứ tự lực đi vì ta cũng biết đường.

Tôi xin ý kiến anh Cán là người quyết định. Cuối cùng, anh Cán lại giao cho tôi quyết định vì tôi nắm vững tình hình địa thế, đường sá hơn.

Tôi nghĩ: Nếu năm chờ hay trở lại cơ quan 1 tuần rồi trở ra, nhờ anh em dẫn qua đường 20, đoàn cũng tự lực đi thôi. Nói cho cùng thì cũng là tôi và một đồng chí liên lạc đi với tôi chịu trách nhiệm, đảm bảo an toàn từ đây về đến T14, T29, chứ có còn ai là người biết đường đâu mà ngồi chờ. Nếu mình ở quá lâu bên này thì anh em ở nhà sẽ lo lắng, đôi lúc theo nguyên tắc đúng hẹn trong tuần mà không thấy về thì anh em sẽ dời chỗ ở, khổ anh em và khi mình về không biết đâu mà tìm. Hơn nữa, khi về lòng người mà người lạ, anh em tưởng địch đánh nhau thì nguy hiểm.

Suy nghĩ thế, tôi báo cáo với anh Chín Cán và đề xuất hai phương án:

1. Ta tổ chức cùng đi, tối mò qua đường, nếu tối quá sang không được thì mờ sáng bám đường sang, rồi đi luôn cũng được.

2. Đề nghị anh Chín Cán về lại cơ quan, để tôi về trước và hẹn ngày tôi cho bộ đội sang đội anh Sĩ đón ảnh và hộ tống điện đài về luôn.

Với 2 phương án trên thì anh Cán chọn phương án 1 bởi vì anh trở về sẽ bị động công việc, rồi có thể không đi được thì

không biết chừng nào mà sang với anh em phía Nam.

Ăn cơm trưa xong, 5 giờ chiều đoàn tổ chức hành quân sớm tám lần xuống chuồng bò, quan sát đường 20. Thịnh thoảng còn đôi chiếc xe qua lại, nhưng người làm ăn về cả, không còn ai. Chúng tôi ngồi nghỉ, chờ thật tối vượt đường và bàn phương án vượt. Nếu có tình huống xấu xảy ra khi qua đường thì cũng quyết bám nhau, nếu lạc thì trở lại chỗ cũ để tôi tìm liên lạc lại, đừng chạy xa, đặt ám tín hiệu bám nhau và rủ lạc tìm nhau.

Đúng 7 giờ tối ngày 22/3/1962, chúng tôi dẫn đoàn bám xuống đường, tách đường mòn, cắt tránh gần xuống phía Đa Lào sát bót dân vệ đi qua. Trời tối như mực. Lúc này không cắt rừng nổi nữa, chúng tôi phải đi dọc con suối cạn, tìm đường đi qua sở Tổng Nối, nơi mà anh Hưng, anh Nghiêm đã đưa tôi đến thăm. Thấy họ có phản ứng tốt nên tôi dẫn đi thẳng vào sở rồi theo đường lô cà phê leo thẳng lên đồi cao cho đoàn ngồi nghỉ. Tôi trao đổi với anh Chín cho anh em vào bìa rừng nghỉ, sớm mai sẽ tiếp tục đi.

Đến nơi nghỉ, móc vông xong, anh Cán gọi 9 anh em ngồi lại, cho mỗi anh em 5 viên kẹo, một điếu thuốc thơm, gọi là ăn mừng thắng lợi vượt qua đường 20 an toàn, đây là quà tết riêng của anh còn lại.

Tuy đã ngồi trong rừng rậm nhưng phải lấy áo ra che kín để bật lửa hút thuốc an toàn, sợ địch ở B' Lao phát hiện ánh sáng sẽ bắn pháo. Anh em mỗi người còn lại một vắt cơm chiều chưa ăn, đem ra lật nón tai bèo làm mâm, ăn với cá khô

nướng mang theo thật ngon lành, còn một ít nước chia nhau mỗi người một ngụm. Anh em bảo nhau nên dành nhiều hơn cho ông già Chín. Anh em nói vui là thưởng cho ông già trong một chuyến đi gian khổ, anh cười và nói: “Thế này chưa có gì gian khổ lắm đâu! Nếu hồi chiều mà quyết định tôi về lại mới thật là gian khổ, bởi vì về rồi cũng phải đi lại nhiều lần sẽ gian khổ hơn chứ, nhưng đi lần sau chưa chắc tốt hơn lần này”. Anh nói tiếp: “Lúc nào gian khổ nhất thì lúc đó phải dân chủ nhất, bình đẳng nhất, công bằng nhất, đoàn kết nhất, chia đều nước uống với nhau, tôi cũng một ngụm thôi, còn ưu tiên cho ông già thì mấy cho vừa”.

Ăn xong, chúng tôi nằm lịm lúc nào không biết. Nghe chim chèo bẻo đánh thức ở chòm rừng cột điện cao thế, tôi dậy xem đồng hồ. Đã hơn 6 giờ sáng. Tôi đánh thức đoàn dậy, cuốn võng, nghỉ trang chỗ ngủ và tiếp tục hành quân theo hướng núi Se Pung, nơi T29 đóng. Chúng tôi vượt trảng cỏ buôn B’Lao Sê Rê, trèo lên dốc núi Se Pung vừa mang vác, vừa vạch cỏ cắt đường. Sương mai chưa tan thấm vào người lạnh tê tái, vắt cắn, cỏ ba cạnh cắt không biết đau, leo lên đỉnh đồi gặp ngay đường mòn anh em đi công tác, chúng tôi dừng chân, ngồi nghỉ, kiểm tra lại, chân tay máu me lai láng ... Anh em bắt vắt, dùng nước muối cầm máu, lại tiếp tục đi.

Tôi đưa anh Chín và đoàn lên đến cột mốc xi măng, đưa ống nhòm quan sát toàn bộ thị xã B’Lao, nhìn vùng trà Lam Sơn. Người hái trà đông nhưng không thấy dấu hiệu anh em đội công tác bám ở đó.

Chúng tôi lại tiếp tục hành quân đến suối Rắn Hồ cũng không thấy dấu vết anh em. Chúng tôi dừng lại nấu cơm ăn nghỉ trưa, đến 3 giờ chiều dẫn đoàn xuôi theo suối Rắn Hồ trở ra bìa sở trà Ma-di, dừng cho đoàn nghỉ chuẩn bị cơm chiều. Tôi để đồng chí liên lạc của tôi ở lại với đoàn, đề phòng bất trắc xảy ra, dẫn đoàn đi tránh, còn tôi với đồng chí Cột - cần vụ cho anh Chín - cùng đi ra đồn điền Ma-di liên lạc với công nhân hái trà để nắm tình hình xem có anh em đội công tác T29 của anh Hưng, anh Nghiêm ở vùng này không? Hai anh em vừa đến thăm ông Năm, gặp ngay anh Hưng và Nghiêm đang sinh hoạt với công nhân. Chúng tôi vui mừng kéo nhau về căn cứ của đội gặp anh Chín. Sau đó chúng tôi cho dựng máy lên liên lạc thử về tình xem sao? Đúng 19 giờ 30 phút ngày 24 tháng 3 năm 1962, lần đầu tiên liên lạc đường dây trời tốt. Từ đó, 3 địa phương 3 đơn vị phía T14 hàng ngày 2 lần báo cáo tình hình thị xã và các hoạt động phía Nam về cho tỉnh.

Đêm hôm ấy, anh em T29 ra gia đình ông Năm - cơ sở ở Đại Bình - mua gà vịt và rượu mang về ăn mừng đồng chí Bí thư Tỉnh ủy về thăm, mừng thắng lợi lần đầu tiên T14 và T29 có được phương tiện điện đài liên lạc về tỉnh thường xuyên, có chỉ đạo hàng ngày, đỡ lúng ta, lúng túng.

Sáng ngày 25 tháng 3 năm 1962, chúng tôi dẫn nhau về cơ quan T14 ở chân núi phía Đông Nam buôn Tà Ích, họp mặt anh em báo cáo tình hình quý I/1962. Anh Chín cùng dự và cho ý kiến chỉ đạo. Anh thăm hỏi và dặn dò giao nhiệm vụ

cho anh em, sau đó đến thăm buôn Măn Tố, Tà Ích, họp chi bộ Tà Ích, Măn Tố nói chuyện.

*

Sau 4 ngày làm việc, đến ngày 30/3/1962, anh Chín về lại tỉnh. Anh trao đổi với tôi là làm sao cho anh đi đường Phước Lạc (Đạ Huoai ngày nay) để quan sát, nếu được thì cắt đường từ buôn Bơ Đung về đồi Tân Gia Rang (vùng III) lên căn cứ của tỉnh gần hơn, mà địch sẽ sợ hơn vì ở xa thị xã B' Lao. Từ đây hình thành con đường tiếp tế vận tải về chiến trường các tỉnh Cực Nam Trung Bộ và Bà Rịa, Long Khánh, Bình Thuận tiện hơn. Con đường này tháng trước anh Năm Dũng cùng đội trinh sát anh Nhơn đã tổ chức cắt nhưng không thành, bị lạc trên núi Lu Mu 11 ngày mới về đến Bù Khiêu, nơi cơ quan đóng, nay cần tổ chức cắt lại địch phía dưới đèo. Lần này anh Cán muốn đi một đoạn dưới đèo để quan sát địa hình và dân cư xem sao.

Tôi nghĩ người lãnh đạo chung muốn đi để biết cụ thể là hết sức cần thiết, nên hứa với anh là sẽ tổ chức đưa anh đi. Bình thường ngồi tán phét ai cũng nói ngon, nhưng khi đưa anh Chín đi thì ai cũng sợ trách nhiệm, nên cứ bàn ra và đề nghị đi vòng theo hành lang qua ngõ đội anh Tiến, anh Tách là tốt nhất. Tôi suy nghĩ: Đồng chí lãnh đạo địa phương chưa biết cụ thể dân tình, thế thái, nhân chuyển đi công tác kết hợp khảo sát là cần thiết mà không phục vụ được thì dở quá! Tôi trao đổi với anh Bảy Tích: "Hai anh em ta tổ chức lực lượng cùng đi. Anh em không biết thì ta biết, chúng ta có thể

lạc đường nhưng hướng thì không bao giờ lạc đâu mà sợ!”

Tôi dự định: Đúng 7 giờ sáng ngày 1 tháng 4 năm 1962, từ trắng Tà Ngào, chúng tôi nhả cất qua ngọn Đạ Xì, xỏ xuống sở Săn-ta Ma-ri-a là đến đường 20, đoạn này đi hợp pháp trên đường. Buổi chiều chúng tôi sẽ gặp đội anh Tiến ra công tác, bắt liên lạc, nhờ anh dẫn vào cơ sở thăm, rồi đưa về đội ở ngọn suối Bờ Đung, chân núi Lu Mu, phía Bắc đường 20, ngủ qua đêm. Ngày sau, anh Chín về Bù Khiêu, trong vòng hai ngày là đến nơi.

Anh Tích đi trước cùng với hai anh em dân tộc địa phương theo một phương án được vạch ra trên bản đồ và định hướng theo địa bàn mang theo, nhưng đi mãi đến 11 giờ trưa cũng không đến đỉnh đồi Đạ Xì mà quần lên hướng đầu đèo. Tôi thấy trật hướng hơi xa, bắt anh em dừng lại, nấu ăn trưa, lật bản đồ để xác định lại và cãi nhau. Anh Tích nói: “Tôi theo bản đồ và dóng địa bàn là đúng hướng nhưng tại sao nó trật thế này?” Nhìn bản đồ thì đơn giản, chỉ một gang tấc thôi, và để địa bàn nằm trên bản đồ thì ngay chốc, nhưng lội vào rừng thì cây rừng trùng trùng điệp điệp, đồi núi chồng đồi núi, chẳng còn biết phương hướng cụ thể là ở đâu, càng sợ lệch hướng càng lái nó thì càng lạc xa, càng đi mãi không biết mệt. Đi suốt 4 tiếng đồng hồ không nghỉ, anh Bảy Tích đề nghị cho nghỉ nấu ăn trưa và nấu cơm vắt cho bữa cơm chiều luôn, chứ đi kiểu này sợ cứ trên đồi núi quần mãi đến chiều chưa chắc gặp suối có nước đâu mà nấu ăn.

Tôi cùng anh Cán, anh Tích ngồi nghiên cứu bản đồ, dóng

lại địa bàn. Anh em đi lệch nhiều về hướng Bắc, bây giờ quay trở lại hướng Nam và hướng Tây Nam mới lên được đồi núi Đạ Xi, thế là đi một vòng quanh. Sợ tiếp tục bị lạc nữa, tôi đề nghị là từ đây cắt thẳng về hướng Tây thì thế nào cũng ra đường 20 rồi sẽ tính, chứ bây giờ trở lại là đi trong vòng lẫn lộn nữa, chưa chắc ra khỏi ngọn núi này. Ba anh em chúng tôi quyết định đi theo hướng đó.

Chúng tôi ăn bữa cơm trưa với canh rau rừng nêm chút mắm ruốc, ngon thật là ngon! Sau mấy phút nghỉ ngơi, chúng tôi động viên anh em tiếp tục hành quân. Lần này tôi trực tiếp đi trước, điều khiển tổ liên lạc cắt rừng theo hướng đã định, mãi đến 3 giờ 30 chiều hôm ấy mới đến thác đầu ngọn suối Đạ Mrê. Nghe tiếng xe chạy mái núi bên kia, chúng tôi xác định là xe đi lên đèo, như vậy là thoát được vùng núi rừng lẫn lộn. Anh em ngồi nghỉ và anh em dân tộc trèo lên cây quan sát, theo đường chim bay vài cây số, thấy xe chạy lên đèo nhưng phải qua thung lũng Đạ Mrê. Như vậy là đúng rồi, chúng tôi cứ theo suối đi xuống. Tuy đi trên gộp đá có khó khăn, phải đi chậm, nhưng chắc chắn là không còn lạc đi đâu nữa.

Đến 5 giờ chiều, chúng tôi lại đến rẫy cũ của dân, theo đường rẫy về buôn cũ địch đồn về Đạ Nghit, trong buôn chỉ còn xác nhà cũ xiêu vẹo. Chúng tôi dừng lại nghỉ chân và xác định nên theo đường mòn của dân leo lên giữa đèo rồi đi xuống hay cứ theo suối đi thẳng ra cầu cũng giáp đường liên lạc qua buôn cũ Bờ Đung thôi. Cuối cùng, chúng tôi quyết

định chờ đến hơn 6 giờ tối mới lên đường đi. Lúc đó hết người đi bộ, còn xe chỉ thỉnh thoảng chạy qua, ta tránh xe qua rồi đi tiếp, vừa đỡ vất vả, vừa xem được đoạn giữa đèo trở xuống.

Anh Chín hỏi tôi: “Nếu ta trèo lên đường, đi cắt qua luôn bên kia có được không?” Tôi đáp: “Anh Năm Dũng đã đi lần trước lạc đến 11 ngày mới tới nhà, còn đi theo suối xuống cầu thì tối mất, vất vả lắm, chỉ có leo lên đường đi đêm, tuy có táo bạo, nhưng ban đêm, đi cẩn thận thì an toàn và nhanh hơn”. Anh Chín đồng ý.

Đúng 7 giờ tối, đoàn quân leo lên đường 20, cứ mé đường bên trái đi để có gì dễ lao xuống dốc giấu mình, nhưng kỳ thật trong vòng 30 phút đã xuống hết đèo. Khởi Săn-ta Ma-ri-a, chúng tôi gặp được anh em lực lượng cảnh giới của đội anh Tiến ra bám đường làm công tác. Anh em bắt liên lạc cho biết là anh Tiến xuống cây số 153 gần ngã ba Bà Xa, làm công tác gặp dân cách đó 3 cây số. Chúng tôi bàn là dẫn đoàn đến chỗ anh Tiến làm việc, gặp dân thăm luôn, anh Chín đồng tình và phấn khởi. Anh nói: “Người cách mạng mong gặp dân, khi có dân mà không gặp sao được, nếu thuận lợi ta đi làm công tác cả đêm nay cũng được”.

Trời tối, đoàn kéo nhau đi trên đường nhựa vắng người, ba anh em chúng tôi đi chậm tuốt ra phía sau trò chuyện so sánh đường đèo hiểm trở chẳng khác gì “Huê Dung Lộ”. Tôi nói: “Thời Tam Quốc, Gia Cát bố trí phục binh Huê Dung Lộ bắt Tào Tháo, nhưng Quan Công nể tình tha Tào. Còn ở Việt Nam, đường đèo B’Lao cũng hiểm trở chẳng khác Huê Dung

Lộ, nhưng ta phục binh đánh không gọn để chúng tháo chạy, chẳng phải cá nhân nể tình mà do chỉ huy không giỏi, chỉ đạo của mình chưa bằng Gia Cát Lượng, phải không anh?” Anh Chín cười, anh Bảy Tích nói xen vào: “Đèo B’Lao tuy hiểm trở nhưng phía đồi cao đá dựng tạo thành vách đứng, khi phục binh có trở ngại. Ở đây có đèo Chuối còn hiểm trở gấp mấy lần đèo B’Lao, nếu ta có lực lượng tổ chức chiếm giữ vùng này, cắt đứt quan hệ giữa Sài Gòn, B’Lao, Đà Lạt dễ lắm”. Tôi đề xuất anh Tích đêm nay dẫn anh Chín Cán đến tận đó quan sát luôn.

Vừa đi vừa trao đổi, chẳng mấy chốc chúng tôi đến chỗ anh Tiến và anh em đội công tác đang họp dân. Anh Tiến dẫn chúng tôi đi vào nhà cơ sở vợ chồng chị Chín và anh Hiếu thăm và nói chuyện (*)

Chị Chín giới thiệu với chúng tôi: “Ở vùng này có sở Ngô O của người Tàu giao cho ông Ba Lầu quản lý. Ngô O có cảm tình với ta, đóng thuế liên tục. Sở Nam Nhi cũng chịu đóng thuế cho Mặt trận. Gần đây còn có vườn cây của tướng ngụy Huỳnh Văn Cao, thỉnh thoảng có bà vợ lên. Nghe nói tối nay có vợ Huỳnh Văn Cao ở đó, nếu các anh muốn gặp, anh Tiến dẫn các anh xuống thăm dò xem sao. Gần đó có gia đình Đa-lu, người Pháp biết tiếng Việt, vợ là người Việt, thái độ cũng tốt với cách mạng. Nhân dịp có các anh cấp trên đến, dẫn đi thăm luôn, tuyên truyền để xem họ giúp tiếp tế

* Anh Hiếu sau đó thoát ly, tham gia kháng chiến và đã hy sinh năm 1969.

cho mình, bọn họ có điều kiện hơn bọn tôi”. Thế là có việc làm luôn đêm nay theo ý anh Chín Cán rồi.

Tôi bàn với anh Bẩy Tích và anh Tiến cho anh em phân nhau cảnh giới xa ở hai đầu, dẫn anh em tôi đi gặp các đối tượng trên, trừ sở Ngô 0 và vườn cây Nam Nhi, chờ trăng lên đi quan sát đèo Chuối luôn rồi mới về, có sáng cũng được.

Trước hết, chúng tôi đột nhập vào nhà Huỳnh Văn Cao gặp cô vợ thứ hai của Huỳnh Văn Cao và một số người nhà, cả nam và nữ 7 người. Chúng tôi vào bất thành linh trong bữa ăn tối, thấy trên bàn rượu thịt bày biện la liệt. Chúng tôi vừa bước vào, mọi người đứng dậy chào hỏi tử tế, cho người mở cửa nhà trên mời khách vào, trà thuốc vui vẻ. Tôi ghé vào tai trao đổi với anh Chín: “Anh Tích bố trí cảnh giới bên ngoài cẩn thận, ta ngồi trao đổi với những người này về việc Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời đã có chính sách công bố với quốc dân, họ đã đọc chưa và nếu họ đọc rồi thì có cảm tưởng như thế nào? Nhân đó ta giải thích thêm với đối tượng này cũng tốt. Dù họ là vợ của tướng lĩnh tay sai của Mỹ - Diệm hay dù gì thì gì vẫn có lợi.” Anh Chín đồng ý.

Sau mấy phút mở đầu thăm hỏi xã giao, người đàn bà tự giới thiệu một cách mạnh dạn: “Tôi là vợ thứ của tướng Huỳnh Văn Cao. Mấy người thân trong gia đình từ Sài Gòn lên Đà Lạt chơi, về ghé vào vườn nghỉ lại, may gặp được các anh tại đây là rất vui. Lâu nay các em có biết miền Nam Việt Nam có Mặt trận dân tộc giải phóng ra đời, nhưng không bao giờ

được gặp. Tuy chồng em là sĩ quan quân đội Cộng hòa, nhưng cũng vì cuộc sống mà lao vào con đường binh nghiệp để nung nấu thân, còn quan điểm chính trị theo em được biết thì chẳng có gì sâu sắc lắm”.

Anh Chín thay mặt đoàn nói chuyện thẳng thắn, chân tình, cởi mở. Anh nói rõ mục đích ý nghĩa của MTDTGPMNVN ra đời với chính sách của Mặt trận công bố là đoàn kết toàn dân đấu tranh đòi Mỹ - Diệm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, sớm hoà bình thống nhất đất nước. Mặt trận sẽ lên án và trừng phạt những tên tay sai bán nước, ôm chân đế quốc Mỹ gây cảnh huynh đệ tương tàn, nhưng rất hoan nghênh, tiếp nhận, khoan hồng những người biết trọng lẽ phải, trở về với Tổ quốc, với dân tộc, liên hiệp với Mặt trận đấu tranh chặn bàn tay xâm lược của Mỹ.

Sau khi anh Chín nói chuyện, anh Tiến đưa mỗi người một bản cương lĩnh MTDTGPMNVN và nhờ chuyển cho Huỳnh Văn Cao một bản. Mọi người vui vẻ và trân trọng tiếp nhận. Chúng tôi bắt tay và từ giã ra đi, cả nhà cùng nhau đưa tiễn ra tận đường lộ với thái độ chân thành, niềm nở.

Anh Chín đề nghị anh em dẫn đến nhà người Pháp làm vườn với vợ ở đây, nói chuyện chơi, không mấy lúc có dịp gặp họ. Trong lúc anh Chín và anh Bảy Tích vào nhà tiếp chuyện, tôi bàn với anh Tiến lấy đội công tác đi thẳng xuống ấp Tân Lập để quan sát đèo Chuối. Trăng 21 vừa lên khỏi ngọn cây, chúng tôi ung dung trên đường quanh co khúc khuỷu, dài gần 4 cây số có thể núi nhấp nhô. Cả hai bên đường có vị

trí phục binh hiểm yếu, ta có thể xây trận địa phòng ngự vững chắc, câu địch đến đánh vùng này, cắt giao thông, phi pháo của địch khó hoạt động, bộ binh địch rất khó tấn công, giải tỏa. Tôi thâm nghĩ với địa thế này, ta có thể chặn đường vũ trang tuyên truyền, lập thế câu nhử đánh địch, làm chủ đoạn này để động viên nhân tài vật lực phục vụ cho kháng chiến lâu dài và giải quyết đời sống của mấy ngàn dân căn cứ mới thoát khỏi thế bí.

Lúc đi xuống quan sát địa hình, khi trở về chúng tôi ghé vào một nhà dân người Nam Bộ lên đây cùng 3 nhà gần đó. Họ sống ở đây đã lâu, địch đánh đuổi vẫn không đi. Khi ta đến, họ niềm nở tiếp xúc, chẳng có gì sợ sệt cả. Đã 2 giờ sáng, nhưng khi chúng tôi vào, họ vẫn mở cửa đón tiếp.

Tôi trực tiếp hỏi bà con về làm ăn và đời sống, cách đối phó với địch trên một vị trí đơn độc này. Họ nói: “Địch cũng quyết đuổi đi chỗ khác làm ăn, nhưng nếu chúng tôi đi cũng bất lợi cho chúng vì không ai làm tai mắt cho chúng. Mỗi lần lính ở B’Lao xuống mở đường đều đến nghỉ ở đây để chờ rước những đoàn công voa từ Sài Gòn lên, từ Đà Lạt xuống. Bọn nó đều ăn ở đây, có lúc nó ở đến 2-3 ngày để bảo vệ cả chuyến đi và về an toàn, chúng nó mới rút về. Nếu không có mấy gia đình này thì chúng cũng sợ những người trong rừng đánh lính quốc gia dễ ợt. Bọn nó thường nói là: Nếu Cộng sản có 2 trung đội đóng chốt thì họ sẽ làm chủ, Quốc gia chỉ có thương lượng với họ, xin đường qua lại từng chuyến mà thôi. Mỗi lần anh em làm khó ở đây, Quốc gia sợ không an

toàn, phải vận chuyển đi đường Sông Pha tiếp liệu cho Đà Lạt đấy!”... Thế là dân cung cấp cho ta được nhiều tình hình rất cụ thể.

Tôi hỏi một câu băng quơ để rút lui: “Tại sao bà con ta đặt tên nơi này là đèo Chuối mà không gọi là đèo Lồ ồ hay đèo Le?” Bà con trả lời: “Vì lúc chúng tôi đến đây, hai bên thung lũng toàn là chuối rừng, đặt là đèo Chuối để làm điểm giao dịch. Khi nói đến đèo Chuối, thôn Tân Lập, xã Phước Lạc, là ai cũng nhận ra khi đi ngang qua đây”.

Chúng tôi ghé vào nhà người Pháp. Đã hơn 3 giờ sáng nhưng anh Chín Cán vẫn còn ngồi trao đổi với vợ chồng Đa-lu một cách vui vẻ, thẳng thắn. Đội công tác anh Tiến và đoàn chúng tôi từ già ra về. Từ Đắc Lơ, ngược về Săn-ta Ma-ri-a, vào đường Bờ Đung, chúng tôi lội ngược dòng suối Lu Mu, vào căn cứ của đội đúng 4 giờ sáng. Trên đường đi, mỗi đồng chí đều mang trên lưng không dưới 50 kg gạo và hàng hoá tiếp liệu. Trời lạnh tháng 3 nhưng anh em mồ hôi ướt đầm trên lưng.

Nhân có anh Chín đến thăm đội, anh em nổi lửa lên nấu nước, nấu cơm ăn vì thức công tác suốt đêm đói bụng. Anh em lót đá ngồi quanh bếp lửa trò chuyện về việc gặp các đối tượng khi đêm. Anh Chín cho rằng chuyển đi công tác qua phía Nam và cuộc tiếp xúc các đối tượng khi đêm có nhiều ý nghĩa, trước hết là ta đã hiểu thái độ của những đối tượng lớp trên, tâm tư của tướng lĩnh nguy quyền Sài Gòn, Pháp kiều và đánh giá một phần thực chất hoạt động của cơ sở quần

chúng bên trong. Anh động viên anh em cố gắng chỉ đạo xây dựng tốt vùng này trở thành hành lang liên lạc tiếp tế lâu dài cho tỉnh.

Ăn cơm sáng xong, chia tay anh Chín, anh em đưa ảnh đi đường Tân Gia Rang, Đình Gia Ri về tỉnh. Anh Bảy Tích ở lại công tác với đội, tôi cùng tổ liên lạc trinh sát theo đường giao liên của đội về lại cơ quan T14. Đây là một trong những chuyến công tác không bao giờ quên.

TẾT QUÝ MÃO (1963)

Năm 1962 lực lượng cách mạng Lâm Đồng không ngừng lớn mạnh, các hoạt động chính trị vũ trang trong tỉnh giành thắng lợi to lớn trên nhiều mặt. Cơ sở cách mạng của quần chúng phía trước phát triển rộng khắp. Ta liên lạc và phát triển được cơ sở cách mạng trong thị xã B' Lao, thị trấn Di Linh tương đối khá, xây dựng được lực lượng bán vũ trang phía trước. Du kích mật trong thị xã đã hoạt động được, dọc đường 20 phát triển thế tranh chấp khá tốt. Vùng căn cứ phía sau được củng cố, suốt một năm địch không dám can vào căn cứ phía Nam, dân làm rẫy được mùa lúa, gạo, khoai, sắn sung túc. Cơ quan phía sau của K3, K4, T29, T14 sản xuất tự túc lương thực và chăn nuôi tại chỗ tương đối nhiều, cơ quan tiền phương T14 nuôi hàng trăm gà công nghiệp tại chỗ, hàng ngày đẻ 70 - 80 trứng. Đời sống nội bộ được cải thiện.

Phân ban T14 của tỉnh chủ trương tổ chức một cái Tết ăn mừng thắng lợi, động viên quân dân quyết tâm đẩy mạnh hoạt động cách mạng, tiến lên một bước mới. Lúc này, Tỉnh

uỷ mời anh Bảy Thành, anh Bảy Kính về tỉnh làm việc chưa kịp về, ở nhà chúng tôi chủ trương ăn Tết gần bàn đạp ở tiền phương để có điều kiện mời một số cơ sở cốt cán bên trong ra bàn đạp ăn Tết, kết hợp tổ chức học tập chính trị, huấn luyện công tác cho anh chị em luôn. Chúng tôi quyết định tổ chức ăn Tết tại cơ quan tiền phương T14, vùng rừng non sau đồi trà Tổng Nốt, phía trước có tổ chức lực lượng lao động H30 bảo vệ, phía sau có đội vũ trang T29 và C3 đóng án ngữ sau lưng. Một bên là núi cao, rừng rậm, một bên là trắng trống phía B' Lao Sê Rê. Trong trường hợp có địch thâm nhập vào, ta dễ phát hiện. Chi bộ H30 nắm cơ sở dân vệ ấp Đa Lào, tổ chức thông báo tin thường xuyên để bảo vệ an toàn cho cơ quan ăn Tết. Về tổ chức, cơ quan đã bố phòng công sự, chiến hào, cấm chông, bẫy dấp, đề phòng địch xung phong tập kích bất ngờ.

Thế là tập thể quyết định quyết tâm ăn Tết ở đây. Cốt cán bên ngoài được mời vào ăn Tết và tổ chức học tập gồm có: cô Cận ở H30, cô Ba Mập (sau này gọi là cô Ba Liên Xô) có công tác ở B' Lao nhưng sau về Đà Lạt, chị Chín - vợ anh Hiếu - ở Phước Lạc và mấy anh em ở phía Di Linh. Anh chị em được chọn là những người dù có gặp mặt nhưng không biết gốc gác ở đâu, đề phòng tình huống xấu.

Tối 30 Tết Quý Mão (1963), chúng tôi tổ chức Tết đón giao thừa, có cả lực lượng vũ trang và cán bộ, công nhân viên cùng dự mít tinh, ca múa hát đến 2 giờ sáng. Ngồi nghe Bác Hồ đọc thư chúc Tết, chị Bảy Nhung ngồi khóc tức tưởi vì tưởng nhớ đến người bạn đời đi tập kết nhưng không có tin

tức. Chị Ba, chị Cận cũng trong hoàn cảnh ấy đã động viên an ủi chị Bảy. Chị Ba xung phong hát một bài góp vui, giảm bớt nỗi u buồn. Chị hát bài “Dân Liên Xô vui hát trên đồng hoa”, từ đó anh em đặt tên chị bằng bí danh chị Ba Liên Xô. Anh em vui giao thừa đến 2 giờ sáng, cơ quan tổ chức ăn khuya.

Chúng tôi giao cho anh Nghiêm, anh Hưng, anh Đường mờ sáng đưa tất cả anh chị em cơ sở ra đường đón xe đã hẹn, đi hợp pháp về nhà ăn Tết, giao cho chi bộ H30 tổ chức bảo vệ chu đáo.

Đến 7 giờ sáng ngày mừng một Tết, sau khi chúng tôi đưa anh chị em đi hợp pháp ở đâu về đó, ông Hai Luyến vào báo tin: “Lúc 5 giờ sáng có một đại đội bảo an từ B’Lao và 4B dân vệ ở Tân Bùi tổ chức hành quân cấp tốc vào chân núi Se Pung, qua trảng B’Lao Sê Rê, anh em ta đề phòng ăn ở và tiếng động, đừng để địch phát hiện, đánh úp ta trong 3 ngày Tết”. Nói xong, ông già chúc Tết cơ quan rồi xin phép về.

Được tin trên, anh Hưng ra lệnh nhốt tất cả gà vào trong hầm, không thả ra, cơ quan tổ chức khăn gói gọn gàng, có gì xảy ra là di chuyển được ngay. Anh phái tổ trinh sát đi nắm tình hình, theo dõi dấu vết, thông báo kịp thời về cơ quan. Anh Đường, anh Nghiêm được phân công về báo động cơ quan C3 và lực lượng trinh sát, sẵn sàng chiến đấu. Anh em trinh sát tỏa ra đi các hướng, đến 13 giờ 30 về báo cáo là không thấy dấu vết hành quân của địch.

Anh em chủ quan vì khi đêm, thức chơi khuya, đến 2 giờ chiều thấy không có gì nên nằm ngủ quên, địch đã lọt vào vùng căn cứ mà không hay. Chúng mò theo dấu đường mòn, đến trạm gác tiền tiêu đơn vị C3 và lực lượng trinh sát. Chúng vừa phát hiện là nổ súng bắn xả vào đơn vị, dùng đại liên và cối 60 bắn thẳng vào đội hình một cách dồn dập. Anh em ta tuy bị địch tập kích bất ngờ, bị động, nhưng nhờ có công sự và được báo động trước, sẵn sàng chiến đấu. Anh em đã bám công sự, bắn trả vào đội hình địch một cách dũng cảm. Địch bị thương nên không dám xung phong. Ta và địch đánh giằng co từ 15 giờ 45 phút đến 17 giờ, địch trụ lại và kêu lực lượng B' Lao tăng viện, tạm rút lên đồi có vị trí cao hơn, hình thành thế bao vây, phong tỏa, chờ quân tiếp viện. Lực lượng chúng chỉ còn 1C bảo an, còn số dân vệ khiêng thương về trốn luôn, không trở lại. Bên ta chỉ có đồng chí Phương - B trưởng trinh sát - ở vọng gác tiền tiêu nằm ngủ, bị trúng loạt đạn đầu tiên, hy sinh tại chỗ, anh em đưa về phía sau an toàn.

Đêm về, địch kéo lên đồi cách ta không đầy vài trăm mét nhờ rừng non phủ kín. Chúng định hình thành thế bao vây, đánh bật ta ra trắng để tiêu diệt, nhưng chúng vẫn loanh quanh từ ngọn đồi C3 sang đồi cơ quan tiền phương T14. Chốc chốc, chúng bắn vào bầy gà trong hầm kê la inh ỏi, nhưng chẳng thằng nào dám mò vào chiến hào của chúng tôi. Ngoài lực lượng C3 tổ chức chiến đấu vòng ngoài, anh em cơ quan tổ chức quân sự hoá, cùng đội công tác bảo vệ bám chiến hào, dùng chiến thuật bắn tỉa, kết hợp với gài mìn M16 và mìn Ríp

các đường mòn từ đồi xuống, mặt khác cho đại bộ phận không chiến đấu mang tài liệu cơ mật rút ra phía vườn trà, cà phê đường 20, bỏ cơ quan trống. Nếu địch vào đánh, ta trị một trận nên thân rồi mới rút.

Đêm ấy, tôi ở lại cùng với Đường, Hưng, Nghiêm, chỉ đạo anh em bám sát, tập kích địch nếu chúng tập trung thành từng cụm, đồng thời bố trí một bộ phận ra liên lạc với chi bộ H30, bàn với cơ sở lãnh đạo nhân dân: Sau trận càn, địch rút ra, chúng sẽ bắt người tra hỏi về chỗ ở của cơ quan đơn vị, cứ bảo dân khai báo là: “Lâu nay chúng tôi bị các ông cấm chúng tôi vào rừng nên đâu dám vào mà biết có Việt cộng ở đó. Các ông có súng ống mới dám vào, còn dân tay không đâu dám vào những nơi nghi có máy ông Việt cộng”.

Đêm khuya dần, lực lượng vũ trang cùng chỉ đạo chỉ huy vẫn nằm trong chiến hào bao quanh cơ quan, chờ địch mò xuống là đánh du kích một trận cho biết tay. Nhưng địch vẫn lẩn quẩn trên đồi, chặt cây, đào công sự cách chiến hào chúng tôi không đầy trăm mét.

Một giờ sáng, chúng tôi hội ý với nhau, nhận định: Địch không tập kích vào cơ quan ban đêm vì chúng không nắm được tình hình, không thạo địa thế. Có thể mờ sáng, chúng sẽ tổ chức tập kích sớm và làm chủ ban ngày để肃 tạo thu dọn chiến trường. Đến giờ này chúng không còn khả năng xuống nữa, ta tranh thủ xuống kiểm tra lại cơ quan xem còn gì có thể lấy được đem đi nên dờ cho hết.

Đồng chí Hưng dùng đội trinh sát xuống bắt 50 con gà, lấy

mấy trăm quả trứng mang đi, số còn lại mở cửa hầm thả ra để sáng mai địch không bắt được, dùng súng bắn cũng không thể bắn hết. Anh cho anh em lực lượng xuống mở hầm, mang hết bánh, kẹo, rượu, chè mang theo cho đơn vị, không để địch lấy; chia bánh tét, bánh chưng mỗi anh em một cây mang theo ăn để chống đói, ai mang không nổi thì đem giấu trên cây, sau này lấy về ăn.

Tôi hội ý với anh Đường và anh Nghiêm: Mỗi anh nắm chỉ huy một trung đội rút ra bìa rừng trắng cỏ B' Lao Sê Rê và đồi trà Tổng Nốt. Mỗi nơi bố trí một trung đội, thế nào sáng chúng cũng đánh vào cơ quan, anh em đánh du kích thì chúng phải kéo ra hai hướng đó, ta đánh bởi một trận theo mệnh lệnh chiến đấu. Anh em phấn khởi chấp hành nghiêm túc, tất cả trong đêm không ngủ, nằm chờ giặc. Nhưng đến 4 giờ 15 phút sáng mùng 2 Tết, pháo 105 bắn 5 phát vào đồi trà Tổng Nốt gọi là yểm trợ cho bộ binh bí mật rút lui ra đồi trụ điện cao thế, xuống Cầu Trắng có xe đón đưa về B' Lao, tránh đi ngang qua tất cả các ngã đường ta đã bố trí.

Đến 6 giờ sáng, anh em bố trí nằm chờ địch trên chiến hào, công sự xung quanh cơ quan, nhưng chúng không xuống. Ở hướng hai cánh quân anh Đường, anh Nghiêm bám đánh địch bên ngoài cũng không nghe nổ súng. Chim chóc trong rừng hót líu lo chào đón bình minh, một ngày xuân nắng đẹp. Bầy gà còn lại trong cơ quan vẫn cứ đẻ, kêu la cục tác inh ỏi, nhưng chúng tôi vẫn ngồi trong chiến hào, sẵn sàng nổ súng đánh địch.

Mãi đến 9 giờ sáng, tổ trinh sát và anh Đường mang áo chiến về báo cáo: “Địch bí mật rút chạy cả rồi, anh ơi! Chúng nó đi cách cánh quân ta phục kích đồi Tổng Nốt khoảng 200 mét, nhưng vì sương mù, khi phát hiện được, chúng đã qua khỏi trận địa, ta vận động rượt theo không kịp. Thế là đầu năm địch đã đem nộp mạng để ta đánh và chiến thắng, nhưng *không có chiến thắng mà có thắng lợi thôi*”. Anh Đường còn nói: “Địch nhát như thỏ đế, đến cơ quan không người, gà vịt bánh trái để đầy mà không vào lấy ăn. Thôi, ta vào lại ăn Tết nữa rồi sẽ tính”.

Mở đầu ngày mới, bước sang năm mới, tất cả anh em đã chiến đấu chống càn, bảo vệ cơ quan đơn vị thắng lợi trọn vẹn. Tuy ta có hy sinh một đồng chí, nhưng địch chết và bị thương không phải ít, buộc chúng rút lui không trống, không kèn, nội bộ ta tin tưởng, phấn khởi sau khi đánh bại cuộc càn, khí thế thêm hăng.

TRƯỞNG BAN QUÂN SỰ

Tháng 9 năm 1963, có chủ trương của trên thành lập Khu uỷ khu 10, anh Chín Cán được rút về làm Chánh văn phòng Khu uỷ; anh Tư Nguyên được khu điều động về làm Bí thư Tỉnh uỷ Phước Long, anh Năm Dũng về phụ trách quân sự, kiêm Bí thư E25 (Quảng Đức). Các đơn vị địa phương phía Nam (K3, K4, T29) trưởng thành, Tỉnh uỷ quyết định giải tán T14, giao toàn bộ cơ sở vật chất - sản xuất cho T29 quản lý và làm hậu phương, anh Do làm Bí thư K3, anh Tích Bí thư K4, anh Bích Bí thư T29, anh Tám Rụng về tỉnh làm dân vận Mặt trận.

Lúc này, tôi được quyết định bổ sung cho Thường vụ Tỉnh uỷ, điều về tỉnh làm Trưởng ban quân sự, lo công tác chính trị cho lực lượng vũ trang và phát động phong trào du kích chiến tranh thay anh Năm Dũng, anh Bảy Thành làm Tham mưu trưởng, phó ban quân sự. Anh Năm Thắng khu 10 được phân công về làm Bí thư Tỉnh uỷ thay anh Chín Cán.

Sự phân công này làm tôi hết sức bất ngờ, nhưng trách nhiệm đảng viên, Đảng bộ giao gì thì làm việc nấy, nếu làm không nổi sẽ hay.

Đầu tiên tôi mang khăn gói về cơ quan quân sự gặp anh Bảy Thành (*).

Anh gặp tôi, phá lên cười và ôm choàng lấy tôi (ảnh to gấp hai tôi). Anh Thành nói: “Tôi gặp anh lần này là lần thứ 4, lần đầu tiên là cùng nhau đánh Bắc Ruộng, lần thứ hai là ngồi bàn việc chống càn Kon Sô, lần thứ ba là cùng tổ chức cơ quan phân ban Tỉnh uỷ phía Nam (T14). Mấy ổng rút tôi về đây hơn 10 tháng lại gặp anh lần thứ tư. Anh không phải là cán bộ quân sự, không được học trường sĩ quan ra, nhưng tôi khoái anh đánh giặc, anh là người gan lì, táo bạo, có tính toán và rất quyết tâm. Anh em ta chung sức cùng nhau xây dựng lực lượng, lập lại những trận đánh thật tốt như trận đánh Bắc Ruộng, chống càn Kon Sô, đánh giao thông ở cửa chữ C đèo B’Lao, làm chủ đường 20 chơi”. Tôi trao đổi tình hình với anh Thành và thông cảm với nhau. Tôi nói: “Tôi làm được

* Anh Bảy Thành thường gọi thân mật là anh Thành Phà vì ảnh mang đôi dép to giống như chiếc phà.

hay không là nhờ tập thể cấp uỷ và anh em cán bộ, chiến sĩ ủng hộ, tôi với anh như đôi trâu trên một cái cày, đồng tâm hiệp lực dựa vào nhau mà kéo thì tốt, bằng không thì sẽ không tốt”.

Lúc nhận nhiệm vụ, trong lòng tôi có hơi phân vân. Khi anh Bảy Thành phát biểu tâm tình, động viên, tôi tin tưởng chắc là các anh chỉ đạo điều mình về đây có cân nhắc. Tôi nói: “Đảng phân công, làm người đảng viên mà từ chối không làm là không đúng, nhưng mình đâu biết chiến thuật, chiến lược gì đâu, tất cả là phải dựa vào anh em mới hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức giao”. Anh Thành động viên tôi nữa: “Anh đừng lo, dốt như Trình Giảo Kim, vậy mà có lúc tập thể cử lên làm vua cũng phải làm. Tôi nói làm vua dễ hơn làm tướng vì làm tướng là sống chết với ba quân trên chiến trường, làm tướng còn dễ hơn làm nguyên soái, nguyên soái phải là người quyết định tại trận, đảm bảo sinh mạng ba quân, quyết định thắng thua không phải chuyện đùa”. Anh Thành lại phá lên cười: “Anh Cảnh không biết sao? Uất Trì Cung dốt đến nỗi không viết được chữ ký mà làm nguyên soái của nhà Đường, thì chúng ta tại sao không lãnh đạo được quân sĩ đánh Mỹ ở một tỉnh, hử anh?”

Anh Bảy Thành kêu cô Vân đem rượu ra uống. Tôi ngồi suy nghĩ: Mình được phân công về làm chính trị, nhưng anh Bảy Thành lại làm công tác tư tưởng chính trị cho mình. “Rằng hay cũng thật là hay, lòng nghe cũng thật đắc cay với mình”. Nhưng đồng chí mà thông cảm được với mình là quý lắm rồi, mình tin tưởng vào tập thể, dựa vào tổ chức, việc khó mấy rồi

cũng sẽ làm được, thực tế 19 năm công tác chiến đấu là bài học vậy thôi, chứ có gì nữa đâu mà lo?

*

Tôi mới về nhận nhiệm vụ, chân ướt chân ráo thì ngày 20/11 năm ấy, địch tổ chức cuộc càn quét vào căn cứ phía Bắc với quy mô lớn, nhằm tập trung sức đánh phá căn cứ hậu phương của ta, buộc ta kéo quân về đối phó với chúng trong căn cứ, sẽ giải tỏa sức uy hiếp đường giao thông của ta. Chúng sẽ nổi chốt vùng Bắc và Tây Bắc B' Lao, mở khu huấn luyện biệt kích Mỹ ở Tân Rai, củng cố 2 cứ điểm tiền tiêu ở Tân Gia Rang - Đình Trang và Tân Lú, nối liền tuyến phòng thủ phía Bắc thị xã, thiết lập tuyến phòng ngự vững chắc để lập thế tấn công và xóa căn cứ kháng chiến tại chỗ của ta, bằng cách phát triển hệ thống áp chiến lược Minh Rồng, Tân Rai, Tân Gia Rang, Tân Lú ...với lực lượng dân vệ kết hợp với bảo an nòng cốt, phân tuyến bố phòng, giữ áp, kèm dân, từng bước nổi ra, nối liền hệ thống áp chiến lược Bơ Rộ, Bờ Xu Lạch, Xu Gia Kon Heng ...trên đường 14 kéo dài (nay là quốc lộ 28) thành một cánh cung từ đèo B' Lao đến Kon Dân, Bơ Rộ, đối phó với 10.000 dân căn cứ Bắc của chúng ta nổi dậy giành quyền làm chủ, sức sống ngày càng đi lên.

Lực lượng địch sử dụng trong cuộc càn nói trên gồm lực lượng bảo an tỉnh Lâm Đồng hiện có, lực lượng Cộng hòa tăng viện 2 tiểu đoàn của sư đoàn 23. Chúng tổ chức thành 3 cánh thọc sâu vào căn cứ Bắc cùng một lúc.

- Một cánh từ Tân Rai đánh thẳng vào xã 4, 2, 1, 5, chia thành 3 mũi:

+ *Đánh vào Hăng Ho, Gung Răng Gia.*

+ Đánh vào Hang Lang, Bơ Xa Hóa, Bi Đăng.

+ Đánh vào Bờ Lá, Hăng Ca, Bờ Tạch, Bờ Lạch.

- Cánh thứ 2 thọc từ phía Đăng Lú, Tân Gia Rang đánh xuống Đăng Rơ Mít, Đạ Bim, Đinh Sạch, Bi Cút.

- Cánh thứ 3 thọc từ Ma Đa Gui vào, phối hợp với cánh thứ 2, đánh vào trọng điểm là 3 xã vùng III mới thành lập, nhằm hốt hết dân vùng này đưa về khu tập trung Tân Gia Rang, Đinh Trang, kết hợp phá mùa màng của dân sản xuất. Chúng quyết đánh phủ đầu vùng mới giải phóng được một năm, phong trào du kích chiến tranh còn yếu, bố phòng chưa được bao nhiêu.

Trong tình thế vô cùng khẩn trương, chúng tôi xin ý kiến Thường vụ Tỉnh uỷ về đối sách chống càn. Phân tích thế lực giữa ta và địch trong trận càn, chúng tôi đánh giá: Địch tuy quân đông nhưng lại dãn mỏng, đánh ta trên một diện rộng, nhiều mục tiêu dễ bị tiêu hao, tiếp tế khó khăn, càng vào sâu sẽ sa lầy nếu bị ta đánh du kích. Lực lượng du kích của ta còn non yếu, nhất là 3 xã vùng III mới phát triển, chưa trang bị. Lực lượng tập trung đang hoạt động phía trước, nếu điều về chống càn sẽ bị động trong chuẩn bị kế hoạch đông - xuân và sẽ bị động với địch trong ý đồ và âm mưu cuộc càn. Do vậy, Thường vụ chủ trương dựa vào ưu thế núi rừng hiểm trở, dân

tránh lánh tốt, dùng C1 hiện có trong căn cứ, kết hợp với du kích, phát triển mạng lưới bố phòng, bám sát địch, đánh du kích, bảo vệ dân, bảo vệ rẫy mà điểm tập trung là 3 xã vùng III (Lú Tôn, Hợp Vông, Sĩ Nhanh) mới thành lập. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ thị cho các lực lượng phía trước đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền ở vùng địch kiểm soát, đánh du kích và bắn tỉa liên tục trên toàn tuyến giao thông, phối hợp với 26 đội công tác, hoạt động mạnh để căng kéo địch, lực lượng cửa khẩu đẩy mạnh chặn xe trên đường, thu mua lương thực hàng hóa, dự trữ tiếp tế, tiếp liệu hậu cần trong thời gian địch dồn sức càn quét căn cứ ta bên trong, thì bên ngoài sơ khoáng.

Chấp hành chủ trương trên, Ban quân sự chúng tôi triển khai khẩn trương, kịp thời và đã giành thắng lợi toàn diện. Cụ thể kết quả như sau:

Các đồng chí đơn vị C1 kết hợp với các đồng chí trinh sát đặc công bám đánh địch một trận ở Bi Cút, tiêu diệt làm bị thương khá nhiều, địch phải dùng trực thăng chuyển thương làm cho cánh này hoang mang, dao động, co lại, không dám phát triển. Trong khi đó, du kích xã 4 (xã Lộc Lâm hiện nay) quần bám sát, đánh địch đang phá lúa trong rẫy, diệt được 20 tên. Đội vũ trang cửa khẩu Ma Đa Gui bám đánh cánh quân xuất phát từ Ma Đa Gui, đánh du kích liên tục. Địch không phát triển được, chỉ hành quân đến dốc Ma Thiên Lãnh (*)

* Dốc Ma Thiên Lãnh do anh em ta đặt, hiện nay là dốc ở phía Bắc cầu Đa Huoai hơn 1 cây số.

rồi rút ra. Ta hoàn toàn bảo vệ được dân và giữ được rẫy, không bị tổn hại gì đáng kể. Định dự định tổ chức căn cứ 1 tháng nhằm đánh tan căn cứ Bắc, sớm diệt trừ hậu họa về sau, nhưng chúng chỉ hành quân được 3 ngày, liên tục bị ta đánh, buộc phải chấm dứt và mang đầu máu về, không tuyên bố kết thúc, xem như cuộc càn của địch đánh vào căn cứ Bắc của ta bị thất bại hoàn toàn .

Quân dân căn cứ Bắc chống càn thắng lợi, người người tin tưởng phấn khởi, tổ chức thu hoạch nhanh gọn vụ mùa năm ấy với khí thế của người chiến thắng. Các rẫy Đăng Rơ Mít, Đinh Sạch, Tố Lan 1-2 được mùa lớn, lúa đổ đầy kho, mì, lang đầy rẫy, lương thực trong dân vừa có ăn, vừa có dự trữ. Nhờ đó, đầu năm 1964, chúng tôi nhận của Trung ương Cục và Quân khu 6 chi viện 2 tiểu đoàn đến hoạt động. Đó là tiểu đoàn 186 và tiểu đoàn 130. Chúng tôi cung cấp lương thực và đảm bảo hành lang của Trung ương và Khu uỷ khu 6, phục vụ đoàn tiếp vận chuyển tải vũ khí và quân trang từ H50 về các tỉnh bạn trong khu, từ đó mới ổn định chỗ đứng của chỉ đạo, phát triển du kích chiến tranh, mở rộng phong trào cách mạng phía sau, tấn công địch phía trước, đảm bảo công tác hành lang cho tỉnh và khu ngày càng tăng trong thời kỳ này.



PHẦN IV

THỜI KỲ THÀNH LẬP ĐẢNG ỦY TIỀN PHƯƠNG (1964-1973)

THỜI KỲ 1964 - 1965

Sau khi đế quốc Mỹ dùng con bài Ngô Đình Diệm làm tay sai thực hiện mưu đồ xâm lược miền Nam bị thất bại, chế độ gia đình trị của Diệm bị lật đổ, nội bộ bọn tay sai tranh giành quyền lực, cấu xé lẫn nhau, phong trào cách mạng miền Nam bước vào thời kỳ mới, cả nước dốc toàn lực đánh bại cuộc chiến tranh đặc biệt của Mỹ, làm thất bại âm mưu bình định lẫn chiếm của địch.

Tháng 4 năm 1964, toàn tỉnh mở hội nghị tổng kết công tác quân sự, đánh giá 2 năm phát động phong trào du kích chiến tranh, xây dựng bảo vệ căn cứ, tấn công địch phía trước. Lúc này khu 6 chuyển về đứng trên địa bàn căn cứ Lâm Đồng. Khu quyết định thành lập tỉnh đội Lâm Đồng thay cho ban quân sự, đưa đồng chí Đào Hậu về làm tỉnh đội trưởng, đưa đồng chí Bình (tức Viên) về làm chính trị viên tỉnh đội thay tôi, đưa đồng chí Hồ về làm tham mưu trưởng, đồng chí Chiêu

về làm trưởng ban chính trị, anh Thoa làm chủ nhiệm hậu cần và sắp xếp một số cán bộ khác mới được trên bổ sung. Trung ương điều anh Thành về lại chiến trường miền Đông Nam Bộ. Tôi được Tỉnh uỷ phân công lại, làm Bí thư Đảng uỷ quân sự tiền phương, có trách nhiệm liên kết 3 mũi giáp công cùng bộ chỉ huy tỉnh đội tấn công địch phía trước, trực tiếp chỉ đạo giúp đỡ D186 hoạt động kết hợp với phong trào quần chúng, giúp đỡ lực lượng quân khu xuống hoạt động trên địa bàn có tính chất lâu dài và chỉ đạo công tác kinh tế hậu cần phục vụ phía trước.

Thời kỳ từ năm 1964 trở đi là thời kỳ vừa sắp xếp bộ máy chỉ đạo, vừa tổ chức huấn luyện đơn vị, phân công bám chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị phương án chiến đấu. Cái khó khăn lớn nhất trong lúc này là: Bằng mọi cách đảm bảo hậu cần cho gần 3.000 người sống, công tác và chiến đấu trên địa bàn của tỉnh, đồng thời giải quyết kinh tế cho nhân dân căn cứ trên 10.000 dân, đảm bảo mỗi người dân có được 2 lít muối và 4 mét vải, 1 lít dầu thắp sáng trong năm, có giấy cho trẻ em học. Chưa kể đến những trường hợp giặc Mỹ rải chất độc hóa học, phá hoại lương thực, hoa màu, nhân dân bị đói ăn thì phải có một lượng lương thực dự trữ để cứu tế, đó là điều mà toàn Đảng bộ có trách nhiệm.

Hội nghị Tỉnh uỷ tháng 6/1964 bàn và ra nghị quyết giải quyết kinh tế hậu cần nuôi quân đánh giặc và giải quyết hàng hóa, đảm bảo cho 10.000 dân vùng căn cứ sống và sản xuất, đảm bảo kháng chiến lâu dài. Tình hình đòi hỏi không thể làm kinh tế tự cấp tự túc cá nhân và nội bộ như kiểu con

gà, mà làm sao làm kinh tế theo kiểu đàn ong, cái kiến. Việc giải quyết hậu cần phục vụ chiến đấu cho lực lượng phía trước, cho cơ quan, cho hành lang phía sau đang đòi hỏi hết sức to lớn. Nhưng chỉ dừng lại kiểu hậu cần, tiếp tế và làm tài chánh như cũ là dựa vào các đội công tác vận động quần chúng trong vùng địch, gởi mua, chuyển ra từng gói hàng, từng ký muối, từng lít nước mắm, mỗi người công nhân mua giầu, mua chui từ ram giấy, từng mét vải, kết hợp đi hái trà lén lút mang ra thì chẳng thấm vào đâu, mà còn gây khó khăn cho đội công tác, địch theo dõi khùng bố, cơ sở bể vỡ liên tục.

Đội công tác phải lao vào làm kinh tế, chịu trách nhiệm tiếp tế cho bộ đội, cho cơ quan và cho dân phía sau nên không tập trung nhiệm vụ chính là phát triển phong trào quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị. Đôi lúc, vì cuộc sống của anh em mà phải bằng mọi cách đột áp, địch nắm được quy luật, tổ chức gài mìn, đội công tác luôn luôn bị hy sinh, tổn thất không cần thiết. Sau khi đội công tác Tân Rai có biện pháp sử dụng bọn cai thầu mủ ngo và số thợ rừng lén lút vào làm gỗ, lẻ tẻ hàng tháng ta bắt tiếp tế một số gạo muối khi địch có sơ khoáng, nhưng cũng chẳng thấm vào đâu. Với lực lượng lớn nhanh như thổi, vùng căn cứ kháng chiến ngày càng mở rộng, đây là một khó khăn mới nên Tỉnh uỷ chỉ đạo cần tập trung sức giải quyết thực tế đặt ra. Do vậy mà nghị quyết Tỉnh uỷ lần này giao nhiệm vụ cho Ban cán sự tiền phương, bằng mọi biện pháp kết hợp hoạt động quân sự, chọn điểm mở cửa khẩu, xây dựng hậu cần đường dài, tiếp tế tuyển hợp

pháp từ bên ngoài vào, lấy kinh tế vùng địch để phát triển kinh tế vùng ta, động viên nhân tài vật lực trong vùng địch phục vụ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước một cách cơ bản lâu dài. Còn việc vận dụng tiếp tế theo đường lối quần chúng là biện pháp cơ bản, nhưng không được làm ảnh hưởng đến chính trị và sức chiến đấu, công tác của lực lượng vũ trang và đội công tác phía trước.

Chấp hành chủ trương của Đảng uỷ tiền phương, chúng tôi chủ trương lực lượng vũ trang đứng ở đâu phải kết hợp cùng đội công tác và lực lượng làm công tác kinh tế, tài chính, hậu cần, xây dựng bàn đạp, lập thế bám trụ, phát động nhân dân làm chủ trên đường 20, tạo cửa khẩu móc nối, xây dựng cơ sở tiếp tế đường dài, kéo hàng hóa vùng địch ra vùng ta, giải quyết bán lâm sản vùng ta ra vùng địch, kết hợp vận động tầng lớp trên ủng hộ tài chính cho Mặt trận nuôi quân đánh Mỹ.

Chúng tôi chủ trương đội công tác K4 gắn với trung đội vũ trang cửa khẩu kinh tài phát triển xuống, nắm bọn làm be tự do ở vùng Tà Lài, Phương Phú Lâm (lúc đó là vùng trắng). Ở đây địch còn nhiều sơ khoáng, anh em lợi dụng thời cơ bắt bọn xe be giáo dục, giao nhiệm vụ đóng thuế lâm sản trong vùng rừng mà cách mạng quản lý và bắt làm nghĩa vụ tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men và hàng hóa cho cách mạng. Sau khi làm thí nghiệm đạt kết quả tốt, đồng chí Bảy Sơn, Hai Hạo lập phương án phát triển nắm quần chúng và mở cửa khẩu ở vùng này một cách toàn diện. Thông qua anh em đội về báo cáo với Ban cán sự tiền phương tỉnh, Thường vụ

Tỉnh uỷ duyệt chủ trương và quyết định tổ chức giao cho Ban cán sự tiền phương trực tiếp điều hành. Rút kinh nghiệm mở phong trào phát triển cửa khẩu phía Tây của tỉnh, Tỉnh uỷ chủ trương giao đồng chí Tư Trinh bằng mọi cách tạo thế mở cửa khẩu phía Tây Di Linh, vào đường Phạm Văn, qua Kơ Pră - Mơ Niên, qua Bơ Trộ, Gung Răng Gia (xã 5 lúc bấy giờ) theo phương thức cửa khẩu phía Tây. Ban đầu địch phát hiện không chế, ép bọn chủ và anh em xe be tìm cách chống chế hoặc làm lấy lệ, không chấp hành nghiêm túc nghĩa vụ của Mặt trận địa phương giao. Trước tình hình địch phản ứng, số chủ hàng dựa chủ xe be do dự, tìm cách dựa vào địch, đối phó với ta, thậm chí có những tên bí mật dẫn địch vào phục kích, đánh đội công tác của ta trên địa bàn Tân Rai, Ma Đa Gui, Tà Lài...

Ban cán sự Đảng uỷ tiền phương chủ trương sử dụng một số lực lượng vũ trang kết hợp với đội công tác và lực lượng cửa khẩu kinh tài đi kiểm tra, lập thế bố phòng tất cả các đường xe be đi vào rừng, cấm tất cả những người làm lâm sản. Chủ xe be không được vào vùng rừng do Mặt trận quản lý và lực lượng vũ trang không chịu trách nhiệm về tài sản, tính mạng trong vùng cách mạng kiểm soát nếu họ không bàn bạc xin phép và không làm nghĩa vụ đóng góp kháng chiến chống Mỹ. Ai vào làm phải ký hợp đồng chịu cam kết những điều quy định, sự kiểm soát của Mặt trận và sẽ được cấp giấy phép cho khai thác. Lâm sản trong rừng mang ra phải có lý lịch ghi rõ và phải được cửa khẩu đóng dấu, nhất là gỗ. Ai không làm đầy đủ thủ tục sẽ bị kiểm soát khi ra cửa

rừng và bị tịch thu cả lâm sản và phương tiện vô điều kiện.

Lúc này bọn tay sai của Mỹ ở miền Nam đã ký xong hợp đồng bán gỗ cho nước ngoài, chúng giao cho quân đội chịu trách nhiệm khai thác lớn để buôn bán lấy đô la: miền Trung chúng giao cho tướng Ngô Du, miền Đông giao cho Đỗ Cao Trí. Chúng thi nhau liên kết với bọn tư sản mại bản ôm chân đế quốc Mỹ bỏ vốn, nhập phương tiện, dùng quân đội khai thác bán thu đô la chia nhau. Lệnh của chúng tôi công bố đúng vào lúc chương trình triển khai khẩn trương lấy gỗ để giao đúng hợp đồng, nếu không thì bị phạt ngoại tệ. Đầu tiên chúng dùng lực lượng vũ trang đưa xe quân sự vào rừng lấy gỗ, nhưng liên tiếp bị đánh thiệt hại nặng, không những không lấy được gỗ mà còn hao quân tổn tướng. Chúng đành thay đổi chiến thuật, cho phép chủ thầu xin vào gặp cách mạng thương lượng, lúc đầu có điều kiện và cuối cùng vô điều kiện. Nhưng từng lúc, do anh em sơ hở, chúng luôn luôn tráo trở, buổi chiều cho xe vào lấy gỗ, tối bí mật kéo ra, ta ở xa không kiểm soát được thì chúng làm chuyện đã rồi.

Phát hiện tình hình trên, anh em ban đêm tổ chức phục kích bắt giữ xe, lấy cất heo dầu, bắt bác tài về kêu chủ lên thương lượng và nộp phạt. Lúc này tiểu đoàn 186 mới lên hoạt động, anh em dùng cả đại đội phối hợp với cửa khẩu Tà Lài chặn đường 20, khoảng cây số 125, giữ hàng đoàn xe từ Sài Gòn lên, Đà Lạt, B' Lao xuống, anh em ta đưa hết xe vào rừng sâu, dùng mìn M16 gài chết đường để làm con tin, đặt điều kiện chủ xe phải mời đại diện của chính quyền địa

phương lên thương lượng, bắt cam kết không được dùng quân sự cải trang đi trên xe chặn đánh người đi làm rừng, không được đưa quân càn quét căn cứ, vùng làm chủ của Mặt trận. Tình hình ngày càng căng thẳng. Gần 3 tháng chẳng lấy đâu ra gỗ để thực hiện hợp đồng, địch phải thông qua tư sản làm đại diện ra thương lượng với ta.

So sánh tương quan lực lượng địch ta lúc bấy giờ, Tỉnh uỷ chủ trương cho phép được khai thác gỗ một số vùng nhất định với điều kiện:

1. Chủ thầu nào làm ăn chân thật thì cho hợp đồng khai thác, làm vùng nào được chỉ định theo quy hoạch. Phải tuân thủ nghiêm túc những quy chế của cơ quan quản lý địa phương quy định. Không được để lính đi kèm theo công nhân làm ăn. Không cho bọn do thám, mật báo trà trộn vào theo làm ăn trong vùng ta để nắm tình hình, thông báo tin cho địch. Nếu có xảy ra đánh nhau thì chủ xe phải chịu trách nhiệm mọi tổn thất của cách mạng vì họ không đấu tranh với địch, đảm bảo an toàn trong vùng làm ăn của họ đã xin phép và làm nghĩa vụ đối với ta. Lâm sản lấy ra bao nhiêu phải nộp thuế nuôi rừng và đóng đảm phụ kháng chiến chống Mỹ theo tỷ lệ và giá trị từng loại cây trên từng vùng khác nhau.

2. Ngoài đóng góp tài chính theo điểm 1, chủ thầu còn phải làm nghĩa vụ thu mua, vận chuyển, tiếp tế hàng hóa giúp cho Mặt trận, giá trị bằng 1/2 đến 2/3 số tiền mà họ đóng góp tài chính nghĩa vụ theo đơn đặt hàng của kinh tài cửa khẩu.

3. Không được nhận với địch làm mật báo viên cung cấp tình hình các mặt hoạt động của Mặt trận và lực lượng giải phóng quân cho địch biết.

Nếu vi phạm 3 điều trên, Mặt trận sẽ ra lệnh đóng cửa, tịch thu phương tiện vô điều kiện, không có quyền khiếu nại.

Trước thái độ cương quyết của ta, dựa vào thế mạnh làm chủ rừng núi của Mặt trận, thông qua sự điều hành của Ban cán sự Đảng ở tiền phương, ta bắt buộc địch phải qua trung gian, thừa nhận số làm be khai thác gỗ xuất khẩu, cam kết theo 3 điều kiện ta nêu. Đi vào làm ăn vùng ta làm chủ lúc đó có các ông như: Huỳnh Đình Sự, Tư Mới, Út Minh, 18 v.v...

Qua thực tế đó, chúng tôi rút ra kết luận ban đầu là: Địch tuy đông, thái độ hung hãn, một số thật sự phản động, nhưng do ảnh hưởng tình hình trên toàn chiến trường ta đánh mạnh, trực tiếp là trận Bình Giã, địch có biểu hiện xuống thế, cho bọn tay chân chấp nhận điều kiện của ta để làm ăn và kiếm ăn. Về ta, việc làm chủ được rừng núi là thế mạnh, nhưng dựa vào rừng để lấy gỗ bán ăn là biện pháp nguy hiểm, nhưng trong thế bí phải dùng và cũng chỉ là bước đầu, sử dụng nó làm bình phong, tạo thế tiến tới xây dựng thế làm chủ trên đường 20, bắt buộc xe hàng, xe khách phải tham gia đóng góp nghĩa vụ, nộp thuế lưu thông, thuế hàng hóa trên đường và tham gia làm nghĩa vụ tiếp liệu, tiếp tế, hậu cần ngay trên đường. Chúng tôi cho rằng, phần đầu làm được việc này là gián tiếp huy động mọi thành phần xã hội trong vùng địch kiểm soát và nhân dân trong các đô thị đóng góp cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Xuất phát từ tình hình thực tế, phân tích khả năng và chính sách của Mặt trận lúc bấy giờ, chúng tôi chủ trương cho phép đội công tác, lực lượng cửa khẩu và đơn vị vũ trang kết hợp thường xuyên hoặc bất thường được ra chặn xe trên đường 20, vũ trang tuyên truyền, phổ biến chính sách của Mặt trận, vận động chủ xe và khách đi trên xe đóng góp nuôi quân đánh Mỹ, cứu nước và tổ chức thu mua một số lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cấp thiết phục vụ chiến đấu và đời sống nhân dân căn cứ.

Ban đầu chúng tôi tổ chức chặn xe ban đêm, kết hợp những chuyến giao liên cảnh giới đường, bắt xe ngừng chạy để đưa lực lượng và cán bộ qua đường, giáo dục thuyết phục người đi trong xe, mua lại một ít hàng hóa. Có nơi anh em chặn xe buổi chiều ở những đoạn đường vắng vẻ, chặn tại chỗ, chặn khoảng dài, từ đoạn 135 Phương Phú Lâm lên Ma Đa Gui, đèo Chuối, ngã ba Bà Xa, đầu đèo B' Lao, An Lạc, sở Phạm Văn, Tam Bố, Lang Hanh v.v... Nơi làm chủ lâu nhất, lập thể bám trụ dài nhất là đoạn đèo Chuối, gần 4 năm, ta tổ chức mở cửa khẩu trên 3 cây số ở đoạn này.

Lúc đầu sơ khai là chặn xe, tập hợp quần chúng mít tinh, tán phát truyền đơn mang nội dung vận động chính trị, còn làm kinh tế, tiếp tế chỉ là kết hợp, vận động mua, chứ không lấy, từ chối nhận sự ủng hộ vì sợ quần chúng hiểu lầm. Do vậy mà có nhiều người dự mít tinh xong, chuẩn bị lên xe, họ lấy hàng bỏ ra bên lề đường, trước khi xe chạy, bắt buộc ta gom hàng đem về nhưng chẳng biết của ai.

Trong mít tinh có người tìm gặp cán bộ, bộ đội nói nhỏ: “Các anh làm như vừa qua là hết sức tốt, ngay có nhiều tên sĩ quan, quan chức cải trang đi trên xe cũng ngồi nghe các anh nói chuyện, có ảnh hưởng rất tốt. Nhưng trên xe cũng có một số rất phản động, lợi dụng chức quyền, đi buôn quân tiếp vụ, sao các anh không tóm cổ và tịch thu tài sản hàng hoá của chúng đi, đem về cho dân vùng cách mạng dùng và nuôi quân đánh Mỹ?” Có ý kiến đề nghị: “Việc đóng góp nghĩa vụ cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ, ai cũng phải tham gia, chứ các anh đừng kêu gọi lòng hảo tâm, tự giác, chúng tôi kẹt, không đóng góp thì không được, mà đóng góp thì bọn địch cải trang đi trên xe theo dõi về báo cho địch khủng bố, bắt bớ, làm sao mà làm ăn được. Đề nghị các anh em cứ quy định thành mệnh lệnh để chúng tôi công khai đóng góp, vận động mọi người cùng đóng góp hợp pháp để mà đi, địch không thể lấy cớ khủng bố”.

Sau một tháng, họp tổng kết, Đảng uỷ tiền phương ngồi nghe phản ảnh tất cả những ý kiến hay của nhân dân quần chúng đề xuất. Cuối cùng, chúng tôi về họp Tỉnh uỷ quyết định mục tiêu, yêu cầu chính sách và phương thức vận động là tạo cho được nòng cốt giác ngộ, kết hợp với mệnh lệnh công khai, huy động nghĩa vụ trên đường 20, xin ý kiến Khu uỷ khu 6 chỉ đạo cho Lâm Đồng được phép thu thuế buôn chuyển và thu thuế đầu xe lưu thông trên đường 20 có biên lai rõ ràng.

Có lần ta chặn xe kiểm soát và làm chủ suốt 5 tháng liền ở đoạn đèo Chuối, địch bí đường vận chuyển quân tiếp vụ,

phải chuyển đi từng chuyến công voa tốn kém và nguy hiểm. Nhiều lần chúng phải chuyển sang đường Phan Rang - Đà Lạt nhưng cũng không an toàn và phải bảo vệ một khoảng đường dài hơn đường 20 từ Sài Gòn đi Đà Lạt. Chúng chỉ đi được 2 chuyến thôi, rồi cũng phải trở lại đi đường 20 với thủ đoạn chờ lúc đội cửa khẩu bỏ trống, cho xe nguy trang, bí mật, bất ngờ vận chuyển hàng quân tiếp vụ. Có lần, thông qua cơ sở báo tin, ta chặn tịch thu 5 xe GMC chở hàng quân tiếp vụ, trong đó có 2 xe bột sữa, 1 xe đậu xanh, 2 xe rượu Whisky trong dịp tháng 1 năm 1965.

Cũng trong thời gian này, Trường võ bị Đà Lạt cho sinh viên về nghỉ Tết. Trên xe khách, chúng nguy trang làm thường dân đi ngang đèo Chuối. Được cơ sở báo tin, ta chặn lại, đưa xe vào rừng, giữ lại 43 sinh viên sĩ quan trong 4 giờ liền, giải thích đường lối, chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, vạch rõ âm mưu xâm lược của Mỹ đối với miền Nam Việt Nam nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta, nhiệm vụ của nhân dân miền Nam Việt Nam phải đứng dậy đấu tranh tự giải phóng. Đến 4 giờ 30 chiều hôm ấy, ta cho họ ăn và đưa xe ra cho anh em về. Cuộc họp tuy ngắn nhưng đạt kết quả tốt. Có một số sinh viên, khi về nhà, viết thư chuyển lên cửa khẩu cảm ơn anh em giải phóng quân đã thông tin cho họ những điều cần thiết với thái độ cảm phục.

Nhờ hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội ở cửa khẩu từ giữa năm 1964 đến cuối năm 1967 mà phong trào thị xã, thị trấn trên địa bàn Lâm Đồng có những bước phát triển hết sức tốt. Từ cửa khẩu đèo Chuối, ta móc nối mua hàng, đồ hàng, tạo

cơ sở tiếp tế đường dài, tạo bàn đạp mở thêm nhiều cửa khẩu ở Tân Rai, Trảng Bĩa, Tứ Quý, Đông Đò, Bờ Trộ... Công tác hậu cần cho bộ đội được đảm bảo, cung cấp cho yêu cầu hàng ngày và sản xuất của 10.000 dân căn cứ ngày một cải thiện, đảm bảo tối thiểu. Tài chính đảm bảo chi tiêu và có dự trữ cho địa phương, đóng góp cho khu, giúp cho tỉnh bạn Tuyên Đức, Bình Thuận những lúc gặp khó khăn.

Nhờ xây dựng cửa khẩu vững vàng mà năm 1967 địch chủ trương đánh ta về kinh tế, tài chính, bất ngờ đổi bạc để ta không kịp thời đổi được, sẽ mất tất cả. Nhưng cơ sở đường dài hiến kế cho ta chuyển tiền thành vàng. Lâm Đồng đã lấy ra tiền thu thuế trên đường nhờ cơ sở mua vàng mang về nộp cho khu, chứ không nạp tiền. Khi địch đổi tiền trong vòng 24 giờ thì Lâm Đồng không mất đồng nào.

Vì thế, cửa khẩu quan trọng biết nhường nào trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ trên địa bàn Lâm Đồng! Đời sống ngày được cải thiện là nhờ tổ chức sản xuất tốt của trên 10 ngàn dân vùng căn cứ, cửa khẩu hậu cần vững vàng, có chính sách huy động kinh tế vùng địch, xây dựng kinh tế hậu cần vùng ta...Đây là nguyên nhân cơ bản giành thắng lợi trên địa bàn Lâm Đồng.

Nhờ mở được cửa khẩu mới có điều kiện làm đường vào vùng căn cứ, phát triển phong trào xuống vùng Phương Phú Lâm, làm chủ và mua lúa gạo ở Nam Sao, Chí Hòa, Đạ Cai, tạo thêm của cải vật chất phục vụ cho cuộc kháng chiến từ 1964-1965 đến 1968, và đi vào Mậu Thân, góp phần quan

trọng của tỉnh nhà giành chiến thắng trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước trên địa bàn Nam Tây Nguyên, Cực Nam Trung Bộ. Nằm ở vùng giáp ranh giữa vùng chiến lược khu 5 và Nam Bộ, anh em thường ví mình như người nằm giữa hai chiếc chiếu nhưng không được đắp, thường xuyên bị lạnh. Mới nghe như những lời trách móc, nhưng đó cũng là quy luật vận động của xã hội mà thôi!

CHIẾN DỊCH TẤN CÔNG MÙA HÈ NĂM 1965

Cuộc đảo chánh loại bỏ gia đình trị Ngô Đình Diệm của Mỹ năm 1963 và bọn Nguyễn Khánh lật đổ Dương Văn Minh hồi tháng 1/1964 đã làm cho thế và lực của Mỹ và bọn tay sai đi vào khủng hoảng sa sút triền miên. Nhân dân miền Nam có cơ hội nổi dậy đấu tranh đòi loại bỏ bọn tay sai hiện hành và đòi trừng trị bọn ác ôn tay sai Diệm - Nhu còn lại. Dịch tiếp tục đi xuống, phong trào quần chúng vươn lên mạnh mẽ, tấn công liên tục bộ máy kèm kẹp của địch ở cơ sở.

Từ tháng 7 năm 1964 trở đi, thắng lợi liên tiếp về chính trị vũ trang của nhân dân miền Nam đã tạo nên sự chuyển biến mới trên chiến trường có lợi cho ta và bất lợi cho địch. Tiếp đó là hoạt động đông xuân năm 1964-1965, nhất là sau trận chiến thắng Bình Giã, hàng loạt ấp chiến lược bị ta phá, hàng vạn quần chúng nổi dậy đấu tranh lật đổ ách kèm kẹp của địch, buộc chúng phải rút bỏ nhiều địa bàn nông thôn, tập trung lực lượng về củng cố các địa bàn xung yếu quanh quận lỵ, thị xã, thị trấn.

Trên địa bàn khu 6, Nam Tây Nguyên, các tỉnh Cực Nam Trung Bộ, chiến tranh nhân dân có bước phát triển tốt. Tỉnh Phước Long giải phóng khu vực Bù Na, quận lỵ Bù Đăng. Tỉnh Bình Thuận giải phóng quận lỵ Hoài Đức và phần lớn quận lỵ Tánh Linh. Tỉnh Lâm Đồng giải phóng phần lớn vùng nông thôn. Hệ thống ấp chiến lược chỉ còn trên đường 14 Bis (đường quốc lộ 28 hiện nay) từ thị trấn Di Linh đến Bơ Rộ và các ấp chiến lược xung quanh B' Lao và một số ấp dọc đường 20, nhưng bị cô lập, chia cắt từng đoạn ...

Tình hình trên đã tạo điều kiện cho quân khu 6 thực hiện quyết định của trên, mở hoạt động hè, phối hợp nhịp nhàng với miền, lấy Phước Long làm trọng điểm (mở chiến dịch giải phóng Phước Long, Đồng Xoài). Khu uỷ chỉ thị giao tỉnh Lâm Đồng phối hợp hoạt động với trọng điểm, thuộc diện trực tiếp mở chiến dịch tổng hợp, đánh bại bình định nông thôn của địch trên địa bàn Lâm Đồng.

Về tương quan lực lượng địch ta trước chiến dịch, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cũ lúc bấy giờ như sau:

Lực lượng địch có 14 đại đội bảo an, trong đó có 5 đại đội làm nhiệm vụ cơ động, còn lại chốt giữ ấp và trực giao thông, 23 trung đội dân vệ (đa số giữ các ấp chiến lược), 18 đoàn bình định sơn thôn, 2 chi đội xe bọc thép, 3 trung đội pháo 105 ly, 1 phi đội trực thăng vũ trang và L19. Ngoài ra, trong các ấp chiến lược, địch còn tổ chức lực lượng thanh niên chiến đấu có vũ trang trong 82 ấp xung quanh thị xã, thị trấn, đường giao thông 14 Bis và 20.

Về phía ta, lực lượng vũ trang của tỉnh có đại đội bộ binh C210 và 724, đội biệt động đặc công C748, 1 trung đội trinh sát, 1 trung đội công binh và các phân đội trực thuộc là trinh sát, thông tin, 3 cơ quan tham mưu chính trị hậu cần mới được biên chế. Sau khi thành lập, Ban chỉ huy tỉnh đội có gần 350 cán bộ và chiến sĩ (theo báo cáo tổng kết chiến dịch).

Lực lượng các huyện: K1 và K2 (thuộc căn cứ Bắc), K3 (huyện Di Linh), K4 (huyện Đa Huoai), T29 (thị xã B'Lao) đã hình thành huyện, thị đội và mỗi huyện, thị có 1 trung đội bộ đội địa phương và có tất cả 21 đội vũ trang công tác. Tổng số lực lượng cả chính trị và vũ trang trên địa bàn các huyện, thị có 364 cán bộ, chiến sĩ.

Vùng căn cứ và giải phóng có 10.000 dân. Lực lượng bán vũ trang có 1.238 dân quân, 532 du kích thôn và 340 du kích xã được trang bị 85 súng các loại.

Vùng tranh chấp và làm chủ phía trước của ta là 20 % (trên 82 ấp), có 6 tổ du kích, 20 đồng chí hoạt động bán hợp pháp, vùng địch kiểm soát có 28 du kích mật.

Lực lượng ở quân khu tăng cường xuống hoạt động trên địa bàn Lâm Đồng trong chiến dịch gồm có 2 đại đội bộ binh 31 và 32 của tiểu đoàn 30 từ miền Bắc vào và tiểu đoàn 186, một trong các tiểu đoàn cơ động của quân khu 6 đang hoạt động ở Hoài Đức, Tánh Linh chuyển lên.

So sánh lực lượng địch và ta trên chiến trường thì ta hơn địch tiểu đoàn chủ lực nhưng địch hơn ta 5 đại đội biệt kích

Mỹ đóng ở Tân Rai và nhiều đại đội bảo an, dân vệ và thanh niên chiến đấu, còn ta lại có ưu thế về các trung đội du kích và đội công tác. Mặt khác, địch có ưu thế tuyệt đối về phi pháo, xe bọc thép, phương tiện cơ động và phương tiện kỹ thuật.

So sánh về yếu tố quần chúng thì vùng căn cứ của ta lúc bấy giờ có 10.000 dân so với 120.000 dân trong tỉnh, nhưng ta có ưu thế tuyệt đối về đất đai, ta làm chủ 80% vùng nông thôn hiểm trở lúc bấy giờ. Ta có lợi khi lập thế tấn công và đảm bảo an toàn về phòng ngự trong mọi thời tiết, có khả năng phát triển du kích chiến tranh từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong căn cứ, có điều kiện chi phối căng kéo địch trên suốt đường 20 dài 100 cây số. Đó là chỗ mạnh của lực lượng cách mạng trên chiến trường Lâm Đồng nếu biết sử dụng và phát huy.

Về tổ chức chỉ đạo và chỉ huy chiến dịch, Thường vụ Khu uỷ và Quân khu uỷ giao cho Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng chỉ đạo chiến dịch, tổ chức cơ quan tiền phương trực tiếp chiến trường giúp cho Thường vụ Tỉnh uỷ, bộ chỉ huy tổng hợp ở địa phương lo cho chiến dịch.

Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ định Đảng uỷ và Ban chỉ huy chiến dịch gồm 5 đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Xuân Du: Thường vụ Tỉnh uỷ, nguyên trưởng ban quân sự tỉnh, phụ trách Bí thư Đảng uỷ tiền phương, lo công tác dân vận, binh vận, phong trào đấu tranh chính trị và chỉ đạo trực tiếp công tác kinh tài, hậu cần của

chiến dịch.

2. Đồng chí Nguyễn Viên (tức Ba Bình): Thường vụ Tỉnh uỷ, Chính trị viên Tỉnh đội, Phó bí thư Đảng uỷ, kiêm Chính trị viên Ban chỉ huy tiền phương.

3. Đồng chí Đào Hậu: Tỉnh đội trưởng, kiêm Chỉ huy trưởng tiền phương, Đảng uỷ viên.

4. Đồng chí Hoàng Phi Hồ: Tham mưu trưởng Tỉnh đội, kiêm Tham mưu trưởng tiền phương, Đảng uỷ viên.

5. Đồng chí Nguyễn Xuân Chiêu: Trưởng ban chính trị Tỉnh đội, kiêm Phó chính trị viên tiền phương, Uỷ viên.

Đảng uỷ và Ban chỉ huy tiền phương đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng.

Thời gian chiến dịch là tháng 5-6, nếu thuận lợi sẽ kéo dài đến giữa tháng 7/1965.

QUYẾT TÂM CHIẾN LƯỢC CỦA CHIẾN DỊCH

Đảng uỷ và Ban chỉ huy tiền phương họp hạ quyết tâm trước Thường vụ Tỉnh uỷ và báo cáo về quân khu lúc bấy giờ là tập trung sức cao độ, phát huy toàn bộ các lực lượng của tỉnh và lãnh đạo sử dụng tốt các lực lượng của khu chi viện, phối hợp chặt chẽ với chiến dịch Phước Long, Đồng Xoài, Lâm Đồng tập trung làm tốt 4 mục tiêu nhiệm vụ được giao sau đây:

1. Ra sức tấn công tiêu diệt địch trong các cứ điểm, hệ thống đồn bót trên trục giao thông đường 20 thuộc địa giới

Lâm Đồng, nhờ các cứ điểm lẻ, các đơn vị kèm ấp chiến lược còn đóng sâu trong vùng giải phóng và căn cứ của ta, đánh rã bộ máy kèm, mở rộng quyền làm chủ, củng cố vùng mới giải phóng trên hướng Đông Bắc thị xã B' Lao, Bắc Di Linh (đường 14 kéo dài), uy hiếp mạnh trên trục lộ đường giao thông 20.

2. Để tạo yếu tố bí mật, bất ngờ, nghi binh hướng chủ yếu (hướng đường 14) nên tập trung mở màn của chiến dịch là kéo đánh địch, buộc địch dồn sức đối phó ta ở hướng Tây Bắc thị xã B' Lao và Tây đường 20, từ chân đèo B' Lao giáp Long Khánh. Tổ chức bao vây lực lượng địch ở trung tâm huấn luyện khu biệt kích Tân Rai vừa mới xây dựng bằng lực lượng bộ đội địa phương K2 với du kích xã 4 (nay là xã Lộc Lâm) cùng đội công tác Tân Rai tổ chức bố phòng, đánh du kích, bao vây, phong tỏa, cô lập tiếp tế của địch từ B' Lao đi vào...

3. Tiểu đoàn 186 phối hợp đánh diệt một số đồn bót lẻ trên đường 20 theo phương thức tác chiến công đồn, diệt viện, kéo địch dồn sức đối phó ở hướng này, tạo sơ hở để lực lượng của tỉnh và 2 đại đội 31-32 của tiểu đoàn thiếu trên hướng chính hoàn thành nhiệm vụ.

4. Trên cơ sở hoạt động thắng lợi của lực lượng vũ trang, phát động quần chúng phá ấp, mở vùng, tấn công địch về chính trị - binh vận, lấy kinh tế vùng địch vun đắp vùng ta, mở cửa khẩu, làm tài chính, tổ chức hậu cần tiếp tế tại chỗ cho lực lượng phía trước, bồi dưỡng phía sau, phục vụ kháng chiến chống Mỹ lâu dài.

KẾ HOẠCH TÁC CHIẾN CỦA CHIẾN DỊCH

Kế hoạch tác chiến của chiến dịch được chia làm 2 bước:

Trong bước 1, mở màn tấn công vào hướng thứ yếu để nghi binh đánh lừa, kéo địch về hướng Tây của tỉnh bằng cách dùng lực lượng vũ trang của tỉnh tấn công tiêu diệt ấp chiến lược Bơ Xu Đăng Lú, dùng lực lượng C31 và C32 quân khu 6 mới chi viện cho tỉnh lột đánh viện quân từ B' Lao đến giải tỏa.

Tiểu đoàn 186 phối hợp đánh địch ở khu ấp chiến lược Bà Xa (Phước Lạc), cắt cầu Đạ Huoai, kéo địch từ tiểu khu B' Lao đến giải tỏa để tiêu diệt, thu hút địch, tập trung giải tỏa đoạn phía Tây tiểu khu B' Lao, tạo sơ khoáng đoạn Bắc Di Linh (đường 14 kéo dài), tạo cú đánh bất ngờ có tính chất then chốt để mở vùng này.

Giao nhiệm vụ cho lực lượng vũ trang địa phương và du kích K2 ở căn cứ điều ra cùng với đội công tác 1/5 (Minh Rồng) tổ chức bố phòng, bao vây, phong tỏa, đánh du kích, kết hợp dùng quần chúng tấn công chính trị - binh vận, trung lập khu huấn luyện biệt kích Mỹ ở Tân Rai.

Trên cơ sở thắng lợi của bước một, khẩn trương triển khai lực lượng thực hiện kế hoạch bước hai có tính chất then chốt của chiến dịch, tập trung giải phóng toàn bộ hệ thống ấp chiến lược, làm chủ đường 14 Bis, giải phóng toàn bộ vùng nông thôn Bắc Di Linh. Lực lượng 186 của quân khu tiếp tục hoạt động trên địa bàn Phước Lạc, phát triển xuống Thọ Lâm, Phước Phú Lâm theo nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở của 2 bước nói trên, bước ba là bước ra sức củng cố vùng mới giải phóng, tiếp tục tấn công địch đánh phá bình định vùng địch lấn chiếm, bảo vệ và phát triển du kích chiến tranh trong căn cứ, vùng mới giải phóng, mở rộng phá ấp, phá kềm trên toàn tuyến đường 20 từ Tam Bốc đến Phương Phú Lâm (đầu địa phận tỉnh Long Khánh).

Để đảm bảo an toàn chiến dịch, Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương phát động tư tưởng chính trị cho quần chúng, cả dân trong căn cứ và vùng ven, cơ sở cốt cán trong lòng địch, lập thành tích chào mừng ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm đúng 10 năm ngày ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ.

Về nội bộ, phát động tư tưởng, nêu cao truyền thống quyết chiến, quyết thắng, xứng danh anh bộ đội Cụ Hồ, đánh sâu diệt gọn, làm chủ chiến trường, thực hiện tốt 6 chính sách: chính sách thương binh tử sĩ, chính sách chiến lợi phẩm, chính sách dân vận, chính sách dân tộc và mặt trận đoàn kết dân tộc, chính sách tù hàng binh, chính sách hậu phương quân đội.

Về tổ chức trong nhân dân, động viên thanh niên xung phong gia nhập vào dân quân du kích phục vụ tiền phương, biên chế thành đội ngũ A, B, C, D sẵn sàng đâu cần là có mặt, lực lượng nào cần thì bổ sung.

Về nội bộ cơ quan, đơn vị, đội công tác và lực lượng sản xuất phía sau được biên chế tổ chức tinh giản và hợp lý, rút bớt người để tổ chức đội dự bị bổ sung cho chiến đấu phía trước; khẩn trương tổ chức huấn luyện 15 ngày về quân sự để phục vụ chiến dịch.

Về hậu cần cho chiến dịch, chủ trương phải chuẩn bị vũ khí, đạn dược, thuốc men đủ 3 cơ sở trước lúc mở màn. Lương thực, thực phẩm có ăn một tháng và trong quá trình chiến đấu có biện pháp khẩn trương liên tục, huy động bổ sung từ trong dân ra và từ biên giới H50 chuyển về.

Thường vụ Tỉnh uỷ cũng đặt ra nghiêm túc vấn đề phòng gian bảo mật trong chiến dịch là một nội dung trong các nội dung phát động nội bộ và nhân dân, đảm bảo cho được yếu tố bí mật, bất ngờ trong quá trình thực hiện phương án.

DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CHIẾN DỊCH

Xuất phát từ vị trí trú quân, đến 22 giờ đêm ngày 3 tháng 5 năm 1965, đại đội 210 đã hoàn thành việc triển khai chiếm lĩnh trận địa trên cả 3 hướng theo phương án. Đúng 23 giờ, cả 3 mũi đã đưa tất cả lực lượng vào bên trong và nổ súng tấn công áp đảo địch ngay phút đầu, quân địch hỗn loạn chống trả yếu ớt. Sau 16 phút chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ chiến trường, tiêu diệt và đánh tan 2 trung đội dân vệ chốt áp, thu 50 súng các loại. Lực lượng ta trụ lại phát động quần chúng phá ấp, giải tán tề.

Đơn vị liên đại đội 31 và 32 đánh viện trên đường từ Tân Hà vào. Do anh em không thạo địa hình, trinh sát dẫn đi lạc, đến 5 giờ sáng ngày 4/5/1965 mới đến trận địa. Lực lượng ta vừa chiếm lĩnh bố trí thì quân viện của địch có xe bọc thép yểm trợ cũng đến nơi. Phát hiện lực lượng ta, chúng triển khai đội hình tấn công, quân ta tuy bị động nhưng đã lập tức triển khai đội hình, phản công, diệt bọn bộ binh đi đầu. Chi

đội xe bọc thép phía sau bắn chỉ viện cho bọn bộ binh cướp xác lính và thu quân chạy về B' Lao. Ta hy sinh 2 chiến sĩ và khi rút lui, quân ta đi lạc 5 đồng chí, hai ngày sau mới tìm về đơn vị.

Cùng đêm 3/5, đại đội 5 đặc công của tiểu đoàn 186 đã đánh diệt gọn trung đội trong đồn ngã ba Bà Xa đường 20. Tiểu đoàn 186 bố trí đánh viện phía Tây Nam chân đèo B' Lao. Sáng ngày 4/5, địch tiếp viện từ B' Lao xuống. Chúng cho 2 xe Hội hồng thập tự đi trước để lấy xác, còn đơn vị bộ binh và cơ giới kéo chạy đi sau. Anh em đã đánh làm 2 xe Hồng thập tự. Bọn bộ binh kéo chạy về B' Lao. Như vậy, trong buổi sáng, địch phải điều viện binh cả 2 hướng, lực lượng bị phân tán và đều bị đánh tổn thất. Trung đội bảo an đóng giữ cầu Đạ Huoai hoảng sợ bỏ chạy trốn trong rừng, sau một ngày mới có lệnh tiểu khu trở lại giữ đồn.

Rút kinh nghiệm và theo phương án, đêm 7/5, đại đội đặc công cùng lực lượng bộ đội địa phương K4 đột nhập làm chủ và phá banh các ấp chiến lược đoạn đường 20 thuộc xã Phước Lạc (nay là thị trấn và xã Đạ Mri). Lực lượng tiểu đoàn 186 tổ chức phục kích từ chân đèo xuống đến cầu Đạ Mri, đón đánh địch từ B' Lao xuống.

Đúng 7 giờ ngày 8/5 có 2 đại đội thám kích và 1 chi đội xe bọc thép từ B' Lao kéo xuống giải toả. Chúng lọt vào trận địa, quân ta đồng loạt nổ súng tấn công tiêu diệt 3 xe bọc thép (có 1 chiếc bị ta bắn cháy bằng súng trường Nga), tiêu diệt 1 đại đội thám kích và đánh thiệt hại nặng 1 đại đội khác, phá huỷ 4 xe GMC, đánh sập cầu Đạ Mri.

Cùng ngày, 1 đại đội bảo an đóng ở đồn Bà Xa và lực lượng chốt giữ cầu Đạ Huoai rút về cụm lại ở ngã ba Bà Xa với quân số khoảng 150 tên. Lực lượng 186 phát hiện kịp thời, hạ quyết tâm tập kích tiêu diệt, không để chúng có thời gian tìm cách chạy thoát về B' Lao. Sau 30 phút chiến đấu, phần lớn quân địch bị tiêu diệt. Số còn sống sốt tháo chạy vào rừng, tìm đường thoát thân. Ta làm chủ trận địa, thu chiến lợi phẩm, bắt tù binh, truy quét tàn binh. Trưa ngày 10/ 5, ta phá sập cầu Đạ Huoai, giải phóng gần 1.000 dân khu ấp chiến lược ngã ba Bà Xa, đưa về lại núi rừng K4. Quân ta làm chủ đoạn đường 20 từ đèo B' Lao đến cầu Đạ Huoai, Đắc Lơ.

Trước chiến thắng dồn dã ở mặt trận phía Tây và Tây Bắc B' Lao, bọn địch ở khu huấn luyện biệt kích Tân Rai cũng hoang mang, dao động mạnh. Lực lượng vũ trang K2 và đội công công tác 1/5 đã kịp thời bám dân và cơ sở ấp Tân Rai, Minh Rồng, lãnh đạo đấu tranh đòi chồng con em dân tộc về nhà làm ăn, không đi tiếp viện chết bỏ vợ con, cha mẹ. Tác động trực tiếp làm cho anh em binh lính bỏ trốn trại về nhà, gây cho địch dao động cực độ. Tất cả 5 đại đội đã bí mật bỏ trại, trốn ra B' Lao ở.

Ngày 7/5, anh em đội công tác tổ chức mít tinh tại ấp chiến lược Tân Rai, vận động nhân dân phá banh ấp chiến lược, bung dân ra bám rẫy làm ăn, đội công tác 1/5 bám dân xây dựng lực lượng chính trị vũ trang, đề phòng lực lượng biệt kích quay trở lại. Trong đợt này, anh em phát triển thêm được 3 đảng viên, hình thành chi bộ 9 đồng chí, tổ chức huấn

luyện và phát triển 12 du kích mật, lập thế lấn ra làm chủ Minh Rồng, tranh chấp xã Tân Phát (Lộc Phát ngày nay).

Đảng uỷ tiền phương họp sơ bộ đánh giá: Trong đợt một mở đầu chiến dịch, ta đã giành thắng lợi lớn, chiến thắng dòn dã, thế và lực ta đang lên, thế và lực địch bị đánh một đòn bất ngờ mà từ trước đến nay trên địa bàn Lâm Đồng chưa có; quân dân ta phấn khởi, nội bộ địch dao động mạnh, tạo thuận lợi và thời cơ lớn cho chiến dịch bước vào đợt II, chuyển lực lượng của tỉnh sang hướng chủ yếu, quyết giành thắng lợi theo mục tiêu mà chiến dịch đã đề ra là quyết giải phóng vùng nông thôn còn lại trên đường 14 kéo dài. Thời gian tấn công của chiến dịch trong phương án bước II từ 11/5 đến ngày 31/5. Trong khi đó lực lượng của đơn vị 186 vẫn căng kéo, cầm chân địch trên chiến trường Tây B' Lao (từ đèo B' Lao đến Phương Phú Lâm).

*

Lực lượng của tỉnh chuyển về đường 14 Bis có 2 đại đội 31 và 32 / D30 thiếu và các đại đội của tỉnh gồm 210 bộ binh và 748 đặc công. Toàn bộ Bộ chỉ huy tiền phương cùng Bộ tham mưu tỉnh đội chuyển về Hương Lâm, kiểm tra chiến trường, duyệt phương án chiến đấu.

Đúng 18 giờ ngày 29/5/1965, các đơn vị hành quân tiếp cận các mục tiêu đã định. Đúng 23 giờ ngày 29, đại đội 210 và 748 nổ súng tấn công áp chiến lược Bơ Sout Lạch. Ta làm chủ trận địa sau 5 phút, chiếm áp, bắt sống 30 tên dân vệ, thu 27 súng, quân ta vô sự.

Trước thế tấn công của ta, các trung đội dân vệ đóng giữ các ấp chiến lược Bơ Sout Gia và Kon Heng hoảng sợ bỏ ấp chạy hết về Di Linh.

Hai đại đội 31 và 32 của ta tổ chức phục kích chặn viện từ ấp Kon Heng trở vào, sẵn sàng đánh bọn địch Di Linh phản kích chiếm lại ấp.

Đúng 10 giờ ngày 30/5, 2 đại đội bảo an, 1 trung đội thám kích được pháo binh yểm trợ bộ binh, tiến vào trận địa hết sức thận trọng, lần dò từng bước. Đến 15 giờ cùng ngày, chờ tên cuối cùng lọt vào trận địa phục kích ở dốc Kon Heng, quân ta nổ súng bịt đường địch rút lui. Bộ phận chặn đầu và chính diện đồng loạt nổ súng, tấn công dồn địch xuống phía Đông thung lũng đường 14 Bis để tiêu diệt. Do địch hành quân đi bộ từ núi Chẻ vào và đi rất thưa nên trận địa chính không gói gọn được toàn bộ quân địch. Địch chống trả yếu ớt và tháo chạy hoảng loạn vào rừng. Quân ta hoàn toàn làm chủ trận địa, thu dọn chiến trường, tiếp tục phát triển chiếm lĩnh các sở Su-nhê, Rô-sen, Sung Hồ và tiến đến Tân Dân, sau đó rút về lập phòng tuyến chiến đấu chốt chặn núi Chẻ.

Như vậy, thực hiện phương án chiến đấu mở màn cho đợt II, lực lượng vũ trang của tỉnh đã đạt mục tiêu yêu cầu cao. Quân ta đánh diệt 1 đại đội bảo an, đánh 1 trung đội dân vệ giữ ấp, 1 trung đội thám kích, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an và làm tan rã 3 trung đội dân vệ giữ ấp trên đường 14 Bis, thu 69 súng các loại, giải phóng 4.000 dân trên 4 ấp chiến lược và làm chủ các đồn điền, chiếm lĩnh đường 14 Bis

từ Kin Đa đến núi Chẻ dài 50 km. Vùng giải phóng và căn cứ của ta có thể liên hoàn từ Nam và Tây Nam sông Đồng Nai đến cầu Đại Ninh, uy hiếp trực tiếp đường 20, làm cho bọn địch trên địa bàn Lâm Đồng hoàn toàn bị động. Ta từ thế yếu chuyển thành thế công, đẩy địch đi dần vào thế bị động phòng thủ, đối phó lúng túng.

Sau trận hoạt động mở màn, quân ta phối hợp với các hoạt động ở điểm, lực lượng tiểu đoàn 186 ở diện, tiếp tục tấn công tiêu diệt địch trên địa bàn Phước Lạc và Ma Đa Gui phía K4, giúp cho đội công tác và lực lượng vũ trang địa phương K4 truy quét tàn binh, phát động quần chúng bỏ ấp chiến lược về chỗ cũ làm ăn, tổ chức chính quyền tự quản.

Đến ngày 12/5 năm ấy, lực lượng 186 chuyển hoạt động xuống Đa Cai, Thọ Lâm, Phú Lâm, hỗ trợ cho lực lượng kinh tài hậu cần tỉnh phát triển mở cửa khẩu giải quyết tiếp tế hậu cần, phục vụ chiến dịch và tạo thế tạo lực tiếp theo.

Gần 20 ngày liên tục hoạt động và tổ chức chiến đấu trên địa bàn từ ngã ba Bà Xa và Đa Mri đến Phú Lâm, Thọ Lâm, địch hoảng hốt, bỏ ấp tháo chạy. Gần 10.000 dân sống dọc hai bên đường 20 ở thế 2 chân: ban đêm ta làm chủ, ban ngày địch đến với hình thức có mặt.

Như vậy, trong đợt II, trên 20.000 dân được giải phóng, làm chủ và tranh chấp; toàn bộ nông thôn mở ra và phát triển gần 1/3 huyện Định Quán thuộc Long Khánh. Ta có thể lợi dụng mở cửa khẩu tiếp tế, tiếp liệu cho hậu cần, tạo thế xây

dựng hành lang lâu dài và ổn định cho khu 6 theo ý đồ ban đầu đề ra.

*

Trên cơ sở giành thắng lợi to lớn và toàn diện trong 2 đợt hoạt động của chiến dịch, giai đoạn thứ III của chiến dịch có nhiều thuận lợi. Địch đang trong tình trạng thế lực bị suy yếu, phải có thời gian ổn định, củng cố. Còn ta tuy có hy sinh tổn thất nhưng không đáng kể. Mặt khác, thế ta được mở ra, lực ta được bổ sung và tăng cường, hàng mấy chục ngàn quân chúng mới giải phóng, vùng rừng núi nông thôn nằm trọn vùng ta kiểm soát, hàng trăm thanh niên xung phong vào bộ đội, giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, thuốc men, hậu cần không những đã được bù đắp mà còn có bổ sung, dự trữ khá tốt.

Đợt III của chiến dịch (tháng 6 và tháng 7 năm 1965) là hoạt động trực tiếp tấn công, bảo vệ và củng cố thành quả của chiến dịch. Đảng uỷ và Ban chỉ huy tiền phương họp ở Hương Lâm, kiểm điểm đánh giá 2 đợt hoạt động và thống nhất chủ trương, nội dung và phương thức hoạt động của đợt III nhằm mục tiêu là tấn công, chống phá bình định của địch trên đường 20 và ven thị xã, thị trấn, đẩy mạnh đấu tranh chính trị - binh vận, đưa dân bung ra làm ăn, lập thế đấu tranh chống tái chiếm của địch.

Đầu tháng 6/1965, Ban chỉ huy tiền phương giao cho K3 tổ chức lực lượng, huy động nhân dân lập tuyến bố phòng

phía Nam núi Chẻ, Bắc Tân Dân, giao cho đơn vị bộ đội tiền phương huyện cùng 1 trung đội 210 tổ chức phòng tuyến chiến đấu, chốt chặn núi Chẻ, đánh địch từ Di Linh ra và lập thế tranh chấp vùng Tân Dân, Tân Lập, Cẩm Hương, Kim Lệ, hình thành tuyến tranh chấp sát nách chi khu Di Linh và hậu cứ phân khu hậu cần sư đoàn 23.

Đại bộ phận lực lượng của tỉnh chuyển về đánh phá bình định, chống lấn chiếm trên đường 20 giữa Di Linh và B' Lao (An Lạc, Tân Lạc, Đinh Trang Hạ) và hệ thống các đồn điền hai bên đường 20 ở đoạn đường này.

Đại đội 31 và 32, bộ chỉ huy tiểu đoàn 30 thiếu được giao nhiệm vụ bám hoạt động phía Đông và Tây Di Linh, chống lấn chiếm vùng mới giải phóng trên đường 14 Bis, đánh phá hệ thống ấp chiến lược số 5, Xức, Liên Đàm, cùng kết chặt với đội công tác Cẩm Hương, Kim Lệ, Liên Đàm chuyển lên thế làm chủ của ta ở vùng này. Bộ chỉ huy tiền phương lúc này chuyển về đóng phía Nhà Thiếc (giữa Cẩm Hương, Kim Lệ, Su-nhe, Trảng Bia) làm đại bản doanh chỉ đạo chiến dịch.

Nhờ các hoạt động căng kéo địch hoạt động trên đường 20 tốt, địch phải đối phó liên tục về giao thông, luôn luôn đề phòng ta đột nhập đánh vào thị xã B' Lao, thị trấn Di Linh. Lực lượng cơ động của địch đang bị kẹt ở chiến trường Phước Long nên đành làm ngơ, không đáp ứng được yêu cầu chi viện của bọn địch ở Lâm Đồng. Chúng không còn đủ lực lượng đánh phá, chiếm lại vùng mới giải phóng ở Lâm Đồng, ta có đủ thời gian củng cố, xây dựng lập thế trận chiến tranh

du kích và mở thêm mảng cửa khẩu hậu cần tiếp tế phía đường Kơ Pra - Mơ Niên, Bơ Trộ, Gung Răng Gia, đẩy mạnh bám đất sản xuất năm 1965 - 1966 đạt kết quả tốt, thêm mảng hậu cần tại chỗ phục vụ lực lượng đánh địch phía trước.

Tiểu đoàn 186 phát triển chiến đấu phía Tây của tỉnh đã tranh thủ thuận lợi, cùng đội công tác kinh tài và cửa khẩu của tỉnh phát triển, mở rộng chiến trường đến Phường Phú Lâm, Sùng Nhơn, Đạ Cai, Tà Lài. Được Ban kinh tài khu và Trung ương hỗ trợ cho tuyến cơ sở đường dài, tỉnh đã chính thức quyết định tổ chức lực lượng vũ trang kinh tài hậu cần bảo vệ cửa khẩu vào ngày 19/5/1965, tổ chức lực lượng chốt chặn đường từ cây số 141-143 và sau đó lập thế bám trụ lâu dài ở đoạn đèo Chuối (Phước Lạc).

Như vậy, chiến dịch tấn công địch tổng hợp mùa hè năm 1965 trên 3 tháng đã kết thúc thắng lợi trên nhiều mặt, cả về quân sự, chính trị, binh vận. Ta đã phá banh 52/82 ấp chiến lược trong toàn tỉnh (trừ lực lượng 186 phát triển xuống Đạ Cai, Long Khánh không tính), giải phóng thêm 30.000 dân, cô lập đồn bót trên đường 20, uy hiếp sát nách thị xã B' Lao, thị trấn Di Linh và 2 chi khu quân sự Đại Ninh, Đạ Huoai, mở nhiều cửa khẩu trên đường để thu thuế, thu mua lương thực, thực phẩm phục vụ cho kháng chiến chống Mỹ.

Ta diệt và làm tan rã bằng nhiều hình thức hàng ngàn quân địch, thu nhiều súng đạn, quân trang, quân dụng, phá hủy nhiều xe cộ và phương tiện chiến tranh của địch. Ta rút được nhiều thanh niên, nhất là thanh niên dân tộc, để bổ sung

và phát triển lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương, xây dựng, phát triển được thế lực hậu cần tốt phục vụ lâu dài cho cuộc chiến đấu ở địa phương, góp một phần giải quyết khó khăn cho tỉnh và khu 6 lúc bấy giờ.

Sở dĩ chiến dịch đạt được thắng lợi to lớn, toàn diện, trước hết là có sự chỉ đạo đúng đắn của trên, sự tăng cường lực lượng cơ động từ khu xuống, quyết tâm của các lực lượng vũ trang trong chiến dịch, sự phối hợp đồng bộ của các lực lượng tổng hợp trong chiến dịch. Ngoài ra, còn có sự chuẩn bị mọi mặt, nhất là chuẩn bị chiến trường, chọn hướng chiến đấu đạt yêu cầu, mục tiêu tập trung trong chiến dịch, khéo nghi binh, thực hiện tốt phương châm chiến dịch “ Bí mật, bất ngờ, căng địch ra mà đánh”, tổ chức chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ, sâu sát, kịp thời, có đội ngũ cán bộ cốt cán tốt, chấp hành nghị quyết của Đảng nghiêm minh, đảng viên quyết tâm, toàn Đảng bộ nắm vững nhiệm vụ chính trị là phá ấp, mở vùng, đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm của Mỹ; giải quyết tư tưởng bộ đội thông suốt về nhiệm vụ chiến đấu, chấp hành kỷ luật và chấp hành chính sách dân tộc, chính sách dân vận và các chính sách trong chiến dịch chặt chẽ. Đó là yếu tố và nguyên nhân của mọi thắng lợi của chiến dịch.

Nhờ thắng lợi trong chiến dịch hè năm 1965, tỉnh đã tạo ra thế mới, lực lượng vật chất đã được tăng cường, phong trào đấu tranh 2 chân 3 mũi được phát huy mạnh mẽ trên cả 3 vùng, làm cho địch suy yếu một bước rất quan trọng trên địa bàn của tỉnh, tạo tiền đề thực tế đi vào chuẩn bị lực lượng

chuyển sang đối phó với chiến tranh cục bộ, cùng với toàn miền góp phần đánh thắng đế quốc xâm lược Mỹ. Mặc dù sau chiến dịch, cấp trên sớm rút lực lượng tiểu đoàn 30 thiếu đi chiến trường khác, nhưng vùng mới giải phóng vẫn được củng cố, vùng làm chủ tranh chấp được duy trì phát triển và mở rộng, tiếp tục giành thắng lợi trên chiến trường, làm thất bại chủ trương tiêu diệt, bình định với chiến thuật “bủa lưới, phóng lao” trên địa bàn Lâm Đồng. Lực lượng nhân dân du kích chiến tranh trong tỉnh vẫn tiếp tục phát triển với khí thế không ngừng vươn lên cả 3 vùng trong 2 năm 1966-1967 và đi vào Mậu Thân. Tuy lực lượng phải điều đi một phần quan trọng phục vụ chiến trường Đà Lạt (trọng điểm 2 của khu 6), nhưng lực lượng còn lại ở Lâm Đồng vẫn trong khí thế liên tục tấn công địch, giành thắng lợi, đẩy lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần rất cơ bản.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU CỦA TIỂU ĐOÀN 186

Đảng uỷ tiền phương hoạt động từ tháng 4/1965 đến tháng 12/1967.

Sau chiến dịch hè năm 1965, quân khu 6 biệt phái tiểu đoàn 186 đặc trách đứng chân về hoạt động trên đất Lâm Đồng, tôi được Thường vụ Tỉnh uỷ phân công làm Bí thư Đảng uỷ tiền phương, có trách nhiệm theo dõi, giúp đỡ và phối hợp với các lực lượng vũ trang, các đội công tác phía trước, cùng lực lượng 186 tấn công địch liên tục, làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động bình định của địch.

Để đảm bảo cho lực lượng 186 hoạt động tốt, quân khu 6 giao cho Lâm Đồng có trách nhiệm bảo đảm cung cấp vật chất, lương thực, thực phẩm cho các đơn vị theo quy định trong chế độ của khu về quân trang, quân dụng, vũ khí, đạn dược, thuốc men. Tỉnh có trách nhiệm huy động dân công vận chuyển từ khu về và từ biên giới Cam-pu-chia, H50 xuống. Về tài chính, tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp cấp cho D186 theo kinh phí hạng mức của tỉnh, chỉ theo chế độ uỷ quyền, hàng tháng báo cáo xem như đã nộp nghĩa vụ cho khu theo phần của tỉnh cấp cho đơn vị.

Khu uỷ và Quân khu uỷ còn quyết định tỉnh phải cử một đồng chí Thường vụ Tỉnh uỷ hoặc Phó bí thư theo dõi công tác tiền phương, đặc trách theo sát, giúp đỡ, tham gia trực tiếp, tư vấn chỉ đạo, chỉ huy đối với Đảng uỷ và Ban chỉ huy tiểu đoàn 186 suốt quá trình hoạt động trên đất Lâm Đồng. Với trách nhiệm nói trên, Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Tám Cảnh vừa là Bí thư Đảng uỷ chỉ đạo tiền phương của tỉnh, vừa trực tiếp tham gia tư vấn cho Đảng uỷ và Bộ Chỉ huy tiểu đoàn 186, nhất là tình giao bộ phận tiền phương toàn quyền quyết định đảm bảo chế độ, vật chất cho đơn vị trong chiến đấu và công tác... Trên 2 năm 4 tháng, Lâm Đồng đã gỡ được những khó khăn lúng túng ban đầu, tạo điều kiện cho đơn vị vươn lên hoạt động tốt, anh em đóng góp công lao trên đất Lâm Đồng mà lịch sử Đảng bộ Lâm Đồng đã ghi công.

Về cá nhân, tôi xin nêu một số mẩu chuyện nhỏ trong quá trình cùng có mặt trên chiến trường để lưu niệm với đơn vị

một chặng đường chiến đấu đầy gian khổ không bao giờ quên.

Tôi còn nhớ đơn vị 186 theo lệnh của quân khu phối hợp hoạt động chiến dịch hè năm 1965 có tính chất phối hợp thời gian của chiến dịch. Nhưng đến cuối tháng 7 năm ấy, quân khu có quyết định chuyển đơn vị 186, đơn vị chủ lực của quân khu, xuống tỉnh làm nhiệm vụ vũ trang hỗ trợ phong trào nhân dân du kích chiến tranh, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, chống phá kế hoạch bình định, phá ấp, phá kèm, mở rộng quyền làm chủ và giải phóng, thu hẹp vùng địch kiểm soát trên địa bàn Lâm Đồng.

Thực hiện chủ trương trên, đầu tháng 8/1965, đơn vị 186 chuyển lên đứng chân ở trảng Cây Đứng Đỉnh để học tập, củng cố lực lượng và sau đó chuyển về đường 14 Bis, Bắc Trảng Bia để bám sát đường 20, đoạn giữa B' Lao - Di Linh. Anh em đã chuyển thẳng đóng quân trên đỉnh núi Xà Lùng có độ cao 1.233m mà anh em chiến sĩ thường gọi đỉnh núi này là: “cây mặc áo dây meo”, “mây trắng lững lờ”, “núi mù cả ngày”. Anh em mặc áo lạnh suốt tháng vì quen khí hậu đồng bằng, nay chuyển lên núi cao lạnh lẽo, co ro. Khi mới lên núi, anh em thiếu đủ thứ: thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu thuốc hút, thiếu kem đánh răng ... Thật muôn vàn nỗi khổ! Anh em vừa lên chưa đầy 2 tháng, 4 lần dời chỗ ở, vừa lo chuẩn bị chiến trường, lập phương án chiến đấu, vừa tổ chức tiếp tục học tập, xác định tư tưởng, an tâm bám sát chiến trường.

Lần đầu tôi chính thức thay mặt Thường vụ Tỉnh uỷ, nhân ngày lễ 2/9, đến thăm đơn vị, thăm Đảng uỷ và Bộ chỉ huy

quân sự, tặng anh em một ít quà. Đây là dịp tôi được tâm sự với các đồng chí trong Bộ chỉ huy, nghe thông tin của đơn vị báo cáo đủ loại khó khăn khi chuyển về hoạt động ở chiến trường mới. Qua chuyến thăm và nghe phản ánh của các đồng chí chỉ huy một cách chân tình, tôi càng hiểu rõ thêm nhu cầu cần thiết của việc đảm bảo vật chất và sức khỏe cho bộ đội trong tình hình thay đổi môi trường mới, vấn đề trách nhiệm giúp đỡ đơn vị, tạo điều kiện để đơn vị hoàn thành nhiệm vụ của trên giao, tôi thấy rõ hơn những nhu cầu cần đáp ứng kịp thời cho anh em trong chiến đấu và công tác. Việc quan hệ với các đội công tác, thông qua các đội công tác để nắm địch tình hoặc khi cần phúc tra tin tức của quân báo cũng phải được đặt ra và quy định chặt chẽ, thường xuyên.

Về mặt quân sự, tổ chức chiến đấu lúc đầu, Tỉnh ủy cho rằng đơn vị quân khu, chỉ huy phương án tác chiến trực tiếp do quân khu chỉ đạo, Tỉnh ủy thiếu quan tâm tham gia và cũng chưa biết cách tham gia. Do vậy mà những tháng đầu đơn vị mới đến, địa hình, địa thế không thạo, lòng tin của đơn vị đối với đồng bào dân tộc và đối với Đảng bộ địa phương không cao, đơn vị thiếu mạnh dạn đề xuất những khó khăn ban đầu. Lúc đó thì chỉ huy, chỉ đạo chủ chốt của đơn vị cũng có thay đổi (đồng chí Thông về thay đồng chí Trường Sơn). Anh em mãi loay hoay từ tháng 9/1965 đến tháng 4/1966, hơn 7 tháng trời chưa đánh được trận nào nên thân. Trong lúc đó, thông báo của quân khu về hoạt động của các đơn vị ở đồng bằng Ninh Thuận, Bình Thuận và các lực lượng của tỉnh Bình Long, Phước Long liên tiếp chiến thắng đưa về

động viên đơn vị, làm cho anh em cán bộ, đảng viên của đơn vị nóng ruột, cộng thêm đời sống khó khăn, thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần, có ảnh hưởng không nhỏ đối với chiến trường.

Để khắc phục tình hình, tháng 4/1966, Đảng uỷ tiểu đoàn mở cuộc hội nghị Đảng uỷ mở rộng để kiểm điểm 6 tháng đứng chân xây dựng và hoạt động trên địa bàn Lâm Đồng, nhất là kiểm điểm triển khai hoạt động đông xuân 1965-1966 theo mệnh lệnh của quân khu giao và bàn kế hoạch khắc phục khó khăn, mở đợt hoạt động hè năm 1966. Anh em có mời tôi đến dự.

Trong báo cáo, Đảng uỷ đơn vị 186 đánh giá đợt hoạt động của đơn vị hết sức lúng túng, chiến đấu và công tác của đơn vị đạt hiệu quả thấp, chỉ tiêu và hiệu suất chiến đấu không đạt yêu cầu, trong đó có nhiều nguyên nhân, nhưng có một nguyên nhân quan trọng là: Đơn vị quân chủ lực của khu về làm nhiệm vụ ở địa phương chưa gắn bó chặt chẽ với nhân dân, với phong trào chính trị của địa phương, chưa liên kết chặt chẽ với lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương, thiếu tin quần chúng nhân dân các dân tộc địa phương ...

Trong cuộc họp này, các đồng chí Đảng uỷ mời tôi phát biểu ý kiến. Tôi ở tiền phương, thường xuyên tiếp xúc với thực tế, qua theo dõi hội nghị này, với ưu khuyết điểm, nguyên nhân tồn tại mà đơn vị đã nêu và kết luận của hội nghị, tôi cho rằng Đảng bộ của đơn vị đã kiểm điểm, đánh giá ưu khuyết điểm và tìm ra nguyên nhân yếu kém là tương đối

ngghiêm túc. Nhưng tôi nghi vấn đề khắc phục sắp đến là một việc mà nhiều người đặt ra và băn khoăn lo lắng. Ai cũng nghi rằng: *để khắc phục được khó khăn, không thể bản thân Đảng bộ của đơn vị có thể khắc phục nổi nếu tỉnh không hết lòng giúp đỡ*. Nếu tập thể Đảng bộ của tỉnh, Ban chấp hành Đảng bộ Lâm Đồng chưa coi đơn vị của trên về phối hợp hoạt động trên địa bàn là đơn vị của mình; ngược lại, anh em trực tiếp làm nhiệm vụ chính trị cho Đảng bộ, lúc nào anh em đơn vị chưa hoạt động tốt thì trách nhiệm thuộc về cấp uỷ Đảng bộ địa phương và cá nhân mình được tập thể cấp uỷ giao, lại không có khuyết điểm gì hay sao?

Xuất phát từ suy nghĩ trên, tôi nêu vấn đề với hội nghị: “Từ khi đơn vị 186 về đứng chân và hoạt động ở địa bàn Lâm Đồng, việc đảm bảo đời sống vật chất cho đơn vị, tuy có khó khăn vất vả, nhưng cả đơn vị cùng tỉnh cố gắng khắc phục, sắp đến tỉnh sẽ tiếp tục khắc phục. Còn mối quan hệ giữa đơn vị với phong trào quần chúng chưa thật gắn bó cũng là lẽ đương nhiên vì anh em về chiến trường mới hơn 6 tháng. Về phần tỉnh, sắp đến tỉnh sẽ tạo điều kiện để đơn vị cùng các đội công tác, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh có mối quan hệ mật thiết, vừa là đồng chí, vừa là đồng đội. Anh em phải có chương trình liên kết với các lực lượng, phối hợp hoạt động cùng một mục tiêu, đối tượng, hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau giải quyết khó khăn của đơn vị. Cần có mối quan hệ chặt chẽ với Đảng uỷ tiền phương, thường xuyên giao ban để phối hợp kế hoạch công tác và hỗ trợ kế hoạch phối hợp tác chiến, giúp nhau chuẩn bị chiến trường. Có vậy

tỉnh mới có điều kiện chủ động tham gia góp ý thường xuyên cho đơn vị, giải quyết các mối quan hệ phối hợp hoạt động 2 chân 3 mũi của 3 lực lượng đứng trên toàn chiến trường, cùng tổ chức những trận chiến đấu đánh địch của tiểu đoàn luôn luôn có liên quan đến quần chúng, có cơ sở phối hợp các đơn vị vũ trang và đội công tác của tỉnh. Nếu các đồng chí thấy cần có mặt, tôi sẵn sàng đến tham gia với các đồng chí vô điều kiện để cùng các đồng chí lãnh đạo đơn vị xử lý những tình huống phức tạp. Trong mỗi phương án hoạt động và mỗi trận chiến đấu, đơn vị cần gì, địa phương đáp ứng được sẽ phục vụ, không từ chối”.

Ý kiến tôi đề xuất cụ thể nói trên được toàn thể hội nghị Đảng uỷ mở rộng của đơn vị 186 nhiệt liệt tán thành và đưa vào nghị quyết có báo cáo về Đảng uỷ quân khu 6 và Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng.

Sau cuộc hội nghị này, tư tưởng tỉnh cảm và tổ chức đối với đơn vị 186 có chuyển biến thật sự, mối quan hệ giữa các lực lượng vũ trang, bán vũ trang trong tỉnh và đơn vị 186 có sự gắn bó mật thiết trong công tác, chiến đấu, đem lại hiệu quả rõ rệt.

Sau đây là những trận đánh điển hình của đơn vị 186, đơn vị chủ lực của khu 6, hoạt động trên đất Lâm Đồng trong thời gian 1966-1967 đạt hiệu suất chiến đấu cao:

1. TRẬN CÔNG ĐỒN, DIỆT VIỆN NGÀY 21/6/1966

Sau một thời gian phối hợp lực lượng chuẩn bị chiến trường

giữa đơn vị 186 và đại đội 210, 748 của tỉnh, cùng C5 của tiểu đoàn, Ban chỉ huy 186 quyết định phương án chiến đấu:

- Dùng đặc công của tỉnh cùng đặc công của tiểu đoàn tập kích đồn Huỳnh Hoa do đơn vị đại đội bảo an của địch đóng giữ cầu La Ngà.

- Dùng lực lượng công binh của tỉnh đánh sập cầu La Ngà.

- Dùng lực lượng bộ binh của tiểu đoàn và đơn vị 210 của tỉnh bố trí trận địa phục kích đánh bọn chỉ viện giải quyết hậu quả đồn Huỳnh Hoa và làm lại cầu La Ngà, nhằm tiêu diệt và làm thiệt hại nặng lực lượng cơ động của tiểu khu Lâm Đồng, gây thổi động mạnh trong hàng ngũ địch, tạo tiếng vang trên chiến trường của tỉnh, mở đầu chống chiến thuật chiến tranh tiêu diệt và bình định của Mỹ, tạo lòng tin và gây không khí phấn khởi trong nội bộ các lực lượng vũ trang và nhân dân. Trong trận này, Bộ chỉ huy quân khu phái đồng chí tham mưu trưởng quân khu về trực tiếp kiểm tra và thông qua phương án, theo dõi tại chỗ chỉ huy chiến đấu (*).

Đúng 2 giờ sáng ngày 21/6/1966, đơn vị đặc công cùng C1 tập kích tiêu diệt chốt 1 đại đội bảo an đóng giữ đồn Huỳnh Hoa, đồng thời đơn vị công binh của tỉnh đánh sập một nhịp cầu La Ngà, đường 20 bị cắt đứt. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta hoàn toàn làm chủ trận địa, diệt gọn đại đội bảo an chốt giữ cầu, bắt sống 30 tên tù binh, tổ chức giáo dục, phóng thích tại chỗ. Ta thu nhiều quân trang, quân dụng. Được công

* *Lịch sử Lâm Đồng 21 năm đánh Mỹ*, chương 3, từ trang 73-78 đã có nêu.

nhân đồn điền Huỳnh Hoa và Tứ Quý, đội công tác và du kích mật An Lạc giúp đỡ, đơn vị chuyển về hậu cứ ở phía Nam sông Đạ Giăm một cách an toàn.

Sau đó, bộ phận chủ công của đơn vị 186, có đơn vị 210 bộ binh của tỉnh phối thuộc, tổ chức phục kích từ đầu vườn cà phê sở Bu-bê đến đầu cầu Đạ Ròn, dài gần 1 cây số, nằm chờ đánh viện. Đúng 7 giờ 30, một tiểu đoàn lính Cộng hòa thuộc trung đoàn 3, sư đoàn 23 hỗ trợ tiểu khu B' Lao, cùng đội thám kích của tiểu khu xuất phát từ B' Lao đến mở đường và kiểm tra trận địa, thu dọn xác chết. Đến 8 giờ, đội hình địch đã lọt vào trận địa phục kích của ta. Toàn bộ hỏa lực được lệnh phát huy, lực lượng bộ binh dũng mãnh xông ra đường, hình thành thế bao vây, chia cắt đội hình địch ra từng mảnh.

Sau 25 phút nổ súng, ta hoàn toàn chiếm lĩnh trận địa, diệt gọn 1 tiểu đoàn địch, làm chủ chiến trường, quân ta chỉ có 4 đồng chí bị thương nhẹ. Nhưng do sơ xuất, không tính kỹ con đường rút quân và không có dân công phục vụ chiến đấu đi kèm, lại thêm mang vác thương binh và chiến lợi phẩm cồng kềnh, chậm chạp, nên khi lực lượng rút quân, toàn bộ tập trung qua bến Bu-bê (hồi đó gọi là bến Su Su) đã bị pháo địch bắn cấp tập bến sông, theo chỉ điểm của máy bay L19, anh em ta bị sát thương khá nặng. Tôi cho đây là một bài học trong chiến đấu: khi thông qua phương án, đảm bảo chiến đấu và chiến thắng trên đường về, không thể không có kế hoạch chu đáo an toàn trên đường rút quân.

Về vấn đề này, khi đồng chí Tham mưu trưởng quân khu trực tiếp chỉ huy đơn vị chiến đấu trở về, Đảng uỷ tiền phương của tỉnh có trao đổi, rút kinh nghiệm về công tác hậu cần và hậu phương, trách nhiệm địa phương, người hiểu rõ dân tình thế thái hơn ai hết, cần có ý kiến tham gia chu đáo hơn là điều cần phải có trách nhiệm.

Có thể nói, từ thực tế trận đánh đồn địch ở Huỳnh Hoa, tôi cho trận đánh diệt tiểu đoàn Cộng hòa của Mỹ - ngày 21/6/1966 là một trận đánh đầu tiên của tiểu đoàn 186. Với lực lượng 1 tiểu đoàn, ta đã tiêu diệt 1 tiểu đoàn địch, đây là một trận đánh tốt nhất, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Từ thực tế trận này đã làm cho nội bộ tiểu đoàn phấn khởi, yên tâm với chiến trường và chỉ huy chỉ đạo chiến đấu, mọi gút mắc của cán bộ, đảng viên và chiến sĩ được giải toả, tình đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân trong địa phương và đơn vị 186 thân mật, thiết tha, thông cảm, yêu thương, gắn bó với địa phương hơn.

*

Sau trận đánh Tân Lạc, Huỳnh Hoa, lực lượng 186 chuyển sang đứng chân ở phía Nam đường 20 (Nam Tứ Quý), đóng quân xung quanh rừng trắng Bàu Le Le, tiếp tục xây dựng, củng cố đơn vị và chuẩn bị chiến trường, lập phương án chiến đấu tiếp theo. Đơn vị đứng chân ở đây chủ yếu dựa vào nguồn tiếp tế qua công nhân đồn điền Tứ Quý, Trảng Bia và còn có chỗ dựa trên 2.000 dân căn cứ Nam lúc bấy giờ. Thật không may, sau trận đánh đau ngày 21/6 năm ấy làm cho địch nếm

một đòn thất bại nặng nề và cũng rất bất ngờ về quân sự, chúng đã ráo riết đối phó lại mọi hoạt động của quân ta. Chúng dùng thủ đoạn bao vây kinh tế, lại một lần nữa ra lệnh cấm tất cả các đồn điền chỉ được phép mua lương thực, thực phẩm cấp phát cho công nhân bằng khẩu phần ăn với tiêu chuẩn tối thiểu của những người có mặt từng bữa ăn với sổ cấp nhật, ký nhận cấp hàng ngày, cuối tuần phải mang sổ lên B' Lao kiểm tra, ký duyệt thông qua và xin cấp phiếu mua tuần đến. Việc làm này của địch đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc phục vụ đời sống của đơn vị 186 trên lĩnh vực tiếp tế hậu cần vì công nhân không còn mua giúp tiếp tế cho đơn vị được nữa, nhất là thời gian đơn vị cần được bồi dưỡng, chuẩn bị chiến trường, luyện tập theo phương án chiến đấu tiếp.

Đến đầu tháng 9/1966, anh em đơn vị ráo riết chuẩn bị phục vụ cho trận đánh giao thông An Lạc. Các lực lượng 210, 748, 742 đều tập trung về đây để tập luyện, chuẩn bị chiến đấu, nhưng hậu cần trong kho không còn gạo để phục vụ, tình trạng chạy ăn từng bữa là hết sức nguy hiểm.

Thay mặt Đảng uỷ tiền phương của tỉnh, tôi viết báo cáo về Thường vụ Tỉnh uỷ xin phép ra lệnh xuất kho lương thực dự trữ của tỉnh ở phía căn cứ Nam để giải quyết khó khăn trước mắt cho đơn vị. Mặt khác, tôi phải trực tiếp về gặp anh em cán bộ phụ trách căn cứ Nam, tổ chức vận động nhân dân làm gấp số lúa nghĩa vụ đóng góp của nhân dân gửi lại trong kho của mỗi buôn, đưa ra làm gạo, vận động đồng bào mua

lợn, gà, tổ chức làm lương khô chuyển ra chiến trường phục vụ chiến đấu, vừa vận động dân công làm gạo, làm lương khô, vừa tổ chức dân công chuẩn bị gửi mang đi.

Không may, một trận lụt to chưa từng có xảy ra, nước sông La Ngà dâng cao, cuốn quét trôi cây cầu khỉ bắc tạm qua bến Hàng Bọt, dân công không tài nào đưa qua được một khối lương 15 tấn lương thực, thực phẩm phục vụ tiền phương, đảm bảo hậu cần cho lực lượng có ăn và luyện tập, chiến đấu. Thế là bí, đành phải dừng lại làm kho để bên kia sông, đồng thời lệnh về căn cứ Nam, kêu gọi nhân dân tập trung ra bắc cầu treo để đưa dân công đi tiếp tế cứu nguy cho bộ đội. Lúc bấy giờ có đồng chí Năm Tố, đồng chí Lê Anh Tuấn và đồng chí Nguyễn Hồng Sơn trở về căn cứ, đi vận động nhân dân từng buôn, huy động mọi người có sức khỏe mang đầy đủ công cụ lao động, đóng góp cho việc làm cầu. Mặt khác, anh em lựa chọn trong số dân công, chọn những người giỏi bơi lội, bọc gạo trong ni lông chuyển qua sông trước một số để giao cho anh em 186 mang về cứu đói cho đơn vị trước mắt.

Khi được thông tin đơn vị 186 bị đói, chỉ còn ăn cháo cầm hơi, tất cả anh em động viên nhau quyết tâm đùm túm gạo bơi đưa qua sông, trong đó có đồng chí Lê Anh Tuấn - Phó ban tuyên huấn của tỉnh - và anh Nguyễn Hồng Sơn - người phụ trách công tác binh vận của tỉnh. Anh Sơn vừa bơi qua giữa sông bị nước cuốn trôi luôn, không bơi được vào bờ, còn anh Tuấn thì vớ được bụi cây rù rì, nhờ anh em tiếp sức đưa vào bờ. Anh Sơn bị nước cuốn trôi xuống thác Hàng Bọt có cột nước cao 12 m và bị mất tích. Lại thêm một tai nạn nữa

ập đến, đã khó khăn càng thêm khó khăn! Chúng tôi phải huy động nhân dân xã Nam đi tìm xác đồng chí Hồng Sơn, và sự việc anh Sơn bị nước cuốn trôi đã là đòn đánh mạnh vào tâm lý mọi người, chẳng còn ai dám xung phong bơi lội chuyển gạo qua sông nữa, trừ đồng chí Phạm Ty - tiểu đoàn phó 186, anh Nộp - người Đảng Min - và 6 anh em du kích Hàng Bọt quen bến, tiếp tục làm nhiệm vụ, còn tất cả đứng nhìn sông nước mà lắc đầu từ chối. Tình thế thật gay go! Quân ngàn mà cứu đói bằng bơi lội đưa qua sông từng bồng gạo, không ai lại không nóng ruột, chấy lòng.

Lực lượng làm cầu thay nhau từng kíp, kẻ chặt le, người bứt mây, bện vạc, cột lạt, móc treo. Đến ngày thứ tư, công trình cầu treo vừa hoàn thành, thông cầu, đoàn dân công mấy trăm người mang gạo qua sông thì đồng chí Hồng Sơn từ cỏi chết cũng tìm về mừng thắng lợi. Cầu vừa làm xong, anh Sơn cũng vừa có mặt tại đầu cầu bên kia đón đoàn gạo mang sang. Cả đoàn người có mặt hôm đó ôm chầm lấy anh Sơn, khóc khóc, cười cười, mừng mừng, tủi tủi. Anh em hỏi ra mới biết khi đồng chí đưa bồng qua giữa sông, bồng nặng, anh đẩy không đi nên bị nước cuốn trôi. Không có cách nào khác, anh đành ôm chặt chiếc bồng mặc cho nước cuốn trôi đi, đưa anh xuống 3 thác dựng đứng cao mười lăm, hai mươi mét từ thác Hàng Bọt đến thác Rơ Diu Đảng Min - Đảng Sol, giáp sông Đảng Sách. Nhờ có khúc quanh, nước vận ngược đẩy anh vào bờ. Như vậy, từ chỗ nước cuốn trôi đến chỗ anh vào được bờ là trên 15 cây số đường sông. Anh lên được bờ giữa nửa đêm thanh vắng, chẳng biết đâu là đâu. Mãi sáng ra, anh

theo rừng triền sông, đi ngược lên, đến 3 ngày sau mới về gặp lại anh em. Vì vậy, khi gặp nhau chúng tôi xem như anh Sơn từ cõi chết trở về.

Suốt ba ngày, nhân dân Tố La tìm kiếm anh, vẫn không thấy tăm hơi dấu tích gì trên sông, bà con coi như anh đã chết. Trong 3 ngày băng rừng lội suối trở về, nhờ anh giữ được cái bình, xuôi theo dòng nước nên khi lên được trên bờ còn đủ ni lông, quần áo, võng, gạo, muối, mắm, hăng gô nấu ăn, anh không bị đói nhưng mệt lả người. Khi xuất hiện trước anh em, ai cũng tưởng hồn ma hiện về, nhưng anh vẫn nói cười hồn nhiên với tâm hồn lạc quan của người cộng sản.

Thật đúng như người xưa thường nói: “Tử sinh hữu mạng, họa vô đơn chí”. Giặc bao vây, càn quét, đơn vị đói, huy động nhân dân làm lúa gạo tiếp tế thì bị lụt, nước phá trôi cầu, huy động dân vừa làm cầu, vừa bơi lội chuyển gạo để cứu đói trước mắt thì lại bị nước cuốn trôi mất người, lại thêm chuyện là phải nhờ dân đi tìm người chết đuối, tìm mãi không thấy đâu. Nay thì cầu vừa làm xong, đơn vị hết đói, giặc càn lại rút đi, người chết đuối nay lại về. Thế là “phúc hữu trùng lai”, chứ đâu phải “phúc bất trùng lai” như sách thánh hiền nêu. Như vậy, nhờ có sức mạnh của nhân dân, ta đã chiến thắng tất cả, thắng giặc bao vây càn quét, thắng khó khăn, thắng cả mệnh trời (*).

* Ngày tôi ghi ký sự này thì anh Sơn đang nghỉ hưu ở quê hương Hoài Nhơn (Bình Định).

2. TRẬN ĐÁNH GIAO THÔNG AN LẠC

Đây là trận đánh giao thông trên đường 20 lần thứ 2 trên địa bàn xã An Lạc (nay là xã Lộc An). Tôi coi đây là một trận đánh xuất sắc, thắng lợi trọn vẹn và hiệu suất chiến đấu cao. Ta đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn Cộng hòa và bảo an hỗn hợp, phá hủy 3 xe bọc thép, bắn cháy 1 máy bay trinh sát L19 rơi tại chỗ, không chỉ điểm được cho cụm pháo 105 B' Lao phản kích, quân ta rút lui, đảm bảo an toàn. Quân ta không có ai hy sinh và có 3 đồng chí bị thương xoàng. Ta thu nhiều súng đạn, quân trang, quân dụng.

Trong trận này, tôi hân hạnh được Ban chỉ huy tiểu đoàn mời tham vấn ở sở chỉ huy của tiểu đoàn. Tôi xin kể một chuyện nhỏ mà chiến lệ chưa thấy viết về kinh nghiệm xử lý những tình huống phức tạp trong diễn biến chiến đấu:

Theo phương án cơ bản của đơn vị được quân khu thông qua, ta dùng đội công binh phá cầu 17 và dùng đội vũ trang công tác ở An Lạc ra lệnh huy động một số thanh niên du kích An Lạc, Tứ Quý, Trảng Bia ban đêm ra đào phá, rào rập Cổng Sinh đường 20 làm ngưng hệ thống giao thông để bắt buộc địch phải kéo quân đi mở đường và ta lập thế trận phục binh đánh địch giải toả.

Sơ đồ bố trí trận địa và diễn biến trận phục kích ở đồi Thanh Phong - Lê Văn Phước sáng ngày 29/11/1966 đã tường thuật trong chiến lệ, tôi không lặp lại.

Trước khi nổ súng có một điểm diễn biến trên trận địa của ta bị lộ. Dân làm trà phát hiện trong đêm chuẩn bị quân ta

đã để lại nhiều dấu vết dẫm nát cỏ trên lô trà, chôn giấu dây mìn, dây điện thoại nguy trang ban đêm không kỹ. Khi Xu Thắng kéo công nhân ra hái trà buổi sáng, bà con đã phát hiện, liền kéo nhau bỏ buổi công đi về, cả công nhân Xu Tiên và Lê Văn Phước cũng thế.

7 giờ 25 phút sáng ngày 29/11/1966, đài quan sát trận địa và hai đồng chí chỉ huy phó của tiểu đoàn (Phạm Ty và Sáu Cọt) đồng loạt báo về trung tâm chỉ huy sở là toàn bộ trận địa của ta bị lộ, đề nghị chỉ huy trưởng cho rút ngay. Lúc đó, tôi ngồi trong công sự ở cụm chỉ huy trung tâm với đồng chí chỉ huy trưởng và chính trị viên đang nhận điện. Tôi theo dõi nội dung hai đồng chí trao đổi đã biết rõ là có vấn đề trận địa bị lộ, anh em khẩn thiết đề nghị rút quân nhanh; nếu không, địch điều động phi pháo bắn cấp tập vào trận địa của ta, sẽ gây cho đơn vị tổn thất không lường.

Tuy đồng chí chỉ huy trưởng chưa có lệnh, nhưng khi nghe được tình hình, tôi bắt đầu phân vân và suy nghĩ: Có thể là bị lộ vì trong đêm mấy trăm người dẫm trên cỏ, đất đỏ bazan, trời không mưa nên dễ để lại nhiều dấu vết, dân ra làm trà phát hiện và lo sợ kéo về hết là đúng. Nhưng lộ đến dân thì có lộ đến địch không? Dân An Lạc ta làm chủ chính trị, nếu họ biết ta tổ chức đánh địch thì họ có báo cho địch không?

Trong lúc tôi suy nghĩ thì đồng chí chính trị viên đề nghị với đồng chí chỉ huy trưởng nên xin ý kiến anh Tám vì có ảnh và ảnh biết dân tình thế thái ở đây. Đồng chí chỉ huy trưởng quay lại hỏi tôi: “Ý anh sao?”. Tôi trả lời: “Các đồng chí nên

trao đổi với anh em rồi sẽ quyết. Theo tôi, cứ là đã lộ đến dân thì cũng sẽ lộ đến địch sao? Giả thuyết nếu vì lộ ta rút thì phải mất cả giờ đồng hồ mới thu quân xong, và khi thu quân từ bìa đường rút qua khỏi sông Đa Giăm, quân ta vận động trên 2 cây số, trên người mang vác nặng, làm sao chạy nhanh qua vùng trống đồi trập, rất khó nguy trang, đội hình nằm trên mặt đất, khi địch phản kích bằng phi pháo, sẽ bị tổn thất khó lường. Còn mặc dầu bị lộ, sẽ bị địch phản kích trong lúc quân ta đang nằm trong công sự có rừng che phủ, dù là rừng non, vẫn đảm bảo đánh địch và ta chịu trận, thì gan với chúng, đến 6 giờ tối tổ chức rút thì có tốt hơn không? Và may đâu không lộ, ta đánh một cú bất ngờ”.

Theo phương án thứ hai thì phải ra lệnh cho toàn bộ đơn vị, trong lúc nằm chờ địch đến xuất kích, tăng cường củng cố thêm công sự cá nhân cho vững. Qua gợi ý trên, hai đồng chí chỉ huy qua điện thoại trao đổi với Đảng uỷ, thống nhất tư tưởng và hạ quyết tâm, lệnh cho toàn đơn vị trụ lại, chứ không rút lui. Có sự phân tích lợi hại nói trên, cán bộ, chiến sĩ an tâm nằm chờ đợi.

Đến 9 giờ ngày hôm ấy, địch dẫn xác đến trận địa ta phục sẵn. Toàn đơn vị phát huy binh hỏa lực, thực hiện thắng lợi phương án cơ bản của trận đánh mà quân khu đã thông qua.

Như thường lệ, 8 giờ sáng hôm ấy, một chiếc xe lam từ B' Lao lên, trong đó có chở toán thám báo, mật vụ đến Cổng Sinh quan sát và dùng máy thông tin báo về B' Lao, rồi đi kiểm tra luân cầu 16 và quay về. Đến 9 giờ, 1 tiểu đoàn địch

cùng chi đội xe bọc thép từ từ leo dốc cầu La Ngà tiến lên An Lạc, lọt thẳng vào trận địa tiểu đoàn đã phục sẵn. Quân ta được lệnh xuất kích, đồng loạt xung phong, đánh thẳng vào đội hình địch và ra chiếm lĩnh mặt đường. Địch không kịp đối phó, tháo chạy hỗn loạn, một số bị ta giết chết tại chỗ, một số chạy thực mạng về B' Lao. Quân ta làm chủ trận địa, phá hủy 3 xe bọc thép, 5 xe GMC, thu hàng trăm súng các loại, trong đó có cây đại liên Mỹ do đồng chí Trọng tổ đại liên của ta lấy. Quân ta chỉ bị thương nhẹ 2 đồng chí.

Bị đánh bất ngờ, ngay từ phút đầu, địch mất liên lạc với chỉ huy sở của tiểu khu. Chúng phải lệnh ngay chiếc L19 bay thẳng lên trận địa, quần lượn từ đồi tiêu đến sở Tứ Quý. Phát hiện tổ đại liên của ta đang di chuyển qua sân bóng chuyền, chiếc máy bay quần rất thấp. Anh Trọng và Đắc bị kẹt giữa sân bóng. Nhanh trí, Trọng gác chân đại liên lên vai Đắc, bắn một loạt đạn trúng vào thân máy bay. Máy bay bốc cháy, rơi ngay trước mặt cách 200 mét về phía đồi tiêu. Thế là tiểu khu Lâm Đồng cũng không liên lạc được với máy bay. Từ đó trở về chiều, ta làm chủ Tứ Quý, An Lạc, tổ chức rút quân an toàn.

Tôi cho đây là một trận đánh đã bị lộ trận địa phục kích, nhân dân phát hiện trước khi nổ súng gần 2 giờ đồng hồ, nhưng nhờ chỉ huy bình tĩnh, xử lý đúng đắn, chỉ đạo đặt nhiều giả thuyết, phân tích lợi hại và cuối cùng có quyết định chính xác, đem lại thắng lợi lớn mà yếu tố quyết định là người chỉ huy.

Tôi cho rằng quyết định của Đảng uỷ và chỉ huy 186 trụ lại, tiếp tục củng cố công sự, bám trụ để đánh trong bất cứ tình huống nào là quyết định đúng đắn, sáng suốt trên cơ sở có suy nghĩ, có phân tích. Quyết định này làm cho nội bộ tin tưởng sự chỉ đạo, chỉ huy của Đảng uỷ, chỉ huy đơn vị và nhân dân địa phương. Mối quan hệ giữa tỉnh và đơn vị được củng cố thêm là tiền đề xây dựng hạ quyết tâm bám trụ, câu như, kéo địch đến đánh nhiều hiệp trên một trận địa, như trận đồi Kim Hòa, Nguyễn Khánh, cây số 5 Tây Di Linh.

Với lực lượng chỉ có D186 cộng với đại đội 210 và 1 trung đội địa phương K3, ta đã tiêu diệt 4 đại đội bảo an, 2 đại đội Cộng hòa, 1 đại đội Mỹ, bắn rơi nhiều máy bay trực thăng. Hàng ngũ địch chưa kịp hoàn hồn sau trận 20/6/1966 ở Tân Lạc và 29/11/1966 ở An Lạc, chỉ cách B' Lao 5-7 cây số trên quốc lộ 20, thì trong tiếp 2 ngày liền (24-25/2/1967), quân ta và quân địch có cả quân cơ động Cộng hòa và quân Mỹ tham gia, quần nhau 2 ngày “đổ lửa” tại xã Liên Đàm, cách Di Linh khoảng 3 cây số, kẻ địch không khiếp vía làm sao được!

Những trận đánh lớn gây thổi động mà quân chủ lực của khu về tình hoạt động đã hỗ trợ đắc lực cho phong trào du kích chiến tranh của tỉnh ở vùng căn cứ và vùng mới giải phóng, vùng tranh chấp trong các thị xã, thị trấn tiếp tục phát triển, làm cho kế hoạch bình định tìm diệt, “bủa lưới, phóng lao” của Mỹ trên địa bàn Lâm Đồng cũng như toàn miền Nam không sao thực hiện được và ngày càng bị động, lao vào con đường hầm không có lối thoát.

3. TRẬN SUỐI TÀ MON

Nhân đây tôi cũng xin ghi lại một trận nữa cũng “đỏ lửa” của tiểu đoàn 186 mà địa danh còn lưu truyền trong dân gian vùng Đông Di Linh. Đó là suối “Đầu Lâu”, nguyên là suối Tà Mon.

Trong thời gian tiểu đoàn 186 – “tiểu đoàn lá bép” - về đứng chân và hoạt động trên đất Lâm Đồng từ tháng 4/1965 đến tháng 12/1967, anh em đã bám đánh trên đường quốc lộ 20, cùng với lực lượng của tỉnh, lập nhiều chiến công to lớn về quân sự, nhưng chiến công quý giá nhất là đơn vị đã di chuyển từ cây số 125 tận Định Quán đến cây số 250 Đông Di Linh. Đi đến đâu, tiểu đoàn đã để lại chiến công đến đó. Không chỉ có một số trận đánh lớn nêu trên mà còn có hàng trăm trận đánh lớn nhỏ, có phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh, huyện và tất cả các đội công tác cùng tham gia đánh đồn, diệt chốt, đột áp phá kềm, tạo thế cho nhân dân nổi dậy, đấu tranh giành quyền làm chủ, với tình trạng giành đi giật lại từng đoạn đường, từng mét đất, từng thôn xóm, từng ấp chiến lược, từng người dân trên trục lộ 20. Đơn vị 186 đứng chân ở đoạn nào thì đội công tác đơn vị đó được giúp đỡ hết mình trong đánh địch, phá kềm, giành quyền làm chủ cho nhân dân.

Đến tháng 9/1967, đơn vị 186 được lệnh của quân khu chuyển hẳn về đứng ở phía Đông Nam Di Linh, tạo điều kiện hoạt động ở vùng giáp biên giữa chiến trường Lâm Đồng và Tuyên Đức. D186 hoạt động trên địa bàn này nhằm giúp trực

tiếp căn cứ K67 của khu 6 vừa mới thành lập vươn lên trở thành căn cứ Nam Đà Lạt nối liền với căn cứ Ninh Thuận.

Sau quá trình chuẩn bị, đầu tháng 11 năm 1967, tiểu đoàn chuyển về đóng ở vùng Nam Tam Bố, gần đội công tác lò gạch Tam Bố do đồng chí Giang - Thường vụ Huyện uỷ K3 - làm đội trưởng, quản lý mọi hoạt động ở vùng này. Khu uỷ và Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ thị cho Ban chỉ đạo tiền phương của tỉnh cùng chuyển theo đơn vị, lên đóng gần với anh em để chỉ đạo phối hợp hoạt động.

Trong 2 ngày 16-17 /11/1967, anh em tổ chức đánh trận giao thông đoạn Bảo Nam - Đồng Lạc, giành thắng lợi lớn.

Chiều ngày 17/11/1967, tiểu đoàn dời chỗ ở về khu vực suối Tôm, anh em khẩn trương xây dựng công sự suốt đêm. Theo mệnh lệnh của Ban chỉ huy, đúng 7 giờ sáng ngày 18/11/1967, tất cả Đảng uỷ, bí thư chi bộ và cán bộ chỉ huy tiểu đoàn, đại đội có mặt tại chỉ huy sở, họp kiểm điểm đánh giá trận đánh vừa rồi và bàn kế hoạch chuẩn bị phát triển chiến đấu tiếp theo. Các đồng chí có mời tôi dự cuộc họp này.

Quá 7 giờ, anh em có mặt đông đủ, ngồi ăn bánh kẹo, lương khô, chiến lợi phẩm của hậu cần tiểu đoàn đem ra đãi cán bộ. Đồng chí chính trị viên tuyên bố lý do hội nghị. Đồng chí tiểu đoàn trưởng vừa mới trình bày báo cáo thì 2 chiếc “đâm già” (L19) từ phía B’Lao rè rè bay lên quần 3 vòng trên bầu trời khu vực đóng quân của ta và theo vệt đường mòn từ Tam Bố vào thẳng trắng Tà Mon bắn 9 quả hỏa tiễn chỉ điểm vuông góc xuống quanh trắng Tà Mon. 5 phút sau

có 4 chiếc trực thăng bay đến thả bom dọn bãi. Sau đó, mấy chục trực thăng bay đến đổ quân phát triển chiếm đồi, cách đơn vị đóng quân của tiểu đoàn về phía Nam không xa. Cả hội nghị ngồi im lặng theo dõi, và sẵn bản đồ đã có trước mặt ngồi xúm nhau xác định tọa độ. Lập tức đồng chí tiểu đoàn trưởng ra lệnh giải tán cuộc họp. Tất cả cán bộ trở lại vị trí, nắm đơn vị tổ chức chiến đấu. Anh ra lệnh đội trinh sát tung lực lượng ra bám địch nơi đổ quân, hướng phát triển của địch, tổ chức báo cáo khẩn cấp chính xác về chỉ huy sở để có phương án tác chiến.

Trong lúc các đồng chí chỉ huy đang bận điều binh bố trận, tôi cùng anh Nguyễn - chính trị viên tiểu đoàn - ngồi lật lại tấm bản đồ ra xem. Tôi xác định địch đã đổ quân xung quanh buôn Tà Mon cũ. Từ nơi chúng đổ quân có con đường mòn dân đi từ đường 20 (Tam Bố), theo chân núi Braian thẳng xuống sông Lũy (Bắc Bình Thuận), cách chỗ ta đóng quân ra đường 20 khoảng 12 cây số và cách chỗ địch đổ quân từ phía sau khoảng 10 cây số. Con đường này đi xuống Bắc Bình Thuận rất hiểm trở, nhưng từ chỗ đổ quân của địch càn ra đường 20 thì gần, đi theo chân núi Braian đường bằng, dễ đi.

Hai anh em chúng tôi nhận định địch phản ứng trận đánh ở Bảo Nam, La Hách của ta, cho là ta sẽ rút quân về đường này nên dùng máy bay trực thăng đổ quân bên trong để càn ra, chứ không đóng trong rừng ban đêm và cũng không thể càn xuống Bắc Bình. Địch ở trong càn ra sẽ đụng đội hình của ta bố trí sẵn trên đường. Ta nên bố trí lại thế trận, củng cố

công sự, nằm chờ chúng kéo nghênh ngang ra sẽ lọt vào đội hình của ta đã nằm tại chỗ chờ đánh. Chúng đổ quân sớm thế này thì từ đó cần ra, khoảng 3 giờ chiều là đến trận địa của ta. Nếu không, tối nay chúng ngủ lại gần vùng ta, sớm mai sẽ ra sớm. Tôi đề nghị anh Nguyễn bàn với anh Thông - chỉ huy trưởng - nên nghiên cứu kỹ. Tôi sợ điều quân đi bám đánh địch ngay trong khu rừng non, nhưng khi tìm được thì chúng đã đi qua rồi. Như vậy, tích cực bám đánh địch mà lại không đánh được, thật nhọc công!

Tôi cùng đồng chí Nguyễn ngồi xem bản đồ chỉ huy và thống nhất nhận định trên, trực tiếp hội ý với đồng chí chỉ huy trưởng, thống nhất ra lệnh sửa đội hình thành thế bố trí phục kích, nằm chờ sẵn trong công sự dọc hai bên đường mòn dài 600 mét, đón chờ địch dẫn xác đến. Mặt khác, các đồng chí đội trinh sát và thông tin đi quần bám địch tiếp tục thông báo tin cho tiểu đoàn. Đồng chí chỉ huy trưởng ra lệnh cho anh em đặc công bố trí vũ khí sẵn sàng, thực hiện kế hoạch mật tập đánh địch ban đêm. Nếu chúng đóng quân ngủ lại trong rừng, sẽ tổ chức tập kích đánh tiêu hao sinh lực để đến sáng địch mang xác ra, lại lọt vào trận địa, ta sẽ tiêu diệt gọn không còn một tên về lại B' Lao.

Thời gian trôi nhanh. Trinh sát chạy về báo tin, lúc 12 giờ, địch đang hành quân phát triển theo đường mòn ra hướng đường 20 (Tam Bó) nhưng đi thành 3 cánh: một cánh đi theo đường mòn, còn 2 cánh so le cần 2 bên rừng non, hành quân hết sức chậm.

Gần 3 giờ chiều hôm ấy, đội hình C1 của tiểu đoàn và đơn vị 210 vừa chuyển đội hình đến phục binh nằm theo vị trí mới, vừa đào xong công sự thì trinh sát báo về là “khách” sắp đến, sẵn sàng đón. Toàn bộ quân địch dẫn xác vào trận địa, ta bắt đầu nổ súng đánh địch từ 16 giờ 30 đến 18 giờ ngày 18/11/1967. Quân ta vây địch, đánh dồn xuống vực sâu suối Tà Mon, cối pháo của ta tập trung rót xuống lòng suối. Bộ binh chốt các đồi cao sẵn sàng đánh bọn không quân và trực thăng đến cứu viện. Máy bay trực thăng và 4 chiếc F105 bay lượn trên bầu trời như 4 con quỷ dữ gầm rú dậy đất. Nhưng mọi thông tin của quân địch từ mặt đất không còn liên lạc được nên phi cơ đồng cũng đành bó tay về không.

Trong quyển *Những trận đánh tiêu biểu của lực lượng vũ trang Lâm Đồng*, tập I, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng xuất bản năm 1996, có tường thuật trận này ở trang 124-128, tôi chỉ nêu vài chi tiết nhỏ có liên hệ đến quyết định chỉ huy trận đánh mà tác giả chưa làm rõ.

Sau trận này, địch không dám mò vào rừng mang xác chết ra. Mấy chục xác chết nằm dưới suối lâu ngày, nước chảy rửa thịt trôi, còn xương và sọ nằm ngổn ngang theo dòng suối. Tên suối “Đầu Lâu” bắt đầu từ đó.

*

Tôi từng được hân hạnh cùng có mặt trong một số trận trên đất Lâm Đồng cùng với anh em D186. Có thể nói, tiểu đoàn 186, nay tuy không còn trong biên chế trên đất Cực Nam Trung Bộ nữa, nhưng trong lịch sử 21 năm đánh Mỹ

trên đất Lâm Đồng đã ghi rõ những trận đánh rất tốt, rất xứng đáng được biểu dương là Đơn vị vũ trang nhân dân anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đơn vị 186 là một trong các đơn vị chủ lực của quân khu 6 đứng trên đất Lâm Đồng (cũ). Trong thời gian không dài, D186 đã phát huy truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang nhân dân, cùng đơn vị 210 và các lực lượng vũ trang địa phương của tỉnh, giáng cho Mỹ - ngụy những trận nên thân, làm rạn vỡ truyền thống lực lượng vũ trang quân khu 6 hoạt động trên đất Lâm Đồng, xứng đáng mang tên Bộ đội Cụ Hồ “vì nhân dân quên mình, vì nhân dân hy sinh”, “đâu có giặc thì ta cứ đi”.

QUÂN MỸ CÀN QUÉT CĂN CỨ NAM ĐƯỜNG 20

K67 được khu 6 thành lập, Khu uỷ và Quân khu uỷ khu 6 có lệnh chuyển hoạt động của tiểu đoàn 186 lên hướng mới, mở vùng Tà In thuộc khu căn cứ K67 (*).

Trong giai đoạn đầu, anh em tiểu đoàn 186 vẫn đứng chân ở Đông Di Linh và lên chuẩn bị tiêu diệt đồn Tà In. Diễn biến cơ bản của trận diệt đồn Tà In đúng như đã ghi trong quyển sách Những trận đánh tiêu biểu của lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng (1945-1975).

Sở dĩ tiểu đoàn chuyển lên hoạt động ở vùng này vì đây là vùng mới, quân khu còn giao cho Tỉnh uỷ Lâm Đồng tiếp

* Hiện nay, vùng này là 4 xã trực thuộc huyện Đức Trọng, trước đó do Đơn Dương quản lý.

tục giúp cho đơn vị 186 hoàn thành trận đánh mở màn trên địa bàn K67 mới ra đời. Đảng uỷ tiền phương phải theo anh em để có gì khó khăn sẵn sàng giúp đỡ với kinh nghiệm của mình. Lúc đánh Tà In, tôi cùng anh em ngồi theo dõi trận đánh ở chỉ huy sở. Anh Thông đi kiểm tra trận địa và xác định trong đồn Tà In có nhiều sơ hở, ta tập kích đồn chắc thắng, còn phục binh đánh viện thì địa hình có nhiều phức tạp, nếu địch đi thưa khó đánh.

Sau trận đánh Tà In, thông qua điện đài 186, Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng mời tôi về họp bàn bổ sung kế hoạch hoạt động đông xuân 1967 -1968 của tỉnh.

Sau một loạt bom của 3 chiếc F105 của Mỹ rơi gần chỉ huy sở chưa đầy 50 mét, bật nắp hầm, tôi ù tai. Từ trận địa đang phục binh đánh viện, tôi bắt tay các đồng chí chỉ huy sở, từ già anh em ra về.

Trên đường từ mặt trận Tà In ra đi, đồng chí chỉ huy trưởng phân vân là trận đánh đang diễn biến, không còn lực lượng bảo vệ để đưa tôi đi. Tôi chủ động thông cảm với các đồng chí vì tôi đã có đồng chí Chiến vừa là liên lạc, vừa là bảo vệ, đã thông thạo đường rừng, chẳng sợ ai, cần gì phải cất người đang chiến đấu ra mà đưa đón. Các đồng chí dặn dò: “Trên đường đi, anh đề phòng địch đang càn căn cứ Nam Sơn. Nay ta đánh Tà In, có thể chúng kéo quân theo phản ứng dây chuyền lên, chặn đường Đình Trang Hạ và hốt anh đó! Nếu trên đường gặp trở ngại, anh quay trở lại, tôi sẽ bố trí lực lượng đưa anh đi”.

Nhận định trên trong thực tế là đúng. Trên đường đi đến chân núi Pô, tôi thấy trực thăng đang quần lượn. Tôi cho là hiện tượng bất bình thường, nhưng chỉ nghĩ là địch phản ứng sau trận đánh đồn Tà In mà thôi, chứ không ngờ chúng càn lớn. Cả Mỹ và ngụy đổ quân trên một tuyến dài từ dãy núi Rơ Nhanh, Xe Vồ, Rơ Po đến Kon Rum , Kon Xip, La Ôn...

Với tinh thần cảnh giác, tôi cùng đồng chí Chiến không theo hành lang đi thẳng mà đến núi Rơ Nhanh, ghé vào cơ quan Huyện uỷ K3 (Di Linh) để xin thêm anh em liên lạc tự vệ cơ quan cùng đi, đưa tôi qua đến Tứ Quý hoặc qua Trảng Bia nếu Tứ Quý có địch, và nắm thêm tình hình, đề phòng, nếu không đi được ban ngày thì tổ chức đi đêm.

Văn phòng K3 thiếu người vì đồng chí Do đi công tác, chỉ còn đồng chí Nguyễn Lan lúc đó phụ trách văn thư Huyện uỷ ở nhà với 2 tự vệ cơ quan, trong đó có Mão. Do thiếu người, Lan sắp xếp công văn, giấy tờ đem giấu trong kho, viết thư bỏ hộp thư chết cho anh Do biết là Lan cùng 2 anh em liên lạc bảo vệ cơ quan còn lại tổ chức đưa tôi đi trong đêm, rồi sẽ quay về. Vì có địch đổ quân nên không đi được ban ngày qua các trảng La Ôn, Kon Xip, trực thăng phát hiện là nguy hiểm, anh Lan bố trí nấu cơm ăn trưa và vắt 2 vắt cơm ăn tối, ăn sáng luôn để khỏi bị động.

3 giờ chiều hôm ấy, 5 chú cháu chúng tôi xuất phát từ cơ quan K3, đi theo đường mòn hành lang từ K3 về tỉnh. Đi hết dãy núi Rơ Nhanh, triển đồi Xe Vồ, gần đến buôn Rơ Po (ngang vùng ruộng La Ôn), chúng tôi nghe tiếng trực thăng

bay đập cánh phành phạch, nhưng trời chưa tối nên chúng tôi dừng lại trong rừng ăn cơm, chờ cho trời thật tối mới ra khỏi dốc Xe Vô, băng đồng đi là an toàn, đến Tứ Quý hoặc Trảng Bia sẽ cho anh em trở lại là vừa, còn tôi và Chiến tiếp tục về rừng Bờ Kẽ Dạch, nơi cơ quan Thường vụ Tỉnh uỷ đóng.

Đến 7 giờ tối, chúng tôi lại tiếp tục hành trình. Đi một đoạn, tự nhiên trong người có cảm giác rùng rợn như báo hiệu có một việc gì không lành xảy ra, tôi dừng lại bàn với đồng chí Chiến và 2 anh em K3, đồng chí Lan, đặt giả thuyết trên đường rủi ro có việc gì xảy ra thì anh em quay lại chỗ cũ hoặc tạt xuống bên đường, tìm nhau ở đâu suối hoặc chỗ ăn cơm khi tối. Tôi nghĩ: Vì anh em còn trẻ, chưa có kinh nghiệm quan sát địa hình ban đêm, nếu để anh em đi trước, rủi ro đụng địch, xử lý thiếu bình tĩnh sẽ nguy hiểm cho người đi sau, nên tôi bố trí lại đội hình, để Chiến - liên lạc của tôi - đi trước, đến tôi, còn 2 anh em K3, anh Lan đi sau, cự ly cách xa nhau 5-7 m, đặt ám tín hiệu để có lạc thì tìm nhau, bật vài đèn đèn pin mờ mờ đủ sáng tại chỗ mà đi.

Đêm chúng tôi đi đúng vào mùng 9 âm lịch, bóng trăng non rọi xen qua kẽ lá trong cánh rừng già lúa thừa loang lổ, màn đêm im lặng, không gian hự hự, thực thực, tôi nhìn người đi trước, ngó lại người đi sau di chuyển chập chờn như bóng ma. Còn khoảng 500 mét nữa, chúng tôi ra đường ruộng Rơ Po, có một lán tranh nhỏ nằm cạnh đường với hàng thông thưa thớt, sát đường về phía Đông là con suối sâu và nhỏ. Chiến lăm lăm bước tới trên con đường mòn nằm trong rừng thông đến giữa bãi đóng quân của Mỹ, nhưng đi nhẹ, địch chưa phát hiện gì. Tôi đi sau cách

Chiến mấy thước, phát hiện mùi dầu thơm và thuốc lá, giật mình nhìn ra lán tranh, thấy những tấm bạt quân sự của Mỹ ánh lên dưới bóng trắng mờ mờ, ngỡ như tảng đá granit trắng khổng lồ. Tôi giật mình nghĩ ngay : Lán tranh này đâu có đá mà nay sao lại có đá lũ khủ như thế này? Trong tay tôi có sẵn cây đèn pin, do phản ứng, tôi giơ lên rồi hạ xuống ngay, phát hiện thấy những tấm bạt của địch che ngủ dã ngoại. Lập tức địch lên đạn đại liên bắn càn vào phía chúng tôi cả một băng dài. Nhưng may là đường đi hơi thấp hơn chỗ bố trí cây đại liên của địch một chút.

Ngay tại chỗ tôi đứng có 3 cây thông to, đứng thẳng hàng, tôi liền dựa ngay vào cây giữa, ép sát vào thân cây che khuất bóng đèn pha địch rọi ra. Tôi liếc mắt nhìn thấy 3 tên Mỹ cao dềnh dàng đứng điều khiển cây đại liên, nói xì xồ, rồi chúng quay nòng đại liên bắn ngược theo đường. May cho anh em chúng tôi, khi địch phát hiện bắn càn, rồi bắn đèn sáng và bắn quét trên đường thì 3 anh em đi sau và Chiến đi trước đã chạy ra khỏi trận địa, lao xuống suối an toàn. Còn tôi bị kẹt, đứng nép vào cây thông, chịu mấy loạt đạn đại liên, lửa bay trước mặt, sau lưng. Tôi bị rách ống quần và chiếc bông mang trên lưng, nhưng nhờ có cây thông to che chở nên địch không phát hiện và cũng không vướng đạn.

Sau 15 phút, pháo sáng tắt, hòng cây đại liên hết phọt đạn, tôi rón rén bước xuống triền suối, nhẹ nhàng từng bước bám cây lao xuống tận suối sâu. Thế là hú hồn, khỏi chết! Khi đến suối rồi tôi lại nghĩ: 4 anh em cùng đi, không hiểu có ai bị việc gì không? Biết làm sao mà tìm? Khi chúng bắn

pháo sáng, tôi nép vào gốc cây quan sát không thấy đồng chí nào ở đó nữa. Bụng mãi hồi hộp, tôi ngồi nghỉ một lát, định sẽ dò theo suối mà tìm.

10 phút sau, cụm pháo đã chiến đặt trên đồi Xe Vô bắn liên tiếp mấy đợt pháo sáng, chiếu rọi cả đám rừng, dội xuống lòng suối. Tôi tranh thủ ánh sáng, lội ngược suối để tìm anh em, nhưng đi mãi chẳng thấy tăm hơi anh em đâu cả. Đến 2 giờ sáng, tôi đành ngả lưng trên tảng đá to giữa lòng suối, nằm thiếp lúc nào không hay. Thình thoảng vài chiếc pháo sáng bắn lên bùng sáng cả cánh rừng.

Đúng 5 giờ 30 phút sáng hôm sau, trực thăng bay thành phạch trên bầu trời. Tôi giật mình thức dậy, lại tiếp tục đi tìm anh em. Đi ngược dòng suối khoảng hơn một cây số, tôi gặp dấu dép rất mới in rõ trên bãi cát bồi. Đúng là anh em khi hôm đi ngược suối đến vùng này! Tôi bắt đầu vừa đi vừa ra ám hiệu để anh em bắt liên lạc.

Đến 6 giờ 30 sáng, tôi mới gặp được anh em. Rất may là 4 anh em liên lạc được ngay trong đêm. Anh em tưởng tôi bị cây đại liên bắn chết rồi. Nhưng như đã hẹn, anh em xuôi dòng suối trở lại tìm tôi. Khi gặp được nhau, anh em mừng với nhau mỗi đứa một liều thuốc và kéo nhau đi tìm chỗ lợi thế, nơi có nước uống để ăn sáng, rồi tổ chức nấu cơm vắt trong ngày, tìm chỗ quan sát địch càn đóng quân ở đâu để tính đường đi tránh, chứ rừng núi mình không sợ gì. Tôi bàn với anh em: “Với kiểu này, vẫn phải đi ban đêm, chứ đi ban ngày rất nguy hiểm. Kinh nghiệm đoạn đường khi đêm mà đi

ban ngày thì nó lấy hòng rồi, chú cháu mình đâu còn ở đây”.

Chuẩn bị cơm nước xong, 5 chú cháu chúng tôi lại ra bám trảng tranh thứ hai cách trảng khi đêm khoảng 1 cây số, đối diện với ruộng La Ôn, Kon Dân. Anh em tổ chức leo cây cao, dùng ống nhòm để quan sát, thấy trên tất cả các đồi cao đều có địch đóng quân, khống chế toàn bộ các con đường đi. Trên đồng ruộng và nương rẫy chẳng thấy người nào đi làm. Tôi ngồi ở bìa lán tranh, nhìn 3 chiếc trực thăng như 3 con chuồn chuồn khổng lồ quần lượn đáp xuống rồi bay lên trên các mỏm đồi. Tôi hỏi Lan: “Nó làm gì mà lên xuống nhộn nhịp, hay nó rút quân thay quân gì đó?” Lan nói: “Chắc nó thay quân”.

Một chiếc bay thẳng đến hướng chúng tôi ngồi và dừng lại, đáp thẳng xuống đỉnh đồi trước mặt, cách chúng tôi vài trăm mét đường chim bay. Máy bay vừa đáp xuống thì mấy tiểu đội lính vác từng thùng hàng mang vào trại bạt. Tôi đưa ống nhòm nhìn trực tiếp thấy thùng thức ăn, rượu bia tiếp tế cho lính. Lúc ấy đúng 11 giờ trưa. Từ đó, chúng tôi bàn chia khu vực theo dõi và thấy đồi nào có đóng quân thì chỗ đó có trực thăng hạ xuống, tiếp tế thức ăn cho lính ăn trưa. Quan sát kỹ đỉnh đồi trước mặt, đếm đi, đếm lại, tôi thấy có 31 tên lính Mỹ cao lênh khênh qua qua lại lại giữa đỉnh đồi. Toàn vùng có tất cả 9 điểm chốt của Mỹ chiếm các đồi cao, còn bên sườn núi và đất bằng thì không thấy có quân chốt.

Trước tình hình ấy, anh em đề nghị tôi nên về lại văn phòng Huyện uỷ K3 nghỉ, chờ Mỹ rút quân rồi sẽ đi, chứ

chúng đóng quân chằng chịt thế này, làm sao mà vượt qua được 9 chốt địch khổng chế trên đồi, còn dưới đất bằng chẳng rõ có quân nguy cần quét không? Tôi suy nghĩ: Lời khuyên của anh em cũng có lý, nhưng bức điện của Thường vụ Tỉnh uỷ mời về họp gấp, nhận được điện lúc nào tổ chức đi về lúc đó, ở nhà đang chờ. Thế mà nay lại trở về K3 nghỉ chờ Mỹ rút, rồi sẽ đi thì đâu còn gì để nói! Nhưng Mỹ lúc nào mới rút? Vì chúng đóng quân dã ngoại trong mùa khô, dùng trực thăng tiếp tế và thay quân, có thể chúng cần lâu.

Tôi trao đổi với anh em và gợi ý đề xuất để anh em suy nghĩ: Địch đóng khổng chế tất cả các đồi cao, cũng có thể quân nguy chốt các đường mòn, ta cần cắt rừng xuyên qua sườn núi mà thoát lần ra vùng khổng chế của địch. Chúng có thể quan sát được ban ngày, đến tối ta sẽ ra khỏi rừng La Ôn đến vùng ruộng Kon Xìp, Kon Ká, trời sáng trăng, ta cứ băng đồng mà đi, như vậy chắc chắn an toàn. Ý kiến trên thuyết phục được anh em. Tất cả đều đồng ý, hạ quyết tâm tổ chức cùng đi.

Hai giờ chiều hôm ấy, chúng tôi ăn cơm trưa và cơm chiều dồn một bữa, tranh thủ trời còn sớm cắt xuyên sườn núi, 5 chú cháu đi qua, tránh tất cả các chốt của địch trên đồi. Đến 18 giờ chiều, chúng tôi lọt ra được giữa đồng ruộng Kon Xìp, giáp đường giao liên K3 đi xuống đội công tác ấp 16 và đi thẳng về tỉnh. 5 chú cháu phấn khởi động viên nhau, lao nhanh qua đồng ruộng Kon Ká, Kon Xìp như 5 mũi tên, nhanh chóng qua cầu khỉ sông Đạ Giăm vào sở Tứ Quý.

Đúng 10 giờ đêm, anh em vào liên lạc với cơ sở công an, nắm tình hình thì bà con cho biết quân Mỹ từ sân bay Biên Hòa đổ quân phản ứng các trận đánh Đông Di Linh và Tà In; vùng An Lạc, Tứ Quý, Trảng Bia còn bình yên, chưa có việc gì. Bà con cho chúng tôi ăn cơm nguội, bánh trắng cuốn chả trứng. Ăn xong, chúng tôi từ giã bà con, lại lên đường sang sở Trảng Bia lúc 2 giờ sáng. 5 chú cháu ngủ tạm trong vườn cà phê ở ngã ba Mắm Ruốc (Lộc Đức ngày nay).

Sáng hôm sau, gặp đội công tác của anh Trường Thanh và anh Thông quân báo ra bám công nhân công tác, tôi gửi lại 3 đồng chí K3 đã đưa tôi qua đường, nhờ đội giúp đỡ anh em ăn ở cùng đội công tác, đợi nắm tình hình Mỹ rút, anh em mới về lại Huyện uỷ. Còn tôi cùng anh Chiến đi một mạch về cơ quan văn phòng Tỉnh uỷ đúng hẹn, gặp và làm việc với đồng chí Bí thư, báo cáo tình hình, chuẩn bị cho cuộc họp Tỉnh uỷ mở rộng, kiểm điểm cuối năm và bàn kế hoạch hoạt động năm 1968. Lúc bấy giờ, tôi chưa biết có kế hoạch Mậu Thân, nhưng thực chất là chuẩn bị kế hoạch Mậu Thân theo tinh thần chỉ đạo cụ thể của trên mà Khu uỷ khu 6 chỉ thị với danh nghĩa sẵn sàng kế hoạch vật chất đảm bảo lực lượng đi vào hoạt động đông xuân đợt II.

*

Sau cuộc họp này, tôi trở lại tìm đơn vị 186. Theo hẹn, sau trận đánh Tà In, đơn vị sẽ về đóng quân tại núi Pô (tức núi Sao Mai), nhưng khi tôi đến nơi thì thấy cơ quan, đơn vị đóng ở núi Pô bị trực thăng bắn nát và đổ đầy chất độc hóa

học màu da cam, bột hóa học trắng mặt đất và có chỗ còn nguyên bao chưa kịp rải. Tôi và hai anh em liên lạc vội vã thoát ra: lần theo dấu vết đơn vị đi về hướng Bắc Bình. Tôi, Chiến, Rêo rút về, lượm được 2 cây cuốc trung liên, trở lại chôn 3 xác chết của anh em chiến sĩ trinh sát đơn vị 186 bị máy bay địch bắn, hy sinh, nhưng đơn vị chưa biết. Lúc đi, chúng tôi có thấy xác 3 anh em, nhưng không có cuốc, định đến báo cho đơn vị vào chôn anh em. Không tìm thấy đơn vị, chúng tôi phải trở lại chôn cất anh em tử tế trên đường về. Đến nay, tôi chưa rõ xác 3 anh em nói trên đã được tìm đưa về nghĩa trang hay chưa và địa điểm ấy bây giờ tôi không còn nhớ.

Đã gần 3 năm, đơn vị tiểu đoàn 186 có mặt chiến đấu trên đất Lâm Đồng, nhưng giờ phút chia tay trong bước ngoặt của cuộc chiến đấu đầy hy sinh thử thách thì giữa chỉ đạo địa phương đối với anh em chưa được gặp nhau, tỏ lời cảm ơn và đưa tiễn. Hôm nay, viết trang ký sự đến đoạn này, lòng tôi bồi ngùi xúc động tưởng nhớ đến nhiều đồng chí đơn vị 186 đã vì Lâm Đồng nằm lại trên chiến trường Lâm Đồng, đến nay chưa xác định được họ và tên. Có đồng chí chưa quy tập được hài cốt, lòng tôi luôn luôn ray rứt, không thể nào quên.

Mong những người đã khuất hiểu nỗi khó khăn của địa phương trong việc tìm kiếm vì tìm kiếm anh em không phải là người trong cuộc thì không thể nào trách móc nhau. Hồ sơ, mộ chí của anh em nay không thuộc địa phương quản lý nên rất khó tìm.

CHỐNG CẢN BẢO VỆ CĂN CỨ CÁCH MẠNG VÙNG III

Tôi xin ghi lại một chuyện nhỏ về việc chống cản bảo vệ căn cứ cách mạng vùng III (nay là huyện Đa Tễh) trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của tỉnh Lâm Đồng lúc bấy giờ mà tôi không bao giờ quên.

Sau thất bại nặng nề trong cuộc phản công lần thứ nhất trong chiến lược chiến tranh cục bộ, Mỹ tiếp tục tăng cường quân cơ động, bổ sung phương tiện, chuẩn bị bước vào mùa khô năm 1966 - 1967 nhằm thực hiện kế hoạch tiến công bằng 2 gọng kìm “tìm diệt, bình định cấp tốc” đợt II. Chúng đánh vào căn cứ Lâm Đồng song song với tổ chức tấn công căn cứ kháng chiến Trung ương Cục miền Nam (Tây Ninh, Bình Long, Phước Long).

Lúc bấy giờ, lực lượng địch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ngoài 10 đại đội bảo an, còn có 25 trung đội dân vệ, cùng thanh niên chiến đấu trong hệ thống ấp chiến lược. Quân Mỹ tăng cường lữ đoàn dù 173 từ miền Đông Nam Bộ đánh lên Lâm Đồng. Lực lượng nguy quân được điều thêm tiểu đoàn 23 biệt động quân, 1 tiểu đoàn Cộng hòa, 2 chi đội xe bọc thép, 20 đoàn bình định nông thôn, phối hợp đánh vào căn cứ Bắc Lâm Đồng nhằm dồn dân vào ấp chiến lược. Với lực lượng trên, 8 giờ sáng ngày 17/1/1967, địch đã dùng 70 trực thăng đổ quân vào căn cứ Bắc đường 20 mà trọng điểm là 3 xã vùng III (Lú Tôn, Hợp Vông, Xi Nhanh, nay là toàn bộ địa bàn huyện Đa Tễh) nhằm phá hoại mùa màng, lừa bắt dân

tập trung vào áp chiến lược.

Để hỗ trợ cho bộ binh và máy bay hoạt động, địch dùng đội pháo 105 chốt 2 cụm ở trảng Phê Đê, đồi Đình Gia Ri, dùng trực thăng trinh sát (3 chiếc cán gáo) ngày đêm quần bám, lùng sục, phát hiện mọi dấu vết, khói lửa mà chúng nghi vấn để chỉ dẫn bộ binh và pháo bắn phá, tìm diệt, gom dân.

Mục tiêu và yêu cầu cuộc càn của địch là nhằm phá tan căn cứ Bắc Lâm Đồng, tức là triệt phá căn cứ C200 cũ, phá hậu phương, hậu cần khu 6, phá đường hành lang Nam - Bắc, Đông - Tây vừa hình thành, làm cho lực lượng vũ trang miền Nam (B2) bị cô lập, khó khăn, phá thế trận liên hoàn giữa hậu phương và tiền tuyến tại chỗ, làm cho nhân dân căn cứ đói khổ, không thu hoạch được mùa màng, buộc dân ra đầu hàng giặc, đi vào áp chiến lược. Đây là một âm mưu thâm độc, nham hiểm của Mỹ - nguy. Chúng dùng phi cơ và pháo binh bắn phá liên tục, cho máy bay quần thấp, thả chất độc xuống các nương rẫy, lúa, mì. Tất cả các khe suối, hốc núi đều bị chúng rải bom bi, bom càn, mìn Ríp. Chúng cho bộ binh chốt các đồi cao, khống chế toàn bộ thung lũng Đa Tễ trên một diện tích hơn 200 km², tưởng chừng con sóc cũng không thoát khỏi lưới phong tỏa này.

Kế hoạch chống càn của ta chủ yếu là nhân dân được tổ chức theo từng buôn, từng tổ đoàn kết sản xuất, với gần 300 dân quân tự vệ mà nòng cốt là 9 trung đội du kích tập trung ở 3 xã.

Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng quyết định đưa trung đội trinh sát của lực lượng cảnh vệ cơ quan Tỉnh uỷ gồm 15 đồng chí xuống bám dân, bám địa bàn, cùng du kích xã chống càn, bảo vệ nhân dân, tổ chức thông tin 2 chiều phục vụ chỉ đạo của tỉnh.

Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương:

1. Bằng mọi cách, bảo vệ tánh mạng, tài sản của dân căn cứ, không để dân bị địch lừa; có kế hoạch bảo vệ rẫy lúa và mì để chống đói, phục vụ đời sống và phục vụ chiến đấu.

2. Đẩy mạnh du kích chiến tranh lên cao bằng mọi vũ khí và phương tiện chiến tranh nhân dân, tiêu hao sinh lực địch bằng vũ khí thô sơ, làm chủ rừng núi, bảo vệ an toàn khu căn cứ, bảo vệ cơ quan, kho tàng, tài liệu, hành lang giao thông, đảm bảo chỉ đạo thông suốt lực lượng vũ trang đang hoạt động phía trước, bất cứ tình huống nào không để đứt.

3. Chỉ đạo, cổ vũ, động viên lực lượng vũ trang tiền phương yên tâm, ngày đêm tổ chức tấn công địch, chia lửa cho dân căn cứ, đánh mạnh, đánh sâu vào vùng địch, phá banh hệ thống ấp chiến lược, đánh địch, làm chủ giao thông, buộc địch rút quân càn quét về đối phó ở hậu phương của địch càng sớm càng tốt.

Thực hiện chủ trương trên, các cơ quan Tỉnh uỷ, Tỉnh đội, Mặt trận và các đoàn thể phân công một nửa số cán bộ xuống bám cơ sở, cùng hệ thống chính trị phát động quần chúng chống càn, hướng dẫn cất giấu tài sản, bố phòng kho tàng,

thôn, buôn, chuẩn bị căn cứ dự bị, phát triển hầm chông, cạm bẫy, hạn chế ngăn chặn địch phát triển lòng sục vào rừng sâu. Đội cảnh vệ cơ quan xuống cùng du kích mỗi xã lập phương án chiến đấu bảo vệ dân, phân công địa bàn đánh địch lòng sục ban ngày, ban đêm tiếp cận các cụm đóng quân của địch, gài mìn, bắn tỉa, quấy rối, gây cho địch mất ăn, mất ngủ, chui rúc vào công sự dã chiến, đảm bảo an toàn nương rẫy, đưa dân ra bám suốt lúa. Thời gian đưa dân bám rẫy suốt lúa từ 22 giờ đêm đến 3 giờ sáng mỗi đêm là thời gian địch sơ hở nhất.

Cứ như vậy, gần 2 ngàn dân 3 xã vùng III quần bám đánh địch suốt 2 tháng liền không nghỉ và đã giành thắng lợi, đảm bảo dân không ai bị lừa, cơ quan không bị đánh úp. Trong khi đó, dân quân du kích đã bắn rơi tại chỗ 2 chiếc máy bay trực thăng, trong đó có một chiếc gáo trinh sát do đồng chí K' Mui - Bí thư Đoàn thanh niên giải phóng vùng III - hạ tại chỗ. Sau đó, đồng chí bị thương chạy đến căn cứ và hy sinh. Đồng chí K' Đạ - Bí thư Đảng uỷ vùng III - trên đường đi công tác cũng đã bắn chiếc trực thăng đuổi bắt anh tại Bàu Sen. Du kích còn bắn cháy 3 chiếc trực thăng khác.

Trong cuộc càn, nhân dân và cơ quan tản cư vào rừng sâu, tránh lánh địch. Đã có trường hợp bà mẹ hy sinh con mọn để giữ bí mật chỗ ở, cứu lấy đồng đội, đồng bào khi địch đến gần như chị Duyên (*) trong lực lượng an ninh và

* Chị Duyên có con mới sinh đi tản cư vào rừng với dân. Khi địch lòng sục vào gần đến chỗ ở, con chị khóc, chị đã dùng khăn nhét vào miệng. Đến khi giặc rút thì cháu không còn thở nữa.

nhieu tấm gương hy sinh quên mình để bảo vệ cán bộ, bảo vệ quần chúng, không sao nói hết!

Kết quả: Trong 65 ngày đêm chống càn, bảo vệ căn cứ, dân quân vùng III đã giết 12 tên địch (có 1 lính Mỹ) và làm bị thương 13 tên khác bằng mọi loại vũ khí thô sơ và hiện đại kết hợp.

Về phía ta, đồng chí K' Mui hy sinh, 3 du kích và 5 đồng bào bị thương nhẹ. Giành giết trên chiến trường ban đêm với giặc, dân bám và thu hoạch trên ngàn gùi lúa.

*

Về mặt trận tấn công phía trước, lực lượng 186, 742, 729, 210, du kích mật cùng các đội công tác tổ chức tấn công liên tục, đánh giao thông trên đường 20, đánh vào cơ quan MACV của Mỹ ở thị xã B'Lao, đánh chi cảnh sát Di Linh, tập kích bộ chỉ huy tiền phương tiểu đoàn biệt động, phá mảng áp chiến lược Đông và Tây Di Linh... làm cho địch phải rút quân càn trong căn cứ về đối phó bị động và liên tiếp bị đánh thiệt hại nặng. Ta mở rộng, củng cố thế làm chủ trên đường 20 từ đèo B'Lao đến Ma Đa Gui ... (*)

Trong hơn 2 tháng, dân quân vùng III Lâm Đồng chống càn bảo vệ căn cứ, bảo vệ cuộc sống và sản xuất là cuộc chiến đấu dài nhất, ác liệt nhất và đã giành thắng lợi trọn vẹn. Đây là dấu son của dân tộc Mạ trên đất Lâm Đồng trong 21 năm, cùng cách mạng làm chủ núi rừng, xây dựng căn cứ,

* Xem quyển *Lâm Đồng 21 năm chống Mỹ, cứu nước*, từ trang 80 đến 110.

chiến thắng Mỹ - nguy.

Đây là cuộc chiến tranh thật sự vì dân, do dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy về tư tưởng lấy dân làm gốc:

“Dễ trăm lần, không dân cũng chịu

Khó vạn lần, dân liệu cũng xong”.

XUÂN MẬU THÂN (1968)

Xuân Mậu Thân năm 1968 không biết thế nào mà âm lịch có sự chênh lệch một ngày (Tết miền Nam sau miền Bắc một ngày) làm cho mọi người suy nghĩ đến bây giờ. Nguyên nhân là do những nhà khoa học tính nhầm hay có ý đồ chỉ đạo theo kiểu Tết của Quang Trung?

Tôi còn nhớ: Chỉ còn một tuần lễ nữa đến Tết Mậu Thân, đồng chí Phạm Thuần (tức anh Chín Cán) - Bí thư Tỉnh uỷ - được đồng chí Bí thư Khu uỷ 6 điện hỏa tốc triệu tập anh đi họp tại cơ quan Tỉnh uỷ Tuyên Đức (*)

để nghe truyền đạt chủ trương mới và bàn kế hoạch hoạt động tấn công địch trong dịp Tết. Anh Chín ra đi dẫn tôi ở nhà mời tình đội vào kiểm tra lực lượng, chuẩn bị chiến trường và kế hoạch hoạt động Tết , sẵn sàng phương án hoạt động, chờ anh đi họp về, có gì mới sẽ triển khai cụ thể .

* Tỉnh uỷ Tuyên Đức lúc đó chuyển đến ở vùng Kon Pal, Bắc sông Đa Đôn, thuộc đất Di Linh mà Lâm Đồng vừa cắt giao cho Tuyên Đức làm căn cứ của cơ quan Tỉnh uỷ.

Thực tế anh đi họp nghe truyền đạt chủ trương một buổi là quay về ngay trong ngày. Lúc anh về, chúng tôi còn đang họp Thường trực Tỉnh uỷ kiểm tra chương trình hoạt động Tết. Nhân lúc đó, anh Thuần truyền đạt luôn chủ trương của Trung ương và kế hoạch của quân khu về tấn công Xuân Mậu Thân, tập trung mọi lực lượng tấn công và nổi dậy (tổng công kích – tổng khởi nghĩa: TCK-TKN), đánh vào sào huyệt của địch, giành thắng lợi quyết định. Nội dung anh Thuần về truyền đạt được tôi ghi lại:

Trong việc chấp hành chủ trương của Trung ương, Quân khu 6 có gặp một số khó khăn: địch càn đi, quét lại, đánh sâu vào căn cứ kháng chiến tại chỗ trong toàn khu. Do tập trung chống càn nên sản xuất bị trở ngại, đời sống bộ đội, cán bộ và nhân dân vùng căn cứ gặp khó khăn, vấn đề tiếp tế, vận tải vũ khí, đạn dược bị trục trặc nên đang thiếu thốn, cần khắc phục. Quân số các đơn vị vừa chống càn vừa bắt đầu xây dựng củng cố có hao hụt cả về số lượng và chất lượng. Trong khi đó, quân khu phải triển khai đến 2 trọng điểm: thị xã Phan Thiết ở Bình Thuận và thành phố Đà Lạt ở Tuyên Đức.

Khu uỷ và Quân khu uỷ quyết định điều tiểu đoàn 145 của Lâm Đồng do đồng chí Ty chỉ huy bổ sung lên hoạt động đánh vào trọng điểm Đà Lạt và chính thức rút tiểu đoàn 186 của khu lâu nay hoạt động trên đất Lâm Đồng, chuyển hẳn lên hoạt động cùng với 145 đánh vào Đà Lạt; điều 50 cán bộ chính trị, kinh tế, xã hội thuộc các ngành của tỉnh Lâm Đồng tăng cường cho trọng điểm Đà Lạt - Tuyên Đức (Tỉnh chọn và điều được 45 anh em, gần một nửa là anh em kinh tài, đội

vũ trang cửa khẩu).

Lực lượng còn lại gồm: C210 bộ binh, C216 công binh, C720 trinh sát và đặc công, 5 trung đội địa phương huyện, thị (4 K và T29), 26 đội công tác (mỗi đội gần như một tiểu đội vũ trang). Lúc bấy giờ, tỉnh chủ trương ngay lập tức tổ chức 1 trung đội trợ chiến (gồm 1 đội cối 181 và khẩu đội DK75) để kịp hoạt động cùng với lực lượng bộ binh, thay cho đại đội trợ chiến 145 đã điều đi.

Trong cuộc họp, Thường vụ Tỉnh uỷ chúng tôi bàn mãi việc lấy đâu ra quân để tổ chức, về súng đạn trong kho đã có sẵn, nhưng chỉ huy và chiến sĩ rút ở đâu là bí rị. Ban chỉ huy Tỉnh đội lúc bấy giờ tính không ra nên phải báo cáo trước Thường vụ Tỉnh uỷ để bàn.

Thường tình, lúc bí nhưng đã quyết chí sẽ có ý kiến hay. Thường vụ chúng tôi thảo luận, cuối cùng quyết định rút các đồng chí cán bộ, chiến sĩ gái trong các đội công tác và một số chị em cơ quan gan dạ, tập hợp lại, tổ chức các khẩu đội và cử đồng chí Hoá - thương binh, trung đội trưởng - làm huấn luyện viên và cố vấn cho chỉ huy, bầu nữ đồng chí Hùng làm đội trưởng, đồng chí Lê Thị Pha làm chính trị viên, hình thành 2 khẩu đội cối và 1 khẩu đội DK75. Lúc đầu, chúng tôi chọn, biệt phái 9 anh em cán bộ tiểu đội nam mạnh khỏe của các đơn vị bộ binh được rút qua làm nòng cốt, trợ lực trong quá trình huấn luyện và kèm cặp một số trận đánh ban đầu. Với nội dung quyết định trên, sau 3 ngày, đơn vị được hình thành, cho phép vừa huấn luyện vừa tham gia chiến đấu thí nghiệm

ở một số trận và đến ngày 28/3/1968 có quyết định thành lập đơn vị, lấy phiên hiệu là đội cối 83 (ngày truyền thống phụ nữ 8/3), tổ chức làm lễ thành lập trên địa bàn xã Lộc Thành hiện nay.

Nhờ việc sắp xếp lại lực lượng nên mặc dầu 2 tiểu đoàn chủ lực đứng trên Lâm Đồng đã được quân khu điều đi, nhưng đi vào Mậu Thân, tỉnh Lâm Đồng vẫn đảm bảo được các hoạt động trên các địa bàn đều triển khai kế hoạch đúng quy định. Tất cả các đơn vị lớn nhỏ từ C210 đến các đội công tác đều nổ súng mở màn vào tất cả mục tiêu của phương án trong đêm mừng một Tết Mậu Thân.

Chấp hành quyết định của Khu uỷ và mệnh lệnh của Quân khu uỷ khu 6, chúng tôi một mặt tổ chức phân công các đồng chí trong cấp uỷ và bộ chỉ huy ngày đêm tổ chức phổ biến, học tập, giải quyết tư tưởng cho cán bộ chiến sĩ D145 và số cán bộ chính trị được điều đi, một mặt lo điều động súng ống, đạn dược, lương thực, thực phẩm, thuốc chiến thương đủ mỗi loại 3 cơ sở và điều luôn đội phẫu thuật cùng đi với số lượng thuốc chiến thương, 1 cơ sở mang theo còn 2 cơ sở tổ chức dân công căn cứ chuyển tiếp trên đường để kịp tiếp cận, đúng giờ quy định có mặt tại chiến trường Đà Lạt, lực lượng địa phương còn lại tự xoay sở lấy và tiếp tục giải quyết sau.

Sau khi giải quyết cho lực lượng D145 và số cán bộ chính trị chỉ viện cho chiến trường Đà Lạt - Tuyên Đức lên đường, chúng tôi phân công các đồng chí trong Tỉnh uỷ xuống từng đơn vị, từng đội công tác trong địa bàn huyện, thị phía trước,

hình thành ban lãnh đạo chỉ huy trên 3 khu vực: tôi phụ trách trọng điểm của tỉnh thuộc khu vực Di Linh; đồng chí Hậu, đồng chí Công phụ trách truyền đạt và nắm chỉ huy trực tiếp; thị xã B' Lao do đồng chí Bình, đồng chí Tuấn, đồng chí Hưng trực tiếp phụ trách; khu vực K4, Bà Xa, Ma Đa Gui do Thường trực Tỉnh uỷ sử dụng 2 văn phòng (Thường vụ Tỉnh uỷ và Bộ chỉ huy quân sự) theo dõi trong thời gian mở màn.

Căn cứ vào sức ta, sức địch, chúng tôi có chủ trương: Đối với thị xã, thị trấn thì dùng cối 60, M79, cối 81 đặt ở ngoại vi bắn vào các trung tâm chỉ khu quận lý, gây náo động đêm giao thừa. Toàn bộ đội công tác cùng bộ đội địa phương tỉnh, huyện tập trung đột áp chiến lược, giải trang phòng vệ dân sự, vận động nhân dân phá ấp, bung về làng cũ, bung ra bám rẫy làm ăn...

Với chủ trương đó, trong đợt một, lực lượng ta đột được tất cả các ấp, nhưng kết quả rất hạn chế, suốt một tuần lễ ban đầu, chẳng phá banh được ấp chiến lược nào. Việc giải trang phòng vệ dân sự cũng chẳng làm được gì, vì lẽ ta đột áp tuyên bố giải trang phòng vệ dân sự, buộc đem súng ra giao, nhưng ta lại chưa nắm chắc phòng vệ là ai, mặt mũi của từng người thế nào? Thời gian vào ấp làm chủ vài tiếng đồng hồ, không có thời gian để học tập, phát động quần chúng, trấn áp bọn tay sai kèm dân trong ấp, khống chế cơ sở, nên nơi nào cơ sở tương đối vững, phong trào quần chúng mạnh, có chuẩn bị tốt, cơ sở và quần chúng trong một số ấp giải trang được một ít, nhưng anh Ba, anh Tân, anh Công bị hy sinh, ta chưa rút được kinh nghiệm ngay trong đợt.

Sau đợt đầu, địch bị tổn thất nặng nề, nhưng sức tấn công của ta trên toàn miền và chiến trường khu 6, cũng như địa phương Lâm Đồng, giảm dần. Kẻ địch bắt đầu hồi phục, ra sức tuyên truyền âm mưu cho rằng cuộc tấn công của ta là thất bại. Đồng thời, chúng tập trung sức phản kích, đánh chiếm lại Tứ Quý, Trảng Bia, An Lạc, củng cố đồn 16, chốt thêm 1 trung đội giữ cầu 17, đưa 1 đại đội bảo an chốt trên đồi sở Bác sĩ Phong, chốt ngã ba Thành Thái, Cống Sinh, lấn ra Tân Rai, hình thành cụm pháo 105 trên đồi phía Tây cầu La Ngà, củng cố đặc khu Đa Huoai. Chúng đưa E53 về đóng tại đồi Kon Hin Đa, lập yếu khu Đa Nghịt, lập khu công binh Tam Bốc... Chúng tập trung sức xây dựng, phát triển và củng cố lực lượng phòng vệ dân sự trong hệ thống ấp chiến lược, đánh phá bình định cửa khẩu đèo Chuối...

Nội bộ ta được động viên, củng cố liên tục, đi vào tấn công đợt 2, đợt 3, nhưng địch rút kinh nghiệm, đối phó quyết liệt, làm cho phương thức đánh phá ấp chiến lược gặp rất nhiều khó khăn. Việc đột áp theo kiểu cũ liên tiếp bị tuyến mìn làm cho cán bộ, chiến sĩ hy sinh, tổn thất quá nặng. Có lần anh em vào ấp, đụng mìn, hy sinh gần hết đội công tác như lần đột kích Đa Lào, Đa Nghịt... Càng về sau, hoạt động tấn công của ta cuối quý I/1968 ở tỉnh phần nào chững lại để củng cố.

Cuối tháng 5/1968, Quân khu 6 quyết định rút anh Thuận (Hậu) về lo công tác dân quân của quân khu, điều anh Dương Phước Tường thay anh Thuận làm Tỉnh đội trưởng Lâm Đồng, điều động anh Bình (Viên) về phòng chính trị quân khu, quyết

định tôi trở lại phụ trách Chính trị viên Tỉnh đội, thay cho anh Bình. Quân khu còn chỉ thị Lâm Đồng chuẩn bị khẩn trương hoạt động hè thu với lực lượng chủ công 186 và 145 do khu điều về mở đợt đánh chiếm Di Linh.

Ngày 27/6/1968, Khu uỷ triệu tập cuộc họp kiểm điểm tình hình hoạt động Mậu Thân, bàn kế hoạch hoạt động hè thu. Sau cuộc họp, đồng chí Trần Lê - Chính uỷ, đồng chí Năm Ngà - Tư lệnh quân khu - làm việc riêng với tôi, bàn cụ thể việc chuẩn bị đánh Di Linh, giao tôi về báo cáo với Thường vụ Tỉnh uỷ, vừa lo học tập, củng cố, sắp xếp đơn vị, cơ quan, vừa chỉ đạo chuẩn bị chiến trường, vừa lo cơ sở vật chất, đảm bảo đến thượng tuần tháng 8 năm ấy, tập trung quân từ chiến trường Tuyên Đức xuống, tổ chức thực hiện phương án.

Cần nói rõ thêm, cuộc họp của quân khu nằm trong kế hoạch phản kích sau Mậu Thân, địch tổ chức càn quét liên tục, đánh phá hậu phương, căn cứ của ta. Do đó, trong 6 ngày làm việc của hội nghị Khu uỷ và Quân khu 6, chúng tôi phải dời địa điểm họp, chạy càn đến 3 lần, trong đó có một lần trinh sát dẫn đường di chuyển đã đụng độ với địch. Ngày họp cuối cùng không kịp kết luận vì địch đổ quân gần cơ quan, đồng chí Chính uỷ, Tư lệnh quân khu kết thúc hội nghị, dặn dò, động viên, và từng đoàn cán bộ mỗi tỉnh tự tổ chức bảo vệ, tự lực cắt rừng về địa phương mình.

Đoàn Lâm Đồng, Tuyên Đức trên đường về không gặp trở ngại gì lớn, nhưng không đi theo đường hành lang hòa bình được, đành phải cắt đường ra phía Bắc Bình Thuận, leo trèo

núi sông Khiên La Bá, lên K67, vòng về hướng Nam Di Linh, giáp lại đường suối Cua nằm ở chân núi Braian, đến căn cứ K3 (huyện Di Linh) gần đường số 8 (nay là quốc lộ 28).

Theo quyết định của Quân khu, tôi phải khẩn trương chuẩn bị đánh Di Linh. Đề nghị binh đánh lạc hướng chú ý của địch, Khu uỷ chỉ thị mọi mặt học tập, chuẩn bị đều tập trung ở phía Nam đường 20, để phía Bắc sơ khoáng lại, dùng làm địa điểm và hướng chủ yếu tập trung quân chuẩn bị cuối cùng, tiếp cận tiến nhập, tập kích vào Di Linh. Tập trung học tập, củng cố đơn vị ở phía Nam đường 20 có điều kiện thuận lợi là đứng sát cơ quan K3 để cùng chỉ đạo K3 xây dựng phương án tấn công chính trị, xây dựng cơ sở, mở phong trào phá banh mảng áp chiến lược Đạ Dòn, Kao Kin, Kớ Min ở Đông Di Linh nối liền với K67.

Trong cuộc họp quân khu, các anh Thường vụ Khu uỷ còn trao đổi với tôi là quyết định rút anh Chín Cán - Bí thư Tỉnh uỷ - về khu, bổ sung vào Thường vụ Khu uỷ, lo giúp cho khu công tác an ninh, giao tôi Quyền bí thư, kiêm Chính trị viên Tỉnh đội. Trong thời gian ngắn, Khu uỷ rút luôn 2 đồng chí cốt cán: anh Đào Hậu (Thuận), anh Ba Bình (Viên), bây giờ lại rút anh Chín Cán nữa, tôi phân vân không rõ Khu uỷ tính thế nào, trong lúc phong trào địa phương đang gặp nhiều khó khăn, nhiệm vụ trước mắt rất nặng nề mà cán bộ cốt cán thay đổi quá lớn! Do vậy, tôi đề nghị Khu uỷ để anh Chín Cán sau trận đánh Di Linh sẽ về khu theo quyết định, còn trước mắt để ảnh đảm bảo chỉ đạo phía sau và tôi có thời

gian tiếp tục ở tiền phương, lo chuẩn bị mọi mặt phục vụ trận đánh Di Linh theo quyết định của Quân khu uỷ.

Với đề nghị trên, các anh đồng ý và có viết thư cho anh Chín Cán, tôi mang về thẳng chỗ cơ quan Tỉnh uỷ đóng, bàn bạc với anh Chín Cán. Thống nhất với Thường vụ Tỉnh uỷ xong, tôi trở lại K3 (Nam Di Linh) tổ chức họp cán bộ, học tập nghị quyết của quân khu và bàn triển khai kế hoạch hoạt động đợt 2 hè thu để đánh lạc hướng chú ý của địch.

TẤN CÔNG DI LINH ĐÊM 20/8/1968

Như trên đã trình bày, địa bàn Nam Di Linh là nơi tập kết học tập, củng cố, tổng kết rút kinh nghiệm của các đơn vị hoạt động Mậu Thân.

Nhiệm vụ chuẩn bị đánh Di Linh, đối với tỉnh, là nhiệm vụ to lớn và nặng nề ngoài sức tưởng tượng. Để thực hiện nhiệm vụ này, tất cả cán bộ, chiến sĩ cần phải được học tập, thông suốt chủ trương, có sự đánh giá đúng thắng lợi, những vấn đề làm được và không làm được, nguyên nhân ưu khuyết điểm trong hoạt động Mậu Thân, dân chủ bàn bạc kế hoạch hoạt động đợt II hè thu, cho anh em kiến nghị biện pháp và cách đánh, làm cơ sở thực hiện quyết tâm của khu 6. Tuy không phổ biến kế hoạch cụ thể nhưng công tác tư tưởng là sẵn sàng đánh bất cứ chỗ nào.

Do tập trung quân của các đơn vị về đông, đứng dọc triền núi Tây Nam dãy núi Braian, vừa họp cán bộ lãnh đạo chỉ huy toàn tỉnh, vừa chỉ đạo xây dựng củng cố đơn vị, nên anh em quản lý không chặt, đơn vị 210 bắn được thú rừng về nấu

nướng không cẩn thận, ban đêm che lò Hoàng Cầm không kín, để phát ra ánh sáng. Máy bay B57 của Mỹ phát hiện, quần lượn, thả bom tấn đúng vào chỗ chỉ huy đang hội ý công việc trong đêm 13/7/1968, làm chết 7 đồng chí, trong đó có 2 đồng chí Tỉnh uỷ viên là đồng chí Ma Bai - Bí thư Huyện uỷ K2, đồng chí Bảy Tính - Bí thư Huyện uỷ K4, làm bị thương 8 đồng chí, trong đó có đồng chí Dương Phước Tường - Tỉnh đội trưởng, tôi và đồng chí Quốc Trung - Bí thư thị xã B' Lao (T29)... Chuyện không may xảy ra trong lúc cuộc họp đã kết thúc, một số cán bộ cốt cán hy sinh và bị thương làm cho việc chuẩn bị đánh Di Linh đã khó khăn lại gặp khó khăn hơn.

Thời gian chuẩn bị không còn dài, trăm công ngàn việc dồn tới. Đồng chí chỉ huy trưởng và đồng chí chính trị viên đều bị thương, còn hai chỉ huy phó đang lo chuẩn bị chiến trường với tham mưu, không thể rút về cơ quan để lo chỉ huy chung. Trong cùng một lúc, chúng tôi phải vừa chỉ đạo giải quyết hậu quả trận địch ném bom gây ra, vừa khẩn trương chuyển cơ quan chỉ huy tỉnh đội về phía Bắc đường 20 đón quân 186 và cơ quan chỉ huy tiền phương của khu 6 từ Đà Lạt - Tuyên Đức qua, tập kết ở núi Gung Răng Gia để kịp thông qua phương án chiến đấu, luyện tập theo phương án, chuẩn bị hậu cần phục vụ chiến đấu, đảm bảo cho 1.200 quân dân các loại của tiểu đoàn 186, 145 và tất cả các lực lượng tham gia chiến đấu.

Tôi tuy cũng là người bị thương nặng trong trận, nhất là bị sức ép mạnh, bể màng nhĩ, tai ù, bàn chân bị mẻ một miếng xương, nhưng còn tỉnh, anh em còn dìu đi được. Nhờ đó, sau

24 tiếng đồng hồ, tôi đã chỉ đạo được cho anh em sắp xếp mai táng anh em hy sinh và đưa anh em thương binh về bệnh xá K3, số còn lại anh em tổ chức hành quân về phía Bắc theo kế hoạch.

Anh em khiêng tôi cùng hành quân qua đường 20 về Trảng Bia ngày 29/7/1968. Dừng lại ở đây 4 ngày, tôi nhờ công nhân Trảng Bia tiếp tế cho lương thực, thực phẩm để tiếp tục hành quân. Do hoàn cảnh vô cùng khó khăn, tôi thuyết phục anh em cho tôi được điều trị tại chỗ, vừa điều trị vết thương vừa chỉ đạo khẩn trương hoàn thành kế hoạch chuẩn bị, thực hiện cho được nhiệm vụ của Quân khu giao. Mặt khác, chúng tôi họp cấp tốc Ban cán sự tỉnh đội mở rộng và Đảng uỷ tiền phương, kiểm tra, kiểm điểm và đánh giá hậu quả trận tập kích bằng máy bay B57 của địch, xác nhận ưu khuyết điểm, tìm nguyên nhân và hạ quyết tâm khắc phục khó khăn, tiếp tục thực hiện phương án mà Quân khu uỷ đề ra, xin ý kiến chỉ đạo và đề nghị Quân khu chi viện 30 tấn lương thực và một số thuốc chiến thương phục vụ cho trận đánh sắp đến, đề phòng khó khăn, có thêm cơ sở thuốc dự bị và có lương thực ở phía Nam, đề phòng khi ta đánh Di Linh đau, địch đổ quân càn, phản ứng phía Bắc, ta chuyển quân sang phía Nam có lương thực để tiếp tục hoạt động, đỡ khó khăn...

Các đề nghị trên được đồng chí Tư lệnh đồng ý giải quyết, nhờ dân công Bình Thuận chuyển gấp lên giao cho văn phòng K3 làm kho cất giữ. Nhờ có kế hoạch này nên khi đánh vào Di Linh, thật sự gặp khó khăn, đơn vị 186 chuyển sang phía Nam đường 20, dùng số lương thực này tiếp tục hành quân về

lại chiến trường Tuyên Đức.

Thời gian dừng lại 4 ngày ở Trảng Bia, anh em lo lương thực, còn tôi cùng cán bộ tham mưu chống gậy lắc nhắc đi khảo sát lại địa hình, lập sơ đồ địa bàn tập kết trú quân cuối cùng để xuất phát từ đây tiến nhập trận địa, tìm địa điểm lập bệnh xá dã chiến và lập phương án quá độ trú quân sau khi hoàn thành nhiệm vụ...Suốt 15 ngày liền, tôi cùng cán bộ 3 cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần làm việc liên tục với tinh thần vừa làm vừa điều trị vết thương ở chân cho lành. Tai tôi lần lần nghe được, bớt ù, chỉ còn tiếng ve kêu. Mãi đến nay, gần 30 năm, tiếng ấy vẫn kêu thê thoi, không được phục hồi.

Ngày 31/7/1968, anh em chúng tôi mới về đến dãy núi Gung Răng Gia, địa điểm tập kết theo quy định của các lực lượng tập trung. Chỉ còn 10 ngày nữa là tiểu đoàn 186 và 145 kéo về, lập sa bàn tập luyện và bàn thông qua phương án chiến đấu, tổ chức kiểm tra lại thực địa, đi vào chiến đấu.

Sở dĩ tập trung quân về đây vì có mấy điều kiện:

1. Đơn vị 186 hành quân đi từ Tuyên Đức sang được tuyệt đối đảm bảo bí mật, số cán bộ, chiến sĩ D145 còn lại ở Tuyên Đức tiếp tục chuyển về cũng gần. Đảm bảo an toàn, không phải qua lại đường 20.

2. Gần cơ quan chỉ đạo văn phòng Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng đóng ở vùng núi Hang Ho, xã 4 (Lộc Lâm ngày nay).

3. Tuy cách Di Linh hơi xa, nhưng đi theo đường 14 Bis ra, rẽ vào đường Nhà Thiếc, đi ngang qua sở Kim Lệ vào Di Linh thuận lợi và thông suốt, không qua đồn bót địch; đứng tại bàn đạp Kim Lệ, tiến nhập trận nội bảo đảm vì công nhân Kim Lệ hết sức tốt.

4. Dựa vào dân vùng căn cứ phục vụ dân công hỏa tuyến của xã 4 và xã 5 (nay là 2 xã Anh hùng lực lượng vũ trang Lộc Lâm và Đinh Trang Thượng). Ở đây còn được 600 xá lúa (mỗi xá lúa làm được 12kg gạo, xã 4 được 300 xá, xã 5 được 300 xá). Hơn nữa, ở xã 5 lúc bấy giờ có 220 ha mì nằm sát địa bàn tập kết đóng quân. Nhờ kho quân lương nằm sẵn dưới đất, cần ăn bao nhiêu thì đào mang về bấy nhiêu.

Nhờ vậy, trong vòng 1 tuần lễ, 2 xã đã huy động chị em phụ nữ làm xong 450 xá lúa phục vụ chiến đấu. Đồng thời, Thường vụ Tỉnh uỷ đã huy động dân công xã 1, 2, 3 làm số lúa nghĩa vụ của dân trong mỗi xã, chuyển ra kịp phục vụ trận đánh. Tổng quân số phục vụ trận đánh là 1.700 quân và dân. Đây là một đợt huy động toàn lực dốc vào trận đánh Di Linh 20/8/1968 với khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho phục vụ chiến đấu”. Với sức mạnh tổng lực của 10.000 quân dân căn cứ phía Bắc, đây là một trong những lần được động viên cao nhất trong quá trình đánh Mỹ, thắng Mỹ ở địa phương Lâm Đồng.

Riêng căn cứ phía Nam, Quân khu huy động chuyển 30 tấn gạo từ Bắc Bình Thuận lên cơ quan K3 (Di Linh) và một số đạn dược, thuốc men dự phòng bất trắc. Tôi cho đây cũng

là đợt đặc biệt Quân khu 6 chi viện cho, nhất là cho chiến trường Lâm Đồng, trong những năm đánh Mỹ.

Cuộc chiến đấu được tổ chức động viên cao nhất, cả súng đạn, thuốc men đều đảm bảo đầy đủ. Riêng lương thực, thực phẩm, do thời gian tập trung dài và quân số đông, nên khi hành quân chiến đấu, trên lưng mỗi chiến sĩ chỉ còn đảm bảo 3 vắt cơm và 1 lon mắm ruốc kho thịt heo mang theo. Trong kho hậu cần dự trữ ở Trảng Bia, Nhà Thiếc còn được 1.000 lít gạo, 50 ký mắm ruốc và 100 lon sữa dành cho bệnh viện tiền phương và đội phẫu thuật dã chiến để giải quyết cho chiến thương bước đầu. Mọi hy vọng giải quyết khó khăn về lương thực, thực phẩm đều dựa vào kế hoạch chiến đấu, quyết tâm dứt điểm để lấy kho quân lương hậu cần dã chiến sư đoàn 23 của địch về giải quyết cho mình.

Giờ làm lễ ra quân được đồng chí Phạm Thuần (Chín Cán) đến dự. Thay mặt Khu uỷ khu 6, vừa là Bí thư Tỉnh uỷ, anh phát biểu, động viên cán bộ, chiến sĩ, nhấn mạnh quyết tâm đánh dứt điểm, làm chủ trận địa, lấy của địch nuôi quân ta và bồi dưỡng sức dân căn cứ. Anh Thuần cùng lên đường ra trận với anh em trong khí thế đàng đàng sát khí, hàng ngàn người ra trận.

Đêm 20/8/1968, quân ta tấn công Di Linh nhưng không dứt điểm, không chiếm lĩnh được khu Pasture (kho hậu cần dã chiến của sư đoàn 23).

Tiểu đoàn 186 đánh chiếm được đại bộ phận chi khu Di Linh nhưng không chiếm được nhà chuồng cu trên gác, địch

dùng trọng và đại liên bố trí tầm cao, không chế toàn bộ chi khu.

Tiểu đoàn 145 đánh vào trận địa pháo 105, làm hỏng một số pháo, nhưng chúng cố thủ, ta không chiếm lĩnh được.

Đại đội đặc công và 210 đánh vào khu hậu cần và lực lượng công binh Mỹ, cũng không diệt gọn, để 2 xe M113 tháo chạy ra ngoài dùng hỏa lực 12 ly 7 không chế ráo riết, chặn đường tiến quân và phát triển của ta.

Phía ta, vì thiếu lực lượng dự bị để tiếp ứng giải quyết dứt điểm, nên trận đánh giằng co, kéo dài đến 4 giờ 30 sáng ngày 21 tháng 8 năm 1968, phải ra lệnh giải quyết chiến thương và rút ra.

Trận đánh tuy về quân sự không đạt yêu cầu, về kinh tế không thu được gì, nhưng ta đã đánh cho địch một đòn đau, lực lượng địch bị tổn thất nặng nề. Sau đợt tấn công Mậu Thân, trên địa bàn Lâm Đồng mà chúng cho là đã bình định xong, quân Mỹ phải can thiệp và ra lệnh điều 2 tiểu đoàn của sư đoàn 23, dùng trực thăng vận đổ quân đến cứu nguy, can quét giải toả để ổn định tình hình. Thế nhưng tình hình vẫn phát triển xấu thêm, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận ngày càng cao. Sau trận đánh, nhân dân Kinh Thượng tổ chức lên thăm chông, con, em bị chết, bị thương, vận động binh lính bỏ ngũ, trốn về địa phương làm ăn, gây cho địch thêm phức tạp về chính trị.

Về ta, sau khi rút quân ra khỏi trận địa, anh em lần lượt chuyển hết 127 thương binh các loại về tuyến sau (bệnh xá

tiền phương) và giải quyết mai táng anh em liệt sĩ. Mãi đến 2 giờ 30 chiều ngày 21/8/1968, các đơn vị mới thu quân hết về địa điểm tập kết ở thung lũng rừng Trảng Bia, Nhà Thiếc. Chúng tôi tranh thủ họp Đảng uỷ và Bộ chỉ huy trận đánh chớp nhoáng, có đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ dự nghe các cánh quân, các đơn vị phụ trách các mũi báo cáo sơ bộ diễn biến trận đánh và bàn biện pháp giải quyết khẩn cấp mấy vấn đề:

1. Làm sao cấp tốc tổ chức chuyển đơn vị 186 sang phía Nam, đưa thương binh 186 về bệnh xá khu. Trên đường về Tuyên Đức, anh em 186 đến K3 lấy gạo ăn và tiếp tục hành quân, nhưng trước mắt không còn gạo cấp cho anh em 2 bữa cơm ăn trên đường. Chúng tôi phân công đồng chí Trường Thanh, anh Bạch Đằng, anh Thông vào bàn với công nhân Trảng Bia và Tứ Quý cho mượn gạo và nấu cho 800 vắt cơm để sẵn (mỗi chiến sĩ 2 vắt, một vắt ăn tối và một vắt ăn sáng), giao cho hậu cần để đơn vị 186 qua nhận lấy ăn và mang theo. Trên đường hành quân, anh em đơn vị 186 chuyển 30 thương binh nặng và khiêng cả đồng chí Tư lệnh phó quân khu trực tiếp chỉ huy trận đánh, do trượt dốc té trật bánh chè, chân bong gân, đi không được ... Mọi khó khăn cần giải quyết để chuyển đơn vị đi ngay đêm 21 là biện pháp tích cực nhất được ưu tiên tập trung giải quyết. Trong cuộc họp Đảng uỷ tiền phương, chúng tôi đề ra biện pháp giải quyết, có đồng chí Thôn và Nguyễn trong Bộ chỉ huy tiểu đoàn 186 dự, các đồng chí yên tâm tổ chức hành quân lúc 22 giờ đêm hôm ấy.

2. Phân công một số anh em trong bộ phận D145 cùng đội dân công hỏa tuyến chuyển 35 thương binh tương đối nặng,

hộ tổng đưa về bệnh xá tỉnh, đồng thời đưa anh Chín Cán - Bí thư Tỉnh ủy - về cơ quan luôn. Đoàn này chỉ còn một ít gạo của thương binh, anh em tạm mượn nấu cháo ăn, mỗi người ăn một chén và mang theo mấy củ mì luộc. Trên đường về, anh em ghé vào nhà dân, vận động mua hoặc lấy bột ngọt đổi gạo ăn buổi chiều và buổi sáng hôm sau.

3. Giao cho B730 (bộ đội địa phương K3) mang theo 5 thương binh, cùng hành quân với tiểu đoàn 186 đưa về gửi bệnh xá K3.

4. Giao cho B744 trên đường về T29 chuyển 5 thương binh về gửi bệnh xá T29...

Còn lại tại chỗ 52 thương binh nhẹ. Trong trường hợp có địch đánh, số này có thể nằm tại chiến hào, bám công sự chiến đấu được hoặc tự di chuyển, chống gậy dùi nhau đi. Cái khó nhất là không còn một ký gạo, một lon sữa, một ký đường nào, chỉ còn độc nhất một bao 50 ký bột mì mới lấy từ chỗ chị Ba Thành Thái đưa về hồi 4 giờ sáng ngày 22/8/1968. Lực lượng 52 thương binh và trên 150 cán bộ, chiến sĩ (trong đó có đội cối 83, đội bảo vệ thương binh, đội phẫu thuật tiền phương của tỉnh, đơn vị công tác Trảng Bida, 3 cơ quan tham mưu chính trị hậu cần) còn nằm lại để tiếp tục giải quyết hậu quả sau trận đánh.

Sau khi tổ chức các cánh quân lên đường trong đêm, 5 giờ 30 phút ngày 22 tháng 8, chúng tôi họp các đồng chí cán bộ chỉ huy tất cả đơn vị còn lại, động viên và phân công trách nhiệm từng bộ phận giao cho đồng chí tham mưu phó làm

trực ban, tổ chức 3 tổ trinh sát lưng sục 3 mặt, đề phòng địch phản ứng, tung quân theo đường ta rút lui, tiếp cận tổ chức đánh úp nơi đóng quân của ta, đồng thời tổ chức 3 vọng gác tiền tiêu trên đồi cao quanh thung lũng thuộc ngoại vi để bảo vệ cơ quan tiền phương và bảo vệ thương binh còn lại.

Mọi việc đâu đó bố trí xong, tôi phân công các đồng chí ở nhà bảo vệ, đồng chí Đảng - tham mưu phó - ở nhà trực, còn đồng chí Trường Thanh, đồng chí Ba Hưng, đồng chí Thông cùng tổ trinh sát đi với tôi ra bám sở Trảng Bia, liên lạc cho được anh Ba Chích là đảng viên ở hợp pháp, được chủ sở Trảng Bia giao trách nhiệm quản lý sở. Mục đích chúng tôi ra gặp anh Ba Chích để nắm tình hình địch và ta, diễn biến chính trị, quân sự bên trong vùng địch sau trận đánh Di Linh, đồng thời thông qua anh Ba Chích, liên lạc với cơ sở hợp pháp bên trong hoặc dùng xe của anh Ba Thành Thái giải quyết lương thực, thực phẩm, thuốc chiến thương phục vụ cho trên 200 cán bộ, chiến sĩ còn ở bệnh xá dã chiến và lực lượng còn lại ở tiền phương.

Chúng tôi bàn nhờ anh Ba Chích móc nối được anh Ba Thành Thái vào sở gặp chúng tôi, trình bày với anh mọi khó khăn về lương thực, thực phẩm giải quyết cho bộ đội. Anh Ba Thành Thái đồng ý cố gắng trong vòng 3 ngày sẽ đổ cho 6 tấn bột mì và một ít gạo, thực phẩm, thuốc men bằng cách cho xe từ Sài Gòn lên ban đêm, đậu ở Tân Lạc, chờ khuya bất ngờ đưa xe vào bìa rừng cà phê Công-gô, anh em phải bố trí lấy ngay. Anh Ba Thành Thái nói riêng với tôi: “Giải quyết bí cho các anh nên phải làm vậy, nếu tôi có bị địch

phát hiện và bị bắt tra tấn thì đây là vì cách mạng mà làm, chứ còn việc mua bán bình thường tôi không làm được”.

Sau khi tôi bàn xong công việc và động viên anh Ba Thành Thái ra về, xe anh Ba Chích chở công nhân từ B’Lao vào sở Trảng Bia. Thông qua lực lượng công nhân, anh Chích nhờ mua giúp cho ta được 150 kg gạo, một số đường sữa, mắm cá và ảnh cũng thông báo cho biết đêm qua đơn vị 186 và anh em hành quân qua đường rất an toàn, địch không phát hiện được gì hết.

Trong lúc ngồi trò chuyện đến 8 giờ 30 phút ngày 22/8/1968, từ hướng Long Khánh, 36 trực thăng bay thẳng lên phía Tuyên Đức, sau đó lại quần về đảo quanh Di Linh một vòng. Chúng phát hiện lực lượng K3 và D186 đang trên đường hành quân, khiêng thương, vác nặng, đi chậm, đang vượt qua đồng ruộng Hàng Ủn, Hàng Ty. Trong lúc trực thăng đến, anh em vượt qua không kịp, phần đuôi bị phát hiện, chúng rượt theo đánh túi bụi, nhưng rất may là không ai bị việc gì.

Trình sát của ta dùng kỹ thuật theo dõi địch báo cáo về chỉ huy sở hành quân là quân ta rút về phía Nam. Chúng tập trung đổ quân trên các trảng phía Nam. Cùng lúc, chúng đổ toàn bộ lực lượng chặn đường núi Chẻ, chốt 2 cụm pháo ở sở Sông Hồ và Xu-nhê 6 khẩu 105, cách thung lũng Nhà Thiếc - Trảng Bia khoảng 700m. 2 máy bay “đâm giã” và 3 trực thăng quần đảo phía Bắc.

Đến 11 giờ 30 phút, đoàn dân công và lực lượng khiêng thương, đồng thời đưa anh Chín Cán về hướng cơ quan, lại

dụng bọn biệt kích Tân Rai ở đồi Hang Ho. Bị đánh ngay giữa đội hình, anh em chạy tạt vào rừng, đoàn bị lạc đến 2 giờ chiều mới gặp nhau, rất may là chẳng ai bị việc gì. Anh em phải cắt rừng đi vô cùng vất vả, bụng đói, khiêng thương, mang vác nặng, chỉ ăn một tô cháo loãng buổi sáng, trưa ăn một đoạn củ mì luộc chấm muối ớt, cắt rừng lội suối, leo dốc khiêng 35 thương binh. Có thể nói không có gian khổ mệt nhọc nào bằng! Mãi đến 4 giờ chiều, đoàn mới gặp dân cho được bữa ăn và có điều kiện tổ chức rửa ráy vết thương cho anh em.

Như vậy, 2 đoàn chuyển thương cả phía Nam và Bắc đường 20 đều bị địch phát hiện, đổ quân chụp đánh thẳng vào đội hình, nhưng ta thì bình yên, còn địch thì hoang mang, phải điều quân chạy như đèn cù.

Lúc 8 giờ 30 phút, chúng kéo quân dừng trực thăng tập trung đánh giữa ruộng Hàng Lân nhưng hụt mất, theo tìm quân ta không ra nữa. Đến 11 giờ 30 phút trưa, bọn biệt kích Tân Rai lùng đón và phát hiện quân ta ở trảng cỏ Hang Ho (xã 4), chúng lại tập trung hết trực thăng từ phía Nam sang đổ quân chụp phía Bắc, báo về chỉ huy sở hành quân rằng quân Việt cộng lại rút tất cả về hướng này. Trong lúc đó, gần 50 thương bệnh binh, đơn vị nữ cố 83 và lực lượng chỉ huy tiền phương của tỉnh đội đang nằm dưới thung lũng bên chân đồi Xu-nhê chừng 700m đường chim bay, nhưng chúng chẳng dám mò xuống. Bộ phận bám dân giải quyết xong mọi việc, anh em lấy lương thực, thực phẩm, cắt rừng cà phê về ngã ba Mắm Ruốc, cất giấu trong kho, rồi trở về căn cứ bằng kỹ

thuật trình sát, mang ám hiệu với khí thế sẵn sàng chiến đấu.

Chúng tôi đến nơi bắt liên lạc được với anh em ở nhà thì thấy tất cả các anh em đều mang súng đạn nằm hết dưới công sự mãi đến chiều, sẵn sàng chờ địch lung vào là quyết chiến. Địch đóng quân trên đồi Xu-nhê, Rô-xen, núi Chẻ thì nhau nhả đạn bừa bãi, nhưng chẳng dám lung sục vào rừng. Đến 15 giờ 30 phút ngày 23/8/1968, chúng rút cụm pháo 105 đồi Xu-nhê và tập trung toàn bộ trực thăng hốt quân các điểm chở về Biên Hòa và B' Lao, Di Linh. Cuối cùng, cánh rừng bằng trong thung lũng Nhà Thiếc - Trảng Bia trở lại khí thế nhộn nhịp, anh em chuẩn bị nổ lửa làm bữa cơm chiều, bữa cơm ăn mừng thắng lợi trong trận chống càn không đánh mà thắng.

Sau trận đánh Di Linh đêm 20/8/1968, mấy anh em trong lãnh đạo tiền phương còn lại ngồi họp, đồng chí Bạch Đằng - Tham mưu phó tỉnh đội - nói: "Anh Tám ơi! Ông cha ta thường nói: "Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí". Trước khi chuẩn bị đánh Di Linh thì bị B57 cày bom, ta bị một trận tổn thất nặng. Đánh Di Linh lại không đạt yêu cầu, quân ta tổn thất không nhỏ, anh em các đơn vị vất vả mấy ngày liền, giặc càn, giặc đuổi, giặc chụp trên đầu, tưởng chừng chúng gây cho các đơn vị ta tan nát. Anh em ta ở đây, nếu chúng càn xuống, đập pháo, hoặc dùng trực thăng, sử dụng 12 ly 7 bắn cánh rừng này thì đa số bọn mình cũng tiêu mạng, đâu còn giờ này ngồi lại họp hành. Bây giờ địch rút rồi, ta có gì để ăn mừng trận không chiến mà thắng này, không đánh mà địch phải rút. Chúng không đánh xuống đây vì chúng nghĩ không

bao giờ ta dám tập trung về ở chỗ này. Đây là ta dùng chiến thuật bí mật, bất ngờ, hành quân phân tán nhiều ngả, nghi binh kéo địch chạy theo đánh hụt. Còn một yếu tố nữa là mảnh rừng này là mảnh rừng có nhân dân làm ăn, nhất là có công nhân Trắng Bia, chủ sở người Pháp, nếu bắn phá bừa bãi sẽ bị công nhân cùng với chủ sở đấu tranh bắt bồi thường tài sản và nhân mạng, sẽ ảnh hưởng đến chính trị như những lần bắn bậy trước đây nên đành phải làm thỉnh, lui thủ rút quân. Trong 26 năm đánh giặc, tôi đã từng chịu nhiều gian khổ, hy sinh, tuy trong trận này, sự hy sinh cũng lớn, gian khổ cũng nhiều, nhưng cũng không có lúc nào tôi cảm thấy hạnh phúc hơn lúc này, bởi vì mình đã bị kẹt trong thung lũng tử thần, hàng ngàn quân địch bao vây phong tỏa, hàng mấy chục trực thăng quần lượn trên trời như chuồn chuồn, dưới mặt đất 2 cụm pháo bắn cầm chừng, chưa biết đạn sẽ rơi trên đầu ai. Anh em nằm trên một mảnh rừng bằng cỏ con, mỗi bề không đầy 1.000m nhưng địch chẳng làm gì được. Nằm trong thung lũng tử thần ấy, cả 50 anh em mang đầy thương tích của bom đạn nhưng lại chiến thắng. Tôi không chết, anh không chết và tất cả 150 cán bộ, chiến sĩ sẵn sàng nghênh chiến, nhưng địch lại rút lui, không dám xông vào, đó không phải chiến thắng là gì?”

Đồng chí Thanh - đội trưởng đội Trắng Bia - nói một câu hài hước: “Địch không dám xông vào chỗ này là nhờ vong linh của các chiến sĩ ta phù hộ”.

Cái chết qua rồi, chỉ còn lại cái sống. Chúng tôi lại đang gặp khó khăn: không có gạo ăn, không có thuốc chữa vết

thương cho anh em, không còn đường sữa bò nuôi cho thương binh nặng, địch đang bao vây phong tỏa ráo riết, con đường tiếp tế của công nhân gay thật, làm sao sống đây? Qua nhiều ý kiến của anh em, tôi chẳng biết nói gì hơn là động viên: “Các đồng chí yên tâm, anh em chúng ta còn sống thì sẽ có cách sống, sẽ tìm cách để sống và tiếp tục chiến đấu đến toàn thắng”. Nhiều đồng chí hưởng ứng và đều nói: “Chúng ta còn sống thì sẽ còn tất cả và sẽ có tất cả để mà sống”. Tôi nhìn tất cả anh em, mỉm cười và thận trọng nói : “Tôi cũng cho đây mới là ước vọng và lời an ủi trong lúc gặp khó khăn thế thôi, chứ khó thật đó, các đồng chí ạ!”

Sự thật thường giải đáp nguyện vọng của nhiều người bằng thực tế. Đúng 9 giờ sáng ngày 25/8/1968, anh Ba Chích vào báo tin: Tối 25,26 hoặc 29,30 tháng này, anh Ba Thành Thái sẽ chở vào 2 xe 12 tấn bột mì của Mỹ, đi đường Công-gô, đổ vào bìa rừng cà phê giáp buôn Bà Tền hoặc vào thung lũng Trảng Bia. Nếu trường hợp khó khăn lắm, xe sẽ chạy luôn qua khỏi Cống Sinh. Xe đi đầu giả bị pan, 2 xe dừng lại bìa lô cà phê Mạc-phen phía Bắc, anh em tập trung ra đó lấy. Thời gian xe vào địa điểm trên khoảng từ 17-23 giờ đêm. Anh dặn ta tập trung lực lượng sẵn sàng và bố trí nắm tin tại nhà chị Ba Thành Thái trong thời gian nói trên.

Đồng chí Lập về báo cáo cụ thể nguồn tin trên, chúng tôi vừa mừng, vừa lo. Mừng vì việc giải quyết vấn đề khó khăn về lương thực và quân lương cho hậu cần đã có triển vọng nhưng có nhiều nỗi lo:

Một là làm sao huy động lực lượng đầy đủ, bốc vác trong đêm trên 12 tấn hàng, cất giấu an toàn, không để cho địch theo dấu lấy lại.

Hai là giữ được bí mật xe cộ, không để nội bộ biết là xe của cơ sở nào bên ngoài vào đổ; nếu lộ, địch sẽ khủng bố gia đình anh Ba.

Ba là bàn với đồng chí Lập làm công tác chuẩn bị đối phó cho gia đình anh chị Ba Thành Thái. Nếu địch truy 2 xe bột mì và hàng hóa trên xe đưa đi đâu và đường dây thế nào thì chỉ có một lời khai là quân Việt cộng rất đông, ra đón đường, leo lên xe kiểm tra và thấy có bột mì của quân tiếp vụ, họ dí súng, bắt chạy vào rừng, chúng tôi không lái thì họ lái, không làm sao chống lại họ nổi.

Mọi việc chuẩn bị đầu đó, kho tàng sẵn sàng. Chúng tôi chuẩn bị sử dụng toàn bộ đội nữ pháo binh 83 và tất cả anh em trên 100 đồng chí. 32 anh em thương binh đã đi được lúc này cũng xin xung phong ra cầm súng gác đường và phục vụ đánh địch nếu chúng phát hiện theo đánh lấy lại lương thực của ta trong đêm, để anh em khỏe mạnh tập trung mang vác.

Đúng 8 giờ tối đêm 26/8/1968, 2 xe vận tải bột mì từ Sài Gòn lên quay đầu, tắt đèn, chạy thẳng vào rừng cà phê Công-gô, bìa rừng Bà Tền gần thôn Bờ Đơ, xã An Lạc (Lộc An hiện nay). Anh em lái xe dừng lại và liên lạc cho xuống hàng. Chúng tôi cho anh em ra gác từ bìa rừng đường 20 vào đến chỗ xe đổ bột. 8 tổ đứng gác với tư thế sẵn sàng chiến đấu, đề

phòng địch theo xe vào tập kích lực lượng bốc vác. Toàn bộ lực lượng chúng tôi tập trung chuyển suốt đêm.

Đúng 7 giờ sáng ngày 27/8/1968, chúng tôi chuyển xong 12 tấn bột, 1 tấn gạo và một số thuốc men, thực phẩm nằm gọn trong 3 kho trong cánh rừng non rẫy cũ ở ngã ba Mắm Ruốc, giữa Bà Tền và Đình Trang Hoạch an toàn. Sau khi tập trung xuống xong hàng hóa, 2 xe chạy ra đường 20 lúc 2 giờ sáng ngày 27/8/1968, đi thẳng đến Đơn Dương, về luôn Phan Rang, rồi trở lại Sài Gòn an toàn.

Sau khi giải quyết được lương thực, thực phẩm, nội bộ phấn khởi, chế độ bồi dưỡng thương binh được thực hiện tốt. Sau hơn 1 tuần lễ, tất cả trên 50 thương bệnh binh được hồi phục, trở lại chiến đấu và công tác. Cảnh bãi cực sau trận đánh Di Linh đến đây xem như đã giải quyết.

Một bài học sâu sắc trong giải quyết khó khăn lần này là nhờ sự đoàn kết thống nhất, trên dưới một lòng, chỉ đạo bình tĩnh, quyết đoán, xử lý chính xác trên quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, dựa vào dân, lấy dân làm gốc thì mọi khó khăn đều có thể giải quyết tốt. Thực tế đã chứng minh, nếu không có công nhân Trắng Bia, Tứ Quý thì làm sao hậu cần 186 giải quyết nổi trên 800 vát cơm trong đêm 21/8/1968 để hành quân ngay và đưa 30 thương binh nặng về trạm xá quân khu qua đường 20 trong đêm, nếu còn ở lại ngày sau sẽ bị địch càn, gây rắc rối, tổn thất không lường. Nếu không có dân công hỏa tuyến đồng thời chuyển 35 thương binh và đưa đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ về cơ quan, nếu còn ở lại tập trung

trong thung lũng Nhà Thiếc thì chưa biết xảy ra chuyện gì khi địch đổ quân cần. Chính có cuộc hành quân này của ta mà khi địch đổ quân ở Xu-nhê, phát hiện dấu chân ta đi thành một con đường lớn về hướng căn cứ nên địch không lòng sục xuống thung lũng. Nếu không có nhân dân, làm sao giải quyết cho 150 quân nằm tại chỗ có gạo ăn trong 3 ngày, dù là ăn cháo cầm hơi? Làm sao có 13 tấn bột mì và gạo đưa từ quân tiếp vụ của địch để tiếp tế cho ta mà cơ sở hợp pháp quyết tâm chấp nhận rủi nhiều may ít “Gươm kề tận cổ, súng kề tai”? Ngày nay có hòa bình, an hưởng thái bình, lẽ nào lại không nghĩ đến nhân dân đã vì cách mạng, bất chấp hiểm nguy, giải quyết mọi khó khăn cho ta?

HOẠT ĐỘNG ĐÁNH PHÁ KẾ HOẠCH BÌNH ĐỊNH CẤP TỐC CỦA MỸ, GIẢI TRANG PHÒNG VỆ DÂN SỰ ĐỢT II (1969-1971)

Thu đông năm 1969, lực lượng Mỹ trên địa bàn Lâm Đồng rút gần hết, nhưng chúng lập kế hoạch thúc đẩy, kèm cặp nguy quân, nguy quyền, tiếp tục đẩy mạnh bình định cấp tốc giai đoạn II với chiến dịch “An dân”, “Phượng hoàng” nhằm truy quét ráo riết bên trong, cố đánh bật cơ sở cách mạng ra khỏi quần chúng, ra sức xây dựng lại bộ máy kèm, phát triển lực lượng phòng vệ dân sự hầu khắp buôn ấp đi đôi với bao vây kinh tế ta.

Thu đông năm 1969 cũng là thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Ngày 3/9/1969, nhân dân cả nước đau buồn chịu tang Người với tấm lòng thành kính và khẩu hiệu hành

động “ Biến đau thương thành sức mạnh, đoàn kết đứng lên đập tan kế hoạch bình định cấp tốc của Mỹ - nguy”.

Đêm 11/9/1969, tiểu đoàn đặc công 200C của khu tổ chức tấn công vào hậu cứ tiền phương trung đoàn 53 đóng ở đồi Pasture (Di Linh), gây cho tiểu đoàn 3 và một số phương tiện kho tàng hậu cần quân tiếp vụ của địch bị thiệt hại nặng. Cùng đêm, C210, C175 của tỉnh phối hợp hành động, tấn công đồn áp chiến lược 16, gây thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an của địch, giải trang toàn bộ 2 đội phòng vệ dân sự nằm trong dân.

Phát huy thắng lợi 2 trận thắng nói trên, các đội công tác K3, T29, K4 đã phối hợp với cơ sở, du kích mật bên trong ấp, phối hợp được cả lực lượng trong và ngoài, chuẩn bị lý lẽ và phương pháp đấu tranh cho phòng vệ dân sự sau khi nộp súng cho ta. Qua thời gian chuẩn bị, ta đã đồng loạt tổ chức đột áp, giải trang phòng vệ dân sự các ấp nằm theo quốc lộ 20, kể cả ấp Xức, Bô La, Tân Xuân sát nách thị trấn Di Linh. Ấp Lam Sơn, Thiện Lập nằm sát thị xã B’Lao cũng bị lực lượng vũ trang và đội công tác vào giải trang đồng loạt trong vòng 3 đêm, từ 15 đến 18/9 năm ấy. Trong một thời gian ngắn, toàn tỉnh thu được mấy trăm khẩu súng của phòng vệ dân sự làm cho địch hết sức bất ngờ. Bọn tề nguy trên dưới hoảng hốt phải cấp tốc tổ chức hành quân xuống từng ấp, tập trung phòng vệ dân sự, thu hồi súng đạn tất cả các ấp còn lại như Tân Dân, Gia Lành, Thiện Lập, Thiện Chánh, Tân Lạc...

Năm 1969 cũng là năm nhân dân 2 vùng căn cứ Nam và

Bắc đường 20 bắn được nhiều máy bay nhất, phối hợp với lực lượng vũ trang đánh phá bình định của địch phía trước. Các đội công tác đã tổ chức đột vào các ấp chiến lược đến 134 lần, trong đó có 96 lần do các đội công tác độc lập đột ấp, nhờ có sự phối hợp với cơ sở chính trị và du kích mật bên trong. Ta đã tổ chức cảnh cáo 200 tề vệ ác ôn, giải tán 26 bộ máy kèm xã ấp, đánh tan 6 đoàn bình định sơn thôn trên tổng số 14 đoàn, bóm và phát động quần chúng đứng lên xây dựng quyền làm chủ thêm 24 ấp, thu gần 500 súng các loại trên địa bàn Lâm Đồng. Đây là kết quả của đợt hoạt động linh hoạt, sáng tạo, lập công dânng Bắc, biến đau thương thành sức mạnh của quân và dân Lâm Đồng thể hiện tình cảm đối với Người.

Tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động thu đông 1969 trong đột ấp, phá kèm, Tỉnh uỷ chủ trương đặc công hóa lực lượng vũ trang, đội công tác và bộ đội địa phương huyện, thị xã nhằm chuẩn bị cho năm 1970-1971 đẩy mạnh đột phá ấp, phá kèm, giải trang phòng vệ dân sự, quyết làm thất bại hoàn toàn kế hoạch bình định cấp tốc của địch, làm hậu thuẫn cho đấu tranh ngoại giao ở Pa-ri.

Thông qua lực lượng vũ trang bên ngoài được huấn luyện kỹ chiến thuật đặc công hóa bằng các động tác rà gỡ mìn, sử dụng mìn địch gài đánh ta ngoài rào, ta quay ngược trở lại đánh địch (*).

Nhờ có sự chỉ đạo của cấp trên, tỉnh Lâm Đồng đã nhận được âm mưu nguy hiểm của địch về thủ đoạn bình định

* Tìm hiểu thêm trong tập *Lịch sử Lâm Đồng 21 năm đánh Mỹ*, trang 120 - 140.

cấp tốc, sớm có sự chuẩn bị lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận, phối kết hợp được cả lực lượng bên ngoài và bên trong một cách chủ động, không để đứt liên lạc.

Rút kinh nghiệm thu đông 1969, đến thu đông 1970, địch chuyển sang kế hoạch bình định đặc biệt, tập trung phản kích phong trào cách mạng của quần chúng một cách khốc liệt, toàn diện. Chúng dùng các đoàn “An dân”, “Phượng hoàng”, thực chất là bọn lính tình báo, gián điệp Mỹ - ngụy, hòng một lần nữa tìm cách củng cố tay sai kèm kẹp bên trong, kết hợp với bên ngoài, làm tuyến áo giáp bằng chiến hào đan nhiều lớp chông tre, cạm bẫy, gắn với gài mìn bằng nhiều loại khác nhau để ngăn chặn triệt để sự đột nhập của ta từ ngoài vào hoặc từ trong ra. Chúng ra lệnh giới nghiêm, thời gian bắt đầu từ 17 giờ đêm hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, ra lệnh dân các ấp chiến lược “nội bất xuất, ngoại bất nhập”. Với thủ đoạn nói trên, chúng tưởng chừng con kiến cũng không làm sao ra vào ấp chiến lược mà không bị kiểm tra, kiểm soát của chúng. Nhưng thực tế đã trả lời: Sức ép càng mạnh, tiếng nổ càng to, lòng dân là ý trời.

Thu đông và cả đông xuân năm 1970 – 1971, kế hoạch bình định của địch càng thất bại to lớn, nặng nề hơn, không sao củng cố nổi. Phong trào chống Mỹ, cứu nước trong các ấp chiến lược càng trở nên sôi nổi và có chiều sâu, nhất là đấu tranh chống gài mìn làm chết trâu, bò, chống bắt dân rào ấp, chống tái trang bị phòng vệ dân sự, chống thủ đoạn đồn quân, bắt lính... Hoạt động du kích mật trong một số ấp cũng phát triển và đánh địch bằng nhiều hình thức: gài mìn tự động

định giờ đánh trụ sở phái đoàn USOM của Mỹ ở B' Lao, chuyển hướng mìn Clay-mo nổ ngược đánh vào đội hình địch đóng quân ở Đạ Dồn...

Trong bản tổng kết giai đoạn đấu tranh vũ trang 1970-1971, đấu tranh chống bình định cấp tốc, bình định đặc biệt của địch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, từ chuyển cung cách đánh phá bình định của địch ở Lâm Đồng nổi lên nhiều yếu tố và phương thức phong phú. Tuy tình hình quá khó khăn nhưng các lực lượng vũ trang địa phương cùng các đội công tác đã tổ chức 72 lần đột áp, loại khỏi vòng chiến đấu 350 tên Mỹ - ngụy, giải tán, làm mất hiệu lực 64 tên tề ấp trực tiếp kèm dân. Tổ chức lực lượng chính trị phát triển 6 chi bộ đảng, 6 chi đoàn thanh niên giải phóng và phát triển thêm 75 tự vệ và du kích mật trong các khu ấp chiến lược vùng địch.

Song song với tấn công địch trong hệ thống khu ấp chiến lược phía trước, phong trào du kích chiến tranh ở 2 căn cứ Nam và Bắc Lâm Đồng (*) cũng phát triển mạnh. Dân quân du kích cùng quần chúng nhân dân chống càn thẳng lợi, đã loại 162 tên địch, trong đó có 63 tên bị sát thương bằng vũ khí thô sơ, bắn rơi 19 máy bay các loại, trong đó có chiếc HU1A

* Căn cứ Bắc gồm K1, K3 và vùng III, nay là huyện Cát Tiên, Đạ Tẻh, xã Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc Lâm, Lộc Phú (huyện Bảo Lâm); Đình Trang Thượng, Tân Thượng (huyện Di Linh).

Căn cứ Nam : Sau khi cắt vùng Chi Lai, Man Yệu và một số buôn Kờ Dồn giao cho Bình Thuận làm căn cứ chỗ dựa, căn cứ Nam của tỉnh Lâm Đồng bao gồm các xã hiện nay là: Đạ Ploa, Đoàn Kết, Đạ Tồn, Đạ Huoai thuộc huyện Đạ Huoai ngày nay; Lộc Nam, Lộc Thành (huyện Bảo Lâm); Hòa Nam, Hòa Trung, Hòa Bắc, Sơn Điền, Gia Bắc, Bảo Thuận (huyện Di Linh).

chở 7 sĩ quan Mỹ, có tên Trung tướng Ki-si - Tư lệnh sư đoàn kỵ binh bay của Mỹ - bị giết chết từ tay súng anh K'Wét - du kích Bờ Lạch ở xã 1 (nay là xã Lộc Bắc) - bằng một phát súng trường Nga (súng bá đồ).

Trong hai năm, căn cứ được giữ vững, củng cố và phát triển. Trong vùng tranh chấp, lực lượng chính trị và sức chiến đấu được nâng cao trong các ấp chiến lược ở trực giao thông. Trận chiến đấu còn tiếp diễn, nhưng đến đây cũng đã có thực tế để khẳng định lòng tin đối với Đảng bộ Lâm Đồng. Dù Mỹ - nguy có hung bạo đến đâu, Mỹ có kéo dài chiến tranh leo thang đến đâu chăng nữa, thì nhân dân ta nhất định sẽ chiến thắng, quân dân Lâm Đồng sẽ góp phần xứng đáng vào chiến thắng cuối cùng của đất nước. Đó là kết luận trong báo cáo đông xuân 1970 - 1971 của Đảng bộ Lâm Đồng lúc bấy giờ và cũng là kết luận trong cuộc đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng tháng 7/1970 (*).

* Tài liệu còn lưu trữ ở Ban nghiên cứu lịch sử Đảng và Ban khoa học quân sự tỉnh Lâm Đồng.



PHẦN V

THỜI KỲ CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG, TRANH THỦ THỜI CƠ, QUYẾT TÂM GIÀNH THẮNG LỢI CÙNG VỚI ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO (1972-1974)

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 1972

Thực hiện chỉ đạo chung của miền, của khu 6, Tỉnh uỷ Lâm Đồng đề ra nhiệm vụ chính trị cho cả năm 1972 là : Tập trung đánh sập một bước nghiêm trọng lực lượng nguy quân, nguy quyền ở cơ sở, làm thất bại nặng nề kế hoạch bình định phát triển và kế hoạch lấn chiếm của địch, tiếp tục phá lỏng rã kèm, mở rộng cơ sở phong trào trên hầu hết các xã, ấp, nâng chất lượng tranh chấp, làm chủ lên một bước trong các ấp chiến lược đã bị phá hỏng, phá rã. Ra sức xây dựng lực lượng ta về mọi mặt, sẵn sàng chủ động đối phó với mọi tình huống, kể cả chuẩn bị lực lượng đón thời cơ, phối hợp giành thắng lợi về ngoại giao.

Sau chiến thắng đông xuân năm 1971-1972, theo chủ trương của Thường vụ Tỉnh uỷ, lực lượng vũ trang của tỉnh có một bước học tập quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, chuẩn bị phương thức và sẵn sàng lực lượng đón thời cơ khi đấu tranh

ngoại giao ở Pa-ri kết thúc thắng lợi, ngừng bắn có hiệu lực.

Theo chủ trương của Khu uỷ và Quân khu uỷ khu 6, Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng họp mở rộng vào đầu tháng 4 năm 1972, sơ kết hoạt động đông xuân, bàn triển khai kế hoạch hè thu với 3 yêu cầu đề ra:

1. Tiếp tục tấn công chính trị, vũ trang, binh vận, tiếp tục chống phá bình định của địch, lãnh đạo bung dân các ấp chiến lược ra làm ăn, xây dựng các lổm chính trị, nâng cao các mảng làm chủ và tranh chấp, cắt đường 20 thành 3 đoạn: Đông B' Lao, Đông Di Linh và đèo Chuối - Ma Đa Gui, kết hợp với nâng cao hoạt động, từng lúc tổ chức vào chiếm ấp trên đường 20, thăm dò sự phản ứng của địch để lập kế hoạch và xây dựng phương án, tranh thủ thời cơ khi hiệp định Pa-ri được ký kết, ta tổ chức chiếm ấp, làm chủ trên đường mà trọng điểm là từ An Lạc đến Liên Đàm.

2. Kiểm tra mọi lực lượng vũ trang, binh vận và các tổ chức quần chúng hợp pháp, ráo riết chuẩn bị tư tưởng và tổ chức, sẵn sàng chồm lên giành thắng lợi trước giờ hiệp định Pa-ri có hiệu lực.

3. Đẩy mạnh công tác binh vận, tranh thủ lôi kéo số ngụy quyền từ tỉnh đến xã, số có quan hệ với quần chúng, phân hóa, trung lập bọn lưng chừng, vạch mặt bọn phản động cực đoan, ngoan cố ôm chân đế quốc Mỹ chống việc ký kết hiệp định Pa-ri, mở rộng mặt trận đoàn kết liên minh các lực lượng hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ, chống chiến tranh, từng bước tác động lực lượng ngụy quân, làm nhụt ý chí chiến

đấu, làm tan rã từ cơ sở dân vệ, bảo an đến lực lượng Cộng hòa cơ động của ngụy, khi có điều kiện đòi giải ngũ, rã ngũ hoặc phản chiến chống lệnh hành quân ...

Với tinh thần trên, trong hoạt động hè thu, trên địa bàn Lâm Đồng có một số sự kiện diễn ra đáng chú ý:

Một là: Phá tan khu tập trung 6.000 dân từ Quảng Trị vào lập ấp chiến lược Tân Rai, Minh Rồng, buộc địch rút bỏ đầu tháng 6/1972. Phá khu tập trung 3.000 dân từ Phước Long sang án ngữ ngã ba Ma Đa Gui tháng 8/1972, làm thất bại âm mưu, bịt đường hành lang vận tải H 50 từ biên giới Cam-pu-chia về căn cứ Nam Sơn của khu 6. Tiếp tục phá tan khu tập trung 250 gia đình dân di cư từ Huế vào nhằm âm mưu bịt đường hành lang từ Tuyên Đức về khu 6 đã bị thất bại sau tháng 11 /1972. Đưa cán bộ lực lượng vũ trang và đội công tác áp sát các ấp trên đường 20, làm lỏng rã kèm ấp Đa Dòn có 12.000 dân, tổ chức 3 lần làm chủ ban ngày xã An Lạc (Lộc An ngày nay) trên một tuyến dài từ cầu La Ngà đến ấp 16 (xã Đình Trang Hòa, huyện Di Linh hiện nay).

Sự kiện thứ hai là tranh thủ đẩy mạnh đấu tranh binh vận, nắm binh sĩ ngụy (dân vệ, bảo an) đóng các đồn bót, lực lượng chốt ấp, chốt đường.

Năm 1972 là năm mà 3 mũi đấu tranh vũ trang, chính trị, binh vận phát triển trên địa bàn Lâm Đồng tương đối đều.

Ngoài đấu tranh vũ trang liên tục đột áp phá kèm, giải trang phòng vệ dân sự, lực lượng chính trị đã tổ chức 40 cuộc đấu tranh chính trị, quần chúng kéo lên xã, quận và tỉnh, đấu

tranh trực tiếp với địch đòi bồi thường do các cuộc hành quân gài mìn, bắn pháo, gây thiệt hại người và của, gia súc của nhân dân, buộc chúng phải xem xét bồi thường hằng 500 triệu đồng. Với thủ đoạn mỵ dân, chúng đã ra lệnh thu hồi trên 200 súng của phòng vệ dân sự các ấp.

Về công tác binh tề vận, năm 1972 là năm hoạt động binh tề vận mạnh nhất so với tất cả các thời kỳ và hoạt động bằng mọi hình thức. Gia đình binh lính sĩ quan nguy đều nhận được thư tranh thủ qua truyền đơn nói về chính sách binh vận. Tất cả sĩ quan các đơn vị Cộng hòa, bảo an, dân vệ đều nhận được thư của Mặt trận huyện, tỉnh, xã gửi trực tiếp bằng đường bưu điện hoặc ta thông qua gia đình giao tận tay... Nhờ vậy mà chỉ huy các đơn vị giữ áp đi phân bua với dân và nhấn với dân, mong ta thông cảm hoàn cảnh “cá chậu chim lồng” của họ. Bọn bảo an, Cộng hòa thật sự tiêu cực trong việc chấp hành lệnh càn quét lòng sục. Năm 1972 ta tranh thủ nắm được 5 trung đội dân vệ các ấp, tranh thủ trung lập đại úy Tự ở đồn 16, đại úy Long đồn Tam Bó và đồn trưởng đồn 141 giữa Long Khánh và Lâm Đồng, ta cũng nắm và sử dụng trung đội dân vệ ở Ma Đa Gui trở thành đơn vị đặc tình, quan hệ bên ngoài hợp pháp, nắm tin tức, cung cấp tình hình cho trạm hành lang vận tải qua lại đường 20, đảm bảo an toàn trong năm, không bị trở ngại.

TRƯỚC VÀ SAU NGÀY KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PA-RI

Cuối năm 1972, ta mở đợt tấn công vào lực lượng nguy quyền ở cấp huyện và tỉnh. Qua tác động của hội nghị Pa-ri

lúc bấy giờ, nhiều tên quận trưởng, quận phó, tỉnh trưởng, tỉnh phó cho đám tay chân thân tín đi trực tiếp với dân và cơ sở của ta tổ chức tìm hiểu, thăm dò thái độ của ta xung quanh vấn đề chính phủ liên hiệp nếu có thì ta có thể chấp nhận họ không? Đặc biệt, trong thời gian này, tên Lưu Thành Hữu - Tỉnh trưởng Lâm Đồng - thông qua Ru-pi - người Pháp, chủ sở Trảng Bia - trực tiếp gửi thư cho Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, đề nghị xin gặp để bàn bạc chuẩn bị việc tổ chức chấp hành khi hội nghị Pa-ri đạt kết quả ký kết ngừng bắn. Nội dung thư của tên Tỉnh trưởng Lâm Đồng lúc bấy giờ vừa có âm mưu xoa dịu, làm cho ta mất cảnh giác, vừa tỏ thái độ lo lắng, hoang mang cho số phận sắp đến nếu Mỹ chịu ký kết đình chiến ở hội nghị Pa-ri.

Sau khi nhận thư của tên Hữu do Ru-pi chuyển cho anh Đăng, anh Thanh mang về, tôi đọc và trao đổi với anh em cho ý kiến để anh em an ninh phản ảnh về an ninh khu 6, đồng thời thảo thư trả lời với danh nghĩa Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tỉnh Lâm Đồng. Tôi xem bản thảo và sửa chữa, viết lại sạch sẽ, giao liên lạc mang về cho anh Năm Lực - Bí thư Tỉnh ủy - kèm cả thư của tên Hữu và thư tôi báo cáo với anh Năm Lực ý kiến của mình để anh nghiên cứu. Nếu anh đồng ý trả lời thì ảnh cho văn phòng đánh máy và đóng dấu gửi ra tiền phương, tôi ký xong sẽ thông qua Ru-pi chuyển vào cho tên Hữu.

Anh Lực đã trực tiếp sửa thêm thư tôi trả lời từ tiền phương gửi về, viết thêm một đoạn khá dài về chính sách của Mặt

trận, cho đánh máy, có đóng dấu của Ủy ban cách mạng lâm thời, gửi ra với danh nghĩa Chủ tịch. Tôi cho anh em gửi thư vào. Sau đó, tôi được an ninh khu 6 chỉ đạo, cho phép liên lạc thăm dò xem sao.

Sau khi nhận được thư, tên Hữu nhấn Ru-pi xin trực tiếp gặp ta. Chúng tôi trao đổi nhận thấy đây là âm mưu địch tìm cách đánh ta qua địa điểm liên lạc. Nhưng cũng có ý kiến cho là: Có thể do hội nghị Pa-ri sắp đến giai đoạn kết thúc, bất lợi cho ngụy quyền, đã có tác động với tên Hữu nên y kiểm cơ hội hòa hoãn với ta, chuẩn bị nước cờ thứ hai. Nếu ta lập thế chủ động thì nên bố trí gặp. Do vậy, chúng tôi chỉ đạo cho anh em thông qua Ru-pi nói lại với Hữu: Một là đồng ý gặp Lưu Thành Hữu, theo con đường mà Hữu cải trang bí mật vào địa điểm ta hẹn, ngay trong vùng giải phóng. Ta chịu trách nhiệm an ninh an toàn cho y. Hai là ta thông qua Ru-pi làm đầu mối trung gian, trao đổi ý kiến ban đầu. Sau đó, y tìm người tin tưởng giới thiệu ra gặp để bàn bạc kế hoạch, tiến tới gặp trực tiếp thật chu đáo.

Anh em dùng Ru-pi báo cho tên Hữu biết ý kiến chỉ đạo nói trên. Tên Hữu lại viết thư, giao cho Ru-pi mang ra cho anh em quân báo, đề nghị nếu ngại, hai thủ lĩnh hai bên không gặp trực tiếp được tại B' Lao thì dùng phương tiện thông tin viễn thông để nói chuyện với nhau, trình bày quan điểm của mình. Đảng ủy tiền phương chúng tôi lại đem ra trao đổi thì thấy địch có cái gì đó đưa ta vào trận đồ bát quái để đánh ta chứ không có biểu hiện nào tỏ ra thiện chí. Lúc đó cả tôi và anh Tường - Tỉnh đội trưởng - đều thống nhất là tìm cách cắt

đứt, không quan hệ, nhưng phải tổ thái độ đứng đắn. Tôi bàn với anh em thông qua Ru-pi trả lời là chưa có đủ điều kiện và phương tiện để đàm thoại, vì ta chưa có kỹ thuật thông tin viễn thông để móc nối với hệ thống bên ngoài, nên ta không thực hiện được, đề nghị tạm thời chấm dứt liên lạc, khi có điều kiện sẽ thiết kế lại.

Tin trên đưa vào, sau hai tuần lễ, Ru-pi không trở ra, địch ngỡ là ta từ chối khéo nên ngưng không quan hệ nữa, vì có quan hệ cũng chẳng moi được gì ở ta.

Ngày 23/11/1972, tên Hữu lại thông qua Ru-pi nhắn ra là đề nghị chuyển cho ta một máy bộ đàm PRC25 để tổ chức liên lạc với nhau theo giờ hẹn. Lúc này lực lượng ta đều có máy PRC25, không phải thiếu máy. Anh em về báo cáo, tôi và anh Tường trao đổi nên nhận lời hay từ chối. Chúng tôi cùng thống nhất là cho lấy thử nhưng phải cẩn thận đề phòng địch gài chất nổ bằng kỹ thuật điện tử sẽ nổ trực tiếp khi mở máy hoặc gài kíp hẹn giờ, phải có kế hoạch đề phòng và cho mở ra ngay tại chỗ để kiểm tra.

Sau một tuần lễ, theo quy ước, chúng tôi mới cho anh em mở máy cho liên lạc. Lần đầu tiên, anh Thông - quân báo - theo dõi, nghe phía đối phương cũng lên máy dò tìm và tiếp tín hiệu liên lạc đúng hẹn, nhưng ta không lên tiếng và địch phát tín hiệu đến 3 lần, ta đều làm thinh. Đến lần thứ 4, ta cho anh em lên tiếng thử, hỏi đối tượng liên lạc thì không phải là tên Hữu mà gặp một tên uống rượu lè nhè nên anh em từ chối, cắt máy ngay. Sau này mới biết đó là tên trưởng lưới quân báo của tiểu khu.

Từ đó trở đi, ta dùng máy này theo dõi các cuộc hành quân của địch. Thông qua máy này, ta đặc trách theo dõi nắm hệ thống thông tin của địch, còn đến giờ hẹn liên lạc thì vẫn không có tên Hữu, mà thông qua một số tên báo cáo Tỉnh trưởng vắng mặt, không có ở công sở, xin lỗi và hẹn ngày khác. Mãi đến 20 giờ đêm 25/1/1973, trước ngày hiệp định Pa-ri có hiệu lực, tên Hữu trực tiếp liên lạc, xin lỗi vì thời gian qua không có mặt tại công sở và hẹn lại đúng 22 giờ đêm ngày 3/2/1973 (mùng 1 Tết năm Quý Sửu ngay sau khi hiệp định có hiệu lực) xin gặp ông Tám Cảnh - Chủ tịch tỉnh Lâm Đồng - để trực tiếp đàm thoại việc phân ranh giới sau lệnh ngừng bắn.

*

Để chuẩn bị sắp xếp lực lượng, tranh thủ thời cơ chồm lên giành thắng lợi to lớn khi ký hiệp định Pa-ri, Quân khu 6 quyết định rút tiểu đoàn 145 của tỉnh về xây dựng lực lượng tập trung của khu và cho phép tỉnh thành lập tiểu đoàn 712, lấy 2 đại đội 210 và 216 làm nòng cốt. Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ và Tỉnh đội quyết tâm huy động tất cả anh em cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan đoàn thể phía sau và huy động cán bộ xã thôn và lực lượng du kích cơ động căn cứ Bắc (căn cứ Nam lúc này đã bàn giao cho Khu uỷ quản lý và sử dụng) dồn ra phía trước, chuẩn bị phương án tranh thủ thời cơ chồm lên giành thắng lợi trước thời gian hiệp định ngừng bắn được ký kết ở Pa-ri có hiệu lực trên chiến trường. Lúc bấy giờ Tỉnh uỷ dời ra đứng ở rừng Rô-xen, Tỉnh đội dời

ra ở Nhà Thiếc - Trảng Bĩa. Cả tiền phương và hậu phương thống nhất, áp sát ra phía trước để chỉ huy, chỉ đạo chồm lên. Tỉnh chỉ thị cho các huyện, các đội công tác bám sát dân, bám đất, bám địa bàn, sẵn sàng khí thế chồm lên.

Tỉnh đội phân công cho lực lượng 712 phải chiếm giữ cho được từ An Lạc đến Đinh Trang Hạ; lực lượng K3, 743 và du kích xã 5, cùng cán bộ căn cứ của K3, đồn ra đánh chiếm cho được Liên Đàm (Xức, Bô La), giữ vững vùng giải phóng đường 14, không để chúng lấn chiếm; lực lượng T29 cùng cán bộ chiến sĩ du kích K1 đánh chiếm và làm chủ Đa Bình, Nao Si, khu 6, Minh Rông, giữ vững bàn đạp H30, lấn sát ngoại vi thị xã càng sâu càng tốt; K4 dùng lực lượng của mình, cùng lực lượng vũ trang cửa khẩu kinh tài tỉnh và lực lượng hành lang của khu, đánh chiếm và treo cờ từ ngã ba Bà Xa đến đèo Chuối.

Theo sự phân công trên bản đồ và phương án trong đêm chồm lên, ta có kế hoạch làm chủ 45/ 86 ấp trong toàn tỉnh nằm dọc theo đường 20, quyết giữ toàn bộ nông thôn căn cứ của ta và không để địch cho trực thăng nhảy cóc, lấn chiếm bất ngờ.

Theo phương án nói trên, đêm 26/1/1973, tất cả các lực lượng chính trị, vũ trang của ta tổ chức chiếm lĩnh, cấm cờ, trương biểu ngữ gần 50 điểm trên 33 ấp (toàn tỉnh có 86 ấp), trong đó có xã An Lạc, Phước Lạc, Liên Đàm và một số ấp sát thị trấn Di Linh và ấp Tân Xuân, Minh Rong, Lam Sơn của thị xã B' Lao.

Về địch, chúng cũng dự đoán ý đồ chồm lên của ta, nên có phương án đối phó mọi mặt trong hệ thống ấp chiến lược. Chúng tung quân xuống trước các xã vùng tranh chấp, cho lính chốt các vành đai thị xã, thị trấn, phòng thủ chặt chẽ, đề phòng lực lượng ta vào chiếm lĩnh. Trong đêm 26, ngoài hoạt động của lực lượng ta bên ngoài, cơ sở cách mạng của ta kết hợp với du kích mật cùng tổ chức treo cờ và biểu ngữ mừng hòa bình ở Thiện Chánh, Thiện Lập, Lam Sơn, Tân Hà ở B' Lao; Tân Dân, Tân Lập... ở Di Linh.

Do lực lượng ta có hạn, mỗi ấp chỉ vào không quá một tiểu đội. Khi đột nhập vào, ta vận động nhân dân nổi dậy cùng ta chiếm ấp. Trừ địa bàn An Lạc, Tứ Quý, Trảng Bia và 142, Ma Đa Gui có lực lượng tập trung chiếm giữ, còn hầu hết là đội công tác.

Địch phát hiện lực lượng của ta không lớn nên bắt đầu từ 11 giờ ngày 27/1/1973 tiếp tục điều động lực lượng tập trung phản kích, quyết giành lại các ấp mà ta chiếm giữ từ chiều ngày 26/1/1973. Ngay ngày đầu, chúng đã vi phạm lệnh ngừng bắn khi có hiệu lực. Chiến sự ngày 27/1/1973 giữa ta và địch diễn ra ác liệt trên toàn chiến trường.

Do sức ta có hạn và để tránh bớt thiệt hại cho dân sau lệnh ngừng bắn có hiệu lực, Ban chỉ huy tiền phương họp sơ bộ đánh giá tình hình, báo cáo về Thường vụ Tỉnh uỷ xin ý kiến chỉ đạo tiếp theo, đề nghị cho lực lượng các đội công tác và du kích mật bị lộ trong một số ấp có dân đông nhưng độc lập, không có thể hỗ trợ liên hoàn giữa các lực lượng của ta rút ra

ngoài, chỉ giữ lại một điểm An Lạc, trong đó có địa bàn sở Tứ Quý, Trảng Bia, Thành Công, Thành Thái, Công-gô, Mạc-phen, ấp 17.

Ta tiếp tục chiếm giữ đoạn đường từ cầu Đa Huoai đến ấp Ma Đa Gui. Ta làm chủ đoạn này dài đến 10 cây số, mãi đến 15 giờ ngày 7/2/1973, địch ở Lâm Đồng và Long Khánh phối hợp liên tục tấn công trong 12 ngày đêm mới giải tỏa được.

Riêng ở trọng điểm An Lạc, lực lượng 712 cùng đại đội 216 và lực lượng chỉ đạo tiền phương vẫn đóng giữ Trảng Bia. Đội công tác An Lạc và đội 16 vẫn bám điểm, vận động nhân dân đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn đã ký kết ở Pa-ri. Suốt 5 ngày đêm liền, địch tổ chức tấn công giành lại địa bàn An Lạc. Ban ngày chúng cho quân lên chốt ở các đồi Thanh Phong, ngã ba Thành Thái, đánh nhau với ta trên các chốt Thành Công, Trảng Bia, Tứ Quý, đến 6 giờ tối bí mật rút về B'Lao, Tân Lạc ngủ. Chúng dồn sức phản kích liên tục nhưng không đánh bật được các chốt của ta.

Mãi đến ngày 6/2/1973, Tỉnh trưởng Lưu Thành Hữu đưa Ru-pi - chủ sở Trảng Bia - vào xin thương lượng, phân ranh giới trên địa bàn xã An Lạc, Đình Trang Hạ và Hữu đề nghị cho liên lạc bàn bạc bằng điện đàm qua máy PRC25 đã gửi vào lúc trước, lâu nay chưa bắt liên lạc được, nay hẹn 20 giờ đêm 6/2 lên máy, hai tỉnh trưởng cùng nói chuyện. Thực ra, từ khi đưa máy vào, chúng cố tình dây dưa, chứ không lúc nào lên máy thật sự nghiêm túc, cứ cho tên Vũ Hùng tác

động tâm lý chiến đôi lần nên anh em ta cự tuyệt không liên lạc nữa. Từ đó đến ngày 6/2, chúng thấy bí nên cho Ru-pi vào nối liên lạc lại. Lúc bấy giờ, tôi cùng anh Tường - Tỉnh đội trưởng, anh Tuân - Tỉnh đội phó - cùng ở tiền phương. Ba anh em cùng gặp nhau trao đổi có nên liên lạc thử hay không? Chúng tôi thống nhất với nhau là chúng không đánh bật được ta ra khỏi An Lạc nên chúng muốn giở trò gì đây? Nhưng trò gì thì trò, ta cứ liên lạc thử xem chúng nói gì? Chúng tôi bàn là để anh Tường - Tỉnh đội trưởng - lên máy nếu tên Hữu yêu cầu, còn liên lạc đầu tiên sẽ là anh Thông quân báo cầm máy. Tôi và anh Tuân cùng ngồi trong cụm chiến hào công sự chiến đấu giữa trận địa của đơn vị 712 chống lấn chiếm tại địa bàn Trảng Bia để theo dõi.

Đúng 20 giờ, theo hẹn, tên Hùng liên lạc với anh Thông, tiếp đó tên Hữu lên máy, yêu cầu gặp người cần gặp. Đúng như phân công, anh Tường lên máy tiếp chuyện. Tên Hữu phát hiện ra anh Tường nói tiếng Huế nên từ chối không trao đổi. Anh Tường lái khéo là anh Cảnh chưa đến, chờ 15 phút sau. Anh em chuyển máy qua chỗ tôi và anh Tuân. Đúng hẹn, tôi lên máy tiếp ngay vào câu chuyện. Tôi chủ động cảnh cáo ngay tên Hữu: “Mấy ngày liên, các ông cố tình vi phạm lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Nhân danh Ủy ban cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, tôi cảnh cáo chính quyền bù nhìn tay sai ôm chân đế quốc Mỹ tiếp tục chiến tranh, bắn giết người dân vô tội và khuyến khích các ông nên đặt lợi ích dân tộc, Tổ quốc lên trên hết, nghiêm chỉnh chấp hành lệnh ngừng bắn và ra lệnh rút quân ra khỏi

An Lạc, lấy địa bàn này làm địa bàn phi chiến sự, là nơi tổ chức gặp gỡ, bàn bạc thi hành lệnh ngừng bắn trong phạm vi địa phương.” Trong quá trình đàm thoại, chưa rõ tên Hữu có trực tiếp nghe hay không, nhưng sau khi tôi vừa dứt lời thì không thấy tên Hữu lên tiếng và chấm dứt từ đó.

Những ngày sau, Ru-pi vào theo lệnh của Hữu gặp anh em xin lỗi là máy PRC25 của chúng đưa vào cho ta bị hư, mới liên lạc được một lúc thì máy không còn phát âm, chỉ phát tín hiệu nên không trao đổi được. Do vậy, chúng xin lại máy để chuyển ra sửa và sẽ thay máy tốt hơn đưa vào. Anh em quân báo bám điểm về báo cáo Ban chỉ huy tiền phương. Chúng tôi trao đổi, đồng ý cho anh em giao máy cho Ru-pi mang ra, còn có đưa máy vào hay không thì không đặt thành vấn đề. Chúng tôi cũng nhận định là chúng không thể lung lạc được gì theo mưu đồ nên tìm cách rút máy ra mà thôi. Tuy biết vậy nhưng chúng tôi cũng trao đổi với nhau là trả máy cho chúng để thể hiện lòng đại lượng của ta, không thêm giữ máy làm gì. Đúng là từ khi chúng rút máy ra, ngày 15/2/1973, chúng không còn liên lạc nữa và Ru-pi cũng chuồn đi đâu không rõ, công nhân Trắng Bia làm chủ sở Trắng Bia.

Việc này được báo cáo về an ninh khu 6. Khu cho ý kiến cứ nhận máy và liên lạc thăm dò thái độ xem sao. Các anh cũng quy định là trong chỉ đạo tiền phương chỉ tôi và anh Tường chịu trách nhiệm thông qua hệ thống quân báo. Sau khi chúng rút máy ra, chúng tôi cũng có báo cáo về an ninh khu 6, các anh cho ý kiến: Định có nhiều thủ đoạn tráo trở, gài thế đánh phá ta, chưa phải là lúc bắt buộc chúng thành

thật thương lượng trên cơ sở vì lợi ích Tổ quốc và dân tộc. Thiệu và bọn tay chân thân Mỹ còn nuôi hy vọng ôm chân đế quốc Mỹ, duy trì chế độ bù nhìn phản nước hại dân, chia cắt đất nước lâu dài. Vì vậy, nếu chúng xin rút máy PRC25 ra, ta cũng sẽ cắt đứt luôn, không cần quan hệ nữa và bí mật theo dõi cá nhân tên Hữu, xem thái độ địch đối phó phản ứng với cá nhân tên Hữu ra sao, phản ảnh cụ thể lên trên, sẽ có đối sách thích hợp.

Từ ý kiến chỉ đạo của an ninh khu 6, Ban chỉ huy tiền phương chỉ đạo anh Thông quân báo, thông qua Ru-pi, nói rõ và chỉ trích thái độ thiếu thiện chí của tên Hữu, phản lại ý chí và nguyện vọng của nhân dân, tiếp tục phá hoại hiệp định Pa-ri, gieo đau thương tang tóc cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh, nhấn cho Hữu là khi nào Hữu thật sự có thiện chí thì ta mới gặp. Từ đó ta cắt đứt luôn. Đến tháng 12/1973, Thiệu đưa tên Phong về thay Hữu làm Tỉnh trưởng Lâm Đồng. Tên Hữu điều đi nơi khác. Khi giải phóng miền Nam, anh em an ninh ta, trong lúc đi xác minh một số tư liệu cho tỉnh, có gặp lại Hữu trong trại cải tạo.

*

Sau 2 tháng thực hiện lệnh ngừng bắn, đấu tranh nghiêm chỉnh thi hành hiệp định Pa-ri buộc quân Mỹ rút về nước, chấm dứt sự có mặt của Mỹ trên đất nước ta, thực hiện chủ trương của khu 6, ngày 10/4, Tỉnh uỷ họp kiểm điểm tình hình, đánh giá việc đấu tranh thi hành hiệp định Pa-ri trên địa bàn Lâm Đồng và đề ra nhiệm vụ sắp đến. Qua thực tế tình hình, Tỉnh uỷ chúng tôi cho rằng cuộc đấu tranh buộc

Mỹ - nguy nghiêm chính thi hành hiệp định Pa-ri là vô cùng phức tạp, lâu dài. Quyết định phải từ sức mạnh vật chất, chỉ có đề bẹp ý chí phản động của bọn tay sai hiếu chiến mới bắt buộc chúng trở về với nhân dân. Chừng nào chúng còn thấy ta chưa đủ sức mạnh làm cho chúng nhận ra đạo lý, chưa thấy nguy cơ mất mạng thì chúng còn tiếp tục ngoan cố, chống lại lực lượng cách mạng của nhân dân ta đến cùng. Từ nhận định trên, chúng tôi phân tích thế lực địch và ta trên địa bàn Lâm Đồng lúc bấy giờ là:

Địch hiện đang còn giữ thị xã, thị trấn và một số ấp có lực lượng vũ trang đồn trú bảo vệ, kèm kẹp quần chúng trên một kẻ chỉ mỏng manh ở đường 20, không có thế nông thôn và chiều sâu để bảo vệ, tiếp tục bị ta uy hiếp. Về lực, địch còn đông, nhưng lực lượng vũ trang của Mỹ đã rút hết, không còn hậu thuẫn trực tiếp trên chiến trường, tư tưởng thất bại đang phát triển, khó có thể củng cố. Nguy quyền là một đám cơ hội, “xôi thịt”, gian ác, mất lòng dân, khi được thì tranh công, nếu mất thì trốn trách nhiệm, chạy trước. Nguy quân có tư tưởng bạc nhược trong chiến đấu, mạng yếu tố tiêu cực, tan rã.

Vùng giải phóng, vùng làm chủ của ta chiếm hầu hết nông thôn, lấn sát lề giao thông, thị xã, thị trấn, có trên 20.000 dân bất hợp tác chống địch gần 20 năm, trở thành căn cứ vững chắc, bất khả xâm phạm. Nay có pháp lý hiệp định Pa-ri, ta có thể đấu tranh để bảo vệ dân, địa bàn căn cứ có thể nối liền với vùng giải phóng, làm chủ vùng tranh chấp, và lực lượng chính trị của ta trong vùng tạm bị chiếm của địch có thể hỗ

trợ lẫn nhau trong tình hình mới có thêm thuận lợi. Đặc biệt, nhân dân trong vùng căn cứ và giải phóng của ta chỉ chiếm 1/6 dân số trong toàn tỉnh, nhưng tinh thần chống xâm lược rất cao, càng kháng chiến lâu dài càng có bề dày kinh nghiệm chống địch để bảo vệ xây dựng cuộc sống. Tình đoàn kết chiến đấu giữa quân với dân là một. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của ta sau hiệp định Pa-ri 1973 đúng là không đông, trang bị chưa tốt, nhưng lực lượng ấy gắn bó với nhân dân, trở thành sức mạnh vô địch.

Đó là nhận định của chúng tôi lúc bấy giờ, nhưng cũng không phải tất cả ai cũng thống nhất một chiều theo nhận định đó. Sau hội nghị có tên Tân Thành hàng giặc. Một số anh em vũ trang thống nhất từ Quảng Đức sang kéo nhau chạy về vùng giải phóng R và xin gia nhập quân chủ lực R. Những việc này là rất phức tạp vì sau chồm lên, giành thắng lợi ở hội nghị Pa-ri, ta không đạt yêu cầu theo phương án, có một số không vững vàng nên nảy sinh tiêu cực, bi quan, đó cũng là lẽ đương nhiên.

Từ nhận định trên, hội nghị cũng đề ra 3 nhiệm vụ quan trọng. Đó là:

1. Tiếp tục tấn công địch, lấn chiếm vùng giải phóng, làm chủ của ta, chống ủi phá địa hình, di dân lập ấp chiến lược của địch, giữ vững địa bàn nông thôn làm chủ của ta.

2. Tích cực phát động, lãnh đạo quần chúng trong vùng tạm chiếm của địch đẩy mạnh tấn công chính trị, binh vận, làm cho địch bị lúng túng đối phó bên trong, không tập trung

sức tấn công lấn chiếm bên ngoài, tiến tới hình thành mặt trận đoàn kết dân tộc đấu tranh đòi thi hành hiệp định Pa-ri.

3. Ra sức xây dựng căn cứ mọi mặt trở thành lực lượng và cơ sở vật chất tại chỗ, trở thành hậu phương trực tiếp, làm chỗ dựa vững chắc để chiến thắng địch trong mọi tình huống.

Xuất phát từ tình hình nhiệm vụ sau hiệp định nêu trên, Thường vụ Tỉnh ủy phân công tôi về lo xây dựng căn cứ, tổ chức lực lượng xây dựng kinh tế, phát triển công doanh vùng III.

TỔ CHỨC NÔNG TRƯỜNG XÃ HỘI (ĐƠN VỊ CÔNG DOANH) VÙNG III

Nhận được sự phân công cụ thể của cấp uỷ, tôi từ tiền phương trở về hậu phương, tuy chức vụ không thay đổi nhưng môi trường và công tác thay đổi.

Trách nhiệm của chúng tôi là làm sao nhanh chóng xây dựng vùng căn cứ của ta mạnh lên về kinh tế - văn hoá, tạo cơ sở vật chất ban đầu cho sự nghiệp đấu tranh nếu có chính quyền liên hiệp 3 phái ra đời. Đồng thời, ta cũng sẵn sàng đấu tranh chống âm mưu tráo trở của địch, có cơ sở đảm bảo vật chất để đánh thắng quân thù bất cứ trong tình huống nào. Quán triệt ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ, tôi bàn công việc với anh Tường, anh Tuân, anh Sáu Công, anh Ba Hưng lo lãnh đạo lực lượng tiếp tục tấn công địch phía trước. Tôi về thẳng vùng III, K1 họp tất cả đảng viên trong Liên Đảng bộ K1 và vùng III bàn kế hoạch xây dựng căn cứ, trong đó có việc chọn địa điểm mở nông trường trồng lúa, trồng mía, bàn biện

pháp huy động lao động dân căn cứ tham gia làm nông trường viên, thảo luận chính sách đối với lao động tham gia sản xuất của nông trường. Qua 3 ngày họp bàn, chúng tôi đi đến thống nhất quyết định là:

1. Lấy 5.000 ha đất bằng vùng III gồm 3 xã Lú Tôn, Hợp Vông, Xi Nhanh, tổ chức sản xuất tập trung thành cụm nông trường, nhưng bước đầu làm thí điểm 500 ha dọc vùng Đạ Mí, Đạ Hàm để làm mẫu mà lan ra. Trước mắt là làm lúa với phương thức gieo sạ theo kiểu ruộng Phương Lâm...

2. Về tổ chức lao động, rút một số cán bộ kinh tài có kinh nghiệm đã làm việc trong các nông trường ở miền Bắc về lãnh đạo và quản lý, tuyển một số công nhân kỹ thuật biết lái máy ủi, máy cày làm nông cốt. Về lực lượng lao động thủ công thì huy động dân vùng III từng lúc theo thời vụ để phục vụ gieo sạ, làm cỏ, bón phân, gặt đập theo yêu cầu thời vụ, trong đó có huy động lực lượng du kích căn cứ, số tù binh và phạm nhân được cải tạo, sử dụng họ từng lúc cần thiết. Đưa toàn bộ hoặc một phần lực lượng lao động các đội sản xuất của các cơ quan, đơn vị về đây tham gia sản xuất và phục vụ sản xuất. Số này là lực lượng thường trực của nông trường.

3. Đồng ý cho ban kinh tài xuất ngân sách của tỉnh thu được từ thu thuế và bán gỗ mua 5 máy cày và 2 máy ủi D7 phục vụ sản xuất cho nông trường, bí mật dùng cơ sở tin cậy lái theo đoàn xe be vào lấy gỗ, đưa thẳng vào vùng III, khẩn trương chuẩn bị đi vào sản xuất kịp đông xuân 1973-1974 ...

Hội nghị này cũng quyết định thành lập Ban giám đốc nông trường lâm thời gồm các đồng chí:

Anh Ba Cường: Giám đốc, phụ trách chung, trực tiếp phụ trách sản xuất và kỹ thuật.

Anh Tám Tài: Phó giám đốc, Bí thư Đảng uỷ, phụ trách kinh tế, chính trị và sản xuất kinh doanh nông trường.

Anh Lưu Sơn: Phó giám đốc, phụ trách bảo vệ.

Anh Cựơc: Phó giám đốc, phụ trách chính sách thi đua lao động khen thưởng.

Về tổ chức, nông trường có 3 phòng:

- Phòng hành chính quản trị;
- Phòng sản xuất kinh doanh;
- Phòng lao động chính sách thi đua khen thưởng.

Nông trường trực thuộc ban kinh tài chỉ đạo nghiệp vụ, về chính trị, kinh tế trực thuộc Tỉnh uỷ.

Sau cuộc họp, chúng tôi tóm tắt biên bản thành nghị quyết, thay cho phương án tiền khả thi, báo cáo về Thường vụ Tỉnh uỷ và Khu uỷ khu 6 để duyệt ... Mặt khác, tôi cùng anh em trong Ban giám đốc nông trường kéo quân xuống vùng III đóng quân tại buôn Đăng Rơ Mít để triển khai cụ thể. Lúc đó, Khu uỷ khu 6 nhận được báo cáo của tỉnh. Khu uỷ anh Mười Bắc - Thường vụ Khu uỷ khu 6 - xuống cùng tỉnh kiểm tra phương án, khảo sát thực tế để quyết định cụ thể chính thức về mặt chính quyền của khu Cực Nam Trung Bộ (*).

* Đồng chí Mười Bắc lúc bấy giờ là Chủ tịch Uỷ ban cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Cực Nam Trung Bộ.

Anh Mười Bắc xuống cùng hai anh em tổ chức đi khảo sát thực tế 7 ngày liền. 10 anh em du kích thạo rừng mang dụng cụ phát đường, cùng tôi với anh Mười Bắc đi từ trảng Phê Đê, xuống Đa Bin, về trảng Con Cọp, Tân Gia Rang, Đăng Rơ Mít, dọc Đa Nha, Đa Cộ, suốt 9 khúc đến Bàu Sen là 4 ngày liền. Vùng này đất tốt, nhưng phần lớn là đất rừng già xen tre, nứa mun, lau sậy dày đặc, phải dùng sức khai hoang bằng cơ giới, tốn nhiều xăng dầu và phải mất vài ba năm mới thành ruộng, phải làm thủy lợi lớn mới đưa nước lên ruộng được. Nếu làm theo nước mưa tự nhiên thì lại làm theo nương rẫy như nhân dân, trở về con đường làm ăn lạc hậu ngày xưa, có giúp ích gì cho quần chúng, và nếu làm rẫy thì phải đợi đến mùa năm 1974 mới làm được.

Hai anh em bàn qua tính lại đi đến nhất trí là phải đi khảo sát tiếp vùng Đa Mít, Đa Lây giáp phía Cát Tiên (*).

Sau 3 ngày liền, đoàn chúng tôi lại cơm đùm cơm vắt, ba lô trên lưng, bi đông nước, nồi xoong mang theo, lội rừng để tìm và xác nhận địa điểm thứ hai. Cuối cùng, chúng tôi chọn địa bàn Đa Mít, Đa Hàm làm điểm, khoanh vùng này khoảng 1.000 ha, dự định trước mắt làm đông xuân từ 200 ha, đắp đập nước Đa Mít, ngăn tạm Đa Hàm và tận dụng một số nước trời. Anh Mười Bắc trao đổi và quyết định đổi tên từ nông trường trong nghị quyết của tỉnh thành đội sản xuất công doanh bắt đầu từ ngày 1/5/1973, sau này đổi thành đơn vị công doanh Hà Giang, đến đầu năm 1975 mới lấy tên chính thức là

* Vùng Cát Tiên lúc này đã giao cho khu 10 làm căn cứ, khu 10 giải tán lại giao cho liên tỉnh Bình Phước làm chỗ đứng.

nông trường Hà Giang.

Nhờ kịp thời điều động được 2 máy ủi đất D7 của các chủ xe be từ Ma Đa Gui và mua được 3 máy cày từ vùng địch đưa vào hoạt động khai phá, từ tháng 6 đến tháng 10 năm 1973, đơn vị làm được 250 ha đất và chính thức gieo sạ 180 ha, số còn lại bị nhiễm phèn nặng chưa xử lý được nên không gieo sạ. Do chưa đắp được dòng suối Đạ Mí nên ngăn tạm dòng suối Đạ Hàm trong mùa nắng lấy nước tưới cho vụ đông xuân năm ấy.

Nhờ động viên được nội bộ và huy động sức mạnh của quần chúng 3 xã vùng III lúc bấy giờ làm nòng cốt, sử dụng một số hàng binh của địch và lực lượng trong trại cải tạo của tỉnh nên lúa đã được chăm bón tốt. Kết quả, ta thu hoạch gần 500 tấn lúa trong năm đầu tiên (đông xuân năm 1973-1974). Cũng chính trên mảnh đất nông trường Hà Giang, liên tiếp 3 vụ liên trúng mùa. Ngoài vụ đông xuân nói trên, ta làm tiếp vụ hè thu 1974 và đông xuân 1974-1975. Nhờ đó mà có hàng ngàn tấn lương thực dự trữ tại chỗ, chủ động phục vụ yêu cầu lương thực, thực phẩm cho chiến dịch tấn công giải phóng B' Lao và tỉnh Lâm Đồng. Đây là hướng quyết tâm khi bắt đầu như đã ghi trong nghị quyết thành lập công doanh vùng III. Đây cũng là mô hình chuyển cách làm ăn trên đất núi của đồng bào dân tộc thiểu số ngàn đời du canh, du cư, là mục đích cơ bản trong nhiệm vụ của công doanh Lâm Đồng lúc bấy giờ.

Việc họp bàn mở đầu ra nghị quyết mất 3 ngày, việc tổ chức thực hiện nghị quyết chúng tôi đi khảo sát mất 7 ngày

và tổ chức thực hiện trong 5 tháng trường, đến 20/12/1973 bắt đầu thu hoạch.

Lúc này, địch bắt đầu phát hiện, 2 lần dội bom bắn phá, may không chết người nhờ ta có chuẩn bị công sự chống phi pháo của địch. Lán trại phía chân núi Đá Mài (đốc Mạ Oi hiện nay) bị cháy gần hết, trụ sở Ban chỉ huy công doanh sụp 2/3, anh em phải tổ chức canh gác máy bay để gặt lúa ban đêm vô cùng gian khổ. Nhưng cuối vụ đông xuân năm ấy, theo tổng kết, năng suất bình quân 31 tạ/ ha, trừ mọi chi phí sản xuất 35%. Anh em vui mừng tổ chức hội mùa. Dân 3 xã căn cứ vùng III và trên 300 cán bộ, du kích cùng gia đình kéo đến đâm trâu, liên hoan mừng thắng lợi suốt 2 ngày đêm trong đám rừng dầu giữa Đạ Mí và Đạ Hàm, vui như Tết. Anh em giám đốc công doanh báo cáo kết quả, động viên cán bộ, đảng viên, du kích và nhân dân 3 xã vùng III tổ chức làm ruộng khoán cho công doanh hoặc dân tự làm và tổ chức công doanh dùng cơ giới khai hoang, đầu tư phân bón, giống má cho dân không tính lãi, khi thu hoạch trả lại vốn bằng lúa cho nông trường. Tôi cho đây là điểm sáng về chính sách kinh tế mới đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đặt ra trong lúc chỉ là chính quyền tự quản của dân.

THAM GIA XỬ LÝ BIẾN ĐỘNG NỘI BỘ PHÍA TRƯỚC

Đang lo nhiệm vụ xây dựng căn cứ phía sau, theo sự phân công của Thường vụ Tỉnh uỷ, thì đột xuất tôi lại được thư anh Tường - Tỉnh đội trưởng - từ tiền phương Trảng Bia gửi về báo tin: Tân Thành - Bí thư Thị uỷ T29 - bị địch bắt, và tiếp

đó được thư anh Năm Lực - Bí thư Tỉnh ủy - gửi vào cũng nói chuyện Tân Thành bị địch bắt nhưng không rõ lý do. Anh em T29 báo cáo có nhiều điểm khả nghi. Anh Năm Lực đã bàn với đồng chí Trường Sơn - Phó ban an ninh tỉnh - sang T29, đến tận hiện trường để xác minh ... Tình hình ở nhà rất phức tạp. Anh Năm Lực mời tôi về cùng Thường vụ họp bàn chỉ đạo.

Tôi nhận được thư anh Tường và anh Năm Lực cùng một ngày, đều báo tin phía trước diễn biến không lành, cả đêm trằn trọc không ngủ được. Tôi cho mời ban lãnh đạo công doanh, bàn bạc kế hoạch khẩn trương, chuẩn bị ráo riết làm vụ mùa và báo cho anh em biết việc xảy ra ở phía trước mà anh Năm Lực, anh Tường đã viết thư cho tôi, phải sắp xếp công việc về ngay để họp Thường vụ tham gia xử lý những việc phức tạp vừa xảy ra. Tôi dặn các anh chưa phổ biến gì về tin Tân Thành vì chưa xác minh, nhưng phải hết sức cảnh giác, đề phòng địch càn quét, đánh phá căn cứ vùng III, nhất là chúng dùng phi pháo tập kích như năm 1973; cần cảnh giác triệt để vì Tân Thành biết chủ trương ta mở sản xuất tập trung trên địa bàn vùng III. Tình hình đang vui vẻ bỗng chốc trở nên lo lắng!

Đúng 15 giờ chiều ngày hôm sau, tôi đến văn phòng Tỉnh ủy gặp anh Năm Lực. Anh đưa cho tôi xem báo cáo tình hình các đội công tác và lực lượng tiền phương gửi về, có nhiều ý kiến phản ánh khác nhau: Tân Thành thực chất bị cơ sở phản, bị bắt hay phản bội? Có phải chúng làm hiện trường giả để ngụy trang cho ta mất cảnh giác? Chưa thể kết luận được,

chúng tôi phải chờ anh Trường Sơn đi xác minh về.

Ngoài việc Tân Thành ra, còn có tình hình tư tưởng nội bộ. Hơn một năm hiệp định Pa-ri có hiệu lực, địch tiếp tục vi phạm, không thi hành, ra sức tổ chức càn quét, lấn chiếm bên ngoài, tích cực kềm kẹp quần chúng bên trong, tiếp tục bao vây phong tỏa về kinh tế làm cho đời sống bộ đội khó khăn. Trong lúc đó, cùng một địa bàn nhưng quân chủ lực của R đóng ở Lộc Ninh, Đồng Xoài, Hướng Quảng có chế độ chính sách phụ cấp sinh hoạt tương đối bài bản khá hơn. Điều đó đã tác động đến một số anh em trong đơn vị lực lượng từ Quảng Đức thống nhất sang Lâm Đồng, phát sinh tư tưởng so bì, bàn tán. Có một số anh em muốn bỏ địa phương Lâm Đồng chạy về Lộc Ninh, cùng gia nhập quân chủ lực của R, vì trước năm 1971 quân Quảng Đức trực thuộc R quản lý có chế độ khá hơn quân địa phương khu 6...

Đúng như ông bà ta thường nói: “Họa vô đơn chí”. Đêm đến, tôi cùng các anh Ba Đạo, Tường, Trường Sơn, Quốc Trung và cả anh Bảy Sơn cùng về tỉnh để chuẩn bị họp Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng. Chúng tôi tổ chức gặp nhau hội ý, trao đổi trước một số tình hình sau khi anh Trường Sơn đi xác minh và anh Bảy Sơn làm công tác binh vận, quan hệ cơ sở mật giao về, phản ánh sơ bộ cùng nghe. Cả ba anh: Trường Sơn, Bảy Sơn và Quốc Trung đều xác định là tên Tân Thành cùng tên Giáng bố trí hiện trường giả để lừa chúng ta, chứ thực chất là tên Thành đã đầu hàng giặc. Theo cơ sở bên trong báo cáo ra, tên Giáng đã dùng xe vào vùng kiểm soát của ta với danh nghĩa liên lạc báo tin về Việt kiều Cam-pu-chia. Anh em ta

không theo dõi, để địch dùng xe của Giăng đưa tên Thành ra gặp Tỉnh trưởng và sau đó chúng đưa thẳng lên ở Đà Lạt để khai thác. Từ Đà Lạt, chúng thường xuyên chở Thành về B' Lao để khai thác nội tình của ta và cơ sở Lâm Đồng. Hàng ngày, Thành làm việc tại B' Lao và gặp một số cơ sở của ta nhưng địch chưa bắt bớ ai. Thế là ngay đêm trao đổi ban đầu, chúng tôi đã thống nhất xác định rõ tên Thành đã thực sự phản bội, đầu hàng giặc, nhưng nguyên nhân đưa đến phản bội và phản động thì chưa được tập thể kết luận. _

Qua hai ngày họp Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng, căn cứ báo cáo thực tế xác minh của đồng chí Trường Sơn, Thường vụ Tỉnh ủy kết luận tên Thành đã đầu hàng phản bội, thực chất là phản động, đã cộng tác với giặc, phản lại tổ chức, phản lại Tổ quốc và nhân dân, nhưng chưa ra mặt truy bức, khủng bố, bắt bớ cơ sở bên trong vì chúng đang lừa gạt dư luận, làm cho ta mất cảnh giác để chúng có thời gian chuẩn bị kế hoạch đánh ta toàn diện, đánh sâu và đánh đau hơn. Tên Tân Thành đối với chúng là một đối tượng quan trọng, từ trước đến nay trên địa bàn Lâm đồng chưa hề có, chúng có thể khai thác và sử dụng Tân Thành đánh phá phong trào quần chúng, vì vậy ta phải có kế hoạch đối phó toàn diện với địch về quân sự, chính trị, kinh tế cả bên trong và bên ngoài.

Nhận định về nguyên nhân dẫn đến tên Thành phản bội, Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá bản chất tên Thành là cá nhân chủ nghĩa, tham sống sợ chết, tư tưởng địa vị kèn cựa. Sau hiệp định Pa-ri, tên Thành dao động nặng vì sau khi chồm lên không đạt yêu cầu. Trong lúc đó, địch lại liên tiếp

đánh phá, lấn chiếm, cá nhân y ngại gian khổ, hy sinh trong việc tổ chức thực hiện chủ trương đưa chỉ đạo của thị xã ém lốt vào bên trong, tạo lõm chính trị làm vỏ bọc để chỉ đạo phong trào đấu tranh tại chỗ. Trong cuộc họp đầu năm 1973, y đã tỏ thái độ không đồng tình khi nhận quyết định phân công về phụ trách Bí thư thị xã. Ngay lúc đó, y đã có thái độ phản ứng, nhưng ta đơn giản, không để ý theo dõi. Hơn nữa, khi về phụ trách T29, anh em cơ quan mất cảnh giác để cô Kim - y tá cơ quan - phục vụ bảo vệ sức khỏe cho y, có quan hệ bất chính. Cô Kim đã có thai hơn 3 tháng nhưng cơ quan không biết.

Sau này thẩm tra lại thì nhận định của Tỉnh ủy chúng tôi lúc bấy giờ cơ bản là đúng. Tên Tân Thành đã phản bội cách mạng, phản bội nhân dân. Định ra sức khai thác y và đã có chuẩn bị phương án đánh phá cách mạng một cách toàn diện, triệt để... Nhưng rủi cho quân địch ở Lâm Đồng, với bối cảnh thế suy lực giảm, ngày thất bại đến gần, chúng không sao đảo ngược được tình thế. Chỉ có một tên Thành cam tâm làm tay sai, chứ có một trăm tên Thành phản bội thì cũng sẽ bị quần chúng nổi dậy, nghiền nát ý chí, đã tâm phản động của chúng.

Dù sao tên Thành phản bội cũng là một ung nhọt trong cơ thể chúng ta. Nó xuất hiện đúng vào lúc cuộc đấu tranh đầy gay go phức tạp giữa mất hay còn, giữa thắng hay bại trên địa bàn Lâm Đồng, nó là đám mây đen giữa nền trời sáng của buổi mai hồng ... Việc tên Thành phản bội không làm cho Đảng bộ Lâm Đồng nao núng, bi quan mà còn kích thích

lòng tự tin, tự trọng và tự hào, truyền thống đấu tranh bất khuất của tập thể Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh lúc bấy giờ. Đảng bộ và quần chúng đã đẩy lên lòng phần nộ đối với bè lũ bán nước, bọn phản bội Tổ quốc và dân tộc. Đó là sức mạnh động viên toàn lực, chuyển thế và lực dồn về phía trước, quyết tâm đập tan âm mưu địch lấn chiếm vùng giải phóng của ta và chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng giải phóng địa phương, không để giặc có thời gian lập kế sách sử dụng tên Thành cộng tác với chúng gây nên tội ác, gây thêm nợ máu đối với cán bộ cơ sở cách mạng và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Lúc bấy giờ, có một số ý kiến cơ sở bên trong đề nghị phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang bên ngoài đột nhập diệt tên Thành để trừ hậu hoạn. Nhưng bước đầu chúng tôi đã có kế hoạch dùng đối tượng có cảm tình với cách mạng mà y có quan hệ chuyển tở cảnh cáo, đồng thời cho loan tin trong cơ sở chính trị, vạch tội phản bội và bất chính trước nhân dân đối với tên Thành. Ngay sau đó, địch phát hiện đã chuyển y về Đà Lạt để khai thác, tránh đòn trừng phạt của ta. Ngay từ đầu ta đã vô hiệu hóa tên Tân Thành trước âm mưu của địch.

GIẢI QUYẾT TƯ TƯỞNG ANH EM LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CHẠY VỀ R

Sau cuộc họp, Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất đề ra chủ trương: Tập trung sức ổn định tư tưởng nội bộ, giải quyết hậu quả việc tên Thành phản bội. Tăng cường công tác tư tưởng

nội bộ cán bộ, chiến sĩ phía trước nhằm nâng cao sức chiến đấu, chặn đứng tư tưởng dao động thời cuộc trong một số cá nhân cơ hội, lánh nặng tìm nhẹ, đứng núi này trông núi nọ, mà trước hết tập trung giải quyết cho được tư tưởng anh em lực lượng vũ trang Quảng Đức mới sang, không để anh em kéo chạy về R. Dồn sức đánh địch lấn chiếm, bẻ gãy các cuộc càn quét bung duỗi của địch, phối hợp trong ngoài nắm chắc tình hình, tổ chức đột sâu vào bên trong thị xã, thị trấn, diệt ác, phá kềm, tiêu hao sinh lực địch, buộc địch bị động phải kéo quân về đối phó bên trong, tạo thuận lợi cho việc xây dựng vùng căn cứ giải phóng theo chủ trương của Tỉnh ủy đề ra hồi đầu năm 1973.

Qua chủ trương của Tỉnh ủy, ban cán sự và ban chỉ huy Tỉnh đội chúng tôi họp bàn cụ thể hóa, hình thành 5 phương án và giải pháp phải tập trung sức giải quyết, đó là:

1. Ra sức ổn định tình hình tư tưởng nội bộ, trước hết phải tích cực tấn công địch, bẻ gãy kế hoạch nòng ra lấn chiếm vùng mới giải phóng. Tích cực đánh bọn bung xả ủa phá địa hình của địch.

2. Đẩy mạnh hoạt động du kích chiến tranh trong lòng địch bằng mọi lực lượng, kết hợp chính trị, vũ trang, binh vận; kết hợp hoạt động đặc công bên ngoài với du kích mật, tự vệ mật và cơ sở nội tuyến bên trong, đánh đau, đánh trúng bọn ác ôn đầu sỏ, bọn đầu hàng phản động cực đoan, làm rung chuyển cơ quan đầu não của địch ở tỉnh, huyện và xã.

3. Phát động quần chúng ra sức xây dựng căn cứ vững mạnh toàn diện, mà trọng tâm là xây dựng phong trào du

kích chiến tranh, bảo vệ vững chắc vùng căn cứ, mở rộng vùng giải phóng, đưa diện tranh chấp vào sát nách đầu não của địch.

4. Đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận, hỗ trợ cho hoạt động vũ trang phát triển, chống càn quét lấn chiếm, bảo vệ giao thông, hành lang an toàn, lưu thông thông suốt giữa tỉnh và huyện, xã đến đội công tác, đường hành lang liên vận, liên tỉnh về khu, về R.

5. Khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt, lập nhiều phương án chiến đấu, sẵn sàng đáp ứng kịp thời theo yêu cầu của chỉ đạo, chỉ huy chung.

Cơ quan tham mưu chính trị hậu cần chuẩn bị sẵn binh yếu địa chí, chuẩn bị chiến trường. Tỉnh chuẩn bị cho lực lượng của tỉnh. Huyện, thị xã chuẩn bị cho hoạt động thường xuyên trong thị xã, thị trấn và đội mũi công tác chuẩn bị hoạt động trên địa bàn mình phụ trách. Động viên cao độ cán bộ và chiến sĩ vươn lên hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Sau hội nghị này, Thường vụ Tỉnh ủy lại giao tôi tiếp tục làm nhiệm vụ tiền phương với cương vị là Chính trị viên Tỉnh đội, lo tổ chức điều hành thực thi nghị quyết, dành thời gian giải quyết công tác tiền phương và có kế hoạch kiểm tra hậu phương theo phương án mà Thường vụ Tỉnh ủy đã thông qua, có biện pháp chỉ đạo cụ thể đơn vị công doanh mới lập ra, thông qua cơ quan tham mưu chính trị hậu cần kết hợp với kinh tài mà kiểm tra và chỉ đạo phía sau.

Qua một tháng triển khai nghị quyết hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy nói trên, tình hình bắt đầu ổn định, nhưng trong nội bộ anh em lực lượng vũ trang Quảng Đức tiếp tục tổ chức trốn về Lộc Ninh, chưa chấm dứt được. Trước tình hình đó, Thường vụ Tỉnh ủy lại cử tôi đi Lộc Ninh làm việc với Bộ chỉ huy và Bộ tham mưu R, nhờ R giúp đỡ gặp anh em cán bộ, chiến sĩ Lâm Đồng (thực chất là anh em Quảng Đức) đã chạy về R để giải quyết tư tưởng anh em, vận động anh em này trở lại chiến trường. Số nào không chịu về thì bàn giao cụ thể cho R, có thái độ xử lý kỷ luật số cán bộ cầm đầu để lập lại kỷ cương trong quân đội. Về mặt tổ chức, nhờ Bộ chỉ huy miền và cơ quan tham mưu chính trị hậu cần giúp đỡ, đoàn chúng tôi sau hai tuần lễ đã hoàn thành nhiệm vụ của Thường vụ giao.

Tuy đại đa số anh em không về vì viện lẽ anh em về với chủ lực miền chứ không đào ngũ, nhưng để phân minh ưu khuyết điểm trong quân đội, Bộ chỉ huy miền quyết định kỷ luật số đồng chí đảng viên, cán bộ cầm đầu và giao lực lượng này cho cơ quan hậu cần sắp xếp công tác. Tôi mang quyết định kỷ luật và thông báo của miền về báo cáo lại cho tỉnh và đơn vị. Từ đó bắt đầu ổn định tư tưởng của các đơn vị, lập lại được trật tự kỷ cương trong nội bộ và tập trung sức đi vào nhiệm vụ chuẩn bị hoạt động đông xuân 1974-1975 và tạo tiền đề cho thực thi kế hoạch giải phóng B' Lao, giải phóng Lâm Đồng ngày 28/3/1975 tiếp theo.

PHẦN VI

GIẢI PHÓNG LÂM ĐỒNG NGÀY 28/3/1975

TRƯỚC NGÀY GIẢI PHÓNG

Ngày 18/2/1975 (mùng 8 tháng giêng Ất Mão), tôi được Bộ chỉ huy Tỉnh đội và Thường vụ phân công về kiểm tra công tác sản xuất và công tác hậu cần phía sau ở xã 1, xã 2 và vùng III. Năm ấy, sản xuất hè thu và đông xuân 1974-1975 đạt kết quả khá. Giữa mùa xuân, ngồi trên đỉnh núi Đá Mài nhìn thung lũng Đạ Mí - Đạ Hàm với cánh đồng lúa chín vàng trải rộng mênh mông, gió nồm hiu hiu thổi, cây cỏ lao xao làm rung động lòng chinh khách khi về lại đồng quê, tôi ngẫu hứng viết mấy câu thơ:

... Đồng lúa quê em đã ứng vàng

Nồm về man mác dạ quan san

Chinh khách đôi nhìn đồng lúa chín

Mồ hôi ướt đầm vật áo nàng. . .

Trong lúc thưởng thức niềm vui và cùng vui với thành quả lao động của nhân dân các đơn vị công doanh, lòng đang say mê ngập tràn đồng lúa chín thì bỗng tôi nhận được thư hỏa

tốc của anh em nông trường đi vận tải nhu yếu phẩm từ cầu Cháy cửa khẩu chuyển vào. Nhìn ngoài bì, tôi thấy thư của anh Trần Lê - Bí thư Khu ủy khu 6. Tôi được biết anh Lê đi Hà Nội họp Trung ương và làm việc, nhưng anh về lúc nào mà viết thư cho mình? Tôi vội vã mở xem, hóa ra anh đi từ Hà Nội về theo đường Trường Sơn. Đến H50, anh theo đường hành lang đến cơ quan đại diện hậu cần khu 6 đóng ở cầu Cháy. Anh dừng lại nắm tình hình hậu cần của khu, nghe anh em báo cáo lại là có tôi về làm việc với công doanh vùng III và hậu cần của tỉnh, nên anh viết thư kêu tôi ra gặp anh, trao đổi trước một số công việc. Tôi vội vàng cùng hai anh em hậu cần biết chỗ ở anh Lê hẹn gặp dẫn tôi đi với tinh thần, hỏa tốc.

Đúng 20 giờ ngày hôm ấy, tôi gặp anh Lê, người mà anh em trong cơ quan gởi trọn niềm tin. Anh đi vắng lâu ngày ghé về, gặp anh, tôi và anh mừng ôm nhau, thăm hỏi sức khỏe chân tình. Anh em công doanh gởi ra biểu anh Hai Lê mấy ký nếp và gạo thơm, mấy trái dưa, sản phẩm của công doanh vùng III trên mảnh đất lành của khu 6 đã tạo ra sau hiệp định Pa-ri. Anh Lê cho phép tôi cột ni lông, treo vông gần anh để tiện làm việc, trao đổi tình hình.

Ăn cơm xong, anh em ngồi quanh bếp lửa lập lòe dưới mảng rừng già. Tôi báo cáo anh một số tình hình quan trọng trong tỉnh xảy ra sau khi hiệp định Pa-ri có hiệu lực và những việc làm được, không làm được, những khó khăn mới xảy ra và khó khăn tưởng chừng không vượt qua nhưng đã được giải

quyết. Anh ngồi trao đổi say sưa, đã 3 lần anh em bảo vệ báo giờ đi nghỉ nhưng mãi đến 12 giờ anh mới đi nghỉ.

Ngày hôm sau, anh tiếp tục làm việc đến 15 giờ chiều. Khi anh Năm Thắng - Thường vụ Khu ủy khu 6 - đến, anh Lê tranh thủ giao cho tôi mấy nhiệm vụ cụ thể, về chuẩn bị để có cuộc họp của khu tại cầu Cháy sẽ bàn cụ thể bổ sung nhiệm vụ xuân và chuẩn bị cho hè thu năm 1975 trên chiến trường Lâm Đồng. Anh Lê còn dặn tôi viết thư về cho anh Năm Lực, anh Tuân, anh Công chuẩn bị đi họp, anh sẽ có điện trực tiếp. Anh bận sắp xếp làm việc với anh Năm Thắng, công việc của Lâm Đồng tạm nghe chừng ấy.

Tôi từ già anh Lê, anh Thắng cùng anh em ra về. Ngay chiều hôm ấy, để tiếp tục bàn triển khai công tác chuẩn bị hậu cần mà anh Lê giao, tôi viết thư về cho anh Năm Lực, anh Tuân báo sơ bộ chủ trương của khu, ráo riết chuẩn bị tiếp thu lực lượng chủ lực, phối hợp hành động đánh B' Lao và các anh chuẩn bị đi họp.

GIẢI PHÓNG LÂM ĐỒNG

Chiến thắng Buôn Ma Thuột và chiến trường Bắc Tây Nguyên đã tác động lớn đến chiến trường Lâm Đồng - Tuyên Đức.

Trên địa bàn Lâm Đồng (cũ), quân địch tuy còn đông nhưng đã mang tâm lý bi quan thua cuộc và chịu ảnh hưởng nhiều thông tin quân nguy bại trận khắp các chiến trường dồn đến B' Lao.

Về phía ta, lực lượng được tăng cường, khí thế phấn khởi, dồn dập tin vui chiến thắng khắp nơi đưa đến cổ vũ động viên liên tục. Trong quân khu, chiến dịch đông xuân 1974-1975 đã giải phóng Tánh Linh- Hoài Đức... Nhân dân Lâm Đồng tiếp tục đánh địch lấn chiếm, buộc chúng rút bỏ chốt lấn chiếm ở Trảng Bia và đánh tan âm mưu đánh chiếm vùng Bắc thị xã B' Lao, buộc chúng rút bỏ khu tập trung dân, lập ấp kiểu mẫu Bình Phước, Ma Đa Gui v.v...

Trong tương quan lực lượng, địch đông hơn ta nhiều nhưng trong xu thế suy yếu, tan rã. Còn lực lượng ta tuy ít nhưng được tăng cường, bổ sung cả về vật chất lẫn tinh thần. Sau 2 năm chiến đấu chống lấn chiếm, thi hành hiệp định Pa-ri, quân dân ta vẫn giữ vững địa bàn và trong tư thế sẵn sàng chuẩn bị phối hợp chiến trường, tiến lên đập tan âm mưu phá hoại hiệp định Pa-ri của địch, phá vỡ vùng tạm bị chiếm, mở rộng vùng giải phóng tại địa phương, cùng cả nước tiến lên giành toàn thắng với khẩu hiệu “ *21 năm lịch sử chiến đấu chống Mỹ giành lấy ngày này*”, “ *Tất cả cho chiến dịch, tất cả cho chiến thắng*”, với tinh thần đồn sức, đảm bảo hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Bộ tư lệnh mặt trận quân khu 6 phân công, với tư thế sẵn sàng làm lại một lần nữa kiểu chồm lên giành thắng lợi...

Ngày 10/3/1975, Tỉnh ủy Lâm Đồng nhận mệnh lệnh của Quân khu ủy quân khu 6 về các nội dung cần triển khai trước khi Khu ủy khu 6 họp hạ quyết tâm, mở chiến dịch tấn công thị xã B' Lao, giải phóng Lâm Đồng. Đồng chí Bí thư Khu ủy

khu 6 trực tiếp kiểm tra tình hình và chỉ thị cho Lâm Đồng phải tập trung lực lượng cao nhất, huy động tối đa mọi khả năng sức người, sức của phục vụ cho chiến dịch, chuẩn bị lương thực, thực phẩm, súng đạn, thuốc men, phương tiện giao thông, hành lang vận chuyển phục vụ chiến dịch.

Ngày 13/3/1975, Khu ủy khu 6 triệu tập hội nghị tại cầu Cháy ở phía Nam bến phà Tà Lài (lúc đó Lâm đồng phụ trách xây dựng và phát triển vùng này). Cuộc họp Khu ủy khu 6 có Bộ chỉ huy quân đoàn 4 và sư đoàn 7 cùng dự, đồng thời có mặt đồng chí Bí thư, Phó bí thư kiêm Chính trị viên và Tham mưu trưởng Tỉnh đội Lâm Đồng cùng dự. Cuộc họp đã phân tích, đánh giá rõ tình hình ta, địch trên địa bàn Lâm Đồng và hạ quyết tâm giải phóng B' Lao bằng lực lượng phối hợp giữa chủ lực miền và khu với lực lượng vũ trang và bán vũ trang trong địa phương, kết hợp tấn công vũ trang với tấn công chính trị, binh vận, đập tan lực lượng đề kháng, vô hiệu hóa bộ máy kèm kẹp của địch, vận động quần chúng nổi dậy giải phóng quê hương... Hội nghị phân công sư đoàn 7 (quân đoàn 4) là lực lượng chủ công đánh thị xã B' Lao, quân chủ lực khu 6 khẩn trương chuẩn bị phối hợp đánh giải phóng Di Linh, ngăn chặn lực lượng địch ở Tuyên Đức phản kích, chi viện cứu nguy cho quân nguy ở Lâm Đồng.

*

Sau khi nhận nhiệm vụ trực tiếp của hội nghị Khu ủy khu 6, Thường trực Tỉnh ủy Lâm Đồng lúc bấy giờ chỉ kịp hội ý phân công và các đồng chí Tỉnh ủy có mặt chịu trách nhiệm

truyền đạt dây chuyền, phân công cụ thể từng mặt, từng đồng chí phụ trách từng mảng, phục vụ chiến đấu, vì không có thời gian để tổ chức hội nghị Tỉnh ủy bàn bạc ra quyết định cụ thể về phần mình.

Đồng chí Năm Lực - Bí thư Tỉnh ủy - cùng đồng chí Tỉnh đội trưởng (anh Ba Tuân) lo mảng Di Linh, anh Ba Thành - Thường vụ Tỉnh ủy - đặc trách địa bàn Quảng Đức, tôi cùng các đồng chí tham mưu, hậu cần tỉnh đội chịu trách nhiệm cùng sư đoàn 7 chuẩn bị tổ chức lực lượng tấn công giải phóng thị xã B'Lao, tiến hành công tác hậu cần, làm công tác dân vận, binh vận, phục vụ tác chiến.

Chúng tôi vừa lo huy động dân quân mở đường tấn công, đưa xe pháo tiếp cận trận địa, vừa lo tổ chức chiến đấu. Theo mệnh lệnh của Bộ tư lệnh mặt trận, việc mở đường phải làm xong trong vòng 10 ngày (15-24/3/1975), đặc biệt là con đường từ Đạ Tẻ lên dốc Kòn Ó, đến đồi Bà Rú, dài 12 cây số (vùng Nao Lùng, xã Lộc Bắc hiện nay). Đây là con đường kéo hai pháo 130 và tải đạn đủ 3 cơ sở, đến ngày 26/3/1975 phải tập kết đủ và bố trí xong trận địa, sẵn sàng chờ lệnh. Lúc bấy giờ, chúng tôi đã huy động cả nội bộ các đơn vị phía sau cùng với lực lượng dân quân du kích và nhân dân căn cứ, trên 1.500 người, có đội công binh hướng dẫn. Lực lượng được tổ chức quân sự hóa với đội hình A, B, C và phân công chịu trách nhiệm từng đoạn, với khí thế thi đua hoàn thành nhiệm vụ được giao, thời gian lao động 12 giờ trong ngày. Có đoạn khó, làm chậm, ban chỉ huy dân công đã phát động lực lượng

đốt đuốc dưới tán rừng để thi công cả ban đêm, đảm bảo bằng được chỉ tiêu mỗi lao động là làm đủ 8m dài và 6m ngang được giao. Với trách nhiệm và khí thế thi đua sôi nổi khẩn trương, đúng 12 giờ ngày 25/3/1975, chúng tôi đã nghiệm thu bàn giao, về trước kế hoạch một ngày. Lúc đó, công binh thi công cũng đã xong các cầu gổ. Đây là công trình khó khăn, phức tạp nhất được thi công vượt kế hoạch, theo yêu cầu của chiến trường, phục vụ cho việc tấn công giải phóng B' Lao...

Song song với việc làm đường kéo pháo, một bộ phận khác mở đường mòn phục vụ bộ binh tấn công qua đường suối 9 khúc lên dốc Bằng Lăng, đến xóm mới Tân Gia Rang, đảm bảo cho trung đoàn 141 sư đoàn 7 tiến chiếm trận địa Bắc tiểu khu B' Lao, ém sát sân bay Kohinda, đảm bảo an toàn cho lực lượng đánh vu hồi.

Hai lực lượng làm đường nói trên, sau khi hoàn thành nhiệm vụ mở đường, chuyển thành lực lượng dân công phục vụ hỏa tuyến hậu cần cho sư đoàn 7.

Ngoài lực lượng dân binh mở đường, nhiệm vụ hậu cần còn một vấn đề quan trọng nữa là giải quyết lương thực, thực phẩm, đảm bảo cho 3 ngàn cán bộ, chiến sĩ chuẩn bị chiến trường hành quân chiến đấu trong vòng 20 ngày đêm và chuẩn bị 1 đến 2 cơ sở dự bị cả lương thực, thực phẩm, thuốc men, đạn dược đảm bảo phục vụ đặc lực cho mọi tình huống phức tạp trong chiến đấu, không để xảy ra tình trạng như trận đánh Di Linh ngày 20/8/1968.

Với yêu cầu đó, chúng tôi huy động cán bộ các buôn ấp và lực lượng già làng các xã căn cứ, thông qua cốt cán mỗi xã mà huy động quần chúng với khẩu hiệu *"Ai có lúa cho mượn lúa, ai có gạo cho mượn gạo, có lợn gà sẵn sàng bán lợn gà vô điều kiện cho bộ đội, phục vụ chiến trường giải phóng B' Lao"*. Chúng tôi đã huy động lực lượng phụ nữ căn cứ ngày đêm giã xong 2.000 xá lúa (*) của tổ chức công doanh vùng III để phục vụ cho bộ đội.

Trong chiến dịch giải phóng Phước Long - Đồng Xoài có bài hát *Tiếng chày trên sóc Bom Bo*, còn ở Lâm Đồng tháng 3/1975 thì lại rầm rộ tiếng chày giã gạo phục vụ chiến trường của chị em phụ nữ căn cứ Bắc vùng III, rộn ràng trên khắp buôn làng. Nhờ vậy, trong vòng một tuần lễ, đã giã được 4.000 xá lúa làm ra 120 tấn gạo, 15 tấn thực phẩm cung cấp cho hậu cần phục vụ chiến dịch giành toàn thắng.

Trong kỳ công này có những tấm gương lao động, quên mình phục vụ cho chiến dịch như đồng chí K' Liêu, Ma Bu, K' Đa, K' Xuyên... ngày đêm bám dân tuyên truyền động viên nhân dân tham gia đóng góp nhân tài vật lực phục vụ chiến dịch vô điều kiện.

*

Trong việc chuẩn bị chiến đấu, chúng tôi không quên một nhiệm vụ rất quan trọng là huy động lực lượng thường trực phía sau sẵn sàng chống địch phản kích, đánh lén căn cứ và

* 1 xá lúa = 50 kg, làm ra được 30 kg gạo.



Từ trái sang phải: Đồng chí K'Liêu, tác giả, bác Ma Bu

phối hợp với chiến trường Gia Nghĩa - Buôn Ma Thuật đánh bọn tàn quân tháo chạy.

Từ ngày 20 đến ngày 23/3/1975, trung đoàn 271 của ta phát huy chiến thắng Buôn Ma Thuật đã đồng loạt tấn công giải phóng Đức Lập, tiến về thị xã Gia Nghĩa (*), Kiến Đức. Địch ở nơi đây hoảng hốt tổ chức tháo chạy về đường 14 Bis về phía Di Linh và thị xã B'Lao, mang theo cả gia đình qua Kin Đạ, đi xuyên qua căn cứ xã 4, xã 5 (nay là 2 xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân). Ta đã huy động lực lượng dân quân du kích phối hợp với lực lượng bộ đội địa phương K3 (Di Linh), tự vệ cơ quan Tỉnh ủy, chặn địch suốt 3 ngày đêm trên trận địa Nam và Bắc Kin Đạ, làm tan rã hàng ngàn tên tàn quân, phá huỷ xe pháo bỏ tại trận địa, bắt sống 200 tên và thu nhiều súng đạn, quân trang.

* Thị xã Gia Nghĩa (tỉnh Quảng Đức) lúc đó do tỉnh Lâm Đồng quản lý, chỉ đạo.

Chúng tôi cho đây là một chiến công quan trọng góp phần cổ vũ khí thế sẵn sàng giải phóng thị xã B' Lao, thị trấn Di Linh.

Với thời gian lịch sử diễn ra hết sức ngắn, không quá 3 tuần lễ, quân dân Lâm Đồng đã tiến hành đồng loạt các mặt công tác phục vụ chiến dịch giải phóng tỉnh nhà, từ công tác nắm địch, phân tích đánh giá đúng địch ta, tham gia phương án phối hợp chiến đấu với chủ lực khu, chủ lực miền, vừa khẩn trương chuẩn bị đảm bảo hậu cần phục vụ chiến dịch, mở đường kéo pháo, mở đường tiến quân tiếp cận trận địa, ém sát địch, vừa phối hợp với chiến trường Buôn Ma Thuật, giải phóng Gia Nghĩa, Kiến Đức, đánh tan bọn tàn quân kéo chạy qua căn cứ, bắt sống và buộc hàng nhiều tên, vừa lo hậu cần cho chiến dịch, giải quyết chính sách hàng binh, vừa phối hợp mở đợt tấn công địch vận, phát động quần chúng tham gia chiến dịch, vận động ngụy quân, ngụy quyền ra trình diện, đăng ký, nạp vũ khí, tài liệu, tài sản, ổn định nhân dân trở lại làm ăn, xây dựng thế trận, sẵn sàng chống địch phản kích...

Đây là một trận chiến đấu hết sức phi thường bằng sức mạnh tổng hợp của quân và dân ta, thể hiện sự lãnh đạo của Đảng bộ, của cán bộ, đảng viên Lâm Đồng đã có kinh nghiệm dày dặn trong quá trình chiến đấu 21 năm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với sức mạnh truyền thống của Đảng bộ trong lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước, chúng ta phải làm gì trong giai đoạn mới với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh trong thời kỳ đổi mới?

MỤC LỤC

Thay lời tựa	5
Lời mở đầu	9
Phần I: Thời kỳ chống Pháp	11
* Sơ lược hoàn cảnh gia đình	11
* Những ngày đầu tham gia cách mạng	12
* Bước thử thách ý chí quyết tâm của tuổi trẻ	13
* Từ Nam Trung Bộ đến Cực Nam Tây Nguyên	15
* Những ngày đầu nhận công tác tại vùng tạm bị chiếm Lâm Đồng	21
* Đội công tác Chiến Thắng	23
* Tấn công đồn La Dầy	29
Phần II: Tình hình thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ	44
* Trước và sau ngày ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ	44
* Thành lập Huyện uỷ Di Linh	52
* Tết Giáp Ngọ (1955)	56
* Hội nghị Liên tỉnh 3 năm 1955	58
* Hội nghị Ban cán sự Liên tỉnh 3 năm 1956	64
* Hội nghị Huyện uỷ Di Linh lần thứ 5	71
* Vận động quần chúng đấu tranh	73
* Tình hình khó khăn	77
* Ban cán sự miền Tây	82
* Chống đồn dân lập ấp chiến lược	91
* Xây dựng lực lượng	97
* Khu tập trung Bắc Ruộng	103

Phần III: Đấu tranh chính trị - vũ trang kết hợp	113
* Trận La Hon	113
* Giải phóng khu tập trung Bắc Ruộng	129
* Hội nghị Huyện uỷ Di Linh (16-20/8/1960)	151
* Chống càn quét ở rẫy Kon Sỏ	156
* Đội Hoành Sơn ra đời	164
* Đánh toán công an mật vụ tại khu tập trung Chà Lào Đa Kợp	179
* Nối đường hành lang Bắc - Nam	187
* Tập kích Di Linh đêm 14 rạng ngày 15/5/1961	201
* Sau trận tập kích Di Linh	207
* Thành lập B7	218
* Chuyển đi họp Tỉnh uỷ Lâm Đồng đầu tiên tại căn cứ C200	223
* Trên đường về	229
* Tết Nhâm Dần (1962)	240
* Trận đánh tại cửa chữ C trên đèo B' Lao	245
* Vượt đường 20	247
* Tết Quý Mão (1963)	262
* Trưởng ban quân sự	268
Phần IV: Thời kỳ thành lập	
Đảng uỷ tiền phương (1964-1973)	275
* Thời kỳ 1964-1965	275
* Chiến dịch tấn công mùa hè 1965	287
* Những hoạt động tiêu biểu của tiểu đoàn 186	305
- Trận công đồn, diệt viện ngày 21/6/1966	311
- Trận đánh giao thông An Lạc	319

- Trận suối Tà Mon	324
* Quân Mỹ càn quét căn cứ Nam đường 20	329
* Chống càn bảo vệ căn cứ cách mạng vùng III	339
* Xuân Mậu Thân (1968)	344
* Tấn công Di Linh đêm 20/8/1968	352
* Hoạt động đánh phá kế hoạch bình định cấp tốc của Mỹ, giải trang phòng vệ dân sự đợt II (1969-1971)	369
Phần V: Thời kỳ chuẩn bị lực lượng, tranh thủ thời cơ, quyết tâm giành thắng lợi cùng với đấu tranh ngoại giao (1972-1974)	375
* Thực hiện nhiệm vụ năm 1972	375
* Trước và sau ngày ký kết hiệp định Pa-ri	378
* Tổ chức nông trường xã hội (đơn vị công doanh) vùng III	391
* Tham gia xử lý biến động nội bộ phía trước	396
* Giải quyết tư tưởng anh em lực lượng vũ trang chạy về R	311
Phần VI: Giải phóng Lâm Đồng ngày 28/3/1975	405
* Trước ngày giải phóng	405
* Giải phóng Lâm Đồng	407



KÝ SỰ MỘT THỜI CẨM SÚNG

NGUYỄN XUÂN DU

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 Nguyễn Bình Khiêm Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PGS. PTS. HOÀNG NAM

Biên tập: VÃN LÂM

Bìa: TÂM LUẬN

Trình bày: HUY ĐỒNG

Sửa bản in: LÂM TUYỀN